

**Y BAN NHÂN DÂN  
T NH TI N GIANG**

**B KHOA H C VÀ CÔNG NGH**

**K Y U  
H I NGH GIAO BAN KHOA H C VÀ CÔNG NGH  
VÙNG NG B NG SÔNG C U LONG  
L N TH XXV N M 2018**

**TI N GIANG, 7/2018**



# M C L C

<b>M C L C</b> .....	<b>3</b>
<b>DANH M C CÁC T VI T T T</b> .....	<b>5</b>
<i>Ph n I: Tình hình ho t ng khoa h c và công ngh</i> .....	<i>8</i>
<i>Ph n II: nh h ng ho t ng KH&amp;CN trong th i gian t i</i> .....	<i>18</i>
<b>PH L C CÁC BI UB NG</b> .....	<b>21</b>
<i>Bi u 1: Th ng kê các v n b n quy ph m pháp lu t v KH&amp;CN c các t nh/thành ph ban hành giai o n 2017 – 2018</i> .....	<i>23</i>
<i>Bi u 2: S li u v qu n lý công ngh t 2016 - 2018</i> .....	<i>28</i>
<i>Bi u 3: S li u th ng kê v s h u trí tu , sáng ki n c i ti n k thu t và thông tin KH&amp;CN giai o n 2016 - 2018</i> .....	<i>29</i>
<i>Bi u 4: S li u v ho t ng Tiêu chu n - o l ng - Ch t l ng</i> .....	<i>32</i>
<i>Bi u 5: Th ng kê ho t ng thanh tra n m 2017 - 2018</i> .....	<i>33</i>
<i>Bi u 6: S li u v công tác an toàn b c x</i> .....	<i>34</i>
<i>Bi u 7: Tình hình phê duy t ph ng án t ch c a các t ch c KH&amp;CN công l p</i> .....	<i>35</i>
<i>Bi u 8: Th ng kê kinh phí s nghi p kh&amp;cn c UBND các t nh/thành ph vùng BSCL phê duy t giai o n 2016 - 2018</i> .....	<i>36</i>
<i>Bi u 9: Th ng kê kinh phí u t phát tri n kh&amp;cn c UBND các t nh/thành ph vùng BSCL phê duy t giai o n 2016 - 2018</i> .....	<i>37</i>
<i>Bi u 10: Th ng kê kinh phí s nghi p và kinh phí u t phát tri n KH&amp;CN c UBND các t nh/thành ph vùng BSCL phê duy t giai o n 2016-2018</i> .....	<i>38</i>
<i>Bi u 11: T ng h p kinh phí s nghi p KH&amp;CN c a các t nh/thành ph vùng BSCL giai o n 2016 - 2018</i> .....	<i>39</i>
<i>Bi u 12: T ng h p kinh phí u t phát tri n KH&amp;CN c a các t nh/thành ph vùng BSCL giai o n 2016 - 2018</i> .....	<i>40</i>
<i>Bi u 13: T ng h p các nhi m v KH&amp;CN c p qu c gia có kinh phí trung ng h tr các a ph ng vùng BSCL giai o n 2016 - 2018</i> .....	<i>41</i>
<i>Bi u 14: S l ng các tài/d án c p t nh/thành ph theo các l nh v c giai o n 2016-2018</i> .....	<i>48</i>

*Bi u 15: M t s k t qu n i b t c a h o t ng ng d ng khoa h c và chuy n giao công  
ngh giai o n 2016-2018.....49*

*Bi u 16: Danh m c xu t nhi m v khoa h c và công ngh liên k t vùng BSCL giai  
o n 2019-2020.....63*

**BÁO CÁO T NG H P X LÝ CÁC XU T, KI NNGH C A A  
PH NG.....69**

**BÁO CÁO HO T NG KHOA H C VÀ CÔNG NGH CÁC T NH/THÀNH  
PH VÙNG NG B NG SÔNG C U LONG.....81**

*S KH&CN t nh An Giang.....83*

*S KH&CN t nh B c Liêu.....93*

*S KH&CN t nh B n Tre.....105*

*S KH&CN t nh Cà Mau.....113*

*S KH&CN thành ph C n Th .....122*

*S KH&CN t nh ng Tháp.....133*

*S KH&CN t nh H u Giang .....141*

*S KH&CN t nh Kiên Giang.....156*

*S KH&CN t nh Long An.....166*

*S KH&CN t nh Sóc Tr ng.....175*

*S KH&CN t nh Ti n Giang .....185*

*S KH&CN t nh Trà Vinh.....196*

*S KH&CN t nh V nh Long .....205*

## DANH MỤC CÁC T VI T T T

KH&CN	Khoa h c và Công ngh
BSCL	ng b ng sông C u Long
UBND	y ban nhân dân
KT-XH	Kinh t - xã h i
NSSNKH&CN	Ngân sách s nghi p khoa h c và công ngh
CNH, H H	Công nghi p hóa, hi n i hóa
KH&KT	Khoa h c và k thu t
SHTT	S h u trí tu
TC LCL	Tiêu chu n o l ng ch t l ng
HCNN	Hành chính nhà n c
HTQLCL	H th ng qu n lý ch t l ng
NTMN	Nông thôn mi n núi
CNQG	Công ngh qu c gia
TTHC	Th t c hành chính



**BÁO CÁO**  
**T NGH P K T QU HO T NG KHOA H C VÀ CÔNG NGH**  
**CÁC T NH/THÀNH PH VÙNG NG B NG SÔNG C U LONG**  
**GIAI O N 2016-2018 VÀ NH H NG HO T NG**  
**TRONG TH I GIANT I**

---

- *V Phát tri n KH&CN a ph ng*
- *S KH&CN t nh Ti n Giang*

ng b ng sông C u Long g m 13 t nh, thành ph <sup>1</sup> là vùng t r ng l n v i di n tích 40.577 km<sup>2</sup> và dân s g n 18 tri u ng i (chi m 12% di n tích và 19% dân s c n c), m ng l i sông, kênh, r ch dày c; có l i th v phát tri n nông nghi p, công nghi p th c ph m, du l ch, n ng l ng tái t o; là trung tâm s n xu t nông nghi p l n nh t c a Vi t Nam: óng góp 50% s n l ng lúa, 65% s n l ng nuôi tr ng th y s n và 70% các lo i trái cây c a c n c; 95% l ng g o xu t kh u và 60% s n l ng cá xu t kh u; có v trí thu n ti n trong giao th ng v i các n c ASEAN và Ti u vùng sông Mê Công. Tuy nhiên, vùng BSCL c ng là khu v c c d báo s b nh h ng n ng n nh t n c ta (và c ng là n ng n nh t th gi i) do bi n i khí h u và n c bi n dâng.

Nh ng n m qua, ng và Nhà n c ã có nhi u ch tr ng, chính sách, tri n khai nhi u gi i pháp phát huy ti m n ng, l i th , h n ch các khó kh n, thách th c do bi n i khí h u t o ng l c phát tri n b n v ng KT-XH vùng BSCL. M c tiêu quy ho ch phát tri n KT-XH c a Vùng là t p trung: xây d ng, phát tri n vùng BSCL tr thành vùng tr ng i m s n xu t nông nghi p hàng hóa và thu s n c a c n c v i t c t ng tr ng kinh t cao, b n v ng; phát tri n m nh kinh t bi n và phát tri n các l nh v c v n hoá, xã h i ti n k p m t b ng chung c a c n c; là a bàn c u n i ch ng h i nh p, giao th ng, h p tác kinh t v i các n c trong khu v c; b o m v ng ch c an ninh chính tr , qu c phòng và tr t an toàn xã h i.

góp ph n thúc y phát tri n KT-XH, trên c s khai thác th c t t ti m n ng, l i th , h n ch t i a các i u ki n b t thu n c a vùng, các S KH&CN trong vùng BSCL ã tích c c ch ng tham m u cho Thành y/T nh y, H i ng nhân dân, UBND t nh/thành ph trong vùng xây d ng và tri n khai th c hi n các án, k ho ch, ch ng trình, nhi m v KH&CN bám sát m c tiêu quy ho ch phát tri n KT-XH c a a ph ng, c a Vùng; ch ng tri n khai công tác qu n lý các ho t ng KH&CN trên a bàn. T ó, nhi u k t qu nghiên c u ã th c s góp ph n quan tr ng trong vi c m b o th c hi n th ng l i các m c tiêu, nhi m v phát KT-XH trong vùng và trên c n c. K t qu c th nh sau:

---

<sup>1</sup> Các t nh, thành ph Vùng BSCL: Long An, Ti n Giang, B n Tre, Trà Vinh, V nh Long, ng Tháp, C n Th , H u Giang, Sóc Tr ng, B c Liêu, Cà Mau, An Giang và Kiên Giang.

**PHẦN I**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**GIAI ĐOẠN 2016-2018**

**I. NHỮNG KẾT QUẢ CHỦ YẾU:**

**1. Về công tác tham mưu**

Cùng với sự tham gia tích cực của các ngành, các cấp, từ năm 2016-2018, Sở KH&CN các tỉnh/thành phố trong vùng BSCL đã tham mưu cho Tỉnh/Thành ủy, Hội đồng nhân dân, UBND các tỉnh/thành phố trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước thông qua việc ban hành các chủ trương, nghị quyết, chương trình hành động của các cấp ủy, các văn bản quy phạm pháp luật về KH&CN. Theo thống kê từ các Sở giai đoạn 2016-2018 đã có 41 văn bản của ban hành. Một số văn bản có nội dung chính, tác động mạnh mẽ tới hành lang pháp lý cho công tác quản lý nhà nước về KH&CN như Quy định một số chính sách khuyến khích đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Hội thảo chuyên đề về đổi mới sáng tạo, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Quy chế phối hợp trong công tác quản lý hoạt động KH&CN giữa các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng...<sup>2</sup>  
*(chi tiết Xem Phụ lục)*

**2. Về xây dựng hạ tầng kỹ thuật và phát triển tiềm lực KH&CN**

Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của các Sở KH&CN các tỉnh/thành phố theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKH&CN-BNV ngày 15/10/2014 của Bộ KH&CN, Bộ Nội vụ hướng dẫn chi tiết công tác, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các quan chức chuyên môn về KH&CN thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện. Tổng số cán bộ công chức, viên chức, hợp đồng lao động của các Sở trong vùng là 855 người, trong đó trình độ thạc sĩ trở lên là 154 người, chiếm 18%.

Nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các cơ quan nghiên cứu khoa học và công nghệ, UBND các tỉnh đã có các Văn bản chỉ đạo tổ chức triển khai theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương<sup>3</sup>. Theo đó, các Sở KH&CN đang xây dựng án số dự án trình gộp tổ chức cơ sở hạ tầng. Các cơ quan nghiên cứu khoa học và công nghệ trình thu các Sở KH&CN trong vùng đã xây dựng đề án trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ công lập, Thông tư số 01/2017/TT-BKH&CN ngày 12/01/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ công lập, Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày

<sup>2</sup> Quy định số 12/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An quy định một số chính sách khuyến khích đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn; Kế hoạch số 117/KH-UBND Hội thảo chuyên đề về đổi mới sáng tạo tỉnh Bến Tre giai đoạn 2018 - 2020 và nhiệm vụ năm 2025; Quy định số 1184/QĐ-UBND tỉnh Hậu Giang phê duyệt Kế hoạch Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh...

<sup>3</sup> Án số 02-ATU ngày 21/3/2018 của Tỉnh ủy Tiền Giang về việc số dự án trình gộp tổ chức cơ sở hạ tầng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh Tiền Giang; Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 29/5/2018 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết của TW; Kế hoạch số 48-KH/TU ngày 29/12/2017 của Tỉnh ủy tỉnh Long An về việc số dự án, chuyển giao các cơ quan nghiên cứu khoa học và công nghệ; Kế hoạch số 1564/KH-UBND ngày 11/4/2018 của UBND tỉnh Bến Tre và Chương trình hành động của Tỉnh ủy tỉnh Bến Tre số 29-CTr/TU ngày 26/1/2018 về việc số dự án trình gộp các cơ quan nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập...



30/8/2017 của Bộ Tài chính Quy định về cơ chế chi trả các chi phí hoạt động khoa học và công nghệ công lập (35/35 nghị quyết công lập đã phê duyệt đề án đầu tư, giám sát và báo cáo chi trả và chi trả ngân sách: 0, số nghị quyết chi trả ngân sách: 09, số nghị quyết báo cáo chi trả chi trả ngân sách: 19, số nghị quyết báo cáo chi trả ngân sách: 07).

Các nghị quyết công lập thu các Sở KH&CN trong Vùng đã thực hiện nghiên cứu, triển khai xây dựng thành tựu KH&CN trong và ngoài nước vào các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ và bảo vệ môi trường; thực hiện các đề án sản xuất thử nghiệm; đào tạo, chuyển giao, thương mại hóa và nhân rộng các kết quả tài sản và đề án sản xuất thử nghiệm; lựa chọn các tiến bộ kỹ thuật và thực hiện các công nghệ hoàn thiện quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện địa phương và các sản phẩm mới; thực hiện các nhiệm vụ thực nghiệm, các hoạt động nghiên cứu phát triển công tác quản lý nhà nước và thực hiện các hình thức hợp tác trong lĩnh vực KH&CN,...

Trong giai đoạn 2016 – 2018, kinh phí hoạt động KH&CN của Trung ương và địa phương quan tâm phân bổ, năm sau cao hơn năm trước. Tổng kinh phí số nghị quyết KH&CN của UBND tỉnh phê duyệt là 895,852 tỷ đồng, kinh phí thực hiện là 693,336 tỷ đồng (tổng là 77,4%). Cà Mau số đồng kinh phí đạt 100% so với kế hoạch; Tiền Giang, Bạc Liêu, Hậu Giang số đồng kinh phí trên 90% so với kế hoạch; Sóc Trăng số đồng kinh phí chỉ đạt 34% so với kế hoạch, Vĩnh Long đạt 60%, An Giang đạt 66% so với kế hoạch (chi tiết Biện 8).

Kinh phí đầu tư phát triển KH&CN trong Vùng giai đoạn 2016- 2018 của phân bổ cao hơn so với giai đoạn 2014-2016 (703,056 tỷ đồng so với 564 tỷ đồng). Nguồn kinh phí của các tỉnh/thành phố số đồng là ứng mức tích, tập trung tăng cường ngân sách cho công tác quản lý, kỹ thuật và các Chi cục Tiêu chuẩn Quản lý Chất lượng và cho các nghị quyết KH&CN đang trên trình chuyển tiếp theo cơ chế chi trả quy định Nghị quyết 54/2016/N-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định chi trả các chi phí khoa học và công nghệ công lập. Mức tăng trưởng số đồng kinh phí tổng cao so với kế hoạch: Vĩnh Long (100%), Trà Vinh (99%), Đồng Tháp (98%); Kiên Giang (98%) (chi tiết Biện 9 và 12).

### **3. Vai trò của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

#### **3.1 Triển khai các nhiệm vụ cấp quốc gia**

Theo số liệu thống kê trong giai đoạn 2016 - 2018, Bộ KH&CN đã hỗ trợ các địa phương trong vùng triển khai 91 nhiệm vụ KH&CN với tổng kinh phí 1.177,604 tỷ đồng, trong đó kinh phí từ NSNNKH&CN Trung ương hỗ trợ: 600,699 tỷ đồng, kinh phí địa phương đóng góp (doanh nghiệp, NSNNKH&CN địa phương) 576,905 tỷ đồng. (chi tiết Biện 13).

Vì ưu thế nguồn kinh phí lớn, nội dung có hàm lượng khoa học cao, quy mô lớn, chất lượng nội dung triển khai các tài sản, đáp ứng các tiêu chí lựa chọn, giá trị quy đổi các vấn đề mà kinh nghiệm nhân lực công nghệ nguồn tài chính địa phương không đáp ứng được yêu cầu. Các nhiệm vụ phân bổ đầu tư tập trung vào thúc đẩy phát triển các sản phẩm công nghệ của Quốc gia, vùng và địa phương theo chuỗi giá trị, như: chuỗi giá trị cá tra, chuỗi giá trị tôm, chuỗi giá trị cây dứa, chuỗi giá trị cây nhãn, trái, ... Các công nghệ tạo ra đã có tác động trực tiếp, lan tỏa trong sản xuất, thu hút nhiều doanh nghiệp liên quan.



h th ng các gi i pháp phát tri n công nghi p h tr trong 6 ngành hàng ch l c c a t nh Long An: c khí-ch t o, may m c, da-giày, bao bì, nh a, i n t ; xu t công c , gi i pháp b i d ng k n ng m m cho h c sinh, sinh viên h c ngh nh m áp ng th tr ng vì c làm, nâng cao ch t l ng lao ng và xây d ng i ng lao ng lãnh ngh phù h p nhu c u lao ng, là c s gi i quy t các nhu c u tuy n d ng lao ng c a các doanh nghi p trong t nh, c bi t là áp ng c c u nhân l c huy n o du l ch Phú Qu c; Nh ng c i m và giá tr v n hóa trong các phong t c - l h i c a ng bào Khmer Sóc Tr ng, t ó xu t các gi i pháp b o t n và phát huy giá tr v n hóa trong phong t c - l h i.

#### **c) Lĩnh v c khoa h c k thu t và công ngh**

Các nhi m v KH&CN trong giai o n này t p trung vào các l nh v c: Công ngh thông tin và vi n thông, v t li u m i, công ngh ch bi n th c ph m, công ngh ch bi n các m t hàng rau qu ph c v n i a và xu t kh u, n ng l ng, b o v môi tr ng và bi n i khí h u. i n hình m t s tài, d án: “Ch ng trình KH&CN ng d ng công ngh cao s n xu t m t s lo i rau, hoa theo h ng nông nghi p ô th ” c a t nh Ti n Giang; “ ánh giá hi u qu s d ng h m b o qu n s n ph m trên tàu cá b ng v t li u Polyurethane (PU) t nh Sóc Tr ng”; “Ch bi n và b o qu n s n ph m có ho t ng c a n c (aw) th p t nguyên li u cá lóc nuôi c a t nh V nh Long”; “Hoàn thi n công ngh ch bi n s n ph m t cá lóc (ch cá, chà bông cá và khô cá) và th nghi m s n xu t quy mô doanh nghi p v a và nh ”; “ ng d ng h th ng thông tin a lý vào qu n lý h t ng k thu t ô th t i thành ph C n Th ”.

#### **d) Lĩnh v c khoa h c y, d c**

Các tài, d án trong l nh v c này t p trung vào nghiên c u, xu t gi i pháp chuy n giao các k thu t công ngh , gi i pháp phòng và i u tr các b nh trong y t c ng ng, trong ó có m t sô nhi m v n i b t nh : “Nghiên c u ng d ng và chuy n giao quy trình ch n oán và ph u thu t máu t d i màng c ng mẫn tính t i m t s b nh vi n tuy n huy n”; “Ph c p Y h c c truy n phòng, ch a b nh thông th ng và ch m sóc m t s b nh mẫn tính không lây cho ng i dân t nh B n Tre”; “Nghiên c u hi u qu hóa tr ung th i tr c tràng b ng Oxaliplatin k th p v i Capecitabine t i B nh vi n Ung B u C n Th ”; Nghiên c u s a d ng và xu t bi n pháp b o t n, phát tri n ngu n tài nguyên cây thu c t nh B c Liêu”.

#### **e) Lĩnh v c khoa h c nông nghi p**

Trong giai o n v a qua, ho t ng KH&CN c a các t nh/thành ph trong Vùng ã t p trung nghiên c u, phát tri n các lo i gi ng cây tr ng, v t nuôi và s n xu t các s n ph m, hàng hóa c tr ng, có giá tr kinh t và có u th c a a ph ng; Ch n nuôi và nuôi tr ng th y s n theo mô hình sinh thái và an toàn d ch b nh; Tri n khai các mô hình ng d ng ti n b khoa h c k thu t trong s n xu t nông nghi p. i n hình là các tài, d án sau: “Nghiên c u t l nhi m và xây d ng quy trình phòng m t s b nh ng hô h p ph bi n trên heo sau cai s a h ch n nuôi gia ình t nh Ti n Giang”; “Nghiên c u và chuy n giao các quy trình phòng tr b nh trên cá bóp (*Rachycentron canadum*) và cá mú (*Epinephelus spp.*)”; “ ng d ng công ngh s ch , b o qu n nâng cao giá tr s n ph m chanh không h t t nh Long An”; “Nghiên c u c i m sinh h c và th nghi m cho sinh s n gi ng ngao móng tay chúa (*Sinonovaculasp.*) t i t nh Cà Mau”; “Nghiên c u ng d ng quy trình k thu t s n xu t gi ng tôm th chân tr ng (*Litopenaneus vanamei*) t i t nh Trà Vinh”...

#### **4. V công tác quản lý công nghệ**

Các S KH&CN trong Vùng y m nh công tác quản lý công nghệ, t ch c và tham gia th m nh công nghệ các d án ut, th m nh h p ng chuy n giao công nghệ, góp ý và t v n v công nghệ, ki m tra ho t ng chuy n giao công nghệ ch y u t p trung vào các lnh v c môi tr ng, giao thông v n t i, y t, s n xu t công nghi p, nông nghi p,... góp ph n ng n ch n công nghệ l c h u, công nghệ gây ô nhi m môi tr ng thâm nh p vào a ph ng. Trong giai o n 2016 – 2018, các a ph ng trong vùng ã th m nh c 382 d án ut; Th m nh 4 h p ng chuy n giao công nghệ và giám nh c 8 công nghệ, trong ó S KH&CN Long An và An Giang ã có nhi u c g ng trong quá trình th c hi n (theo Bi u 2).

Ph i h p v i các ngành, tham m u UBND t nh/thành ph ban hành chính sách h tr doanh nghi p ng d ng, chuy n giao và i m i công nghệ: *Qu Phát tri n KH&CN Ti n Giang ã th c hi n cho vay i v i 18 Công ty, doanh nghi p, HTX trên a bàn t nh v i s ti n 36.759 tri u ng th c hi n các d án i m i công nghệ; Ch ng trình h tr doanh nghi p i m i công nghệ - N ng su t ch t l ng - S h u trí tu c a thành ph C n Th ã xét duy th tr cho 163 h s c a doanh nghi p ng ký tham gia Ch ng trình v i t ng kinh phí xét h tr là 6,67 t ng doanh nghi p nghiê n c u i m i công nghệ, thi t b, nâng cao n ng su t ch t l ng s n ph m S KH&CN ng Tháp ã ti p nh n và h tr 06 doanh nghi p v i t ng s ti n là 176,45 tri u ng; S KH&CN An Giang ã h tr kinh phí th c hi n 29 mô hình, d án ã giúp nhi u nông dân, doanh nghi p, c s s n xu t kinh doanh ng d ng nhi u công nghệ tiên ti n giúp gi m giá thành và nâng cao ch t l ng s n ph m,...*

#### **5. V ho t ng an toàn b c x**

S KH&CN các t nh/thành ph th ng xuyên tuyên truy n, ph bi n các v n b n quy ph m pháp lu t liên quan trong lnh v c an toàn b c x trên a bàn; c p phép s d ng thi t b b c x cho các t ch c, cá nhân i u ki n; thanh tra nh k, t xu t và ph i h p thanh tra các c s b c x s d ng thi t b X-quang trong ch n oán y khoa, các c s s d ng ngu n phóng x, thi t b b c x trong y t, công nghi p. Xây d ng các ch ng trình m b o an toàn, an ninh ngu n phóng x, b c x; tham m u UBND t nh xây d ng k ho ch ng phó s c b c x, s c h t nhân c p t nh (An Giang, B n Tre, ng Tháp, Kiên Giang, Long An, Sóc Tr ng, Ti n Giang).

Trong giai o n 2016 - 2018, các S KH&CN trong Vùng ã h ng d n h s c p phép cho 286 c s; Th m nh, c p phép ho t ng cho các c s t tiêu chu n an toàn b c x 447 c s (theo Bi u 6).

#### **6. V ho t ng s h u trí tu, phong trào lao ng sáng t o, phát huy sáng ki n, c i ti n k thu t:**

##### **a) V ho t ng S h u trí tu:**

- Các S KH&CN ã h tr ng ký b o h và phát tri n nhân hi u t p th, nhân hi u ch ng nh n, ch d n a lý cho các s n ph m c thù c a Vùng nh: g o m t b i U Minh Th ng, h tiêu Hà Tiên, xoài Cát Chu Cao Lãnh, s u riêng Cai L y, s Tân Phú ông, b i da xanh B n Tre, d a xiêm xanh B n Tre, khô m c Sông c – Cà Mau, khô cá thòi lòi t M i – Cà Mau.

- Trong giai đoạn 2016-2018, số đăng ký SHTT: 1.824; Số văn bản đăng ký: 622 (theo Biểu 3).

**b) Phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật:**

- Nhiệm vụ: Phát huy vai trò của các ngành, Liên hiệp các Hội KH&KT thành phố Hồ Chí Minh, Hội thi sáng tạo KH&KT, Hội thi sáng tạo kỹ thuật dành cho thanh, thiếu niên, nhi đồng, Hội thi tin học trẻ.

- Mục tiêu: Tiếp tục phát huy vai trò của Hội thi sáng tạo KH&KT thành phố Hồ Chí Minh trong Vùng. Thông qua Hội thi sáng tạo của các tỉnh, địa phương để tiếp tục thu hút các Hội thi Trung ương.

**7. Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức KH&CN:**

- Hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức KH&CN của các Sở KH&CN trong Vùng thực hiện theo hướng xuyên, liên tục nhằm phổ biến, tuyên truyền nâng cao thành tựu khoa học kỹ thuật trong sản xuất và đời sống. Duy trì các hoạt động tuyên truyền thông qua các hình thức như: Chuyên mục truyền hình, chuyên mục phát thanh, xuất bản báo chí và thông tin trên Website.

- Thực hiện tốt công tác báo cáo thành tích về khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư số 25/2015/TT-BKHCN ngày 26/11/2015 và Thông tư số 26/2015/TT-BKHCN ngày 26/11/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Thực hiện tốt công tác và đăng ký kết quả nghiên cứu theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

**8. Về công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng:**

- Hoạt động TC LCL trong giai đoạn vừa qua của các tỉnh/thành phố trong Vùng chủ yếu tập trung tuyên truyền phổ biến pháp luật về TC LCL; hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và lập hồ sơ công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hàng hóa theo quy định; tăng cường kiểm tra các phòng thí nghiệm đo lường danh mục phi kiểm định, số lượng các phòng thí nghiệm, các mục kiểm nghiệm ngày càng tăng lên; thực hiện hướng dẫn các cơ quan HCNN trên địa bàn xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL (hiện nay, đang mở rộng áp dụng trên UBND cấp xã); phối hợp với Cục thu các địa phương thực hiện dán tem, kiểm tra niêm phong ngành (công ty) theo các tiêu chuẩn quốc gia nhằm hạn chế tình trạng gian lận về thu trong kinh doanh xuất nhập khẩu; tiếp tục áp dụng hàng rào kỹ thuật kỹ thuật (TBT) hỗ trợ thông tin tích cực cho các doanh nghiệp.

- Công tác kiểm tra về TC LCL: tiếp tục thực hiện kiểm tra về thực hiện Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật đo lường, quy định ghi nhãn hàng hóa về các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, ... Ngoài ra, các Sở KH&CN trong vùng tiếp tục xây dựng và tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch kiểm tra các cơ quan, tổ chức thực hiện các hành chính nhà nước trong triển khai thực hiện Quy định số 19/2014/Q- TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thực hiện hành chính nhà nước và Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ KH&CN quy định chi tiết thi hành Quy định số 19/2014/Q- TTg.

- Các S KH&CN đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa (theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam năm 2020) như: S KH&CN An Giang đã hỗ trợ 100% chi phí đầu tư cho 06 doanh nghiệp ký tham gia xây dựng mô hình hình thức quản lý chất lượng và công nghệ nâng cao năng suất chất lượng; S KH&CN Trà Vinh đã hỗ trợ 04 doanh nghiệp áp dụng công nghệ tiên tiến năng suất (5S), hình thức quản lý chất lượng (ISO 22000, ASC, BAP); S KH&CN Long An đã hỗ trợ Công ty Cổ phần Long Hậu (tên Long An) thi đấu giải bóng đá Quốc tế Châu Á – TBD (GPEA) năm 2017; S KH&CN Kiên Giang đã hỗ trợ 08 doanh nghiệp áp dụng HTQLCL (ISO 9001:2015, HACCP, BRC, IFS, ASC), thi đấu GTCLQG và thi đấu giải đấu NSCL (theo Biểu 4).

### **9. Công tác thanh tra chuyên ngành KH&CN**

- Các S KH&CN trong vùng triển khai thực hiện theo kế hoạch và thực hiện, các nội dung thanh tra triển khai thực hiện các lĩnh vực quản lý nhà nước về KH&CN tại địa phương (*tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn sản phẩm hàng hóa và các sản phẩm buôn bán phi nhãn kỹ thuật; an toàn thực phẩm và các quy định về môi trường và các phương tiện ô nhiễm 2; tiêu chuẩn, môi trường, chất lượng nông sản, môi trường; sự hợp tác công nghiệp, nhiệm vụ KH&CN,...*). Ngoài ra, đã phối hợp với các sở, ngành liên quan trong tỉnh/thành phố phối hợp thanh tra và giám sát an toàn thực phẩm, gian lận thương mại...

- Kết quả thanh tra trong giai đoạn vừa qua, các tỉnh/thành phố trong vùng đã tiến hành 594 lượt thanh tra và 3.094 cơ sở, doanh nghiệp; xử phạt 366 cơ sở, doanh nghiệp với tổng số tiền xử phạt là 4.197 triệu đồng (theo Biểu 5).

### **10. Hoạt động KH&CN cấp cơ sở :**

- Các S KH&CN trong Vùng đã triển khai nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các tài cấp cơ sở, qua đó góp phần giúp hỗ trợ các sở, ngành địa phương phát triển KH&CN, các biện pháp thúc đẩy việc ứng dụng kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất và dịch vụ.

- Hoạt động kiểm tra trong lĩnh vực KH&CN tại các huyện, thị trong vùng có ý nghĩa; chỉ đạo và phối hợp S KH&CN tiến hành kiểm tra và các lĩnh vực tiêu chuẩn, môi trường, chất lượng tại địa phương, góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của người tiêu dùng, của nhân dân địa phương.

- Các S KH&CN trong Vùng cũng đã tích cực công tác hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức KH&CN của nhân dân trên địa bàn thông qua tổ chức các lớp tập huấn; hội thảo, tuyên truyền trên báo đài, trang thông tin internet và các hoạt động KH&CN liên quan.

### **11. Hợp tác trong nước và quốc tế về KH&CN:**

Trong giai đoạn 2016-2018, các tỉnh/thành phố trong Vùng phối hợp với S KH&CN trong nước trao đổi kinh nghiệm quản lý nhà nước về KH&CN và chia sẻ kinh nghiệm triển khai các mô hình KH&CN; phối hợp với các viện, trường đại học và các nhà khoa học trong vùng thực hiện công tác đầu tư, phân bổ, triển khai các dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ công nghệ công tác thẩm tra, giám sát công nghệ.

Các S KH&CN trong Vùng ã ký k t nhi u biên b n th a thu n h p tác v lnh v c KH&CN, n ng l ng, phân tích thí nghi m; t ch c thành công các H i th o qu c t v lnh v c công ngh cao. Trong ó, n i b t nh : S KH&CN Long An ã àm phán v i Công ty Neighbor System (Hàn Qu c), C c Công tác phía nam – B KH&CN th c hi n đ án “ i u khi n thông minh h th ng c ng p ng n m n, i u ti t n c ph c v s n xu t nông nghi p thích ng v i bi n i khí h u”; UBND t nh ng Tháp ph i h p v i B Khoa h c và Công ngh , i s quán Australia t i Vi t Nam và i h c Qu c gia Hà N i t ch c H i th o qu c t “Nông nghi p thông minh c h i và thách th c v i nông nghi p Vi t Nam”; S KH&CN 03 t nh (Ti n Giang, Long An, ng Tháp) ph i h p tri n khai án liên k t phát tri n b n v ng ti u vùng ng Tháp M i n n m 2020, t m nhìn n n m 2030; S KH&CN 04 t nh (Sóc Tr ng, B c Liêu, Cà Mau và Kiên Giang) ph i h p tri n khai án liên k t phát tri n b n v ng ti u vùng Bán o Cà Mau.

## II. ÁNH GIÁ CHUNG

### 1. K t qu t c:

Trong th i gian qua, c s quan tâm ch o c a B KH&CN, Lãnh o các t nh và các S KH&CN trong Vùng, ho t ng KH&CN ã có nh ng óng góp quan tr ng trên t t c các lnh v c an ninh, chính tr , kinh t , v n hóa, xã h i và ngày càng kh ng nh vai trò là ng l c thúc y s nghi p phát tri n KT-XH c a t ng a ph ng và c a c vùng, c th :

- Vai trò v trí c a KH&CN t ng b c c kh ng nh, nhi u n i dung c a vào Ngh quy t c a ng b , H i ng nhân dân c p t nh. Các S KH&CN trong vùng ã tích c c tham m u, c th hóa t nh ban hành khá y các v n b n quy ph m pháp lu t v ch tr ng, chính sách phát tri n KH&CN phù h p v i tình hình th c ti n ho t ng c a các a ph ng.

- Các nhi m v KH&CN t i a ph ng ã t ng b c c i m i t khâu xu t, xác nh nhi m v , th m nh n i dung thuy t minh chi ti t n nghi m thu, ng d ng k t qu nghi n c u sau nghi m thu ph c v s n xu t và i s ng c c i t i n theo h ng nâng cao trách nhi m và quy n ch ng trong xu t t hàng, th c hi n nhi m v KH&CN i v i các t ch c, cá nhân ch trì; nâng cao hi u qu ng d ng c a các nhi m v KH&CN ph c v m c tiêu phát tri n kinh t - xã h i a ph ng. Có m t s a ph ng ã hình thành c các Ch ng trình KH&CN theo lnh v c có s u tiên trong u t , t p trung thúc y phát tri n các s n ph m ch l c (Lúa ch t l ng cao, tôm th chân tr ng, tôm sú, cây n qu có múi, xoài cát Hòa l c,...) c a a ph ng theo chu i giá tr , nâng cao hi u qu s n xu t (C n Th , Ti n Giang, B n Tre,...).

- Ph i h p ch t ch và có hi u qu v i B KH&CN trong quá trình tri n khai các nhi m v KH&CN c p qu c gia (Ch ng trình NTMN, Ch ng trình i m i CNQG, Ch ng trình TNB, Nhi m v c p thi t a ph ng,...) t i a ph ng, ã b c u làm ch c nhi u công ngh m i, công ngh cao có tính t phá (công ngh VOC tách chi t tinh d u d a không gia nhi t, công ngh s n xu t phân bón ch t l ng cao 3 trong 1, công ngh ch bi n đ u n cao c p t m cá Tra, công ngh Teatrapark ch bi n, b o qu n c đ a và s a đ a, công ngh s n xu t g ch không nung,...) t o cho nhi u doanh nghi p trong vùng phát tri n s n xu t m nh m , có kh n ng c nh tranh cao, thu hút hàng nghìn lao ng t i các a ph ng và có óng góp áng k cho kinh t c a các a ph ng.

- Tăng cường tìm kiếm KH&CN thông qua các dự án ưu tiên, các sự kiện và chương trình chào đón, bồi dưỡng nguồn nhân lực. Các nhà nghiên cứu đã khai thác sử dụng có hiệu quả các thị trường khoa học công nghệ đã có trang bị phục vụ nhu cầu kỹ thuật công nghệ hàng hóa, kỹ thuật tiên tiến cho các doanh nghiệp, các sản phẩm, chuyên môn trong và ngoài nước. (tiếp Quyết định số 317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ).

- Các Sở KH&CN trong Vùng đã khuyến khích các hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp thông qua việc triển khai thực hiện các Chương trình: Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh; Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về SHTT của các Sở KH&CN trong Vùng quan tâm, duy trì thường xuyên với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Thông qua báo chí, mạng xã hội, cá nhân và tôn trọng quy định SHTT đã có những chuyển biến tích cực; Công tác quản lý văn hóa trí tuệ, an toàn bản quyền thể hiện tốt, kịp thời hướng dẫn doanh nghiệp đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, hướng dẫn thủ tục và cấp phép cho các cơ sở X quang y tế, cấp bằng cấp nhân viên bản quyền; triển khai tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật, Tin học trẻ, Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng.

- Công tác thanh tra, kiểm tra thể hiện thường xuyên nhằm phát hiện, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng. Công tác thi đua khen thưởng đã được chú trọng, hướng dẫn cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện theo đúng quy định pháp luật, góp phần nâng cao tình hình overall, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

- Các Sở KH&CN trong Vùng đang tiếp tục triển khai việc áp dụng, duy trì và chuyển đổi HTQLCL vào hoạt động của các cơ quan hành chính trên địa bàn và đang mở rộng công tác áp dụng là UBND cấp xã góp phần thể hiện tốt nhất công tác cải cách hành chính.

## **2. Khó khăn, hạn chế:**

- Phần lớn kết quả nghiên cứu KH&CN đã chuyển giao ứng dụng nhưng vẫn thiếu ứng dụng thực tiễn cao; thiếu nguồn nhân lực của các nhà nghiên cứu còn nhiều hạn chế.

- Các mô hình ứng dụng KH&CN vào sản xuất thực tiễn, tuy nhiên do vốn đầu tư mô hình còn hạn chế, việc đầu tư còn phân tán, quy mô nhỏ nên chất lượng chuyển biến vẫn chậm trong sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa. Diện tích đất sản xuất còn manh mún, nhiều hạn chế thể hiện công tác liên kết trong sản xuất, không mạnh mẽ trong khâu cung cấp sản phẩm.

- Nguồn tài chính cho hoạt động KH&CN địa phương còn hạn chế, nhiều nhiệm vụ KH&CN cần duy trì không có kinh phí thể hiện phần lớn thiếu hụt ngân sách địa phương chi trả kinh phí. Công tác xã hội hóa các hoạt động KH&CN cần tiếp tục huy động nguồn vốn đầu tư cho KH&CN vẫn còn hạn chế do chưa có quy định về hợp tác công tác trên lĩnh vực KH&CN. Doanh nghiệp vẫn chưa quan tâm đầu tư, nghiên cứu KH&CN nhiều nên chất lượng nghiên cứu.

- Bộ KH&CN phân bổ kế hoạch kinh phí ưu tiên phát triển cho địa phương, nhưng khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư phân bổ địa phương không cấp ngân sách ưu tiên công nghệ năng lực overall, thiếu nghiên cứu chất lượng sản phẩm, hàng hóa phục vụ quản lý nhà nước.



c a m t s a ph ng. Vì v y, m t s d án tri n khai ph n xây d ng g n hoàn thành l i g p khó kh n v kinh phí mua s m thi t b .

- B KH&CN ch a có h ng d n ph ng pháp ánh giá tình công ngh chung cho các t nh cùng áp d ng, có th so sánh v i các t nh, thành, khu v c và trong c n c và có c s khoa h c giúp cho doanh nghi p i m i công ngh và t nh có chính sách h tr doanh nghi p i m i công ngh .

- Vì c tri n khai d án n ng su t ch t l ng s n ph m, hàng hóa ch a thu hút nhi u doanh nghi p tham gia, do kinh phí h tr quá ít, ch a th t o òn b y thúc y doanh nghi p phát tri n. Công tác v n ng doanh nghi p tham gia Gi i th ng ch t l ng Qu c gia còn h n ch do trong n m có nhi u gi i th ng khác nhau t nhi u B , ngành, Hi p h i.... Vì v y, s l ng doanh nghi p tham gia Gi i th ng ch t l ng Qu c gia còn h n ch .

- Vì c th c hi n Ngh nh s 119/2017/N -CP ngày 01/11/2017 c a Chính ph quy nh v x ph t vi ph m hành chính trong l nh v c tiêu chu n, o l ng, ch t l ng còn nhi u b t c p, gây khó kh n cho vi c x lý vi ph m.

- Qu Phát tri n KH&CN c a m t s t nh ã thành l p nh ng ch a có kinh phí ho t ng. B máy ho t ng c a Qu Phát tri n KH&CN ch y u là công ch c (c a S KH&CN) kiêm nhi m, vì c chi l ng cho công ch c kiêm nhi m g p r t nhi u khó kh n do ch a có h ng d n chi l ng cho công ch c kiêm nhi m.

- H u h t các a ph ng u ang g p nhi u khó kh n, lúng túng trong vi c xây d ng các ph ng án s p x p l i h th ng các n v qu n lý nhà n c tr c thu c S KH&CN, các t ch c KH&CN công l p theo tinh th n c a Ngh quy t s 18-NQ/TW và Ngh quy t 19-NQ/TW c a H i ngh BCH Trung ng l n th 6 (Khóa XII) do thi u h ng d n k p th i, ng b c a B KH&CN c ng nh c a các c quan Trung ng liên quan.

## PHẦN II NH HIỆU NGHĨA TRONG KH&CN TRONG THỜI GIỚI THỜI

### I. NH HIỆU NGHĨA CHÍNH:

Theo Quyết định số 939/Q -TTg ngày 19/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bằng sông Cửu Long năm 2020, trong đó đã xác định rõ mục tiêu kinh tế - xã hội vùng BSC. Quy hoạch cũng đề ra yêu cầu về hoạt động KH&CN với các nội dung quản lý: phát triển và đổi mới KH&CN; khuyến khích nghiên cứu ứng dụng, chuyển đổi là trọng tâm nông nghiệp; tăng cường ứng dụng công nghệ phát triển các sản phẩm chủ lực; gắn kết giữa đào tạo - nghiên cứu - sản xuất - chuyển giao một cách có hiệu quả; Quyết định số 245/Q -TTg ngày 12/2/2014 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long năm 2020, năm 2030; Quyết định số 593/Q -TTg ngày 6/4/2016 ban hành Quy chế thí nghiệm liên kết phát triển KT-XH vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 – 2020.

Trên cơ sở các nhiệm vụ trọng tâm và phát triển KH&CN của Quốc gia (theo Quyết định số 418/Q -TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN năm 2020); bám sát các nội dung trọng tâm về KH&CN, hoạt động KH&CN của Vùng trong giai đoạn 2018 - 2020 có nội dung sau:

#### 1. Nội dung hoạt động KH&CN chung cho cả Vùng:

- Liên kết giữa các địa phương trong việc lựa chọn các chương trình, dự án KH&CN trọng điểm cho tái cấu trúc ngành Nông nghiệp trong khu vực miền Tây, miền Trung và miền Bắc (theo hướng tăng diện tích nuôi trồng thủy sản và cây ăn trái, giảm diện tích trồng lúa); liên kết phát triển sản xuất có tính chất lan tỏa trên địa bàn các địa phương trong Vùng và gắn với chuỗi giá trị, tiêu thụ sản phẩm.

- Lựa chọn, nhân rộng mô hình chuỗi giá trị các mặt hàng nông nghiệp có giá trị gia tăng cao (tôm, cây ăn trái, lúa gạo chất lượng cao); mô hình ứng dụng chuyên canh và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có tiềm năng.

- Hàng năm, tổ chức họp chung giữa Lãnh đạo các tỉnh trong Vùng, cùng các KH&CN là một trong những nội dung chính thức trong chương trình làm việc có nội dung hành động cho phát triển KH&CN phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương cũng như ở Vùng.

- Các tỉnh trong Vùng cần nghiên cứu chi tiết, xây dựng các chương trình liên kết giữa các Sở KH&CN trong vùng trong việc hình thành và phát triển sản xuất mới sản phẩm của Vùng dựa vào KH&CN; xác định rõ vai trò, nhiệm vụ của KH&CN tác động vào tăng cường đổi mới sản phẩm; hình thành chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân, chuyên gia, chuyển giao công nghệ, xây dựng và phát triển các sản phẩm thương hiệu.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin về tài nguyên và môi trường, tình hình biến đổi khí hậu và các hoạt động nông nghiệp phục vụ biến đổi khí hậu của Vùng và các địa phương.

## **2. i v i h o t n g KH&CN c a t n g a p h n g:**

- Xác nh danh m c và tri n khai th c hi n các ch n g trình, d án KH&CN liên k t trên a bàn. Ch n g cân i ngu n v n thu c ph m vi qu n lý i v i các ch n g trình, d án m b o th c hi n có hi u qu .

- Ph i h p các B , ngành và a ph n g liên quan trong vi c xác nh các ch n g trình d án liên k t phát tri n s n xu t, vùng nguyên li u, c s ch bi n s n ph m; h tr các doanh nghi p vào chu i giá tr s n xu t khi tri n khai các ch n g trình, d án liên k t trên a bàn.

- Các n i dung tr n g tâm v h o t n g KH&CN ph i bám sát c c u kinh t c a a ph n g, c a vùng; xây d n g k h o ch, xu t cân i ngu n l c m b o kh n g nh vai trò c a KH&CN là góp ph n thúc y phát tri n KT-XH c a t n g a p h n g; có gi i pháp huy n g ngu n l c u t , trong ó c n c cân i b sung ngân sách t a ph n g ph n u t 2% t n g chi ngân sách a ph n g chi cho h o t n g KH&CN.

- H o t n g KH&CN c n g n k t v i h o t ô n g c a doanh nghi p s n xu t, n g hành cùng doanh nghi p tháo g các khó kh n v n g m c, nh t là v các quy trình, công ngh trong s n xu t.

- u tiên cho phát tri n doanh nghi p KH&CN c a t n g a p h n g theo h n g nâng cao n n g l c, hi u qu h o t n g, nh t là vi c t o ra s n ph m m i, s n ph m có giá tr cao; t n g c n g ti m l c cho h th n g ánh giá ch t l n g s n ph m t tiêu chu n Qu c t .

## **II. M T S NHI M V TR N G TÂM**

### **1. Phát tri n ngu n l c KH&CN**

- Các t ch c KH&CN công l p th c hi n s p x p l i t ch c, b máy theo quy nh t i Ngh quy t 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 c a H i ngh Trung n g 6 (khóa XII) v ti p t c i m i h th n g t ch c và qu n lý, nâng cao ch t l n g và hi u qu h o t n g c a các n v s nghi p công l p; t n g c n g các h o t n g d ch v , làm ch m t s công ngh ch l c phù h p v i tình hình s n xu t t i a ph n g; t n g b c th c hi n c ch t ch hoàn toàn v tài chính.

- Ti p t c tri n khai th c hi n công tác ào t o, b i d n g nâng cao n n g l c, trình c a i n g qu n lý KH&CN.

- Quan tâm h tr , hình thành h th n g doanh nghi p KH&CN, xu t D án tham gia “Ch n g trình h tr phát tri n doanh nghi p KH&CN và t ch c KH&CN công l p th c hi n c ch t ch , t ch u trách nhi m”.

### **2. T n g c n g nâng cao hi u qu công tác nghiê n c u khoa h c và phát tri n công ngh :**

- Nghiê n c u và n g d n g r n g rãi, có hi u qu công ngh sinh h c vào s n xu t, u tiên trong l nh v c s n xu t nông - th y s n, th c ph m, d c ph m ph c v cho phát tri n kinh t - xã h i, b o v s c kh e và môi tr n g; n g th i góp ph n nâng cao n n g su t, ch t l n g và n n g l c c nh tranh trên th tr n g; chú tr n g phòng n g a d ch b nh, x lý môi tr n g, b o t n và phát tri n các gi n g cây tr n g, v t nuôi m i và công ngh sau thu h o ch phù h p i u ki n sinh thái c a t nh. Tri n khai các nhi m v KH&CN theo h n g chuy n i c c u cây tr n g, các mô hình luân canh thích n g v i bi n i khí h u. Xây d n g các

mô hình sản xuất nông sản an toàn, công nghệ cao, nông nghiệp đô thị, mô hình liên kết giữa các nhà sản xuất - nhà khoa học - nhà chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước khuyến khích mạnh mẽ nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN nhằm phát triển KH&CN tiên tiến, hiện đại, góp phần nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm kinh tế.

### **3. Ý nghĩa hoạt động kinh tế doanh nghiệp:**

- Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ, phát triển sản phẩm công nghệ có chất lượng cao: lấy doanh nghiệp làm trung tâm cho việc khởi nghiệp, chuyển giao công nghệ, nhóm tổ chức liên kết hợp tác ba bên (các Viện nghiên cứu, trường đại học - doanh nghiệp - cơ quan quản lý nhà nước), trong đó nhà nước đóng vai trò chủ yếu trong mối liên hệ giữa doanh nghiệp và các trường đại học, viện nghiên cứu; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các viện nghiên cứu, trường đại học trong nước.

- Khuyến khích doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn theo quy định của pháp luật; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân mở rộng công nghệ, mở rộng doanh nghiệp KH&CN.

- Ý nghĩa hoạt động kinh tế xã hội: vì lợi ích nhân dân, chuyển đổi các sản phẩm, hàng hóa của các địa phương; Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn về lợi ích quy hoạch khu công nghiệp cho các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; Quảng bá và phát triển tài sản xã hội trí tuệ và tổ chức hoạt động thể thao quy hoạch khu công nghiệp theo quy định.

- Tăng cường hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế; hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển đổi/công nghệ hợp chuẩn/hợp quy; tăng cường hoạt động tuyên truyền và ý nghĩa về hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, công nghệ thông tin chất lượng, hoạt động năng suất chất lượng, tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

### **4. Hoạt động tiêu chuẩn hóa chất lượng:**

Ý nghĩa về triển khai thực hiện các quy định quản lý về hoạt động TC LCL, trong đó chú trọng các nội dung: đánh giá sự phù hợp và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và việc kiểm soát trách nhiệm của Bộ KH&CN (mô hình, ứng dụng, LPG, chỉ thị em, thị trường in-aint, EMC,..); quản lý chất lượng vàng trang sức, ngành lưu thông trên thị trường; cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông đường bộ và ngành thủy nội địa trách nhiệm của Bộ KH&CN; tiếp tục triển khai hỗ trợ việc xây dựng và áp dụng HTQLCL vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

Trên đây là báo cáo những nét cơ bản về tình hình, kết quả hoạt động giai đoạn 2016-2018 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển KH&CN trong những năm tiếp theo của các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long./.

## **PH L C C A C B I U B N G**



**TH NG KÊ CÁC V N B N QUY PH M PHÁP LU T V KH&CN  
T NH/THÀNH PH BAN HÀNH GIAI O N 2017 – 2018**

**Bi u 1  
C CÁC**

STT	Tên lo i v n b n	S ký hi u	C quan ban hành	Trích y u n i dung v n b n	Ngày Ban hành
<b>An Giang</b>					
01	Quy t nh	09/2016/Q - UBND	UBND t nh	Quy nh v vi c qu n lý th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh c p t nh có s d ng ngân sách nhà n c trên a bàn t nh An Giang.	17/02/2016
02	Quy t nh	16/2016/Q - UBND	UBND t nh	Quy nh nh m c chi i v i tài, d án khoa h c và công ngh có s d ng ngân sách nhà n c trên a bàn t nh An Giang.	16/3/2016
03	Quy t nh	07/2017/Q - UBND	UBND t nh	Quy nh qu n lý, t ch c th c hi n các nhi m v khoa h c và công ngh c p c s trên a bàn t nh An Giang.	17/02/2017
04	Quy t nh	47/2017/Q - UBND	UBND t nh	S a i, b sung m t s i u Quy t nh 09/2016/Q -UBND ngày 17/2/2016 c a UBND t nh An Giang v vi c ban hành Quy nh qu n lý th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh có s d ng ngân sách nhà n c trên a bàn t nh An Giang.	04/8/2017
<b>B n Tre</b>					
05	Quy t nh	12/2016/Q - UBND	UBND t nh	Ban hành quy nh v qu n lý các nhi m v KH&CN s d ng ngân sách nhà n c trên a bàn t nh B n Tre.	15/4/2016
06	Quy t nh	19/2016/Q - UBND	UBND t nh	Ban hành Quy nh v nh m c xây d ng, phân b d toán và quy t toán kinh phí i v i nhi m v KH&CN có s d ng ngân sách nhà n c trên a bàn t nh B n Tre.	13/5/2016
07	Ngh quy t	04/2017/NQ- H ND	H ND t nh	Ban hành chính sách khuy n khích doanh nghi p kh i nghi p trên a bàn t nh B n Tre.	18/7/2017
08	K ho ch	117/KH- UBND	UBND t nh	H tr kh i nghi p i m i sáng t o t nh B n Tre giai o n 2018 - 2020 và nh h ng n n m 2025.	09/01/2018

STT	Tên lo i v n b n	S ký hi u	C quan ban hành	Trích y u n i dung v n b n	Ngày Ban hành
09	K ho ch	274/KH- UBND	UBND t nh	Th c hi n ch ng trình h tr phát tri n tài s n trí tu trên a bàn t nh B n Tre, giai o n 2018 – 2020.	22/01/2018
<b>B c Liêu</b>					
10	Quy t nh	34/2016/Q - UBND	UBND t nh	Quy nh nh m c xây d ng, phân b d toán và quy t toán kinh phí i v i nhi m v KH&CN có s d ng ngân sách nhà n c trên a bàn t nh.	04/11/2016
11	Quy t nh	06/2017/Q - UBND	UBND t nh	Quy nh qu n lý và t ch c th c hi n các nhi m v KH&CN c p c s có s d ng ngân sách nhà n c trên a bàn t nh B c Liêu.	17/4/2017
<b>C n Th</b>					
12	Ngh quy t	02-NQ/TU	Thành y	V phát tri n, ng d ng khoa h c và công ngh .	01/8/2016
13	Quy t nh	129/Q - UBND	UBND TP	Quy ho ch phát tri n khoa h c và công ngh thành ph C n Th n n m 2020, t m nhìn n n m 2030.	17/01/2017
<b>ng Tháp</b>					
14	Quy t nh	13/2016/Q - UBND	UBND t nh	Quy nh m t s nh m c xây d ng, phân b d toán và quy t toán kinh phí i v i nhi m v khoa h c và công ngh có s d ng ngân sách nhà n c trên a bàn t nh ng Tháp.	26/02/2016
15	Quy t nh	32/2016/Q - UBND	UBND t nh	Quy nh v ch c n ng, nhi m v , quy n h n và c c u t ch c c a S Khoa h c và Công ngh t nh ng Tháp.	20/6/2016
16	Quy t nh	12/2016/Q - UBND	UBND t nh	Quy nh m t s chính sách khuy n khích u t vào ho t ng khoa h c và công ngh trên a bàn t nh ng Tháp.	26/02/2016
17	Quy t nh	34/2017/Q - UBND	UBND t nh	Quy nh v qu n lý và t ch c th c hi n các nhi m v khoa h c và công ngh c p c s trên a bàn t nh ng Tháp.	14/8/2017
18	Quy t nh	13/2018/Q - UBND	UBND t nh	S a i m t s i u c a Quy nh ban hành kèm theo Quy t nh s 13/2016/Q -UBND ngày 26/02/2016 c a UBND t nh ng Tháp.	29/5/2018



STT	Tên loi v n b n	S ký hi u	C quan ban hành	Trích y u n i dung v n b n	Ngày Ban hành
<b>Ti n Giang</b>					
19	Quy t nh	38/2017/Q - UBND	UBND t nh	S a i, b sung m t s i u c a Quy nh qu n lý nhi m v khoa h c và công ngh s d ng ngân sách nhà n c trên a bàn t nh Ti n Giang ban hành kèm theo Quy t nh s 13/2016/Q -UBND ngày 13/4/2016 c a UBND t nh Ti n Giang.	08/11/2017
20	Quy t nh	40/2017/Q - UBND	UBND t nh	S a i, b sung m t s i u c a Quy nh v nh m c xây d ng, phân b d toán và quy t toán kinh phí i v i nhi m v khoa h c và công ngh có s d ng ngân sách nhà n c trên a bàn t nh Ti n Giang ban hành kèm theo Quy t nh s 43/2015/Q -UBND ngày 21/12/2015 c a UBND t nh Ti n Giang.	08/11/2017
<b>V nh Long</b>					
21	Quy t nh	36/Q -UBND	UBND t nh	Quy ch qu n lý nhi m v KH&CN c p t nh s d ng ngân sách nhà n c trên a bàn t nh V nh Long.	28/12/2016
22	Quy t nh	1091/Q - UBND	UBND t nh	Ban hành Ch ng trình phát tri n công ngh sinh h c t nh V nh Long n n m 2020 và t m nhìn n n m 2030.	23/5/2017
23	K ho ch	11/KH-UBND	UBND t nh	Th c hi n Ngh quy t s 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 c a Chính ph v ti p t c i m i mô hình t ng tr ng, nâng cao ch t l ng t ng tr ng, n ng su t lao ng, s c c nh tranh và c c u l i n n kinh t giai o n 2016-2020.	21/3/2017
24	K ho ch	28/KH-UBND	UBND t nh	Th c hi n Ch th 16/CT-TTg v t ng c ng n ng l c ti p c n cu c cách m ng công nghi p l n th 4.	23/8/2017
25	Quy t nh	107/Q - UBND	UBND t nh	Phê duy t khung danh m c v trí vi c làm trong n v s nghi p tr c thu c S Khoa h c và Công ngh	18/01/2018

STT	Tên loại văn bản	Số ký hiệu	Cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung văn bản	Ngày Ban hành
26	Quy định	673/Q - UBND	UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch triển khai án Hỗ trợ sinh thái khuyến khích đầu tư và sáng tạo quốc gia năm 2025.	06/4/2018
27	Nghị quyết	12-NQ/TU	Tỉnh ủy	Thực hiện các giải pháp phát triển bền vững KT-XH tỉnh Vĩnh Long khác các vùng nông nghiệp sông Cửu Long vào năm 2020.	15/3/2018
28	Quy định	01/2018/Q - UBND	UBND tỉnh	Quy định về phạm vi xây dựng dự toán kinh phí đầu tư nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở sản xuất ngân sách nhà nước.	31/01/2018
29	Quy định	04/2018/Q - UBND	UBND tỉnh	Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sản xuất ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.	02/3/2018
<b>Sóc Trăng</b>					
30	Quy định	45/2017/Q - UBND	UBND tỉnh	Quy định xác định, tuyển chọn, giao trách nhiệm và đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN tỉnh Sóc Trăng.	21/12/2017
31	Quy định	2717/Q - UBND	UBND tỉnh	Quy định phối hợp trong công tác quản lý hoạt động KH&CN giữa các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.	24/10/2017
<b>Hồ Chí Minh</b>					
32	Quy định	824/Q - UBND	UBND tỉnh	Ban hành Chương trình “Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 – 2020”.	08/5/2017
33	Quy định	1184/Q - UBND	UBND tỉnh	Phê duyệt Kế hoạch Phát triển và nâng cao công nghệ sinh học phục vụ sản xuất công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh Hồ Chí Minh.	07/7/2017
34	Quy định	34/Q - UBND	UBND tỉnh	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định quản lý các nhiệm vụ KH&CN sản xuất ngân sách nhà nước cấp tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 15/2015/Q - UBND ngày 23/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hồ Chí Minh.	15/12/2017

STT	Tên loại văn bản	Số ký hiệu	Cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung văn bản	Ngày Ban hành
<b>Long An</b>					
35	Quy định	42/2017/Q - UBND	UBND tỉnh	Sửa đổi, bổ sung Quy định số 38/2015/Q -UBND ngày 12/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Long An.	21/08/2017
36	Quy định	1442/Q - UBND	UBND tỉnh	Phê duyệt các Kế hoạch triển khai thực hiện liên kết Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam giai đoạn 2016-2020 của Sở Khoa học và Công nghệ.	20/4/2017
37	Quy định	66/Q -UBND	UBND tỉnh	Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Long An năm 2020, tầm nhìn năm 2030.	08/01/2018
<b>Cà Mau</b>					
38	Kế hoạch	27/KH-UBND	UBND tỉnh	Kế hoạch phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2017 – 2020.	10/4/2017
<b>Trà Vinh</b>					
39	Quy định	24/2017/Q - UBND	UBND tỉnh	Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sản xuất ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	21/12/2017
40	Quy định	06/2016/Q - UBND	UBND tỉnh	Ban hành Quy định khuyến khích đầu tư phát triển: Khai thác Ruộng tự nhiên.	02/3/2016
41	Quy định	40/2016/Q - UBND	UBND tỉnh	Ban hành Quy định khuyến khích đầu tư phát triển: Quy trình sản xuất và sản phẩm Rau Xuân Thôn.	05/10/2016
<b>Kiên Giang</b>					
42	Quy định	19/2016/Q - UBND	UBND tỉnh	Ban hành Quy định về nhiệm vụ xây dựng, phân bổ ngân sách và quy định toán kinh phí về nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sản phẩm ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.	30/6/2016

## S LI UV QU NLÝ CÔNG NGH T 2016 - 2018

STT	Tên t nh/thành ph	Th m nh d án u t	Th m nh h p ng chuy n giao công ngh	Giám nh công ngh
1	An Giang	95	0	0
2	B n Tre	11	0	0
3	B c Liêu	0	0	0
4	Cà Mau	2	0	0
5	C n Th	25	0	0
6	ng Tháp	15	2	0
7	H u Giang	1	0	0
8	Kiên Giang	0	0	0
9	Sóc Tr ng	15	0	0
10	Long An	160	2	8
11	Trà Vinh	44	0	0
12	Ti n Giang	11	0	0
13	V nh Long	3	0	0
	<b>T ng</b>	<b>382</b>	<b>4</b>	<b>8</b>

**S LI U TH NG KÊ V S H U TRÍ TU , SÁNG KI N C I TI N K THU T VÀ THÔNG TIN KH&CN GIAI O N 2016 - 2018**

S T T	T nh/thành ph	S n ng ký SHTT	S v n b ng c p	Thông tin KH&CN (S n ph m thông tin c phát hành)	K t qu khác (Xây d ng phim, chuyên m c KH&CN tuyên truy n trên ài PT–TH hình t nh; Biên t p, ng t i tin ho t ng KH&CN c a a ph ng trên Website S , tham gia tri n lãm)
1	An Giang	378	243	14 s t p chí	84 chuyên m c ài PT-TH t nh; 96 tin ng trên báo An Giang; 2.345 tin trên c ng thông tin c a S
2	B n Tre	188	79	18 s	- Xây d ng phim KH&CN: 01. - Chuyên m c KH&CN tuyên truy n trên ài Phát thanh-Truy n hình t nh: 18. - Chuyên m c KH&CN tuyên truy n trên Báo c a t nh: 36. - Biên t p, ng t i tin ho t ng KH&CN c a a ph ng trên Website S : 264 tin, bài; 25 thông báo; 16 th t c hành chính; 12 nhi m v ang ti n hành; 15 Bi u m u
3	B c Liêu	77	19	B n tin KH&CN: 3.000 quy n, B n tin Chuyên : 3.400 quy n	Chuyên m c KH&CN tuyên truy n trên ài PT-TH t nh B c Liêu: ã th c hi n c 16 chuyên m c KH&CN.
4	Cà Mau	64	53	- Xu t b n T p san thông tin KH&CN online c 4 Quý - Xu t b n 12 s Tin nhanh KH&CN online (1 tháng/s ). - Xu t b n 04 s T p san KH&CN online (3 tháng/s ).	- Ph i h p v i ài Phát thanh - Truy n hình t nh Cà Mau hoàn thành vi c th c hi n 03 chuyên m c Khoa h c Công ngh theo phân công c a S Khoa h c và Công ngh . - In 1.500 quy n b n gi y s Quý I/2017 ph c v Ngày Khoa h c và Công ngh Vi t Nam – 18/5 - C p nh t kho ng 200 tin, bài vi t lên trang Thông tin i n t c a Trung tâm (camautech.vn) Tuyên truy n H ng ng ngày s h u trí tu 26 tháng 4 trên Trang thông tin i n t c a S . - Tuyên truy n v s h u trí tu trên ài Phát thanh - Truy n hình Cà Mau nhân ngày truy n th ng Khoa h c và Công ngh 18 tháng 5. - Ph i h p v i ài Phát thanh - Truy n hình t nh Cà Mau th c hi n 02 chuyên m c KH&CN - C p nh t thông tin ng d ng KH&CN lên trang thông tin i n t c a Trung tâm (kho ng 200 tin/n m).

5	C n Th	639	280	- T p chí Khoa h c C n Th : 3.200 quy n; - B n tin KH&CN v i doanh nghi p:2.600 quy n; -T ng lu n chuyên KH&CN: 600 quy n; - K y u K t qu các nhi m v KH&CN: 600 quy n; - n ph m th ng kê KH&CN: 200 quy n.	- Phát sóng 52 chuyên KH&CN trên ài Phát thanh và truy n hình thành ph C n Th (52 k phát hình và 104 k phát thanh) cung c p ph bi n thông tin KH&CN c a a ph ng n v i b n xem ài; - Xây d ng và s n xu t 20 phim chuyên KH&CN ph c v phát tri n s n xu t và i s ng; - Biên t p và c p nh t 15.812 thông tin (Ti ng Vi t và ti ng Anh) v ho t ng, thành t u KH&CN c a TP. C n Th và các a ph ng trong vùng lên C ng thông tin S KH&CN, Trang Thông tin KH&CN, Tài li u KH&CN và Trang thông tin v Thi t b - Công ngh ; - B sung vào ngu n CSDL 12.000 tài li u KH&CN, s hóa 20.000 trang tài li u KH&CN; c p nh t và xu t b n 81.000 tài li u ebook lên trang <a href="http://lienhiepthuvien.vn">http://lienhiepthuvien.vn</a> ; - Tham gia 03 s ki n tri n lãm g m: Festival qu c t Nông nghi p vùng BSCL t i TP. C n Th , H i ch tri n lãm nông nghi p công ngh cao và công nghi p th c ph m 2017 – l n 6 và s ki n tri n lãm chuyên ngành t i TP. H Chí Minh.
6	ng Tháp	383	163	06 k b n tin.	Ph i h p v i ài Phát thanh và Truy n hình ng Tháp th c hi n 182 ti u ph m; phát sóng 1456 l n trên phát thanh; th c hi n 48 chuyên m c truy n hình và phát sóng 96 l n trên ài truy n hình ng Tháp; Vi t, ng t i kho ng 400 tin v ho t ng KH&CN; kho ng 2000 v n b n; tóm t t và c p nh t 97 tài c p t nh; 47 tài c p c s trên Trang tin i n t S ; có h n 20 l t bài vi t c ng t i trên Trang tin B KH&CN và t p chí KH&CN Vi t Nam.
7	H u Giang	66	29	13.920 b n tin và 2.000 tài li u k thu t	24 chuyên m c và 484 tin bài trên Web
8	Kiên Giang	189	66		
9	Sóc Tr ng	85	40	03 s	16 chuyên m c KH&CN; 04 tin phóng s ; 585 tin; tr ng bày s n ph m t i s ki n L h i Oóc Om Bóc - ua ghe Ngo Sóc Tr ng l n th III, khu v c ng b ng sông C u Long.

10	Long An	32	13	01 s	- 416 tin, bài vi t ho t ng KH&CN và v n b n pháp lu t m i trên trang thông tin i n t c a S KH&CN; - 30 tin ho t ng khoa h c và công ngh trên Báo Long An; - 03 tin c ng trên T p chí KH&CN Vi t Nam; - 15 ch ng trình T p chí KH&CN v i i s ng phát trên sóng truy n hình và phát thanh c a ài Phát thanh và Truy n hình Long An. - Tham d s ki n tri n lãm t i à N ng.
11	Trà Vinh	20	20	17 s	13 chuyên m c; 319 tin ng Website
12	V nh Long	55	60	3.550 b n tin	206 tin/bài; Tham gia 2 cu c tri n lãm;
13	Ti n Giang	41	9	16 s b n tin KH&CN; 03 s t p san KH&CN	- Phát hành K y u các nhi m v KH&CN: 300 quy n, 03 s S tay h ng d n k thu t: 5.000 quy n. - Ph i h p ài Phát thanh - Truy n hình Ti n Giang và Báo p B c th c hi n 05 chuyên m c thông tin KH&CN.
	<b>T ng</b>	<b>2.217</b>	<b>1.074</b>		

## S LI UV HO T NG TIÊU CHU N- OL NG-CH TL NG

S T T	Tên t nh/ thành ph	Ki m nh ph ng tỉ n o	S l ng Tiêu chu n k thu t m i c ban hành	S l ng Quy chu n k thu t m i c ban hành	s m u th nghỉ m	S doanh nghi p, n v hành chính nhà n c c c p ch ng ch áp d ng h th ng qu n lý ch t l ng ISO
1	An Giang	34.698	0	0	0	125
2	B n Tre	42.575	0	0	401	191
3	B c Liêu	3772	36	0	202	37
4	Cà Mau	32.662	0	0	1.072	39
5	C n Th	189.541	0	0	28.496	130
6	ng Tháp	48.142	2	0	7.244	189
7	H u Giang	10.297	0	0	100	120
8	Kiên Giang	24.901	0	0	65	103
9	Sóc Tr ng	34.209	0	0	0	172
10	Long An	22.575	0	0	2.418	131
11	Trà Vinh	39.073	0	0	25	44
12	Ti n Giang	69.199	-	-	-	56
13	V nh Long	31.721	5	-	1.939	2
	<b>T ng</b>	<b>540.790</b>	<b>43</b>	<b>0</b>	<b>41.962</b>	<b>1.339</b>



## TH NG KÊ HO T NG THANH TRA N M 2017 - 2018

STT	Tên t nh/ thành ph	S cu c thanh tra	S l t n v c thanh tra	S v vi ph m phát hi n x lý	S tỉ n x ph t ( ng)
1	An Giang	19	344	40	246.998.140
2	B n Tre	32	387	74	1.130.468.500
3	B c Liêu	9	170	9	219.234.000
4	Cà Mau	6	162	8	112.494.540
5	C n Th	15	272	15	155.038.000
6	ng Tháp	49	514	38	272.068.500
7	H u Giang	12	206	47	189.755.000
8	Kiên Giang	10	246	14	280.880.000
9	Sóc Tr ng	102	102	14	488.219.893
10	Long An	321	321	28	1.009.336.917
11	Trà Vinh	7	92	29	269.251.880
12	Ti n Giang	6	129	27	209.578.336
13	V nh Long	6	149	23	319.292.507
	<b>T ng</b>	<b>594</b>	<b>3.094</b>	<b>366</b>	<b>4.197.446.333</b>

## S LI UV CÔNG TÁC AN TOÀN B C X

STT	Tên t nh/thành ph	H ng d n h s c p phép cho các c s	Th m nh, c p phép ho t ng cho các c s t tiêu chu n an toàn b c x
1	An Giang	0	63
2	B n Tre	40	40
3	B c Liêu	22	24
4	Cà Mau	0	11
5	C n Th	17	110
6	ng Tháp	43	32
7	H u Giang	18	17
8	Kiên Giang	23	23
9	Sóc Tr ng	13	13
10	T nh Long An	23	23
11	Trà Vinh	27	27
12	Ti n Giang	45	49
13	V nh Long	15	15
	<b>T ng</b>	<b>286</b>	<b>447</b>

**TÌNH HÌNH PHÊ DUY T PH NG ÁN T CH  
C A CÁC T CH C KH&CN CÔNG L P**

STT	Tên t nh/ thành ph	Tình hình phê duy t PA t ch		Phân lo i m c t ch			
		S t ch c KH&CN ã c phê duy t PA	S t ch c KH&CN ch a c phê duy t PA	T b o m chi th ng xuyên và chi u t	T b o m chi th ng xuyên	T b o m m t ph n chi th ng xuyên	Do Nhà n c b o m chi th ng xuyên
1	An Giang	3	0	0	1	1	1
2	B n Tre	3	0	0	0	2	1
3	B c Liêu	3	0	0	1	1	1
4	Cà Mau	2	0	0	1	1	0
5	C n Th	3	0	0	2	1	0
6	ng Tháp	2	0	0	0	2	0
7	H u Giang	2	0	0	0	1	1
8	Kiên Giang	2	0	0	1	1	0
9	Sóc Tr ng	2	0	0	0	2	0
10	Long An	3	0	0	0	3	0
11	Trà Vinh	3	0	0	0	2	1
12	Ti n Giang	4	0	0	2	1	1
13	V nh Long	3	0	0	1	1	1
<b>C NG</b>		<b>35</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>9</b>	<b>19</b>	<b>7</b>

**TH NG KÊ KINH PHÍ S NGHI P KH&CN  
C UBND CÁC T NH/THÀNH PH VÙNG BSCL PHÊ DUY T  
GIAI O N 2016 - 2018**

*n v tính: Tri u ng*

STT	Tên t nh/ thành ph	Kinh phí s nghi p KH&CN		T l (%)	Ghi chú
		K ho ch	Th c hi n		
1	An Giang	152.177	100.236	66%	c th c hi n n h t n m 2018
2	B c Liêu	32.325	31.012	96%	c th c hi n n h t n m 2018
3	B n Tre	42.022	37.179	88%	c th c hi n n h t n m 2018
4	Cà Mau	64.228	64.228	100%	c th c hi n n h t n m 2018
5	C n Th	94.370	81.264	86%	c th c hi n n h t n m 2018
6	ng Tháp	62.280	54.131	87%	c th c hi n n h t n m 2018
7	Kiên Giang	33.538	26.880	80%	c th c hi n trong n m 2016-2018
8	H u Giang	43.001	40.603	94%	c th c hi n n h t n m 2018
9	Long An	68.765	46.544	68%	th c hi n n 15/4/2018
10	Sóc Tr ng	55.386	18.996	34%	th c hi n n m 2016-2017
11	Ti n Giang	84.368	78.115	93%	c th c hi n n h t n m 2018
12	Trà Vinh	72.386	59.229	82%	c th c hi n n h t n m 2018
13	V nh Long	91.006	54.918	60%	th c hi n n m 2016-2017
<b>T ng</b>		<b>895.852</b>	<b>693.335</b>		

**TH NG KÊ KINH PHÍ UT PHÁT TRI N KH&CN C UBND CÁC  
T NH/THÀNH PH VÙNG BSCL PHÊ DUY T GIAI O N 2016 - 2018**

*n v tính: Tri u ng*

STT	Tên t nh/ thành ph	Kinh phí ut phát tri n		T l (%)	Ghi chú
		K ho ch	Th c hi n		
1	An Giang	186.608	183.594	98%	c th c hi n n h t n m 2018
2	B c Liêu	115.798	0	0%	Th c hi n quy nh c a UBND t nh giao v Ban Qu n lý d án ut xây d ng các công trình dân d ng và công nghi p t nh B c Liêu (n m 2016 n nay)
3	B n Tre	20.800	10.000	48%	c th c hi n n h t n m 2018
4	Cà Mau	21.000	10.247	49%	c th c hi n n h t n m 2018
5	C n Th	92.700	89.952	97%	c th c hi n n h t n m 2018
6	ng Tháp	26.451	25.995	98%	c th c hi n n h t n m 2018, ang ngh b sung v n n m 2018 là 8.500 tri u ng
7	Kiên Giang	56.317	55.328	98%	c th c hi n n m 2016-2018
8	H u Giang	28.301	27.231	96%	c th c hi n n h t n m 2018
9	Long An	30.581	20.942	68%	th c hi n n 15/4/2018
10	Sóc Tr ng	45.600	19.322	42%	th c hi n n m 2016-2017
11	Ti n Giang	62.000	35.500	57%	c th c hi n n n m 2018
12	Trà Vinh	2.900	2.882	99%	c th c hi n n n m 2018
13	V nh Long	14.000	14.000	100%	th c hi n n m 2016-2017
<b>T ng</b>		<b>703.056</b>	<b>494.993</b>		

**TH NG KÊ KINH PHÍ S NGHI P VÀ KINH PHÍ U T PHÁT TRI N  
KH&CN C UBND CÁC T NH/THÀNH PH VÙNG BSCL PHÊ DUY T  
GIAI O N 2016-2018**

*n v tính: Tri u ng*

S T T	Tên t nh/ thành ph	Kinh phí s nghi p KH&CN		Kinh phí u t phát tri n		T ng c ng		T l (%)
		K ho ch	Th c hi n	K ho ch	Th c hi n	K ho ch	Th c hi n	
1	An Giang	152.177	100.236	186.608	183.594	338.785	283.830	84%
2	B c Liêu	32.325	31.012	115.798	115.798	148.123	31.012	73%
3	B n Tre	42.022	37.179	20.800	10.000	62.822	47.179	75%
4	Cà Mau	64.228	64.228	21.000	10.247	85.228	74.475	87%
5	C n Th	94.370	81.264	92.700	89.952	187.070	171.216	92%
6	ng Tháp	62.280	54.131	26.451	25.995	88.731	80.126	90%
7	Kiên Giang	33.538	26.880	56.317	55.328	89.855	82.208	91%
8	H u Giang	43.001	40.603	28.301	27.231	71.302	67.834	95%
9	Long An	68.765	46.544	30.581	20.942	99.346	67.486	68%
10	Sóc Tr ng	55.386	18.996	45.600	19.322	100.986	38.318	38%
11	Ti n Giang	84.368	78.115	62.000	35.500	146.368	113.615	78%
12	Trà Vinh	72.386	59.229	2.900	2.882	75.286	62.111	83%
13	V nh Long	91.006	54.918	14.000	14.000	105.006	68.918	66%
<b>T ng</b>		<b>895.852</b>	<b>693.335</b>	<b>703.056</b>	<b>610.791</b>	<b>1.598.908</b>	<b>1.188.327</b>	<b>78%</b>

**T NG H P KINH PHÍ S NGHI P KH&CN C A CÁC T NH/THÀNH PH  
VÙNG BSCL GIAI O N 2016 - 2018**

VT: tri u ng

S T T	Tên t nh/ thành ph	2016			2017			2018		
		Kinh phí TW giao	Kinh phí c UBND t nh/ thành ph giao	Th c hi n	Kinh phí TW giao	Kinh phí c UBND t nh/ thành ph giao	Th c hi n	Kinh phí TW giao	Kinh phí c UBND t nh/ thành ph giao	Th c hi n (đ ki n)
1	An Giang	29.860	45.504	20.171	30.670	55.508	34.515	30.743	51.165	45.550
2	B c Liêu	16.010	10.671	10.671	16.390	10.807	9.791	16.433	10.847	10.550
3	B n Tre	18.430	16.718	11.875	18.860	14.638	14.638	19.639	15.666	15.666
4	Cà Mau	23.790	27.072	27.072	24.350	18.386	18.386	24.374	18.770	18.770
5	C n Th	30.190	30.190	23.994	32.090	32.090	25.471	32.090	32.090	31.799
6	ng Tháp	23.110	19.480	14.881	21.320	20.800	17.250	21.540	22.000	22.000
7	Kiên Giang	29.640	15.240	14.605	30.050	15.613	11.955	31.708	17.925	14.925
8	H u Giang	15.350	14.263	13.549	15.660	14.301	13.339	15.745	14.437	13.715
9	Long An	25.400	20.574	20.574	25.960	23.364	23.364	27.586	24.827	2.607
10	Sóc Tr ng	16.730	16.452	8.769	17.060	18.815	10.227	17.129	20.119	20.119
11	Ti n Giang	28.450	28.450	23.990	29.130	26.217	25.325	31.133	29.701	28.800
12	Trà Vinh	18.710	20.173	18.447	19.400	23.379	11.948	20.560	28.834	28.834
13	V nh Long	26.380	28.945	28.945	27.960	27.078	25.973	28.171	34.983	34.983
<b>T ng c ng</b>		<b>302.050</b>	<b>293.732</b>	<b>237.543</b>	<b>308.900</b>	<b>300.996</b>	<b>242.182</b>	<b>316.851</b>	<b>321.364</b>	<b>228.318</b>

**T NG H P KINH PHÍ UT PHÁT TRI N KH&CN C A CÁC T NH/THÀNH PH VÙNG BSCL GIAI O N 2016 - 2018**

*n v tính: Tri u ng*

S T T	Tên t nh/ thành ph	2016			2017			2018		
		Kinh phí TW giao	Kinh phí c UBND t nh/TP phê duy t	Th c hi n	Kinh phí TW giao	Kinh phí c UBND t nh/TP phê duy t	Th c hi n	Kinh phí TW giao	Kinh phí c UBND t nh/TP phê duy t	Th c hi n (d ki n)
1	An Giang	70.000	40.587	40.295	78.000	78.070	75.348	54.712	67.951	67.951
2	B c Liêu	33.248	33.248	33.248	68.755	57.550	57.550	0	25.000	25.000
3	B n Tre	0	10.800	10.800	30.000	0	0	30.000	10.000	10.000
4	Cà Mau	19.473	15.000	10.162	21.473	6.000	860	0	0	0
5	C n Th	6.140	31.000	28.252	236.656	25.000	25.000	67.481	36.700	36.700
6	ng Tháp	0	11.751	8.146	32.034	11.200	5.849	17.500	3.500	12.000
7	Kiên Giang	19.488	0	0	35.877	35.877	34.888	35.812	20.440	20.440
8	H u Giang	23.333	10.640	10.108	10.640	1.900	1.900	0	15.761	15.223
9	Long An	11.900	11.900	11.900	8.900	8.900	8.900	9.781	9.781	142
10	Sóc Tr ng	5.000	11.500	7.624	25.100	25.100	11.698	21.300	9.000	9.000
11	Ti n Giang	26.500	26.500	0	13.500	207	207	75.707	35.293	0
12	Trà Vinh	2.900	2.300	2.300	71.000	600	582	0	0	0
13	V nh Long	7.732	6.000	6.000	6.473	8.000	8.000	1.673	0	0
<b>T ng c ng</b>		<b>225.714</b>	<b>211.226</b>	<b>168.835</b>	<b>638.408</b>	<b>258.404</b>	<b>230.782</b>	<b>313.966</b>	<b>233.426</b>	<b>196.456</b>



**T NG H P CÁC NHI M V KH&CNC P QU C GIA CÓ KINH PHÍ TRUNG  
NG H TR CÁC A PH NG VÙNG BSCL  
GIAI O N 2016 - 2018**

S T T	Tên nhi m v	Th i gian th c hi n	Kinh phí (nghìn ng)		Ghi chú
			Trung ng h tr	a ph ng	
<b>I</b>	<b>Ch ng trình Nông thôn mi n núi</b>				
1	ng d ng công ngh s n xu t các ch ph m sinh h c t hèm r u, cám g o, phân tròn qu ph c v Nông nghi p t i t nh Long An.	2016	2.560	3.940	D án TW qu n lý
2	ng d ng ti n b khoa h c công ngh s n xu t heo h u c và rau h u c t i Long Xuyên, An Giang	2016	2.370	2.630	D án TW qu n lý
3	Xây d ng mô hình s n xu t cây có múi ng d ng công ngh cao t i t nh H u Giang;	2016	3.180	3.820	D án TW qu n lý
4	Xây d ng mô hình tr ng d a Sáp b ng ngu n cây gi ng nuôi c y phôi t i Trà Vinh;	2016	2.730	2.770	D án TW qu n lý
5	ng d ng ti n b khoa h c và công ngh trong ch n nuôi bò th t ch t l ng cao t i t nh Trà Vinh	2016	3.630	3.870	D án TW qu n lý
6	ng d ng ti n b khoa h c và công ngh trong ch n nuôi bò th t ch t l ng cao t nh B n Tre;	2016	2.880	2.920	D án TW qu n lý
7	T n d ng ph ph m nông nghi p (cùi b p, r m r ) phát tri n ngh tr ng n m bào ng (Pleurotus sp.) t nh Sóc Tr ng.	2016	3.620	4.380	D án TW qu n lý
8	Chuy n giao ti n b k thu t và xây d ng mô hình nhân gi ng và tr ng cam Sành không h t ch t l ng cao t i Trà Vinh;	2017	3.340	4.340	D án TW qu n lý
9	ng d ng ti n b khoa h c và công ngh xây d ng mô hình s n xu t hoa ch t l ng cao t i qu n Bình Th y và huy n Phong i n, thành ph C n Th ;	2017	2.340	3.450	D án TW qu n lý
10	ng d ng ti n b khoa h c công ngh nuôi l n không bùn và nuôi cá lóc trên b lót b t t i t nh An Giang.	2017	2.940	3.250	D án TW qu n lý
11	ng d ng Chuy n giao ti n b k thu t và xây d ng mô hình tr ng chu i già Philipines t tiêu chu n xu t kh u vùng U Minh H t nh Cà Mau.	2017	3.650	4.650	D án TW qu n lý
12	ng d ng ti n b khoa h c công ngh xây d ng mô hình ch bi n ch cá ch t l ng cao t ngu n cá t p trên a bàn t nh Trà Vinh.	2017	4.840	6.430	D án TW qu n lý

13	ng d ng KH&CN xây d ng mô hình nhân gi ng, s n xu t th ng ph m cây b i da xanh, cây cam trên à bàn t nh B n Tre.	2017	3.450	4.120	D án TW qu n lý
14	ng d ng quy trình công ngh chi t su t tinh đ u và s n xu t c ch t tr ng n m, giá th t s ch t ph ph m cây s nh m nâng cao giá tr gia t ng và phát tri n b n v ng vùng tr ng s t i t nh Ti n Giang	2017	3.830	4.560	D án TW qu n lý
15	ng d ng ti n b khoa h c và công ngh xây đ ng mô hình s n xu t hoa ch t l ng cao t i thành ph C n Th	2017	2.380	4.800	D án TW qu n lý
16	ng d ng KH&CN xây d ng mô hình nhân gi ng, s n xu t th ng ph m cây b i da xanh, cây cam trên à bàn t nh B n Tre	2017	3.600	5.400	D án TW qu n lý
17	ng d ng ti n b khoa h c và công ngh xây đ ng mô hình ch bi n ch cá ch t l ng cao t ngu n cá t p trên à bàn t nh Trà Vinh	2017	4.830	7.500	D án TW qu n lý
18	Chuy n giao ti n b k thu t và xây d ng mô hình nhân gi ng và tr ng cam Sành không h t ch t l ng cao t i Trà Vinh	2017	3.630	7.500	D án TW qu n lý
19	ng d ng ti n b khoa h c và công ngh xây đ ng mô hình nuôi cá lóc trong b b t và nuôi l n th ng ph m không bùn, m t cao t i t nh An Giang	2017	3.180	7.000	D án TW qu n lý
20	Chuy n giao công ngh , xây d ng mô hình s n xu t và ch bi n s n ph m m t s lo i n m đ c li u (n m linh chi, vân chi, ông trùng h th o) có giá tr kinh t cao t i t nh B c Liêu	2017	3.620	8.000	D án TW qu n lý
21	ng d ng ti n b k thu t xây d ng mô hình nuôi Artemia thu tr ng Cyst khu v c nhi m m n cao c a t nh B n Tre.	2018	1.890	4.000	D án TW qu n lý
22	ng d ng và phát tri n công ngh s n xu t g ch không nung t cát, á m t và nguyên li u có s n t i thành ph C n Th	2018	4.830	7.170	D án TW qu n lý
23	ng d ng ti n b khoa h c công ngh xây đ ng mô hình ng gi ng và nuôi th ng ph m cá B ng t ng ( <i>Oxyeleotris marmorata</i> ) t i t nh An Giang	2018	2.470	3.530	D án TW qu n lý
24	Xây d ng mô hình s n xu t g ch không nung c t li u t nguyên li u s n có thay th g ch không nung t i t nh An Giang.	2018	4.560	7.440	D án TW qu n lý
25	ng d ng ti n b k thu t xây d ng và ph c h i vùng ng gi ng cá tra theo h ng VietGAP t i t nh An Giang.	2018	2.340	3.850	D án TW qu n lý
26	ng d ng ti n b khoa h c và công ngh xây đ ng mô hình ch bi n mu i tinh và mu i tinh I- t ch t l ng cao t nh B c Liêu.	2018	4.570	8.430	

27	Chuyên giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nuôi tôm càng xanh toàn cục xen lúa và luân canh tôm sú sinh thái tại tỉnh Bến Tre.	2017	1.050	2.530	Đ án y quy n PQL
28	Chuyên giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nuôi dê lai (Boer x Bách Thọ) tại tỉnh Trà Vinh.	2017	1.150	2.640	Đ án y quy n PQL
29	Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ nuôi tôm càng xanh ( <i>Macrobrachium rosenbergii</i> De Man, 1879) thích ứng với biến đổi khí hậu trong môi trường vùng đồng bằng sông Cửu Long.	2017	985	2.100	Đ án y quy n PQL
30	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nhân giống và sản xuất giống cây trồng hoa chrysanthemum tại làng hoa Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.	2017	1.320	3.240	Đ án y quy n PQL
<b>II Chương trình KH&amp;CN Tây Nam Bộ</b>					
1	Nghiên cứu xu hướng, chính sách liên kết vùng và liên vùng ở vùng Tây Nam Bộ theo hướng phát triển bền vững.	2015	2.650	0	
2	Hợp tác xuyên biên giới của vùng Tây Nam Bộ.	2015	2.650	0	
3	Thúc đẩy phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ.	2015	7.500	3.380	
4	Hệ thống chính trị cơ sở vì yêu cầu phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ hiện nay.	2015	4.100	2.050	
5	Vấn đề dân số và di dân trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ	2015	7.400	3.100	
6	Phát triển nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ.	2015	12.000	4.800	
7	Nghiên cứu tình hình dân tộc ở vùng biên giới phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ.	2015	7.500	3.300	
8	Nghiên cứu tình hình tôn giáo ở vùng biên giới phát triển bền vững Tây Nam Bộ.	2015	5.500	2.650	
9	Nghiên cứu luận khoa học và xu hướng thị trường phát triển kinh tế khu kinh tế Phú Quốc.	2015	8.000	3.600	
10	Tổng kết 30 năm đổi mới và phát triển vùng Tây Nam Bộ trên quan điểm phát triển bền vững.	2015	6.380	0	
11	Vấn đề bảo vệ quốc phòng và an ninh cho phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ	2016	2.700	0	
12	Chính sách liên kết kinh tế vùng và liên vùng ở vùng Tây Nam Bộ theo hướng phát triển bền vững	2016	2.800	0	

13	Kh o sát, ánh giá, xây d ng các gi i pháp công ngh hi n i, t i u s d ng hi u qu ngu n ph ph ph m biomass (tr u) theo h ng s n xu t n ng l ng b n v ng, ph c v phát tri n kinh t xã h i c a khu v c Tây Nam B , Vi t Nam.	2015	3.560	0
14	Nghiên c u ng d ng công ngh plasma l nh x lý n c sinh ho t và nuôi tr ng th y s n vùng Tây Nam B .	2015	3.000	0
15	Xây d ng b kit sinh h c xác nh c tính ph c v quan tr c ô nhi m n c m t vùng Tây Nam B .	2015	4.000	0
16	Xây d ng h th ng thông tin a lý ng b ng Sông C u Long (Mekong delta geographic information systems MGIS).	2015	4.590	0
17	Xây d ng mô hình nuôi tôm b n v ng t i các t nh ng b ng sông C u Long d a trên ki m soát và x lý n c ao tôm b ng v t li u và công ngh nano	2016	3.500	0
18	Gi i pháp cân b ng cung c u th tr ng, phát tri n b n v ng các chu i ngành hàng ch l c vùng ng b ng Sông C u Long: Xây d ng và tri n khai mô hình liên k t s n xu t chu i giá tr ngành hàng lúa g o	2016	3.800	0
19	Phân tích chu i giá tr ngành hàng tôm và xây d ng mô hình nuôi tôm mang l i hi u qu kinh t cao cho vùng Tây Nam B	2016	4.050	0
20	C i thi n chu i giá tr n m r m ng b ng Sông C u Long	2016	3.500	0
21	Nâng cao ch t l ng, a d ng hóa s n ph m và khai thác ph ph m c a ngành s n xu t lúa g o khu v c ng b ng Sông C u Long	2016	4.100	0
22	ng d ng gi i pháp bê tông c t phi kim nh m t ng c ng tính b n v ng cho các công trình kè ch n sóng ven bi n khu v c ng b ng Sông C u Long d i tác ng c a bi n i khí h u	2016	8.000	0
23	Nghiên c u xác nh nguyên nhân, c ch và xu t các gi i pháp kh thi v k thu t, hi u qu v kinh t nh m h n ch xói l , b i l ng cho h th ng sông ng b ng Sông C u Long	2016	9.100	0
24	Xây d ng và tri n khai mô hình liên k t s n xu t chu i giá tr cho ngành hàng cây có múi (B i và Cam Sành) vùng Tây Nam B	2017	3.500	0
25	Nghiên c u s bi n i môi tr ng sinh thái vùng h l u sông Mê Kông thu c lãnh th Vi t Nam và ánh giá tác h i c a các ho t ng kinh t không c ki m soát t i vùng th ng l u sông Mê Kông	2017	7.050	0

26	Nghiên cứu kỹ thuật chuyên sâu sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu vùng TNB, nghiên cứu ứng dụng hình thức canh tác mới	2017	6.200	0	
27	Đánh giá và xuất khẩu kỹ thuật quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng ven biển cửa sông Cửu Long	2017	4.600	0	
28	Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi nghêu bán vớt tại vùng biển sông Cửu Long	2017	5.600	0	
29	Ứng dụng và nghiên cứu hoàn thiện mô hình kỹ thuật thu hoạch trong trồng cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) vùng Tây Nam Bộ	2017	4.700	0	
30	Nghiên cứu và phát triển chế phẩm hỗ trợ tăng trưởng và phòng bệnh cho cây thuốc (cà chua) vùng Tây Nam Bộ thu hoạch Hibiscus L. và Decaschistia Wight & Arn. họ Bông (Malvaceae)	2017	4.300	0	
31	Xây dựng chuỗi giá trị xoài Việt Nam phục vụ thị trường trong nước và các thị trường xuất khẩu chủ lực	2017	5.300	0	
32	Nghiên cứu tạo, chọn các giống lúa chuyên dụng thích ứng với biến đổi khí hậu cho vùng biển sông Cửu Long	2017	3.800	0	
33	Đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển nguồn tài nguyên cây thuốc và nghiên cứu bảo tồn, trồng rừng tái tạo loài cây thuốc quý hiếm vùng Tây Nam Bộ	2017	6.700	0	
34	Nghiên cứu phát triển vùng đặc sản rau củ vùng Tây Nam Bộ (Rau ngót, Thù lù, Ngải zingiberaceae và vài đặc sản khác) sản xuất theo tiêu chuẩn GACP phục vụ sản xuất nông nghiệp trong nước và hướng xuất khẩu	2018	6.800	0	
35	Nghiên cứu phát triển chuỗi sản phẩm có giá trị gia tăng cao từ cá tra và cá basa, nâng cao hiệu quả kinh tế chăn nuôi và chế biến cá da trơn mô hình miền Tây Nam Bộ	2018	5.970	0	
36	Nghiên cứu kỹ thuật khai thác và sử dụng tài nguyên nước mặn các tỉnh ven biển BSCL trong điều kiện biến đổi khí hậu.	2018	5.950	0	
37	Nghiên cứu kỹ thuật công nghệ và thiết kế, chế tạo thiết bị xử lý tro bay của các nhà máy nhiệt điện than thành nguyên liệu cho nhà máy xi măng và vật liệu không nung.	2018	7.200	0	
38	Nghiên cứu ứng dụng và triển khai mô hình không phát thải khí nhà kính nông nghiệp bền vững cho cộng đồng nông thôn vùng BSCL.	2018	6.000	0	

39	Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp kỹ thuật sản xuất và gia công bằng sợi sợi basalt (BRFP) và các-bon (CFRP) nhằm tăng cường hiệu suất sản xuất và tuổi thọ cho các công trình cầu BSCL.	2018	6.950	0	
<b>III</b>	<b>Quản lý và Công nghệ trình quản lý công nghệ gia</b>				
1	Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất phân vô cơ thành phần bằng công nghệ sấy khí nóng tự động	2016	20.280	70.000	
2	Hoàn thiện máy ghép liên hợp tại Công ty TNHH Hoàng Thành, Cần Thơ	2016	5.800	6.000	
3	Nghiên cứu làm sạch công nghệ thi công và công nghệ chế tạo lò hơi quá nhiệt tại p. sông công suất 25-35 t/nh	2016	12.234	13.200	
4	Nghiên cứu hoàn thiện thi công và chế tạo hệ thống sấy lúa ngang năng suất 150 t/nh	2016	6.000	6.500	
5	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chuỗi sản phẩm lúa gạo tại Cần Thơ.	2016	7.500	8.500	
6	Thực nghiệm lưu trữ bột Bê tông bê tông sợi phân tán tại Nghệ An.	2016	6.400	1.260	
7	Nghiên cứu làm sạch công nghệ chế biến và đóng gói Tetra-Pak cho sản phẩm nước dạt tại vùng nông nghiệp sông Cửu Long (Bến Tre).	2017	19.500	109.000	
8	Nghiên cứu công nghệ, thi công và chế tạo hệ thống bảo quản lúa ngoài trời bằng hệ thống Silo tròn quy mô 500-1000 t/nh tại tỉnh Nghệ An.	2017	6.850	3.450	
9	Hoàn thiện công nghệ, dây chuyền thi công nâng cao chất lượng dầu ăn và sản xuất shortening, margarine tại miền cá Trá	2018	25.000	129.498	
10	Xây dựng vùng nuôi tôm sinh thái tại p. Cây giá, xã Thành, huyện Ông Hòa, tỉnh Bạc Liêu.	2018	10.500	28.450	
<b>IV</b>	<b>Nhiệm vụ cấp thiết phát triển nông nghiệp (cấp quản lý)</b>				
1	Nghiên cứu sản xuất và ứng dụng chế phẩm vi sinh vật phân giải sản xuất cây ăn quả trên đất nhiễm mặn tại tỉnh Bến Tre.	2017	4.050	500	
2	Nghiên cứu công nghệ sản xuất màng cellulose sinh học từ các phụ phẩm nông nghiệp để làm bao gói thực phẩm.	2018	6.150	700	
3	Nghiên cứu sản xuất các giải pháp khai thác và sử dụng nguồn nước hợp lý phát triển bền vững kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang và vùng phụ cận trong bối cảnh phát triển thị trường nước Mê Công và biến đổi khí hậu.	2018	5.430	610	

<b>V</b>	<b>Nhi m v c l p c p q u c g i a</b>				
1	Nghiên c u t o g i n g b o n h a n b n c h t l n g c a o t i L o n g A n v à m t s t n h v ù n g B S C L	2016	21.600	0	
2	<b>Nghiên c u s n x u t t h c n p h c v n u ô i t ô m s ú ( P . m o n o d o n ) v à t ô m t h c h â n t r n g ( L . v a n n a n e i ) t h i u q u v à t h í c h n g v i x â m n h p m n .</b>	2017	25.500	36.097	
3	Nghiên c u c á c g i i p h á p g i m t h i u t á c n g , t h í c h n g v i t h i ê n t a i h n h á n v à x â m n h p m n v ù n g B á n o C à M a u .	2016	7.500	0	
4	Nghiên c u á n h g i á t n g t h q u á t r ì n h x ó i l v à d á o d i n b i n b b i n B S C L p h c v x u t g i i p h á p n h m n n h v à p h á t t r i n v ù n g v e n b i n	2017	8.810	0	
5	Nghiên c u g i i p h á p h p l ý v à c o n g n h t h í c h h p p h o n g c h n g x ó i l , n n h d i b b i n v à c á c c s o n g C u L o n g o n t T i n G i a n g n S ó c T r n g .	2017	11.560	0	
6	Nghiên c u g i i p h á p h p l ý v à c o n g n h t h í c h h p p h o n g c h n g x ó i l , n n h b b i n o n t S ó c T r n g n m i C à M a u .	2017	10.570	0	
7	Nghiên c u g i i p h á p h p l ý v à c o n g n h t h í c h h p p h o n g c h n g x ó i l , n n h b b i n o n t m i C à M a u n H à T i ê n .	2017	10.030	0	
8	Nghiên c u x â y d n g m ô h ì n h s i n h t h á i b n v n g v ù n g t r i u v e n b i n n g b n g s o n g C u L o n g .	2017	8.990	0	
9	Nghiên c u x u t c h c h í n h s á c h n h m q u n l ý b n v n g d i b b i n n g b n g s o n g C u L o n g .	2017	3.950	0	
	<b>T n g s : 91 n h i m v K H &amp; C N</b>		<b>600.699</b>	<b>576.905</b>	

**S L NG CÁC TÀI/D ÁN**  
**C P T NH/THÀNH PH THEO CÁC L NH V C GIAI O N 2016-2018**

S T T	Tên t nh/ thành ph	S l ng các tài/d án c p t nh/thành ph theo các l nh v c						T ng s
		Khoa h c t nhiên	KH k thu t và công ngh	Khoa h c y d c	Khoa h c nông nghi p	Khoa h c xã h i	Khoa h c nhân v n	
1	An Giang	0	13	19	44	9	0	85
2	B n Tre	0	12	3	14	19	1	49
3	B c Liêu	2	8	33	79	20	-	142
4	Cà Mau	0	1	1	16	5	0	23
5	C n Th	0	5	9	6	6	2	28
6	ng Tháp	0	4	1	8	2	0	15
7	H u Giang	0	3	2	5	2	0	12
8	Kiên Giang	1	4	6	27	29	2	69
9	Sóc Tr ng	0	4	2	20	4	17	47
10	Long An	3	18	3	32	20	2	78
11	Trà Vinh	3	3	4	9	4	0	23
12	Ti n Giang	0	10	3	10	6	0	29
13	V nh Long	0	9	2	12	6	2	31
	<b>T ng</b>	<b>9</b>	<b>94</b>	<b>88</b>	<b>282</b>	<b>132</b>	<b>26</b>	<b>631</b>



M T S K T Q U N I B T C A H O T N G N G D N G K H O A H C VÀ C H U Y N G I A O C Ō N G N H  
G I A I O N 2 0 1 6 - 2 0 1 8

T T	Tên nhiệm vụ	Nội dung nghiên cứu	K t qu t c ( óng góp vào s phát tri n KT-XH a ph ng)	Kinh phí/ c quan ch trì
<b>An Giang</b>				
1	tài: ánh giá t n th ng tài nguyên t c a t nh An Giang và xu t gi i pháp quy ho ch, k ho ch s d ng t ng phó v i bi n i khí h u và thiên tai	- Nghiên cứu bi n ng hi n tr ng, quy ho ch, k ho ch s d ng t c a t nh An Giang (2000 - 2015). - Xác nh các y u t t n th ng do bi n i khí h u và thiên tai n hi n tr ng s d ng t, n vi c th c hi n quy ho ch, k ho ch s d ng t. - ánh giá m c tác ng c a các y u t t n th ng theo t ng k ch b n bi n i khí h u n quy ho ch, k ho ch s d ng t. - xu t các nh h ng, gi i pháp chi n l c trong vi c th c hi n quy ho ch, k ho ch s d ng t c a t nh trong vi c ng phó v i bi n i khí h u.	tài ã cho các nhà qu n lý, các c quan ch c n ng c a t nh An Giang có cái nhìn chi ti t v m c tác ng do khô h n, ng p l và tình hình xâm nh p m n c ng nh các v n v i u ki n kinh t - xã h i và d ch b nh tác ng n quá trình s n xu t nông nghi p c a ng i dân, t ó có các bi n pháp gi m nh , thích ng và ng phó, khuy n ngh cho ng i dân; t ó giúp cho s n xu t nông nghi p có th phát tri n h n, n ng su t cao h n và m b o c ch t l ng s n ph m c ng nh tránh c nh ng r i ro không áng có khi th i ti t thay i th t th ng.	- Kinh phí: 1.143,885 tri u ng. - C quan ch trì: Tr ng i h c C n Th
2	tài: Xây d ng mô hình phát tri n du l ch v n hóa sinh thái lòng h Tân Trung - Vàm Nao, Phú Tân, An Giang	- Xây d ng h th ng lu n i m khoa h c c a tài. - Kh o sát ti m n ng, th c tr ng du l ch v n hóa sinh thái khu v c lòng h Tân Trung - Vàm Nao. - xu t mô hình m u, t p hu n cho ng i dân và t ch c tour th nghi m.	- ã xây d ng mô hình i m nh m khai thác, phát tri n s n ph m du l ch khu v c lòng h Tân Trung - Vàm Nao. - xu t gi i pháp th c hi n mô hình và nh h ng k t n i khu v c lòng h Tân Trung v i các tuy n i m khác An Giang nh m nâng cao kh n ng khai thác và làm giàu tính a d ng cho s n ph m du l ch t nh An Giang.	- Kinh phí: 388,352 tri u ng. - C quan ch trì: Tr ng i h c Tôn c Th ng
3	tài: Nghiên cứu, ánh giá thành ph n hóa h c và sinh h c,	- Nghiên cứu xác nh thành ph n hóa h c c a cây inh l ng lá nh t i t nh An Giang. - Tác d ng sinh h c d c li u c a cây inh l ng lá	- Nghiên cứu xây d ng quy trình công ngh s n xu t th c ph m ch c n ng t inh l ng lá nh tr ng t i vùng B y Núi, An Giang, c th ã bào ch 5760 viên	- Kinh phí: 1.098 tri u ng. - C quan ch trì:

T T	Tên nhiệm vụ	Nội dung nghiên cứu	Kết quả thực (Đóng góp vào sự phát triển KT-XH địa phương)	Kinh phí/ Cơ quan chủ trì
	kết thúc sản xuất thực phẩm chế biến cây cảnh lá nh (Polyscias Fruticosa (L.) Harms) tại huyện Tri Tôn và Tịnh Biên, tỉnh An Giang.	nhất tỉnh An Giang. - Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sản xuất thực phẩm chế biến lá nh cảnh tại vùng. Bộ Nội, An Giang. - Nghiên cứu khai thác, quy hoạch vùng trồng, sản xuất đặc sản địa phương.	nang và 5000 gói trà cảnh có tác dụng dược lý. - Kết quả của tài là “Hệ thống nghiên cứu tiến lâm sàng” của khoa học và pháp lý (chuyên gia cho các công ty) sản xuất thực phẩm đặc sản “Thực phẩm chế biến”. - Tài góp phần bổ sung phát triển cây cảnh lá nh thành cây kinh tế có giá trị địa phương, đồng thời làm phong phú thêm danh sản phẩm đặc sản địa phương và tăng cường sức khỏe của nhân dân.	Trên địa bàn huyện Tây Ô
<b>B c Liêu</b>				
1	Tài: Nuôi thử nghiệm cá Giò, <i>Rachycentron canadum</i> trong ao tại B c Liêu	- Nuôi cá giò trong ao thí nghiệm khác nhau từ 50g – 1000g/con. - Nuôi cá giò trong giai đoạn thí nghiệm khác nhau từ 1000g – 2000g/con. - Nuôi cá giò trong giai đoạn thí nghiệm khác nhau từ 2000g – 4000g/con. - Đánh giá kinh nghiệm nuôi cá giò trong ao thí nghiệm tại B c Liêu.	Kết quả nghiên cứu tài đã nuôi thành công cá giò trong giai đoạn thí nghiệm tại B c Liêu. Năng suất cá thí nghiệm 3000-4000 kg/ha sau thời gian nuôi là 10 tháng. Qua đánh giá thực tế cho thấy nhu cầu cá giò của người dân là khá cao. Chi phí thả cá Giò nuôi có hàm lượng béo cao hơn gấp 4 lần so với cá giò tự nhiên cho thấy kinh nghiệm sản xuất thả cá Giò phục vụ xuất khẩu có tiềm năng rất lớn.	- Kinh phí: 621,320 triệu đồng - Cơ quan chủ trì: Phân Viện nghiên cứu Thủy sản Minh Hải.
2	Tài: Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ nuôi ong ngoi ( <i>Apis mellifera</i> ) theo hướng sản xuất hàng hóa tại tỉnh B c Liêu	- Điều tra cây ngu n ph n, cây ngu n m t chính. Kh o sát tình hình ch n nuôi và c c u gi ng ong t nh B c Liêu. - Nghiên cứu kinh nghiệm phát triển các giống ong ngoi ( <i>Apis mellifera</i> ) tại B c Liêu. - Nghiên cứu quy trình nuôi ong, khai thác, sản phẩm và xây dựng quy trình phòng tránh bệnh ong.	- Kết quả nghiên cứu đã xây dựng thành công và chuyển giao cho 05 hộ dân tại huyện Ph c Long quy trình nuôi ong ngoi thí nghiệm kinh tế cùng với 100 đàn ong ngoi ( <i>Apis mellifera</i> ) của nhân dân tổ chức theo các quy trình kỹ thuật kiểm soát, tổ chức, chia đàn, khai thác sản phẩm và phương pháp xử lý sản phẩm ong th ng g p. - Kết quả của tài đã mở ra hướng mới sản xuất nông nghiệp, bổ sung cho huyện Ph c Long một ngành nghề mới, đồng thời nâng cao thu nhập cho người dân địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế nông thôn.	- Kinh phí: 640,240 triệu đồng - Cơ quan chủ trì: Trung tâm nghiên cứu và Chuyển giao KH-CN, Trên địa bàn huyện Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh.

T T	Tên nhiệm vụ	Nội dung nghiên cứu	K t qu t c ( óng góp vào s phát tri n KT-XH a ph ng)	Kinh phí/ c quan ch trì
			nông dân, góp ph n phát tri n n n kinh t - xã h i cho a ph ng.	
3	tài: Xây d ng mô hình i m truy c p thông tin khoa h c và công ngh ph c v ch ng trình xây d ng nông thôn m i t i huy n Ph c Long, t nh B c Liêu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác l p ngu n tin, quy trình x lý tin, truy c p và phân ph i tin. Xác nh các s n ph m và d ch v thông tin phù h p v i tuy n p. L a ch n các thông tin c p nh t vào th vi n i n t .</li> <li>- ào t o m i, t p hu n ngu n nhân l c công ngh thông tin c p c s t i 74 p c a các xã thu c huy n Ph c Long.</li> <li>- u t xây d ng i m truy c p v i n i dung thông tin phong phú, thi t th c đ i nhi u hình th c.</li> <li>- Xây d ng c ch v n hành, t ch c, qu n lý mô hình i m truy c p.</li> <li>- Ph bi n ki n th c khoa h c, thông tin tuyên truy n v chuy n giao công ngh cho các h i viên c a các H i nh : H i Nông dân, H i Làm v n, H i Ph n , H i C chi n binh, oàn Thanh niên trong p.</li> </ul>	K t qu th c hi n đ án ã xây d ng c 74 i m truy c p thông tin khoa h c và công ngh t i 74 nhà v n hóa p thu c 8 xã, th tr n c a huy n Ph c Long cùng v i h th ng c s d li u v chuyên gia/t ch c t v n KH&CN, phim và tài li u k thu t s n xu t trên các l nh v c nông – lâm – ng nghi p, ch n nuôi, tr ng tr t, gi ng cây con, v t t nông nghi p... i m truy c p thông tin KH&CN t o ra c h i cho nông dân tí p c n và tìm hi u các quy trình k thu t s n xu t m i hi u qu áp d ng vào th c ti n s n xu t làm t ng l i nhu n, góp ph n nâng cao i s ng, nâng cao dân trí nông thôn ph c v cho công cu c chuy n d ch c c u kinh t t i a ph ng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh phí: 2.811,66 tri u ng.</li> <li>- C quan ch trì: Trung tâm Thông tin và Th ng kê KH&amp;CN B c Liêu.</li> </ul>
<b>B n Tre</b>				
1	tài: ánh giá trình công ngh c a các ngành ch l c trên a bàn t nh B n Tre	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích và ánh giá hi n tr ng trình công ngh</li> <li>- Phân tích nhu c u i m i công ngh và xu t gi i pháp nâng cao trình công ngh</li> <li>- Hoàn thi n công c h tr ánh giá trình công ngh</li> <li>- Các ho t ng ph c v n i dung nghiên c u</li> <li>- Xây d ng ph n m m và website ph c v công tác qu n lý và ánh giá.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- K t qu kh o sát c phân lo i theo 4 c p theo Thông t s 04 c a B KH&amp;CN.</li> <li>- K t qu tài ã xây d ng c ph n m m qu n lý và là c s t nh tí p t c c p nh t ánh giá hàng n m.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh phí: 469 tri u ng.</li> <li>- C quan ch trì: TT Nghiên c u và chuy n giao công ngh .</li> </ul>

T T	Tên nhiệm vụ	Nội dung nghiên cứu	K t qu t c ( óng góp vào s phát tri n KT-XH a ph ng)	Kinh phí/ c quan ch trì
2	<p>tài: Nâng cao năng lực cơ sở và giáo d c tr cho i ng giáo viên m m non t nh B n Tre</p>	<p>- Nghiên cứu thực trạng năng lực cơ sở giáo viên mầm non tỉnh Bến Tre về các mặt: kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, phẩm chất đạo đức và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo d c.</p> <p>- So sánh tài liệu bibliographic cho toàn thể giáo viên M mầm non tỉnh Bến Tre nhằm nâng cao năng lực sư phạm mầm non.</p> <p>- Tiến hành thực nghiệm sư phạm thông qua việc thực hiện các biện pháp nâng cao năng lực cơ sở và giáo d c tr c a i ng giáo viên m m non t nh B n Tre và o l ng m c khác biệt trong chất lượng cơ sở và sau khi thực hiện các biện pháp.</p>	<p>K t qu tài ã xu t gi i pháp nâng cao năng lực cơ sở và giáo d c tr cho i ng giáo viên mầm non tỉnh Bến Tre và c tri n khai áp d ng t i các tr ng m m non c a t nh.</p>	<p>- Kinh phí: 238 triệu đồng.</p> <p>- C quan ch trì: Tr ng H KHXH&amp;NV TP.HCM</p>
3	<p>tài: Xây dựng mô hình nuôi tôm thâm canh hiện đại bền vững môi trường (EMS/AHPNS) tỉnh Bến Tre</p>	<p>- Các biện pháp kiểm soát Vibrio trong nước và V. parahaemolyticus trong môi trường nước;</p> <p>- Các biện pháp kiểm soát Vibrio trong nước và V. parahaemolyticus tôm nuôi</p>	<p>ã xây dựng quy trình nuôi tôm thâm canh bền vững “n c xanh” c t o r a b i cá rô phi, k t h p v i v i c s d ng ch p h m v i sinh và ch t kháng khuẩn nh m c ch v i khu n V.parahaemolyticus và kiểm soát dịch bệnh hô hấp gan t y c p tính (EMS/AHPND), xây dựng quy trình giám sát các chỉ tiêu môi trường nước hiện đại bền vững gan t y c p tính trên tôm nuôi, đây là cơ sở cho việc tìm kiếm pháp kiểm soát bệnh hô hấp gan t y c p và giảm rủi ro cho ngành nuôi tôm thâm canh hiện nay t nh</p>	<p>- Kinh phí: 471 triệu đồng.</p> <p>- C quan ch trì: Vi n Nghiên cứu NTTS II</p>

T T	Tên nhiệm vụ	Nội dung nghiên cứu	Kết quả thực ( đóng góp vào sự phát triển KT-XH địa phương)	Kinh phí/ c quan chủ trì
<b>Cà Mau</b>				
1	Tài: Chẩn đoán giáng lúa chùng chum, năng suất cao, chất lượng cao tại tỉnh Cà Mau	- Đánh giá 05 giống/dòng lúa chum trong phòng thí nghiệm và trong nhà lưới. - Khảo nghiệm cơ bản vụ Thu đông năm 2013, Thu đông 2014. - Khảo nghiệm sản xuất vụ Thu đông 2014.	Nghiên cứu thành công trong việc chẩn đoán giáng lúa chum, nâng suất, chất lượng cao tại tỉnh Cà Mau. Đã chuyển giao 292 kg giống lúa chum nguyên chủng cho địa phương.	- Kinh phí: 800,3 triệu đồng. - Chủ quan chủ trì: Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Cà Mau.
2	Tài: Nghiên cứu đặc điểm sinh học và thí nghiệm cho sinh sản giống ngao móng tay chúa ( <i>Sinonovacula sp.</i> ) tại tỉnh Cà Mau.	- Khảo sát phân bố ngao móng tay chúa <i>Sinonovacula sp.</i> tại bãi ven biển tỉnh Cà Mau. - Xác định đặc điểm sinh sản, lối thức ăn phù hợp cho ngao móng tay chúa. - Kỹ thuật nuôi thu hoạch, xác định phương pháp kích thích sinh sản tự nhiên. - Nuôi u trùng ngao móng tay chúa tại Cà Mau.	Qua nghiên cứu đã xác định các đặc điểm, môi trường sống: vùng phân bố, danh loài, đặc điểm dinh dưỡng, sinh sản; và sinh trưởng; kích thích sinh sản và nuôi u trùng. Một số kết quả thực nghiệm sau: - Vùng phân bố: phát hiện ngao móng tay xuất hiện tại Gò Công, Rạch Tàu và Ông Trang trong 06 điểm khảo sát là Rạch Gạc, Rạch Tàu, Sông C, Cái Ôi Vàm, Gò Công, Ông Trang. - Về danh loài: loài móng tay chúa tại Cà Mau là loài <i>Cultellus maximus</i> (Gmelin, 1791). - Về mùa vụ sinh sản: ngao móng tay chúa phân bố 03 khu vực khác nhau của Cà Mau, có mùa vụ sinh sản gần nhau, tập trung từ tháng 3 đến tháng 5 và tháng 11 đến tháng 12 hàng năm. - Về kích thích sinh sản: nhiệt độ 18°C trong 45 phút kết hợp với kích thích dòng chảy 4m <sup>3</sup> /2 giờ là biện pháp thích hợp nhất trong kích thích sinh sản ngao móng tay chúa.	- Kinh phí: 590,41 triệu đồng - Chủ quan chủ trì: Phân viện Nghiên cứu Thủy sản Nam Sông Hậu
3	Dự án: Xây dựng mô hình xen canh lúa – tôm càng xanh toàn cộng đồng xã Tân Bình, huyện Thới Bình và Khánh Thuận, huyện	- Khảo sát đánh giá địa điểm vùng triển khai dự án. - Tiếp thu kỹ thuật sản xuất lúa chất lượng cao và xây dựng mô hình nuôi tôm càng xanh toàn cộng đồng. - Tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra giám sát trao đổi kinh nghiệm và báo cáo tổng kết dự án.	- Năng suất trung bình tôm càng xanh toàn cộng đồng: 206,86 kg/ha. - Năng suất lúa trung bình: 2,42 tấn/ha. - Mô hình ít sử dụng hóa chất, không sử dụng kháng sinh, chấy sử dụng men vi sinh và thu hoạch phòng trừ sâu bệnh có giá trị sinh học, vì vậy sản phẩm an toàn.	- Kinh phí: 2.950 triệu đồng, gồm: + NSNN: 1.068 triệu đồng + Ngân sách: 1.882 triệu đồng

T T	Tên nhiệm vụ	Nội dung nghiên cứu	Kết quả thực (Đóng góp vào sự phát triển KT-XH địa phương)	Kinh phí/ Cơ quan chủ trì
	U Minh, tỉnh Cà Mau		toàn sinh học, góp phần bảo vệ môi trường, sức khỏe người tiêu dùng nông thôn và mang lại hiệu quả kinh tế cho nông dân. Đây là mô hình có thể nhân rộng và xây dựng tiêu chuẩn VietGap.	- Cơ quan chủ trì: Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Cà Mau
<b>C n Th</b>				
1	tài “ a d ng hóa m t s s n ph m n c gi i khát làm t d u H Châu”	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kh o sát v hi u qu s n xu t và nhu c u phát tri n các lo i s n ph m th c ph m ch bi n t d u H châu.</li> <li>- Phân tích thành ph n trái d u H châu.</li> <li>- Nghiên c u các y u t nh h ng n hi u su t trích ly n c qu .</li> <li>- Nghiên c u xây d ng quy trình s n xu t n c gi i khát t d u H Châu.</li> <li>- Nghiên c u xây d ng quy trình s n xu t r u vang d u.</li> <li>- Phân tích ki m nghi m, xin gi y ch ng nh n v ch t l ng v an toàn v sinh th c ph m c a 3 s n ph m: r u d u, n c ép trái d u có gas có c n và n c ép trái d u t i thanh trùng.</li> <li>- Chuy n giao công ngh s n xu t 3 s n ph m r u vang d u, n c d u có gas có c n và n c d u t i thanh trùng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- tài ã xây d ng thành công quy trình s n xu t n c gi i khát t d u H Châu (bao g m 02 lo i s n ph m n c d u H Châu t i thanh trùng và n c d u H Châu thanh trùng có gas có c n) và quy trình s n xu t r u vang d u, các s n ph m t o ra c phân tích ki m nghi m ánh giá ch t l ng v sinh an toàn th c ph m theo quy chu n c a B Y t .</li> <li>- K t qu tài ã c chuy n giao cho Trung tâm ng d ng t i b khoa h c và công ngh khai thác th ng m i hóa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh phí: 638,365 tri u ng.</li> <li>- Cơ quan chủ trì: Tr ng i h c C n Th</li> </ul>
2	tài “ ng d ng công ngh i n toán ám mây trên n n t ng mã ngu n m ph c v xây d ng mô hình tri n khai các ng d ng CNTT trong các c quan nhà	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên c u, ánh giá m t s gi i pháp i n toán ám mây d a trên ph n m m mã ngu n m ph bi n t ó xu t và ch n l a m t gi i pháp xây d ng h th ng i n toán ám mây th nghi m cho TP.C n Th .</li> <li>- Kh o sát các ph n m m hành chính công ang c tri n khai s d ng các c p s , qu n/huy n, xã/ ph ng c a TP. C n Th , xu t mô hình và</li> </ul>	ã tri n khai 04 ph n m m ng d ng công ngh thông tin trong các c quan hành chính nhà n c c a TP. C n Th (S Thông tin và Truy n thông, UBND qu n Th t N t, UBND huy n V nh Th nh) lên h th ng i n toán ám mây, áp ng c yêu c u v t i t ki m tài nguyên và nhân l c công ngh thông tin.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh phí: 303,110 tri u ng.</li> <li>- Cơ quan chủ trì: Tr ng i h c C n Th</li> </ul>

T T	Tên nhiệm vụ	Nội dung nghiên cứu	Kết quả thực ( đóng góp vào sự phát triển KT-XH địa phương)	Kinh phí/ chi phí quản lý
	n c c a TP.C n Th ”	<ul style="list-style-type: none"> <li>ph ng án tri n khai th nghi m các ph n m m này lên h th ng i n toán ám mây ã xây d ng.</li> <li>- Ch n l a n v thí i m chuy n i ph n m m hành chính công lên h th ng i n toán ám mây.</li> <li>- ánh giá m c áp ng c a ng i dùng khi s d ng các ng d ng hành chính công c tri n khai trên h th ng i n toán ám mây.</li> <li>- ào t o i ng qu n tr h th ng i n toán ám mây.</li> </ul>		
3	<p>D án “Thi t l p mô hình lan truy n ô nhi m không khí và xây d ng các gi i pháp b o v môi tr ng không khí ph c v phát tri n b n v ng thành ph C n Th ”.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- i u tra tình hình s d ng các lo i nhiên li u trong ho t ng s n xu t công nghi p và sinh ho t.</li> <li>- Thu th p d li u khí t ng và a hình cho mô hình khí t ng, d li u quan tr c t i các khu v c công nghi p, dân c , giao thông.</li> <li>- Xây d ng b n s hi n tr ng phát th i các ch t ô nhi m không khí cho ho t ng giao thông, s n xu t công nghi p trên a bàn Thành ph .</li> <li>- Xây d ng b n lan truy n ô nhi m không khí t i TP.C n Th .</li> <li>- Phân tích nguyên nhân, c h i phát sinh/ki m soát ngu n th i và tính toán đ báo ô nhi m không khí trong 5 n m, 10 n m t i</li> <li>- Nghiê n c u các k ho ch ki m soát ô nhi m không khí và thi t k các chi n l c ki m soát hi u qu gi m l ng phát th i các ch t ô nhi m không khí ph c v phát tri n b n v ng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây d ng c b n hi n tr ng phát th i các ch t ô nhi m không khí; mô ph ng lan truy n ô nhi m không khí cho ho t ng s n xu t công nghi p, giao thông; a ra đ báo ô nhi m trong khí trong 5, 10 n m t i và xu t gi i pháp ki m soát ô nhi m không khí ph c v phát tri n b n v ng c a thành ph .</li> <li>- C quan ch trì đ án ã chuy n giao các mô hình mô ph ng lan truy n ô nhi m không khí cho Trung tâm Quan tr c Tài nguyên và Môi tr ng thành ph C n Th và t p hu n cho 10 cán b s d ng mô hình và ph n m m có liên quan (cán b c a Trung tâm Quan tr c Tài nguyên và Môi tr ng và Chi c c Môi tr ng) ph c v cho công tác qu n lý môi tr ng.</li> <li>D án tham gia ào t o 03 th c s và công b 03 bài báo khoa h c (01 bài ng trên T p chí qu c t , 02 bài ng trên T p chí khoa h c trong n c).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh phí: 578,843 tri u ng.</li> <li>- C quan ch trì: Vi n Môi tr ng và Tài nguyên</li> </ul>
<b>H u Giang</b>				
1	ng d ng quy trình k thu t nâng cao n ng su t, ch t l ng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- i u tra hi n tr ng canh tác; h th ng cung ng s n ph m trái xoài cát Hòa L c t khâu x lý sau thu ho ch, óng gói, v n chuy n, tiêu th n</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vì c áp d ng quy trình x lý ra hoa r i v xoài cát Hòa L c theo h ng VietGAP ã không làm nh h ng n các thành ph n trái (t l th t trái, t l v , t</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh phí: 532,608 tri u ng.</li> </ul>

T T	Tên nhiệm vụ	Nội dung nghiên cứu	Kết quả thực (đóng góp vào sự phát triển KT-XH địa phương)	Kinh phí/ c quan chủ trì
	và rải vỏ xoài cát Hòa Lạc tiêu chuẩn VietGAP tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	<p>nguyên tiêu dùng và ảnh hưởng tác động của các thành phần trong chuỗi cung ứng với thị trường trái xoài và an toàn của con người huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang so với các tiêu chuẩn VietGAP.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mô hình sản xuất rau hoa ri v.</li> <li>- Xây dựng mô hình sản xuất 30 ha xoài cát Hòa Lạc, 20 ha tiêu chuẩn VietGAP.</li> <li>- Chuyển giao quy trình xử lý rau hoa ri v từ nông sản và chuỗi cung cho CBKT và nông dân trong huyện.</li> </ul>	<p>l (h) và phẩm chất trái (Brix, vitamin C, TSS, TA) của trái xoài. Ngoài ra, còn làm tăng năng suất trái, tăng năng suất trái trên cây, giảm chi phí sản xuất và tăng hiệu quả kinh tế.</p>	<p>- Chủ quan chủ trì: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Thực phẩm;</p>
2	<p>ứng dụng vi khuẩn vùng thân, lá và vùng rễ lúa kháng bệnh nấm mốc chitosan phòng trừ bệnh hại quan trọng và kích thích tăng trưởng cây lúa</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyển chọn các vi sinh vật có lợi (vùng lá/nội sinh/vùng rễ) tại địa phương và sản xuất <i>chitosan</i> kim soát các bệnh trên lúa: ôn, cháy bìa lá và m v n;</li> <li>- Xác định nồng độ kích thích tăng trưởng và khả năng chịu hạn của cây lúa ở vùng đồng ruộng môi trường biến đổi các vi khuẩn có lợi đã tuyển chọn;</li> <li>- Nhận danh và khảo sát mô hình sinh học, sinh thái của các dòng vi khuẩn trên vùng ruộng trong phòng thí nghiệm và kích thích tăng trưởng cây lúa;</li> <li>- Khảo sát mô hình sinh học có liên quan đến khả năng kim soát bệnh và kích thích tăng trưởng các dòng vi khuẩn trên vùng ruộng;</li> <li>- Nghiên cứu quy trình sản xuất sản phẩm sinh học;</li> <li>- Xây dựng quy trình ứng dụng sản phẩm thí nghiệm trong quản lý các bệnh quan trọng trên lúa trong sản xuất lúa theo hướng GAP;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyển chọn chủng <i>B. amyloliquefaciens</i>-B61 (PHL 182) có hiệu quả kiểm soát bệnh ôn lá lúa do nấm <i>P.oryzae</i> gây ra; chủng <i>B. amyloliquefaciens</i> subsp. <i>Plantarum</i>-B12 (PH2.6t) có hiệu quả phòng, trừ bệnh cháy bìa lá lúa, tăng năng suất thu hoạch Beam 75WWP (bệnh ôn) hoặc Starnet 20WP (bệnh cháy bìa lá).</li> <li>- Hiệu quả chủng <i>P.oryzae</i> và hiệu quả phòng trừ bệnh ôn lá của chủng <i>B. amyloliquefaciens</i>-B61 có liên quan đến khả năng tiết enzyme thủy phân <math>\beta</math>-1,3-glucanase hoặc/và chitinase.</li> <li>- Các chủng <i>B. amyloliquefaciens</i> -B8, <i>amyloliquefaciens</i> subsp. <i>Plantarum</i>-B12 có khả năng chịu đựng tốt ở vùng đồng ruộng miền cao, pH thấp hoặc thời tiết thu hoạch hóa học bất lợi và kích thích sản xuất tăng trưởng của cây lúa, đặc biệt trong điều kiện thí nghiệm miền hồ có pH thấp. Hiệu quả kích thích tăng trưởng cây lúa của chủng vi khuẩn có khả năng tiết IAA, phân giải lân, cellulose và có hoạt tính ACCdeaminase cao.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh phí: 383,923 triệu USD;</li> <li>- Chủ quan chủ trì: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Thực phẩm.</li> </ul>



<b>T T</b>	<b>Tên nhiệm vụ</b>	<b>Nội dung nghiên cứu</b>	<b>Kết quả thực (Đóng góp vào sự phát triển KT-XH địa phương)</b>	<b>Kinh phí/ Cơ quan chủ trì</b>
		- Thúc đẩy mô hình trình diễn; - Tổ chức hội thảo chuyên gia kết quả nghiên cứu cho nông dân và cán bộ kỹ thuật địa phương.		
<b>Kiên Giang</b>				
1	Thúc đẩy và giới thiệu pháp nâng cao năng suất các yếu tố tăng hợp TFP trong tăng trưởng kinh tế tỉnh Kiên Giang.	- Đánh giá các tác động về tăng trưởng kinh tế, năng suất lao động xã hội, hiệu quả sử dụng vốn (ICOR). - Phân tích các nguồn lực kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến TFP của tỉnh Kiên Giang. - Xu hướng các nhóm giới thiệu pháp nâng cao năng suất các yếu tố tăng hợp.	- Đánh giá tăng trưởng TFP và đóng góp của TFP trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh Kiên Giang bằng phương pháp hàm sản xuất Cobb-Douglas, dựa trên dữ liệu thời gian 2001-2015. - Xu hướng các giới thiệu pháp tiếp cận thị trường tăng trưởng TFP.	- Kinh phí: 469,249 triệu USD, - Cơ quan chủ trì: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển
2	Nghiên cứu và chuyên gia các quy trình phòng tránh bệnh trên cá bớp ( <i>Rachycentron canadum</i> ) và cá mú ( <i>Epinephelus</i> spp.).	- Xác định các tác nhân gây bệnh trên cá bớp và cá mú giai đoạn nuôi thương phẩm Kiên Giang; - Nghiên cứu xu hướng các giới thiệu pháp phòng và điều trị bệnh có hiệu quả trên 02 loài cá này, nhằm nâng cao sản lượng, thu nhập cho người nuôi.	- Xây dựng các quy trình phòng và điều trị bệnh cho 02 loài cá bớp, cá mú. - Tổ chức tập huấn chuyên gia quy trình phòng và điều trị bệnh trên cá bớp và cá mú cho các hộ nuôi phòng và điều trị bệnh có hiệu quả 02 loài cá này, góp phần phát triển KT-XH địa phương.	- Kinh phí: 442,970 triệu USD, - Cơ quan chủ trì: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển
<b>Long An</b>				
1	Ứng dụng công nghệ sinh học, bảo quản nâng cao giá trị sản phẩm chanh không hạt tỉnh Long An	- Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp nhằm tăng hiệu quả sản xuất và nâng cao giá trị sản phẩm. - Ứng dụng công nghệ phù hợp đáp ứng yêu cầu thị trường, nâng cao giá trị sản phẩm trái chanh.	Chanh không hạt sạch, bảo quản bền vững công nghệ tiên tiến, nâng cao giá trị sản phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường.	- Kinh phí: 1.400 triệu USD - Đơn vị chủ trì: Viện NC Cây ăn quả miền Nam.
2	Ứng dụng công nghệ xử lý nước TCTI huyện Châu Thành tỉnh Long An	Lập kế hoạch xây dựng các TCTC, hoàn thiện vận hành các hạng mục công trình, nâng chất lượng nước cấp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt theo quy định	Huyện Châu Thành ứng dụng công nghệ xử lý nước phù hợp quy chuẩn, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe người dân	- Kinh phí: 1.584 triệu USD - Cơ quan chủ trì: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển

T T	Tên nhiệm vụ	Nội dung nghiên cứu	Kết quả thực ( đóng góp vào sự phát triển KT-XH địa phương)	Kinh phí/ Cơ quan chủ trì
				đang Tin b KH&CN Long An
3	Nhân rộng mô hình ứng dụng công nghệ iu tít t trong chiếu sáng giao thông nội thị nh m tít ki m i n n g	ứng dụng công nghệ cao, ứng dụng trong chiếu sáng đô thị. Mi huy n 01 mô hình qui mô 01 km ứng dụng giao thông nội thị.	Công nghệ iu tít t ứng dụng ánh sáng cao ứng dụng thu c vào iu ki n th i tít và th i gian.	- Kinh phí: 1.215,394 triệu đồng. - Cơ quan chủ trì: TT. ứng dụng Tin b KH&CN Long An
<b>Sức Tr ng</b>				
1	Phân tích các thành phần to nên cơ thể của hành tím c tr ng t i th xã V nh Châu, tỉnh Sóc Tr ng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định iu ki n t nhiên (th nh ng, khí h u) t i m t s khu v c canh tác hành tím Vít Nam.</li> <li>- Xác định hiện trạng canh tác sản phẩm hành tím V nh Châu.</li> <li>- Xác định giá trị c thù v nông sinh học của sản phẩm hành tím V nh Châu.</li> <li>- Xác định các giá trị c tr ng v thành phần hóa học của sản phẩm hành tím V nh Châu và m t s khu v c tr ng hành tím n i tít ng c a Vít Nam.</li> <li>- Xác định giá trị c m quan c tr ng c a hành tím V nh Châu và hành tím m t s khu v c tr ng hành n i tít ng Vít Nam.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả cho thấy hành tím V nh Châu có kích thước c và tếp l n h n so v i các m u hành khác, ứng dụng kính c trung bình 4,4 cm và ứng dụng kính tếp 2,7 cm; màu sắc m nh t trong các m u hành c kh o sát.</li> <li>Hành tím V nh Châu có hàm l ng các ch t và h p ch t hóa học b n c ng nh c tr ng khác bi t so v i hành tím các khu v c khác: Hàm l ng các nhóm vitamin, ứng dụng t ng 7,2 - 7,5%, Brix 11,4 - 14, ch t béo 1,18% và m kho ng 73%; hàm l ng t ng s các h p ch t sulfur t 688,7 - 723,1 mg/100 g hành t i; các h p ch t flavonoid c ng có hàm l ng v t tr i hành tím V nh Châu, c bi t là anthocyanin 16,5 - 17,3 mg/100 g và quercetin 20,2 - 32,5 mg/100 g hành t i; hàm l ng h p ch t saponin c ng ghi nh n m c cao t 15,1 - 19,1 mg/100 g hành t i. Hành tím V nh Châu có nh ng c tính c m quan c tr ng h n so v i hành tím khu v c khác nh có v cay, mùi th m c tr ng, có v ng t khi n, màu tím m, m b m t l n t o c m giác</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh phí: 813,775 triệu đồng.</li> <li>- Cơ quan chủ trì: Viện Công nghệ sinh học và Th c phẩm - Tr ng i h c Công nghi p Thành ph H Chí Minh.</li> </ul>

T T	Tên nhiệm vụ	Nội dung nghiên cứu	Kết quả thực (Đóng góp vào sự phát triển KT-XH địa phương)	Kinh phí/ c quan chủ trì
			<p>gion.</p> <p>- Ngoài ra, nh ng c i m c tr ng c a hành tím V nh Châu so v i a ph ng khác c ng b chi ph i b i các c i m khác bi t v i u ki n khí h u, thành ph n nông hóa c a t, n c.</p>	
2	<p>ánh giá hi u qu s d ng h m b o qu n s n ph m trên tàu cá b ng v t li u Polyurethane (PU) t nh Sóc Tr ng</p>	<p>- i u tra, kh o sát th c tr ng b o qu n s n ph m th y s n trên tàu cá t nh Sóc Tr ng và ch n h tri n khai mô hình.</p> <p>- T ch c th c nghi m.</p> <p>- ánh giá hi u qu mô hình h m b o qu n b ng v t li u PU.</p> <p>- Xây d ng quy trình b o qu n trên tàu khai thác th y s n xa xb nh m nâng cao chu i giá tr s n ph m.</p> <p>- T ch c t p hu n chuy n giao công ngh .</p>	<p>- ã thi t k , xây d ng 03 h m b o qu n s n ph m trên tàu cá b ng v t li u PU (trong ó, 02 h m trên tàu khai thác xa b và 01 h m trên tàu d ch v h u c n ngh cá). Kh o sát, phân tích, ánh giá hi u qu b o qu n s n ph m th y s n c a h m b ng v t li u PU so v i h m b ng v t li u truy n th ng: Thành ph n hóa lý c a th t cá c b o qu n trong h m b ng v t li u PU t ch t l ng t t h n h m b ng v t li u truy n th ng; cá c b o qu n trong h m b ng v t li u PU t lo i t t chi m t l t 80% - 90% t ng l ng cá, th i gian b o qu n t 20 - 25 ngày.</p> <p>- Hi u qu c a h m b ng v t li u PU so v i h m b ng v t li u truy n th ng: gi l nh c a h m t t, t l n c á s d ng c chi m t l kho ng 95% t ng l ng n c á c a chuy n i bi n (h m làm b ng v t li u truy n th ng t 60 -70%), giá bán s n ph m cao h n t 5.000 - 10.000 ng/kg do s n ph m c b o qu n t ch t l ng chi m t l cao, th i gian ánh b t cá trên bi n kéo dài thêm t 5 - 7 ngày do gi l nh c a h m t t, th i gian s d ng c a h m t 15 - 20 n m (h m làm b ng v t li u truy n th ng t 3 - 4 n m), chi phí n c á bình quân th p h n kho ng 600.000 ng/chuy n i bi n do ít tiêu t n n c á, l ng nhiên li u c tiêu th ít ( gi l nh t t, ít t n nhiên li u vào c ng l y n c á).</p>	<p>- Kinh phí: 1.433,792 tri u ng (Kinh phí s nghi p KH&amp;CN: 1.026,486 tri u ng, kinh phí i ng c a n v ch trì: 407,306. tri u ng).</p> <p>- C quan chủ trì: Vi n KH&amp;CN Khai thác Th y s n - Tr ng i h c Nha Trang,</p>

T T	Tên nhiệm vụ	Nội dung nghiên cứu	Kế hoạch thực hiện (Đóng góp vào sự phát triển KT-XH địa phương)	Kinh phí/ Cơ quan chủ trì
<b>Trà Vinh</b>				
1	<p>Tài liệu: “Nghiên cứu quy trình kỹ thuật sản xuất giống tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vanamei</i>) tại tỉnh Trà Vinh”.</p>	<p>- Nghiên cứu quy trình kỹ thuật và xây dựng mô hình giống tôm thẻ chân trắng Nauplius lên PL12 với quy mô 30 triệu PL/mô hình.</p> <p>- Nghiên cứu quy trình kỹ thuật nuôi vỗ thành thành tôm thẻ chân trắng bố mẹ và cho.</p> <p>- Hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất giống tôm thẻ chân trắng phù hợp với điều kiện thực tiễn Trà Vinh.</p> <p>- Đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật của mô hình thực nghiệm.</p> <p>- Tập huấn, chuyển giao và nhân rộng mô hình cho 30 hộ viên, kỹ thuật viên.</p>	<p>- Kế hoạch hoàn thiện các quy trình gồm: Quy trình kỹ thuật nuôi vỗ trứng tôm thẻ chân trắng Nauplius nhân giống PL12 trong điều kiện thực tiễn Trà Vinh; Quy trình nuôi vỗ thành thành tôm bố mẹ và cho tôm thẻ chân trắng bố mẹ; Quy trình kỹ thuật sản xuất giống nhân tạo tôm thẻ chân trắng phù hợp với điều kiện thực tiễn Trà Vinh.</p> <p>- Triển khai thí nghiệm Thí nghiệm - thí xã Duyên Hải để nhân thành công các quy trình sản xuất giống và hiện trạng thực tiễn sản xuất giống tôm thẻ chân trắng.</p> <p>- Tài liệu sản xuất số 54.420.000 con giống tôm thẻ chân trắng theo quy định của Bộ Nông nghiệp &amp; PTNT tại Quyết định số 456/QĐ-BNN-NTTS ngày 04/2/2008 và văn bản hành chính quy định về điều kiện sản xuất giống và nuôi tôm thẻ chân trắng.</p>	<p>- Kinh phí: 3.998,200 triệu đồng (Trong đó: + Kinh phí SNKH&amp;CN: 1.795,200 triệu đồng + Kinh phí khác: 2.203 triệu đồng)</p> <p>- Cơ quan chủ trì: Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III.</p>
<b>Vĩnh Long</b>				
1	<p>Chức năng và bố trí nhân sự có hồ sơ cá nhân (aw) thực tiễn nguyên liệu cá lóc nuôi cá tnh Vĩnh Long.</p>	<p>- Điều tra thực tiễn sản xuất và tiêu thụ cá Lóc tỉnh Vĩnh Long; Thực tế quy trình sản xuất các sản phẩm chế biến từ cá Lóc hồ sản phẩm trên thị trường (khô cá Lóc, chà bông cá Lóc và chấy cá Lóc) và phân tích chất lượng các dòng sản phẩm này; Thực hiện thí nghiệm tiêu dùng và đánh giá khả năng phát triển các sản phẩm chế biến từ cá Lóc.</p> <p>- Nghiên cứu hoàn thiện quy trình chế biến và bố trí nhân công khô cá Lóc.</p> <p>- Nghiên cứu hoàn thiện quy trình chế biến và bố trí nhân công chà bông cá Lóc.</p>	<p>- Dự án nghiên cứu và xây dựng thành công 03 quy trình kỹ thuật chế biến và bố trí nhân công 03 sản phẩm cá lóc: khô cá Lóc, chà bông cá Lóc và chấy cá Lóc. Các sản phẩm được thực hiện theo VSATP theo TCVN 10734:2015 và TCVN 6175:2016. Bên cạnh đó, tài liệu đã xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật cho các dòng sản phẩm này.</p> <p>- Dự án triển khai nghiệm vụ vào điều kiện thực tiễn tại Công ty TNHH Hùng Vương Vĩnh Long, HTX chế biến Thủy sản Phú Thành, Hợp tác xã khô cá lóc Nguyễn Huệ Thành và đã chuyển giao cho Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển KH&amp;CN Vĩnh Long.</p>	<p>- Kinh phí: 577,297 triệu đồng</p> <p>- Cơ quan chủ trì: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Thủy sản III.</p>

T T	Tên nhiệm vụ	Nội dung nghiên cứu	Kết quả thực ( đóng góp vào sự phát triển KT-XH địa phương)	Kinh phí/ c quan chủ trì
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu hoàn thiện quy trình chế biến và bảo quản cá Lóc.</li> <li>- Tổ chức chuyển giao công nghệ thực tế quy trình chế biến và bảo quản 3 sản phẩm cá Lóc tím tím sắc sắc chế biến tỉnh Vĩnh Long.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngoài ra đã ấn hành tài liệu kỹ thuật hướng dẫn sản xuất cho hộ sản xuất Nguyễn Hoàng Thám.</li> </ul>	
<b>Tỉnh Giang</b>				
1	<p>Chương trình KH&amp;CN " ứng dụng công nghệ cao sản xuất mô trồng rau, hoa theo hình thức nông nghiệp đô thị "</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng các quy trình kỹ thuật cao, quy trình công nghệ cao nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm rau, hoa và giá trị kinh tế tranh so với hàng ngoại nhập, sản phẩm an toàn, hỗ trợ sản xuất không gây ô nhiễm môi trường.</li> <li>- Xây dựng các mô hình sản xuất rau, hoa ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện Tỉnh Giang phục vụ cho công tác đào tạo, tập huấn, chuyển giao công nghệ .</li> <li>- Đào tạo, tập huấn, chuyển giao công nghệ .</li> <li>- Tổ chức cung cấp vật tư, dịch vụ kỹ thuật cao, công nghệ cao và tiêu chuẩn sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao.</li> </ul>	<p>Chương trình đã xây dựng các mô hình: Mô hình canh tác dala trên giá thể ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt trong nhà màng, diện tích khoảng 480m<sup>2</sup>; Mô hình trồng cà chua bi trong nhà màng trên giá thể ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt, diện tích khoảng 100m<sup>2</sup>; Mô hình canh tác rau ăn lá ứng dụng công nghệ thủy canh qui mô gia đình và qui mô sản xuất.</p> <p>- Thông qua Chương trình đã tổ chức 301 đợt tập huấn cho khoảng 600 lượt nông dân trên huyện các xã/bản các huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh Tỉnh Giang và các quy trình canh tác ứng dụng công nghệ cao, bao gồm: quy trình sản xuất và sơ chế giá thể hữu cơ trồng cây, quy trình canh tác rau ăn lá (cải xanh/ cải ngọt) và rau ăn quả (dala) trong nhà màng ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt, quy trình trồng rau thủy canh, quy trình sơ chế, đóng gói và bảo quản rau/quả .</p> <p>- Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học đã tổ chức huấn luyện chuyển giao công nghệ cho 8 nông hộ/đoanh nghiệp và quy trình trồng dala, 7 nông hộ và quy trình trồng rau thủy canh qui mô gia đình phục vụ cho nhu cầu cung cấp rau sạch tiêu thụ tại chỗ cho nông hộ, 7 nông hộ và quy trình sản xuất, sơ chế giá thể hữu cơ tái sử dụng nông nghiệp và chế phẩm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh phí: 6.343,987 triệu đồng</li> <li>- Chủ quan chủ trì: Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học Tỉnh Giang</li> </ul>

T T	Tên nhiệm vụ	Nội dung nghiên cứu	Kết quả thực ( đóng góp vào sự phát triển KT-XH địa phương)	Kinh phí/ chi quan chi trả
			vi sinh phục vụ cho việc sản xuất và sử dụng giá thể hữu cơ tại nhà, 02 mô hình ứng dụng phân hữu cơ vi sinh Bioroot cho cây thanh long và khóm.	
2	tài: Nghiên cứu thực nghiệm và xây dựng quy trình phòng chống bệnh hô hấp phlegmon trên heo sau cai sữa để chăn nuôi gia đình tại tỉnh Nghệ An	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến hành khảo sát tình hình chăn nuôi heo trên địa bàn tỉnh (300 hộ).</li> <li>- Xét nghiệm các bệnh của heo sau cai sữa để chẩn đoán nuôi cấy và nuôi cấy nhân tạo bệnh trên heo.</li> <li>- Xây dựng 9 mô hình phòng chống bệnh hô hấp phlegmon trên heo sau cai sữa.</li> <li>- Tổ chức tham quan các mô hình thực nghiệm. Qua đó, thảo luận và chuyển giao quy trình hiệu quả, khuyến khích cho người chăn nuôi áp dụng trong thực tiễn sản xuất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức 10 lớp tập huấn cho các hộ chăn nuôi thú y cấp tỉnh trên địa bàn toàn tỉnh với 450 người tham dự; Tổ chức 05 lớp tập huấn cho người chăn nuôi trên địa bàn 05 huyện với 250 người tham dự; Xây dựng 05 mô hình phòng chống bệnh hô hấp phlegmon trên heo tại 05 xã của huyện Chương Sơn; Tổ chức 03 cuộc tham quan mô hình thực nghiệm, trao đổi kinh nghiệm giữa các nhà chăn nuôi với 45 người tham dự.</li> <li>- Thông qua các cuộc họp và tập huấn, thú y cấp tỉnh và người chăn nuôi cấp huyện kiến thức về bệnh hô hấp phlegmon trên heo, tăng cường khả năng phòng, chống bệnh trên đàn heo nuôi.</li> <li>- Khi áp dụng quy trình phòng chống bệnh hô hấp phlegmon thì tỷ lệ heo bệnh hô hấp giảm, hiệu suất tiêu thụ thức ăn giảm, tăng trọng của heo tăng rõ rệt. Tỷ lệ heo bệnh, loại thịt giảm, giảm về chi phí sản xuất thú y, lượng thức ăn sử dụng giảm đáng kể nên hiệu quả kinh tế chăn nuôi heo cấp cơ sở tăng rõ rệt. Kết quả cho thấy, nhóm heo lô 2 và lô 3 có mang lại lợi nhuận cho người chăn nuôi cao hơn so với nhóm heo lô 1 lần lượt là 24,20% và 29,36%. Bình quân mỗi mô hình tăng thêm lợi nhuận khoảng 12.000.000 đồng so với các hộ khác, tính các mô hình chăn nuôi (42 mô hình) trong thời gian qua tăng thêm lợi nhuận trên 500 triệu đồng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh phí: 149,446 triệu đồng.</li> <li>- Chi quan chi trả: Chi của Chi nhánh nuôi và Thú y tỉnh Nghệ An.</li> </ul>

**DANH M C**  
**XU T NHI M V KHOA H C VÀ CÔNG NGH LIÊN K T VÙNG BSCL GIAI O N 2019-2020**

TT	Tên tài/d án	Tính c p thi t	M c tiêu	N i dung ch y u	S n ph m d ki n	Ghi chú
<b>B c Liâu</b>						
1	<b>Nghiên c u ng d ng công ngh Biofloc trong nuôi tôm Sú (Penaeus monodon) thâm canh</b>	S thâm canh hóa c a ngh nuôi tôm t o ra s ô nhi m v môi tr ng n c nh : Chất th i h u c nhi u, t o phát tri n quá m c, pH bi n ng l n và tiêu hao Oxy hòa tan cao...Theo nghiên c u c a Emst (2010) cho th y hàm l ng m h p thu kho ng 20%, cá kho ng 25%, ph n còn l i th i ra môi tr ng ao nuôi t 75-80%. Theo t ng k t c a Nyan Jaw (2011), h th ng công ngh Biofloc nh m x lý ch t th i trong h th ng nuôi, lo i b các ch t c h i trong n c, không x ch t gfaay ô nhi m ra môi tr ng ngoài, qua ó giúp t ng m t nuôi, gi m l ng th c n và gi m chi phí v nuôi. Qu n lý th c n, qu n lý môi tr ng, không thay n c, gi m t o áy, t o ra s n ph m s ch, l n nhanh, ít gây ô nhi m; gi m th c n, gi m chi phí, t ng l i nhu n và có th nuôi m t cao (Memon, 2011)	Nghiên c u ng d ng công ngh Biofloc trong nuôi tôm Sú nh m làm c	Phân tích các y u t th y lý, hóa và th y sinh trong quá trình nuôi tôm theo công ngh Biofloc. Phân tích thành ph n và vai trò c a Biofloc trong nuôi tôm Sú. i u ch nh và ng d ng công ngh Biofloc trong nuôi tôm Sú. Kh o sát, ánh giá khía c nh kinh t k thu t công ngh Biofloc.	T o ra s n ph m s ch, do không s d ng thu c kháng sinh nên r t an toàn v sinh th c ph m. Nghiên c u và chuy n giao công ngh cho ngành nông nghi p ng d ng khoa h c và công ngh , bên c nh ó áy là mô hình trình di n cho c dân vùng nuôi xem xét ánh giá và l a ch n.	
2	<b>Nghiên c u và ng d ng d ch chi t lá tr u trong phòng tr b nh phân tr ng trên tôm th chân tr ng (Litopenaeus</b>	Lá tr u ch a ng 5 propenylphenol có tính ch t kh n m, tr giun, có tính di t khu n m nh. Ngoài ra, lá tr u còn ch a 0,8 - 1,8% tinh d u th m có v n ng ch y u là B-phenol. Theo Nguy n Ng c Ph c (2004) d ch chi t lá tr u có kh n ng c ch m t s gi ng n m n c ng t n ng 5.000 và 10.000 ppm. Khi ki m tra ký sinh trùng trên tôm sú và tôm th chân tr ng u phát hi n b nhi m ký sinh trùng m c cao, gây ra nhi u	Nh m ánh giá kh n ng phòng tr b nh phân tr ng b ng d ch chi t t lá tr u trên tôm th chân tr ng t i th xã Giá Rai, t nh B c Liâu.	Kh o sát tình hình b nh phân tr ng trên tôm th chân tr ng t i th xã Giá Rai. Thu m u b nh phân tr ng trên tôm th chân tr ng, xác nh tác	Phân tích c tình hình d ch b nh phân tr ng trên tôm th chân tr ng t i th xã Giá Rai. Xác nh c tác nhân gây b nh phân tr ng trên tôm th chân tr ng.	

TT	Tên tài/d án	Tính cấp thiết	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Sản phẩm điển	Ghi chú
	vannamei)	b nh ph bì n trên tôm, trong ó Gregarine là tác nhân gây b nh phân tr ng trên tôm. Các gi ng ký sinh trùng gây b nh th ng bám trên mang và các ph n ph , làm nh h ng n hô h p và sinh tr ng c a tôm, n u c ng nhi m cao có th làm tôm ch tr i rác ( Th Hòa, 1996 và Bùi Quang T , 2007). Theo Tr ng Th Hoa và c ng tác viên (2010) th d ch chi t lá tr u có th làm gi m áng k ký sinh trùng trên tôm nuôi, k c Gregarine xu t phát t th c t trên vi c nghiên c u và ng d ng d ch chi t xu t lá tr u trong phòng tr b nh phân tr ng trên tôm là r t c n thi t.		nhân gây b nh. Nghiên c u các ph ng pháp chi t xu t d ch t lá tr u, xác nh n ng kháng khu n c a d ch chi t t lá tr u.	Xác nh n ng d ch chi t có th phòng và tr b nh phân tr ng b ng d ch chi t t lá tr u.	
3	<b>Phát tri n nông nghi p và nuôi tr ng th y s n h p lý d a trên i u ki n sinh thái th xã Giá Rai, t nh B c Liêu b ng công ngh GIS</b>	Th xã Giá Rai, t nh B c Liêu có các vùng sinh thái n c m n, l và ng t an xen nhau, m c và th i gian nhi m m n (khác nhau, vì v y c n có thông tin chính xác k p th i giúp cho công tác ch o s n xu t t hi u qu cao nh t. Trong khi ó, hàng n m chuy n bi n th i t i ngày càng ph c t p, n ng h n c c b kéo dài nên khó xác nh c th i gian và m c nhi m m n, vi c canh tác tr nên khó kh n h n, s n xu t nông nghi p ch a t hi u qu nh mong i. Vì v y c n có nh ng thông tin ban u xác nh m c và th i gian nhi m m n theo t ng vùng làm c s cho vi c phát tri n s n xu t nông nghi p h p lý nh m nâng cao hi u qu s d ng t và phát tri n theo h ng b n v ng b ng ng d ng công ngh GIS. GIS là h th ng thông tin a lý, c xem là công c h u ích trong qu n lý s d ng t, qu n lý môi tr ng, quy ho ch s n xu t nông nghi p và th y s n, ánh giá tình hình s n xu t có hi u qu , c bi t là vùng ven bi n n i có s bi n ng l n v mô hình, i t ng nuôi và di n tích hàng n m. Xu t phát t th c t trên, vi c ng d ng công ngh GIS trog	Nh m phát tri n s n xu t nông nghi p và nuôi tr ng th y s n d a trên i u ki n t sinh thái t nhiên ch n i t ng nuôi, mùa v và mô hình thích h p nh m nâng cao hi u qu s d ng t trong vùng, gi m thi u r i ro và góp ph n xây d ng nông thôn m i.	ánh giá hi n tr ng s n xu t nông nghi p và nuôi tr ng th y s n trên a bàn th xã Giá Rai. Thu m u môi tr ng theo t ng vùng khác nhau qua 12 t thu m u. S hóa, phân vùng và xây d ng b n s n xu t nông nghi p và nuôi tr ng th y s n d a vào i u ki n t nhiên.	xu t m t s i t ng s n xu t nông nghi p và nuôi tr ng th y s n thích h p, có ti m n ng cho t ng vùng h sinh thái khác nhau.	



TT	Tên tài/d án	Tính cấp thiết	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Sản phẩm điển	Ghi chú
		nh hướng phát triển nông nghiệp và thủy sản th xã Giá Rai là c n thi t nh m xây d ng c s d li u v hi n tr ng s n xu t cho t ng vùng sinh thái, th i gian nhi m m n và m t s ch tiêu môi tr ng quan tr ng b ng công ngh thông tin c p nh p nhanh chóng và k p th i nh m t i t ki m th i gian và chi phí.				
<b>Sóc Tr ng</b>						
01	<b>Tuy n ch n và phát triển gi ng lúa chu m n, n ng su t cao, có ph m ch t t t, trên vùng lúa - tôm theo h ng nông nghi p h u c</b>	BSCL là vùng c d báo là m t trong nh ng i m nóng ch u nh h ng n ng n do tác ng c a bi n i khí h u toàn c u gây ra nên ch c ch n i u ki n s n xu t lúa ây s ph i i m t v i hi n tr ng t b xâm nhi m m n, h n hán, l l t b t th ng, b ng tan, n c bi n dâng cao, m n xâm nh p sâu vào các c a sông trong mùa khô gây khó kh n cho canh tác lúa. Tr c đi n bi n b t l i c a bi n i khí h u, đi n tích t ng t hóa các t nh ven bi n vùng BSCL ngày càng thu h p. Ngu n n c ng t phía th ng ngu n b p p i u t i t cho các công trình th y i n, t i tiêu c a các Qu c gia th ng ngu n sông Mekong làm cho m c n c trên các con sông C u Long ch y vào n c ta c n ki t, nh t là vào mùa khô. BSCL c xem là vùng có nhi u ti m n ng và i u ki n thu n l i phát triển s n xu t nông nghi p quy mô l n, c bi t i v i các s n ph m c tr ng c a vùng nh lúa g o, th y s n, cây n trái. Trong ó, lúa v n là cây tr ng ch l c trong c c u kinh t c a các t nh vùng BSCL và vi c tìm ra gi i pháp phát triển n nh s n xu t lúa là r t c n thi t. Hi n nay, các gi ng lúa ch l c cho các t nh ven bi n vùng BSCL v n còn t n t i các gi ng có ch t l ng trung bình nh IR50404, CL8, OC10,... ch y u là do chúng v a có kh n ng	- Ch n c 1-3 gi ng lúa có kh n ng chu h n, m n 4-5%, có n ng su t (t ng 5-10% so v i gi ng s n xu t ph bi n t i a ph ng). - G o c a gi ng lúa này có b c b ng ≤ 5%; hàm l ng amylose th p <20%, t l g o nguyên 45-50%. - xu t quy trình canh tác theo h ng h u c , t ó xây d ng qui trình k thu t canh tác gi ng lúa trên t nhi m m n nuôi tôm. + Xây d ng 1 - 2	- Kh o sát ánh giá hi n tr ng s d ng gi ng lúa, k thu t canh tác c a nông dân vùng lúa - tôm và ch n i m thí nghi m. - Kh o nghi m, trình đi n m t s gi ng lúa chu m n c tuy n ch n t i các a ph ng. - Nghi n c u xây d ng quy trình s n xu t lúa h u c trong h th ng lúa - tôm. - Xây d ng mô hình th nghi m canh tác các gi ng lúa chu m n. - Chuy n giao và t p hu n k thu t	- Ch n c 1-3 gi ng lúa có kh n ng chu m n 4-5%. - N ng su t t ng 5-10% so v i gi ng s n xu t ph bi n t i a ph ng. - Ph m ch t g o t m t s tiêu chí sau: có b c b ng ≤5%; hàm l ng amylose th p <20%, t l g o nguyên 45-50%. - Xây d ng quy trình k thu t canh tác gi ng lúa cao s n theo h ng h u c phù h p vùng tôm lúa. - Xây d ng 1-2 mô hình s n xu t, 0,2ha /mô hình.	

TT	Tên tài/d án	Tính cấp thí t	M c tiêu	N i dung ch y u	S n ph m đ ki n	Ghi chú
		ch u m n l i v a c c ng n ngày nên r t thu n l i cho né m n (thu ho ch tr c khi t b xâm nh p m n). Do ó, vi c tuy n ch n và phát tri n các gi ng lúa ch t l ng cao, ch u m n, phù h p trên vùng tôm- lúa là r t c n thí t nâng cao ng u cho h t g o th ng ph m ph c v cho xu t kh u các t nh BSCL, t ng thu nh p cho nông dân.	mô hình s n xu t, 0,2 ha/mô hình.	cho nông dân.	- 01-03 Bài báo khoa h c chuyên ngành.	
02	<b>Nghiên c u xu t gi i pháp phát tri n b n v ng ngu n l i th y s n vùng ven bi n sông C u Long</b>	BSCL là m t b ph n c a châu th sông Mê Kông có di n tích 39.734 km <sup>2</sup> . Vùng BSCL c bi t n v i nhi u lo i hình th y v c khác nhau nh sông, kênh r ch, vùng c a sông, r ng ng p m n và bãi b i ven bi n. Vì v y, ây là vùng r t phong phú v ngu n l i th y s n (NLTS), c bi t là các loài cá. Theo nghiên c u c a Tr n c nh và ctv. (2013) ã xác nh c 322 loài cá thu c 77 h vùng BSCL. Trong ch ng trình nghiên c u c a V Vi An và ctv. (2011) v NLTS n i a vùng BSCL xác nh c 175 loài cá thu c 109 gi ng, 48 h , 17 b . Các nghiên c u này ch y u t p trung n thành ph n loài cá n i a vùng BSCL, ch a có công trình nghiên c u nào chuyên sâu n NLTS vùng ven bi n sông C u Long. Hi n nay, vi c b o t n và phát tri n NLTS c a c n c nói chung và vùng BSCL nói riêng ang ph i i m t v i nhi u khó kh n và thách th c. Trong ó, v n ô nhi m môi tr ng s ng c a các loài th y sinh v t và suy gi m NLTS trên các th y v c n i a, vùng bi n và ven bi n ang là v n mang tính c p thí t, có s nh h ng n s phát tri n chung c a ngành th y s n. Nguyên nhân là do s khai thác quá m c c a ng i dân làm t n di t NLTS; s phát tri n c a nhi u ngành kinh t khác tác ng n môi tr ng s ng c a các loài th y	Nghiên c u các gi i pháp phát tri n b n v ng NLTS vùng ven bi n sông C u Long nh m ph c h i và b o t n NLTS vùng BSCL nói riêng và c n c nói chung, góp ph n vào s phát tri n chung c a ngành th y s n.	- i u tra hi n tr ng NLTS vùng ven bi n sông C u Long t i các t nh Ti n Giang, B n Tre, Trà Vinh và Sóc Tr ng. - xu t các gi i pháp b o t n và phát tri n NLTS vùng ven bi n sông C u Long. - Xây d ng các mô hình qu n lý NLTS vùng ven bi n sông C u Long. - T ch c t p hu n, tuyên truy n v công tác b o v NLTS cho các cán b , ng i dân t i các t nh ven bi n sông C u Long.	- Báo cáo hi n tr ng NLTS t i các t nh ven bi n sông C u Long. - Gi i pháp phát tri n b n v ng NLTS vùng ven bi n sông C u Long - Mô hình qu n lý NLTS vùng ven bi n sông C u Long. - B tài li u tuyên truy n v công tác b o v NLTS cho các cán b , cá nhân t i các t nh ven bi n sông C u Long.	

TT	Tên tài/d án	Tính cấp thiết	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Sản phẩm điển	Ghi chú
		<p>s n; công tác b o t n và phát tri n NLTS ch a th c s c quan tâm úng m c; các c p, các ngành, các a ph ng ch y u quan tâm nhi u n vi c khai thác và nuôi tr ng th y s n, bên c nh ó, các ch ng trình, d án c ng ch y u t p trung vào các lnh v c này. i u này d n n h l y, NLTS t nhiên b c n ki t, h sinh thái b suy thoái, môi tr ng s ng c a các loài th y s n b e d a, m t s loài có ngu n gen quý hi m có nguy c b tuy t ch ng.</p> <p>ngành th y s n vùng BSCL phát tri n b n v ng trong th i gian t i, v n b o t n và phát tri n NLTS ph i c quan tâm nghiên c u nhi u h n nh m t ng b c tái t o NLTS có nguy c b c n ki t, t o các sinh k cho ng i dân gi m áp l c khai thác ngu n l i t i các th y v c t nhiên, nâng cao nh n th c cho c ng ng trong công tác b o v NLTS. c bi t, i v i nh ng vùng có NLTS phong phú nh c a sông ven bi n sông C u Long c n có m t công trình nghiên c u xác nh c hi n tr ng và xu t c gi i pháp nh m b o v NLTS c a vùng.</p>				
03	<p><b>u t xây d ng công trình x lý khí th i các c s h m than t i t nh H u Giang và t nh Sóc Tr ng</b></p>	<p>T lâu, ngh h m than tr thành ngh truy n th ng c a nhi u gia ình các xã nh : xã Xuân Hòa, huy n K Sách (Sóc Tr ng), xã Tân Thành, i Thành, th xã Ngã B y và xã Phú Tân, huy n Châu Thành (t nh H u Giang); các làng ngh h m than c i hai t nh Sóc Tr ng và H u Giang phát tri n khá m nh, gi i quy t nhi u công n, vi c làm cho lao ng a ph ng. T i Sóc Tr ng, có kho ng 430 h v i kho ng trên 1.000 lò h m than; t i H u Giang, có kho ng 500 h v i kho ng 979 lò h m than.</p> <p>T i t nh Sóc Tr ng, ngh h m than xã Xuân Hòa, huy n</p>	<p>u t xây d ng công trình x lý khí th i lò h m than d a trên Quy chu n k thu t qu c gia v khí th i công nghi p i v i b i và ch t vô c nh m kh c ph c tình tr ng ô nhi m do các c</p>	<p>- Tìm hi u c u t o, nguyên lý và cách v n hành lò h m than.</p> <p>- ánh giá m c ô nhi m c a khí th i lò h m than.</p> <p>- xu t quy trình v n hành h th ng thi t b x lý khí th i lò h m than</p>	<p>- Thi t b x lý khí th i lò h m than.</p> <p>- Quy trình x lý khí th i h m than c i b ng ph ng pháp phun s ng ph i tuân th theo Quy chu n k thu t qu c gia v khí th i công nghi p i v i b i và ch t vô c .</p>	

TT	Tên tài/d án	Tính cấp thiết	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Sản phẩm điển	Ghi chú
		<p>K Sách đã hình thành trên 50 n m và ang phát triển theo nhu cầu của thị trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng công nhận là m t làng nghề truyền thống theo Quyết định số 71/Q -UBND ngày 29/02/2008. Ngh h m than c i ã t o công n vi c làm th ng xuyên cho h n 600 lao ng và h n 2.500 lao ng th i v , góp ph n áng k vào vi c gia t ng giá tr s n xu t công nghi p - ti u th công nghi p t i a ph ng. Bên c nh, nh ng l i ích mang l i t ho t ng c a các lò h m than, c ng ã phát sinh nh ng tác ng tiêu c c nh phát sinh v n gây ô nhi m môi tr ng c c b t i a ph ng, v lâu dài nh h ng tr c ti p n s c kh e c a ng i dân trên a bàn 02 t nh Sóc Tr ng và H u Giang.</p> <p>Vì v y, c n có kinh phí nh m ut , x lý, kh c ph c ô nhi m môi tr ng làng ngh h m than t nh Sóc Tr ng và H u Giang nh m mang n nh ng gi i pháp h u hi u trong vi c gi m thi u ô nhi m môi tr ng. ây c ng là m t trong nh ng y ut quy t nh làng ngh c duy trì và phát tri n b n v ng</p>	<p>s h m than th i ra t i t nh Sóc Tr ng và H u Giang.</p>	<p>t i các c s h m than.</p>		

**BÁO CÁO**  
**TỔNG HỢP XÉT ĐÁNH XUẤT, KIỂM NGHIỆM CÁC SẢN PHẨM**  
**TIỂU MÔ HÌNH GIAO BAN VÙNG BSCCL NTH XXV**

Chức năng cho Hội đồng giao ban KH&CN các tỉnh vùng BSCCL NTH XXV tại Tỉnh Giang, B. KH&CN nhận công nhận 30 ý kiến, xuất, kiểm nghiệm và hoạt động KH&CN của các sản phẩm. Trên cơ sở ý kiến trên, lý do các nội dung của Bộ, V. Phát triển KH&CN sản phẩm theo các nhóm và như sau:

**1. NHÓM KIỂM NGHIỆM VÀ KỸ THUẬT - TÀI CHÍNH: VÀ KHTC CHỈ TRÌ**  
**TRƯỜNG**

**1.1. Ngành B Khoa học và Công nghệ phi hữu cơ các nội dung có liên quan sản phẩm hành Quy định phê duyệt nhóm kinh tế - kỹ thuật và các dịch vụ sản phẩm công nghệ ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ các tổ chức KH&CN công lập vào thời điểm (Cà Mau):**

**Trên đây:**

Ngày 27/12/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2099/Q. -TTg ban hành Danh mục dịch vụ sản phẩm công nghệ ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. Trên cơ sở Quyết định số 2099/Q. -TTg nêu trên, các Sản phẩm Khoa học và Công nghệ đang xây dựng và trình ý kiến ban nhân dân tỉnh Danh mục dịch vụ sản phẩm công nghệ ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực KH&CN tại địa phương mình.

Tại thời điểm hiện tại 2 Quyết định 2099/Q. -TTg có quy định, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành nhóm kinh tế - kỹ thuật và các dịch vụ sản phẩm công nghệ ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. Căn cứ theo quy định nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ đang xây dựng cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn ban hành nhóm kinh tế - kỹ thuật và các dịch vụ sản phẩm công nghệ ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, để kiến nghị ban hành trong năm 2018.

**1.2. Ngành B Khoa học và Công nghệ xem xét, có án cấp kinh phí hỗ trợ sản phẩm cho Quy định KH&CN của tỉnh và hoạt động (Long An).**

**Trên đây:**

Theo điều 5 Quyết định số 37/2015/Q. -TTg ngày 08/9/2015 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định quy định ưu tiên thành lập Quy định phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định: “*ưu tiên và ưu tiên và ưu tiên và ưu tiên*”.

- Về nội dung của Quy định bao gồm kinh phí ngân sách nhà nước và kinh phí hỗ trợ, đóng góp bên ngoài. Thời điểm hiện tại Quy định, và nội dung là 5 (năm) năm, trong đó phần kinh phí hỗ trợ, đóng góp từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước chiếm 10%.

Quy định có trách nhiệm duy trì, bảo toàn và phát triển nguồn vốn ưu tiên ngân sách nhà nước.

- Ngu n v n c a Qu do ngân sách nhà n c c p l n u, v n b sung th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh hàng n m c phân b t d toán chi s nghi p khoa h c và công ngh , các ngu n thu t k t qu ho t ng c a Qu , kinh phí óng góp t qu phát tri n khoa h c và công ngh c a doanh nghi p nhà n c tr c thu c, các ngu n nh n y thác t Qu c a B ho c y ban nhân dân c p t nh khác và kh n ng huy ng các ngu n v n ngoài ngân sách nhà n c h p pháp b o m Qu ho t ng n nh, lâu dài và hi u qu .”

ng th i, Thông t s 03/2015/TT-BKHHCN ngày 09/3/2015 c a B Khoa h c và Công ngh quy nh: “V n i u l c a Qu : Quy mô c a v n i u l c a Qu theo nhu c u, kh n ng ho t ng Qu và kh n ng cân i ngân sách c a b (ho c t nh). B (ho c t nh) quy t nh vi c thay i quy mô v n i u l c a Qu d a vào hi u qu ho t ng c a Qu ”; “V n i u l c a Qu c c p m t l n t ngân sách nhà n c dành cho s nghi p khoa h c và công ngh c a b (ho c t nh) nh m th c hi n các ho t ng tài tr , cho vay, b o lãnh v n vay và h tr nâng cao n ng l c khoa h c và công ngh ”.

C n c các quy nh nêu trên, S KH&CN Long An ch trì ph i h p v i S Tài chính và các c quan liên quan trình UBND t nh Long An c p kinh phí l n u cho Qu Phát tri n KH&CN c a t nh i vào ho t ng.

### **1.3. ngh B Khoa h c và Công ngh xem xét ban hành c ch , chính sách v h p tác công t trong l nh v c KH&CN (Long An).**

#### **Tr l i:**

Ngày 07/10/2016 Th t ng Chính ph ã có Quy t nh s 1931/Q -TTg v vi c Phê duy t án “Thí i m c ch i tác công t – ng tài tr th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh ”. Hi n nay B Khoa h c và Công ngh ang tri n khai th c hi n án thí i m và đ ki n hoàn thành cu i n m 2018. Trên c s ó s t ng k t ban hành chính sách chung. T nh Long An có th c n c án thí i m nêu trên thí i m th c hi n a ph ng.

### **1.4. ngh B KH&CN h ng d n v nh m c t i n l ng, t i n công, t i n chi ho t ng b máy trong kinh phí th c hi n nhi m v th ng xuyên c a t ch c KH&CN; h ng d n s d ng các nh m c kinh t - k thu t xác nh các y u t u vào c u thành nhi m v KH&CN làm c n c hoàn thành chuy n i theo k ho ch (An Giang).**

#### **Tr l i:**

- V nh m c t i n l ng, t i n công, t i n chi ho t ng b máy trong kinh phí th c hi n nhi m v th ng xuyên c a t ch c KH&CN:

Vi c th c hi n nhi m v th ng xuyên theo ch c n ng c a các t ch c KH&CN tuân th theo các quy nh t i Ngh nh s 54/2016/N -CP ngày 14/6/2016 v c ch t ch c a t ch c KH&CN công l p, Thông t s 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 v th c hi n c ch t ch tài chính i v i t ch c KH&CN và Thông t s 01/2017/TT-BKHHCN ngày 12/1/2017 quy nh chi ti t m t s i u c a Ngh nh s 54/2016/N -CP.

Kinh phí th c hi n nhi m v th ng xuyên theo ch c n ng bao g m:

+ T i n l ng, t i n công và các kho n óng góp theo l ng c a nh ng ng i tr c ti p và gián ti p th c hi n nhi m v theo quy nh hi n hành c a Nhà n c v ch t i n l ng (c n c theo s l ng ng i tham gia th c hi n trong m i nhi m v ; th i gian tham gia th c hi n nhi m v ). T ng s ng i tham gia các nhi m v th ng xuyên theo ch c n ng c a t

ch c khoa h c và công ngh không v t quá s l ng ng i làm vi c theo v trí vi c làm ã c c quan có th m quy n phê duy t.

+ Các kho n chi phí tr c ti p và gián ti p ph c v th c hi n nhi m v ; các kho n chi ho t ng b máy c a t ch c khoa h c và công ngh công l p th c hi n nhi m v (ví d nh : chi mua nguyên li u, v t li u; chi thanh toán d ch v công c ng, v t t v n phòng; chi s a ch a, duy tu, b o đ ng, b o trì nh k , ki m nh trang thi t b ph c v công tác chuyên môn; chi h i ngh h i th o chuyên môn, công tác phí,...): Th c hi n theo nh m c kinh t , k thu t do B qu n lý chuyên ngành, l nh v c ban hành và các quy nh hi n hành v ch và nh m c chi tiêu ngân sách nhà n c.

T ch c KH&CN công l p t b o m chi th ng xuyên và chi u t và t ch c khoa h c và công ngh công l p t b o m chi th ng xuyên c c quan ch qu n giao th c hi n m t s nhi m v th ng xuyên theo ch c n ng, ngân sách nhà n c h tr kinh phí ch bao g m các kho n chi phí tr c ti p, gián ti p ph c v th c hi n nhi m v , các kho n chi ho t ng b máy c a t ch c KH&CN. Các t ch c khoa h c và công ngh công l p t m b o kinh phí i v i các kho n chi ti n l ng, ti n công và các kho n óng góp theo l ng.

i v i các a ph ng có ban hành nguyên t c, tiêu chí và nh m c phân b ngân sách cho l nh v c khoa h c và công ngh trên a bàn, vi c h tr kinh phí t ngân sách nhà n c th c hi n nhi m v th ng xuyên theo ch c n ng c a t ch c khoa h c và công ngh công l p c th c hi n theo quy nh c a a ph ng.

- H ng d n s d ng các nh m c KT-KT xác nh các y u t u vào c u thành nhi m v KH&CN làm c n c hoàn thành chuy n i theo k ho ch:

Vi c xây d ng nhi m v KH&CN c th c hi n theo quy nh t i Thông t s 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 v vi c h ng d n nh m c xây d ng, phân b d toán và quy t toán kinh phí i v i nhi m v KH&CN có s d ng NSNN.

Vi c xác nh y u t u vào c u thành nhi m v KH&CN có s d ng ngân sách nhà n c c th c hi n theo h ng d n t i i u 6 Thông t s 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

nh m c kinh t k thu t xây d ng d toán nhi m v KH&CN có s d ng NSNN c quy nh chi ti t t i i u 7, i u 8 và i u 9 Thông t s 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

T i i u 3 “Nguyên t c áp d ng nh m c xây d ng và phân b d toán” Thông t s 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ghi rõ các nh m c xây d ng d toán quy nh t i Thông t này là nh m c t i a, áp d ng i v i nhi m v KH&CN c p qu c gia. C n c quy nh t i Thông t này, các a ph ng có trách nhi m h ng d n, ban hành các n i dung và nh m c xây d ng d toán i v i nhi m v KH&CN c p t nh, c p c s th c hi n th ng nh t trong ph m vi a ph ng, m b o phù h p v i ngu n l c, c thù ho t ng KH&CN c a a ph ng và không v t quá nh m c d toán quy nh t i Thông t này.

1.5. *ngành B KH&CN* kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 95/2014/N-CP theo hướng: “các nội dung chi cho vì cộng đồng trong tình hình cho hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp nghiên cứu và công nghệ” (Tiền Giang).

**Trình:**

Nội dung này đã quy định tại Mục 1.4 Chương II của Nghị quyết 95/N-CP. Bộ KH&CN xem xét khi tiến hành sửa đổi Nghị quyết 95.

**2. NHÓM KIẾN NGHỊ VÀ IMISÁNG TẠO VÀ TÀI SẢN TRÍ TU :**

2.1. *ngành B KH&CN* tiếp tục nghiên cứu các đề xuất và đề xuất chi phí cho các dự án sáng tạo và phát triển theo quy định của Nghị quyết số 19/2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ

**Trình:**

Bộ KH&CN xuất trình đề xuất, biện pháp và thủ tục pháp lý về chi phí nghiên cứu sáng tạo (MST) như sau:

TT	Chi s	xuất giải pháp chi phí
1	Chi R&D trung bình 3 công ty R&D toàn cầu có mặt ngoài.	- Phân phối vốn ngành liên quan và các DN lớn, DN có vốn đầu tư ra nước ngoài cùng nhau so sánh chính sách khuyến khích hoạt động R&D vì cộng đồng và tạo điều kiện tối đa cho doanh nghiệp (DN). - Phân phối vốn các DN lớn hình thành các chương trình KH&CN thực hiện theo PPP dành cho KH&CN.
2	Phân chi cho R&D do doanh nghiệp thực hiện (%GDP).	- Các chi phí cho R&D do doanh nghiệp thực hiện và trạng thái có tài trợ và có sự hỗ trợ trên bình đẳng so với các quốc gia khác. - Chi số: Sự tăng trưởng liên doanh liên kết chiếm 1% (trên tổng \$PPP GDP) không thay đổi.
3	Phân chi cho R&D do doanh nghiệp trang trải (% tổng chi GDP).	xuất: - Chiến lược phát triển ngành khoa học và công nghệ năm 2020 đã và đang có những ưu, nhược điểm khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư hơn nữa cho chi R&D. Các kiến nghị tiếp tục mạnh mẽ triển khai hơn nữa Chương trình, ngoài ra tăng cường kinh phí ngân sách dành cho các nhiệm vụ KH&CN có sự tham gia của doanh nghiệp.
4	Sự tăng trưởng liên doanh liên kết chiếm 1% (trên tổng \$PPP GDP).	- Khuyến khích phân phối vốn các cơ quan ngành, địa phương trong việc triển khai ban hành các chính sách hỗ trợ, khuyến khích DN đầu tư cho R&D.
5	Hợp tác giữa các doanh nghiệp.	- Phân phối vốn Bộ Giáo dục & Đào tạo và các cơ quan ban ngành có trách nhiệm liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích hợp tác trong việc thúc đẩy đổi mới khoa học kỹ thuật nghiên cứu và các vị trí nghiên cứu, trình độ nhân lực trong doanh nghiệp. - Khuyến khích mô hình hợp tác giữa các vị trí nghiên cứu, trình độ nhân lực theo hướng gắn liền với hỗ trợ tiếp thu công nghệ, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.



Qua quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ về công nghệ, thu thập số liệu và phân pháp tính một vài chỉ số còn gặp nhiều khó khăn do thiếu nguồn thông tin, cơ sở dữ liệu cần thiết. Hơn nữa, vì các chỉ số MST công nghệ chưa có kết quả như mong muốn bởi cách tính toán các chỉ số MST chưa mang tính minh bạch. Vì vậy, hiện nay Cục PTTTĐN đang tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện phương pháp tính để hướng dẫn cho các địa phương.

**2.2. *ngành B KH&CN sẽ ban hành các văn bản hướng dẫn phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Nhất là các nhóm, các chủ thể tham gia phát triển ứng dụng công nghệ.***

**Trên đây:**

Hiện nay, Nhà nước đã có những chính sách tích cực góp phần thúc đẩy sự phát triển của khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KN MST). Kế hoạch “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” (Kế hoạch 844) của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 18/5/2016 tại Quyết định số 844/QĐ-TTg là nòng cốt ưu tiên quy mô quốc gia về hỗ trợ KN MST. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) năm 2017 đã quy định doanh nghiệp khởi nghiệp là một trong 3 loại hình kinh doanh, thông qua các nhóm hỗ trợ pháp lý hỗ trợ khởi nghiệp, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu, hỗ trợ thông tin, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, ... (quy định chi tiết tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018). Điều 18 Luật Hỗ trợ DNNVV cũng có quy định về ưu đãi cho khởi nghiệp sáng tạo (quy định chi tiết tại Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018). Bên cạnh đó, Luật Công nghiệp và Thương mại của Quốc gia Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa là cho vay, tài trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia các liên kết ngành, chuỗi giá trị. Luật Chuyển giao công nghệ số năm 2017 cũng đã quy định nội dung về hỗ trợ ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo; công nhận quyền tài sản về quyền sở hữu, quyền sáng tạo và các quyền khác phát sinh từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và cho phép sáng tạo quyền này như tài sản mồi cho giao dịch vay vốn ưu đãi cho khởi nghiệp sáng tạo; cho phép sáng tạo quỹ phát triển KH&CN từ doanh nghiệp ưu tiên, đổi mới, khởi nghiệp, ưu tiên cho KN MST; các tổ chức, cá nhân ưu tiên và hỗ trợ KN MST cũng như ưu tiên thu; có các chính sách thúc đẩy cá nhân và nhóm cá nhân KN MST, tổ chức hỗ trợ KN MST khai thác, sáng tạo kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; xây dựng hạ tầng kết nối và hỗ trợ hoạt động của trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp công nghệ quốc gia. Trong thời gian tới, Cục PTTTĐN xuất, khuyến khích và hỗ trợ B KH&CN chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn nhóm thúc đẩy ưu tiên MST như sau:

**a) Nâng cao năng lực cho nhân lực KN MST**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, thông qua việc kết hợp giữa Kế hoạch Hỗ trợ hệ sinh thái sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025 (Kế hoạch 1665) và Kế hoạch Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ (Kế hoạch 844) triển khai việc tổ chức đào tạo khởi nghiệp vào các trường đại học theo phương pháp tiếp cận mới dành cho các sinh viên và giới thiệu các chương trình đào tạo chuyên sâu hướng tới thị trường quốc tế, và khuyến khích khởi nghiệp có uy tín vào các trường chuyên sâu.

- Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, triển khai thực hiện chương trình tìm kiếm nhân sự cho doanh nghiệp KN MST như

ch ng trình k t n i sinh viên gi i t i th c t p t i các doanh nghi p KN MST, thông qua án 844 tri n khai ch ng trình khuy n khích các CEO c a doanh nghi p l n, doanh nghi p thành công làm ng i h ng d n (mentor) cho doanh nghi p KNST t i các ch ng trình ào t o, c s mt o

- B Tài chính ph i h p v i B Khoa h c và Công ngh nghiên c u, xây d ng và ban hành c ch tài chính cho án 844 sao cho có th t o i u ki n h tr m t ph n tài chính cho các doanh nghi p KNST ti m n ng tham gia các s ki n, t ch c m t o n i ti ng trên th gi i nh m giao l u h c h i, ào t o theo tiêu chu n qu c t nh m t ng trình cho KNST trong n c.

### ***b) Xây d ng c ch tài chính, u ã phù h p***

ã c Chính ph giao các c quan th c hi n, c th :

- B Tài chính ph i h p v i B Khoa h c và Công ngh nghiên c u, xây d ng ban hành c ch tài chính th c hi n án 844/Q -TTg nh m thúc y môi tr ng kh i nghi p MST, t o i u ki n thu n l i cho các doanh nghi p KN MST ho t ng và phát tri n.

- B Tài chính ch trì, ph i h p v i B Khoa h c và Công ngh , B K ho ch và u t nghiên c u, xây d ng và trình c p có th m quy n ban hành các quy nh v u ã thu cho nhà u t KNST theo quy nh t i i u 18 Lu t H tr DNNVV và i u 39 Lu t chuy n giao công ngh .

- B Tài chính ph i h p v i B K ho ch và u t và B Khoa h c và Công ngh nghiên c u, trình Chính ph ph ng án s a i, b sung các chính sách thu hi n th c hóa u ã thu cho các c s mt o, t ch c thúc y kinh doanh, t ch c cung c p d ch v , t ch c cung c p c s v t ch t – k thu t, khu làm vi c chung c quy nh t i Lu t H tr doanh nghi p nh và v a (2017) và Lu t Chuy n giao công ngh (2017).

- B K ho ch & u t ph i h p v i B Khoa h c và Công ngh nghiên c u, xu t s a i, b sung các v n b n pháp lu t v u t theo h ng n gi n hóa th t c c p Gi y ch ng nh n ng ký u t i v i u t n c ngoài cho KN MST.

- Ngân hàng nhà n c Vi t Nam ph i h p v i B Tài chính và B Khoa h c và Công ngh nghiên c u, xem xét xây d ng các v n b n liên quan n quy nh vi c thành l p, ho t ng c a các n n t ng cho vay ngang hàng (P2P lending), n n t ng g i v n c ng ng và n n t ng giao d ch c ph n c a các doanh nghi p KN MST.

### ***c) Nâng cao nh n th c, n ng l c và k t n i các t ch c, cá nhân u t cho KN MST***

- B Khoa h c và Công ngh , các b , ngành, a ph ng ti p t c tri n khai C ng thông tin h tr kh i nghi p MST qu c gia và các c ng thông tin h tr kh i nghi p a ph ng, t ch c sàng l c, ch n l a doanh nghi p KN MST tiêu bi u, ch t l ng, a thông tin n v i các nhà u t trong n c và qu c t .

- B Khoa h c và Công ngh ph i h p v i B K ho ch & u t và các a ph ng có nhi u t p oàn a qu c gia t ch c các bu i h i th o, trao i th ng xuyên v i các t p oàn l n, qu u t trong n c, n c ngoài thu hút u t cho KN MST.

- B Khoa h c và Công ngh ti p t c tri n khai án 844, h tr các t ch c m t o doanh nghi p, ào t o KN MST, t ch c thúc y kinh doanh.

- Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội với các trường đại học, viện nghiên cứu, áp dụng có các nhóm KN MST tiềm năng triển khai các hoạt động đào tạo cán bộ huấn luyện người triển khai hoạt động KN MST tiềm năng, trường đại học.

**2.2. Nghị B KH&CN ban hành quy định về việc đánh giá tài sản trí tuệ và thực hiện giao quyền sở hữu và quy định về tài sản trí tuệ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước cho tổ chức và nhà khoa học; quy định chuyên ngành, góp vốn tài sản trí tuệ vào doanh nghiệp, phân chia lợi nhuận sau chuyển nhượng, góp vốn.**

**Tr 1 i:**

Ngày 15 tháng 05 năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 70/2018/NĐ-CP quy định về cơ chế quản lý, sử dụng tài sản công hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước (Nghị định 70), có thể:

Nghị định 70 này quy định về cơ chế quản lý, sử dụng tài sản công hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước gồm: Tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng toàn bộ ngân sách nhà nước; tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng một phần ngân sách nhà nước; tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng toàn bộ ngân sách nhà nước; tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng một phần ngân sách nhà nước.

Về nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công hình thành từ việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước, tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ ngân sách cấp là tài sản công. Về cơ chế quản lý, sử dụng thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ ngân sách hỗ trợ là tài sản không sinh lợi; về cơ chế quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện theo thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và các quan nhà nước có thẩm quyền với các bên liên quan và thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan. Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phải báo cáo minh bạch, có hiệu quả; công khai, minh bạch.

Tài sản hình thành thông qua việc triển khai nhiệm vụ ngân sách cấp hoặc ngân sách hỗ trợ là tài sản công bị tịch thu và lợi ích kinh tế trang nhân dân được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Khi kích thích nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước, tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được các quan có thẩm quyền đánh giá, là tài sản công không có lợi ích theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

### 3. NHÓM KIẾN NGHỊ VÀ TIÊU CHUẨN Ô LỘ NGÀNH TÀI CHÍNH:

3.1. *ngành bán hàng và buôn bán hàng hóa nên quy định như “thực hiện liên quan”*. Thông tư 12/2017/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 26/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường không qui định như “thực hiện liên quan” (Bộ Công Thương).

#### Trả lời:

Trong Thông tư 12/2017/TT-BKHCN, Bộ KH&CN không đề xuất việc thực hiện liên quan kiểm tra. Tuy nhiên, ngành bán hàng và buôn bán hàng hóa nên quy định như của Luật Khiếu nại. Trình tự khiếu nại thực hiện theo quy định tại Điều 7 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13.

3.2. *ngành có quy định chi tiêu quản lý tài chính và chi phí hoạt động Ngân sách Nhà nước. Hiện nay, chưa có quy định chi cho hoạt động của nhóm chuyên gia đánh giá và thẩm định chi cho hoạt động của Hội đồng chuyên gia* (Bộ Công Thương).

#### Trả lời:

Bộ KH&CN ghi nhận ý kiến của các chuyên gia và đề xuất với Bộ Tài chính xây dựng thông tư quy định về quản lý ngân sách chi cho hoạt động GTCLQG theo định mức Khoản 1 Điều 27a, khoản 4 Điều 27a và Điều 29 của Nghị định 74/2018/NĐ-CP.

Đây là cơ sở quan trọng làm cơ sở cho việc đo lường kinh phí và chi cho hoạt động GTCLQG hàng năm trung ương và địa phương ứng quy định và thực hiện.

3.3. *ngành Hội đồng chuyên gia có phần nên quy định về các trường hợp doanh nghiệp cấp Hội đồng chuyên gia xuất xứ Vàng Chất lượng Quốc gia như kết quả chất lượng Vàng Chất lượng Quốc gia. Bởi vì đây là thực hiện chính sách minh bạch giá cả quan nhà nước và doanh nghiệp; ngành cho doanh nghiệp áp dụng rõ ràng hàng hóa, tiêu chí chất lượng doanh nghiệp có hàng hóa, hoàn thiện và phần xuất xứ có thể thực hiện Vàng Chất lượng Quốc gia (S Khoa học và Công nghệ Bộ Công Thương).*

#### Trả lời:

Hàng năm, các Hội đồng chuyên gia GTCLQG các tỉnh, thành phố xuất xứ Vàng Chất lượng Quốc gia khoảng 40 - 50 DN xuất xứ Bộ KH&CN trình Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng chuyên gia tiến hành họp xem xét, lựa chọn khoảng 25 - 30 DN tốt nhất trong số DN cấp Hội đồng chuyên gia xuất xứ trao tặng Vàng đẳng cấp trên kết quả đánh giá của Hội đồng chuyên gia và việc thẩm định hồ sơ của Cơ quan thẩm định GTCLQG thành lập đoàn đánh giá tiến hành thẩm định tại các DN này. Kết quả cuộc họp Hội đồng chuyên gia sẽ ghi nhận bằng biên bản họp.

Đoàn đánh giá của Hội đồng chuyên gia tiến hành thẩm định tại 25 - 30 DN đã lựa chọn, thành phố nhận các thành viên của Hội đồng chuyên gia và chuyên gia đánh giá có sự đồng ý của Hội đồng chuyên gia, thành phố. Kết quả của đoàn đánh giá sẽ thông báo cho DN ngay sau cuộc đánh giá và lập thành biên bản.

Hội đồng quốc gia cần vào kết quả thẩm định hồ sơ và kết quả đánh giá tài các DN xuất khẩu KHCN trình Thủ tướng CP trao Giải Vàng cho các DN ưu tiên và kết quả này sẽ thông báo cho DN.

Như vậy ghi nhận góp ý của Sở KHCN Bạc Liêu: việc ưu tiên DN không cần vào DN thẩm định DN xuất khẩu trao Giải Vàng, cần quan trọng cần vào kết quả xem xét đánh giá của Hội đồng chuyên gia, kết quả thẩm định hồ sơ cần quan trọng cần GTCLQG và kết luận của Cục Hải quan quốc gia gửi DN thông báo lý do không cần xuất khẩu trao Giải Vàng.

**3.4. Sửa đổi, bổ sung nội dung quy định “Mức chi cho T giúp vì các của Ban chấp hành hiện hành áp dụng” theo Thông tư liên tịch số 130/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 16 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi phí quản lý tài chính về các nhiệm vụ thu của Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam năm 2020” (Bạc Liêu).**

**Trình bày:**

Theo quy định tại khoản 8 điều 3 và “Nội dung chi hỗ trợ ngân sách nhà nước quy định” thì ngân sách nhà nước hỗ trợ chi “Các chi phí khác liên quan trực tiếp cho hoạt động của Chương trình Nâng cao năng suất, chất lượng”

quy định theo quy định tại khoản 3, khoản 5 điều 4 và “Mức chi trợ giúp ngân sách nhà nước” thì:

- “Các khoản chi phát sinh, không có các mức chi cụ thể thì thực hiện theo mức chi của các công việc có tính chất tổng hợp thanh quyết toán thực tế trên cơ sở chi phí thực và phải có chứng từ hợp lệ” (khoản 3);

- “Ngoài các mức chi quy định nêu trên, nhiệm vụ do áp dụng thực hiện áp dụng các mức chi do áp dụng ban hành” (khoản 5);

Vì các quy định nêu trên, áp dụng xem xét có thể thực hiện áp dụng các mức chi do áp dụng ban hành hoặc thực hiện theo mức chi của các công việc có tính chất tổng hợp.

**3.5. Quy định xem xét và cho triển khai dự án xây dựng Trung tâm Kỹ thuật TC LCL Bạc Liêu theo Quyết định số 317/Q -TTg ngày 15 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ trong ưu tiên ngân sách của ngành và không sử dụng (Sở Khoa học và Công nghệ Bạc Liêu)**

**Trình bày:**

Theo quy định tại Quyết định số 317/Q -TTg và Thông tư số 22/2012/TT-BKHCN ngày 22/11/2012 hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án thu hút đầu tư nâng cao năng lực Trung tâm Kỹ thuật TC LCL, Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ và công nghệ của áp dụng giảm thuế phát triển và sản phẩm khoa học và công nghệ do trung tâm nghiên cứu qua ngân sách áp dụng, các nguồn khác của ngân sách áp dụng và kinh phí huy động khác”. Các chi:

- Ngân sách ưu tiên phát triển cho khoa học và công nghệ do Trung ương cân nhắc thông qua ngân sách áp dụng chỉ cho các nội dung: ưu tiên nhà xưởng, phòng thí nghiệm, trụ sở nghiên cứu, phòng họp và thí nghiệm; nâng cấp nhà xưởng, phòng thí nghiệm, trụ sở nghiên cứu, phòng họp và thí nghiệm; mua sắm thiết bị công nghệ trang thiết bị và các phụ kiện kỹ thuật;

- Ngân sách áp dụng chỉ cho các nội dung: xây dựng trụ sở làm việc; giải phóng mặt bằng; mua sắm trang thiết bị gắn với công trình xây dựng cơ bản; ào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, kỹ thuật viên của trung tâm nghiên cứu và trung tâm kỹ thuật T/C trong nước và ngoài nước;

- Kinh phí huy động hoạt động dịch vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; họp, thí nghiệm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để sử dụng phục vụ nhiệm vụ các dự án quy định hiện hành.

Với dự án ưu tiên cho TTKTTC LCL B của Liêu, Trung ương cần liên hệ với địa phương và các bộ ngành kinh phí thực hiện dự án hoàn toàn từ nguồn ngân sách địa phương. Tuy nhiên, hiện nay, theo phân bổ của S-KHCN với việc “ngân sách của tỉnh thực chi và không sử dụng” thì Trung ương khuyến nghị địa phương nên tiến hành rà soát các nội dung các dự án ưu tiên của nguồn kinh phí thực hiện cho phù hợp (*tiên ngân sách ưu tiên phát triển cho khoa học và công nghệ do Trung ương cân nhắc thông qua ngân sách địa phương; ngân sách địa phương; kinh phí huy động hoạt động khác*) theo các quy định tại Quy định 317/Q- TTg, TT 22/2012/TT-BKHCN nêu trên và các quy định hiện hành về trình tự, thủ tục ưu tiên các dự án ưu tiên.

### **3.6. Nghị B KHCN sửa đổi, ban hành Mô hình khung thực nghiệm về xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại các địa phương (Ban Trị).**

#### **Trình bày:**

Hiện nay Trung ương đang nghiên cứu xem xét, sửa đổi, mô hình khung HTQLCL phù hợp với TCVN ISO 9001:2015. Dự kiến sẽ báo cáo, trình Ban KHCN xem xét, công bố vào cuối năm 2018.

### **3.7. Nghị B KHCN quy định hình thức dán tem niêm phong về việc niêm phong các cơ sở sản xuất, hoạt động vào phòng thí nghiệm nhóm 2 kiểm soát vật liệu (S-KHCN Ban Trị).**

#### **Trình bày:**

- Về quy định hình thức dán tem niêm phong về việc: Hoạt động dán tem niêm phong bắt buộc ngay sau khi các cơ sở sản xuất, hoạt động về quản lý thu trong hoạt động kinh doanh bán lẻ sản phẩm là hoạt động theo chức năng của Bộ Tài chính (Cơ quan chủ trì, Chi cục TC LCL phối hợp), do đó S-KHCN Ban Trị có thể kiến nghị về việc quản lý chủ trì xuất thực hiện;

- Về bắt buộc dán tem vào phòng thí nghiệm nhóm 2: Bắt buộc các nhà sản xuất phải tự mình xác định trách nhiệm báo hành công nghệ chất lượng để kiểm soát các cơ sở, không phục vụ mục đích quản lý họp và không dùng để mua bán, thanh toán, vì vậy không thực hiện dán tem vào phòng thí nghiệm nhóm 2.

**3.8. Nghị B KHCN s m ban hành quy nh v o l ng trong kinh doanh cát, á các a ph ng th ng nh t th c hi n (Kiên Giang).**

**Tr l i:**

Hì n nay, trong th c t , vì c giao nh n trong mua bán cát, á xây d ng th ng c th c hi n theo ph ng th c th a thu n gi a bên mua và bên bán, có s d ng n v o là m<sup>3</sup> (th ng c g i là kh i) thông qua xác nh th tích (dài × r ng × cao; theo kh i) khoang ch a c a ph ng tí n v n chuy n (ví d : 5 xe × 6 kh i/xe = 30 kh i).

B KHCN (T ng c c TC LCL) s n sàng ph i h p UBND các t nh, c bi t là t nh Kiên Giang nghiên c u, xây d ng quy nh v o l ng i v i ph ng tí n o, phép o trong kinh doanh m t hàng cát, á xây d ng.

Tr c m t, ngh UBND t nh Kiên Giang giao S KHCN, Chi c c TC LCL t nh Kiên Giang th c hi n các n i dung sau:

- H ng d n các t ch c, cá nhân liên quan ki m tra, xác nh úng s l ng ã th a thu n khi th c hi n giao nh n trong mua bán cát, á xây d ng;





**BÁO CÁO**  
**HỌ TÊN NG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ VÙNG ĐÔNG BẮC SÔNG CỬU LONG**  
**GIẢI ĐOÀN 2016 - 2018**



**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KH&CN GIAI ĐOẠN 2016 - 2018**  
**CÁC TỈNH AN GIANG VÀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG**  
**TRONG THỜI GIẢN TỚI**

*Sở KH&CN tỉnh An Giang*

**Phần I**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**GIAI ĐOẠN 2016-2018**

**I. NHỮNG KẾT QUẢ TÁC ĐỘNG**

**1. Về công tác tham mưu**

Công tác xây dựng cơ chế chính sách về KH&CN được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, tập trung thực hiện. Cùng với sự tham gia tích cực của các ngành các cấp, giai đoạn 2016-2018 Sở KH&CN An Giang đã tham mưu cho Tỉnh ủy và UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản về chính sách và chính sách các tài chính hỗ trợ hành lang pháp lý cho công tác quản lý nhà nước về KH&CN với 4 VBQPPL và 19 văn bản triển khai thực hiện nhiệm vụ, trong đó có nhiều văn bản quan trọng đã tạo điều kiện cho hoạt động quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn phát triển.

**2. Về xây dựng hạ tầng kỹ thuật và phát triển tiềm lực KH&CN**

**a) Về tổ chức thực hiện máy móc và phát triển tiềm lực KH&CN:**

Tổ chức nhân sự của Sở KH&CN:

**- Tổ chức máy:**

+ Lãnh đạo Sở : 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

+ Các phòng và vị trí chức danh: Văn phòng Sở, Phòng Kế hoạch – tài chính, Phòng Quản lý Khoa học, Phòng Quản lý Công nghệ và Thương mại công nghệ, Phòng Quản lý chuyên ngành, Thanh tra, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Trung tâm Nghiên cứu Tiềm lực KH&CN, Trung tâm Công nghệ Sinh học.

- **Nhân sự** : Tổng nhân sự của Sở KH&CN là 97 CBCC-VC (46 thực sự, 40 nghỉ, 03 trình khác).

- **Tổ chức, bộ máy KH&CN cấp huyện**: nhiều huyện, thị, thành phố có công chức chuyên trách về KH&CN thuộc Phòng Kinh tế, Phòng Kinh tế - Hợp tác xã tham mưu cho Sở KH&CN về các hoạt động và xuất hiện nhiều nghiên cứu, ứng dụng KH&CN tại địa phương.

**b) Về kinh phí hoạt động KH&CN giai đoạn 2016–2018:**

- Trong những năm qua (2016 - 2018) kinh phí hoạt động KH&CN của Trung ương và lãnh đạo tỉnh An Giang quan tâm phân bổ, năm sau cao hơn năm trước. Tổng kinh phí sự nghiệp KH&CN Trung ương phân bổ cấp qua ngân sách địa phương cho tỉnh An Giang là: 91,273 tỷ đồng, kinh phí của UBND tỉnh phê duyệt là: 152,177 tỷ đồng (tổng số với TW thông báo là 66,7%), kinh phí thực hiện của UBND tỉnh là 100,236 tỷ đồng (tổng 65,8% so với UBND phê duyệt; tăng 109,8% so với TW thông báo).

- Tổng kinh phí đầu tư phát triển Trung ương phân bổ cân đối qua ngân sách địa phương là: 202,712 tỷ đồng, kinh phí của UBND tỉnh phê duyệt là: 186,608 tỷ (tính phần số vốn từ TW thông báo là 7,9%), kinh phí thực hiện của UBND tỉnh là 183,594 tỷ đồng (tính 98,4% số vốn của UBND tỉnh phê duyệt).

### **3. Vốn nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

Từ năm 2016 - 2018, Sở KH&CN đã hỗ trợ triển khai thực hiện 80 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh phục vụ phát triển KT-XH, quốc phòng, an ninh và giải quyết các vấn đề cấp thiết, bức xúc của các ngành, địa phương gồm các lĩnh vực sau:

- a) Lĩnh vực khoa học cơ bản: 0
- b) Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: 09
- c) Lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ: 12
- d) Lĩnh vực khoa học y, dược: 19
- e) Lĩnh vực khoa học nông nghiệp: 40

Các tài nghiên cứu chủ yếu tập trung vào các hướng phát triển như sau:

- Ưu tiên thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 27/6/2012 của Ban Chấp hành tỉnh về nhiệm vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Trong đó, tập trung nghiên cứu phát triển 08 nhóm sản phẩm nông nghiệp đặc trưng quy hoạch (lúa - gạo, nhãn - nôm dứa, chuối, cây dược liệu, cây ăn quả, rau màu, chăn nuôi, thủy sản và hoa kiểng).

- Tập trung thực hiện Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 của UBND tỉnh An Giang Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 18-Ctr/TU ngày 28/02/2013 của Ban chấp hành tỉnh về nhiệm vụ phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường nền kinh tế xã hội chuyển đổi và hình thành và phát triển kinh tế KH&CN trọng điểm:

(1) Chương trình Phát triển các nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Công nghệ Sinh học tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020;

(2) Chương trình Phát triển dược liệu và y học cổ truyền trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020;

(3) Chương trình Nghiên cứu phát triển du lịch tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020;

(4) Chương trình Nghiên cứu phát triển bền vững các vùng sinh thái tỉnh An Giang trong điều kiện biến đổi khí hậu giai đoạn 2016 - 2020;

(5) Chương trình Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020;

(6) Chương trình Nghiên cứu phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020;

(7) Chương trình phát triển kinh tế xã hội tỉnh An Giang theo hướng là một trong những trung tâm về nông nghiệp, du lịch, y tế và giáo dục.

### **4. Vốn công tác quản lý công nghệ**

Thực hiện Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 05/03/2016 của Ban chấp hành Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020, Sở KH&CN An Giang đã hỗ trợ kinh phí thực hiện 29 mô hình, dự án. Thông

qua việc hỗ trợ các mô hình, dự án sẽ giúp nhiều nông dân, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh ứng dụng nhiều công nghệ tiên tiến giúp giảm giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm, trong đó nổi bật là một số dự án sau: ứng dụng máy cày rơm thu gom rơm phục vụ sản xuất nông nghiệp tại tỉnh An Giang; Xây dựng mô hình thí nghiệm về nuôi cấy giồng rau qui mô công nghiệp tại huyện An Phú và Chợ Mới, tỉnh An Giang; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất cây giồng rau; ứng dụng máy cấy lúa phục vụ sản xuất lúa giồng tại tỉnh An Giang; Sản xuất và nhân giống cây dứa có giá trị kinh tế cao phát triển tại An Giang; Sản xuất nấm linh chi ứng dụng công nghệ cao.

**b) Tầm nhìn, giám sát mô hình, dự án:**

Công tác thẩm định công nghệ cho các dự án nêu trên đã được tiến hành khai thác hiện nay phù hợp với các cơ quan ngành trong tỉnh. Qua đó, đã thẩm định được 95 dự án ưu tiên.

**c) Hỗ trợ doanh nghiệp KH&CN và phát triển thị trường KH&CN:**

Hỗ trợ 01 doanh nghiệp đăng ký doanh nghiệp KH&CN và đang hưởng miễn thuế 03 doanh nghiệp hoàn thành thủ tục đăng ký doanh nghiệp KH&CN trong năm 2016.

**5. Vấn đề an toàn thực phẩm**

Công tác thẩm định và cấp phép hoạt động cho các cơ sở tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm rất quan trọng, sẽ cấp phép 63 cơ sở. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có khoảng 60 cơ sở có nguy cơ thực phẩm vi phạm trên 120 chỉ tiêu phát hiện X-dùng trong chuỗi sản xuất, trong đó có một số cơ sở thông báo tạm ngừng hoạt động.

Hoàn thành và tham mưu UBND tỉnh xem xét gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, phê duyệt Kế hoạch tổng hợp số 10/CĐ-UBND, hướng dẫn trên địa bàn tỉnh An Giang (thực hiện theo Thông tư số 25/2014/TT-BKHCN ngày 08/10/2014 của Bộ KH&CN) và đề nghị tổ chức đi kiểm tra về các tình huống tổng hợp số 10/CĐ-UBND cho Ban chỉ huy, cán bộ quản lý các Sở, ban, ngành và địa phương ưu tiên các hoạt động trong năm 2018 (khi Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt).

Phê duyệt 41 kế hoạch tổng hợp số 10/CĐ-UBND cấp cơ sở cho 41 cơ sở hoạt động trong lĩnh vực X-quang y tế (tỷ lệ 83%).

**6. Vấn đề nguồn nhân lực, phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật**

Tính đến năm 2016 hiện nay, tỉnh An Giang đã cấp 378 bằng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (trong đó gồm: 350 nhãn hiệu, 23 kiểu dáng công nghiệp, 5 sáng chế) và 100 bằng cấp Sở hữu trí tuệ cấp 243 văn bằng bảo hộ cho phát minh (216 nhãn hiệu, 24 kiểu dáng công nghiệp, 03 sáng chế). Số biết trong đó là nhãn hiệu công nghiệp An Giang đã cấp Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận từ Quy định số 23086/QĐ-SHTT ngày 11 tháng 4 năm 2018, đây là bước tiến quan trọng vì xác lập quy định bảo hộ sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu các hoạt động qua hình thức quy định nhãn hiệu công nghiệp “AN GIANG”, đó là một bước tiến quan trọng cho các sản phẩm chủ yếu, số biết là các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các sản phẩm chủ yếu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tạo lập hình ảnh (nhận diện) trong tâm trí người tiêu dùng) và chất lượng cao về các sản phẩm hàng hóa góp phần nâng cao giá trị thương mại các sản phẩm trên thị trường; đồng thời, tăng số các tranh chấp sản phẩm trên

th tr ng, nâng cao thu nh p c a ng i dân vùng s n xu t kinh doanh góp ph n phát tri n kinh t - xã h i a ph ng.

Bên c nh ó, t nh ã h tr chi phí ng ký 65 nhãn hi u cá th <sup>5</sup>, 02 nhãn hi u t p th <sup>6</sup>, thanh lý h tr 01 nhãn hi u t p th <sup>7</sup>, 01 ki u dáng công nghi p<sup>8</sup> và 01 gi i pháp h u ích<sup>9</sup>. T ng kinh phí h tr là 80. 400.000 ng.

## **7. V công tác Tiêu chu n - o l ng - Ch t l ng (TC LCL)**

Công tác ki m tra, kh o sát v ch t l ng s n ph m, hàng hóa l u thông trên th tr ng ã c t ch c tri n khai theo k ho ch và ch o c a c p trên;

Th c hi n Quy t nh s 794/Q -UBND ngày 23/3/2016 c a UBND t nh phê duy t K ho ch nâng cao n ng su t ch t l ng s n ph m, hàng hóa c a các doanh nghi p nh và v a giai o n 2016-2020: Ph i h p v i Trung tâm ào t o thu c T ng c c TC LCL t ch c 02 l p t p hu n v nh n th c chung và hi u qu khi áp d ng các h th ng qu n lý ch t l ng (ISO 9001, ISO 22000, GACP, VietGAP), và các công c nâng cao n ng su t ch t l ng (Kaizen - 5S, KPIs, TPM, Lean 6 Sigma) cho 75 h c viên c a các doanh nghi p, c s s n xu t trên a bàn t nh; V n ng và h tr 100% chi phí t v n cho 06<sup>10</sup> n v ng ký tham gia xây d ng mô hình h th ng qu n lý ch t l ng và công c nâng cao n ng su t ch t l ng<sup>11</sup>.

Th c hi n Quy t nh s 19/2014/Q -TTg c a Th t ng Chính ph v vi c áp d ng h th ng qu n lý ch t l ng theo Tiêu chu n qu c gia TCVN ISO 9001:2008 vào ho t ng c a các c quan, t ch c thu c h th ng hành chính nhà n c. n nay, có 21 S , ngành; 13 Chi c c; 11 huy n, th , thành ph và 78 xã ph ng, th tr n áp d ng h th ng qu n lý ch t l ng theo Tiêu chu n qu c gia TCVN ISO 9001:2008. T ch c oàn ki m tra và yêu c u báo cáo tình hình ho t ng c a 34 n v c p t nh, 11 n v c p huy n, 29 n v c p xã ph ng, th tr n.

Gi i th ng ch t l ng Qu c gia: N m 2017, có 02 n v ng ký tham gia. K t qu : Nhà máy xi m ng An Giang và Xí nghi p s n xu t bê tông và g ch không nung t gi i b c. N m 2018, có 02 n v ng ký tham gia.

Giai o n 2016-2018 ki m nh/hi u chu n 34.698 ph ng ti n o các lo i.

## **8. V công tác thông tin, tuyên truy n, ph bi n KH&CN.**

C p nh t 1.400 tin v KH&CN lên C ng thông tin i n t S KH&CN An Giang và 2.800 tin lên website TBT AGi nh m thông tin k p th i nh ng mô hình ng d ng các ti n b KH&CN mang hi u qu kinh t n v i ng i dân ng i c, ng i xem trong và ngoài t nh tham kh o và h c t p làm theo, t ó góp ph n a ti n b khoa h c c a t nh nhà ngày m t phát tri n m nh h n.

<sup>5</sup> “Ng c Th ”, “Qu c Thái”, “Quan D ng”, “Nh n Thành”, “Hai Lâm”, “CÔNG TY TNHH GI NG CÂY TR NG V NH QUÍ, hình” (Châu Phú); 19 nhãn hi u nông d c c a Công ty TNHH th ng m i s n xu t Hóa Nông An Giang, THÀNH T, hình”, “LÉ PH NG”, 06 hi u d c ph m Tín Kí n L i, Ph ng Kí t (Ch M i); 14 nhãn hi u nông d c cho Công ty TNHH Th ng m i - S n xu t GNC, “H u Ngh a”, “Uyên Lan”, “NEWCAFE, hình”(Châu Thành); “HU NH QUANG”, “HOÀNG NG C”, 06 nhãn hi u d c Agimexpharm (Long Xuyên); “Sunflowers”, “Vàng Anh, hình” (Tho i S n); “KIM CHAU, hình” (Tân Châu).

<sup>6</sup> NHTT Câu l c b nông dân Hòa Phát (Châu Phú), G O H NG NG C ỐC EO (Tho i S n).

<sup>7</sup> NHTT “T H p Tác S n Xu t Rau An Toàn V nh M V NH M , hình” (Châu c).

<sup>8</sup> “H P” c a Công ty TNHH D c ph m Tín Kí n L i (Ch M i).

<sup>9</sup> “Ph ng pháp in hình nét các con thú ch ng gi trên vé s ki n thi t” c a ông Lê Ph c L c (Long Xuyên).

<sup>10</sup> Cty TNHH MTV NEW CAFÉ, Trung tâm DTBKHCN An Giang, Cty TNHH MTV C khí Long xuyên, Cty TNHH TMV C u ng - C khí An Giang, Cty TNHH- LD ANTRACO, Cty TNHH MTV SXTM V n D ng 1111.

<sup>11</sup> HTQLCL: ISO 9001:2015, ISO 22000:2005; Công c NCNSCL: 5S và Kaizen.

Ph i h p v i:

- ài Truy n hình An Giang th c hi n 48 chuyên m c KH&CN, 24 chuyên m c v S h u trí tu và cu c s ng trên ài PT-TH An Giang và 36 chuyên m c nông nghi p ng d ng công ngh cao.

- Báo An Giang th c hi n ng 60 bài vi t v KH&CN.

- Ban tuyên giáo T nh y t p hu n, tuyên truy n v phát tri n KH&CN t i 11 huy n th trong t nh An Giang

- C c SHTT, T ng c c TC LCL và các S , ban, ngành có liên quan t ch c 05 l p t p hu n, 02 h i th o và 08 h i ngh v S h u trí tu .

Phát hành 14 s T p chí KH&CN v i s l ng 500 quy n/1 s . M i s c a t p chí có n i dung và ch c th v các l nh v c ng d ng công ngh t i n b k thu t vào s n xu t, k t qu nghiên tài, ho t ng v tiêu chu n o l ng ch t l ng,... nh m ph c v thi t th c, k p th i cho thông tin tuyên truy n v ng l i chính sách v KH&CN và góp ph n nâng cao ki n th c v KH&CN cho ng i dân.

Công tác tuyên truy n, ph bi n chính sách, pháp lu t v KH&CN c y m nh và xem là nhi m v quan tr ng, thông qua ho t ng tuyên truy n ph bi n các v n b n do Trung ng và a ph ng ban hành nh Thông t s 08/2010/TT-BKH&CN ngày 22/7/2010 c a B KH&CN; Thông t 19/2012/TT-BKH&CN ngày 08/11/2012 c a B KH&CN; Thông t 22/2013/TT-BKH&CN ngày 26/9/2013 c a B Khoa h c và Công ngh v quy nh qu n lý o l ng trong kinh doanh vàng và qu n lý ch t l ng vàng trang s c, m ngh l u thông th tr ng và các v n b n pháp lu t có liên quan cho các doanh nghi p kinh doanh vàng trang s c, m ngh , Thông t s 25/2014/TT-BKH&CN ngày 08/10/2014 c a B KH&CN; Thông t liên t ch s 13/2014/TTLT-BKH&CN-BYT ngày 09/6/2014 c a B KH&CN và B Y t , Quy t nh 09/2016/Q -UBND ngày 17/02/2016 c a UBND t nh, Quy t nh 16/2016/Q -UBND ngày 26/3/2016 c a UBND t nh, Quy t nh 567/Q -UBND ngày 10/3/2016 c a UBND t nh, Quy t nh 794/Q -UBND ngày 23/3/2016 c a UBND t nh, Quy t nh 1607/Q -UBND ngày 13/6/2016 c a UBND t nh... T ó giúp ng i dân nâng cao nh n th c và ý th c t giác ch p hành quy nh pháp lu t v các l nh v c KH&CN.

## 9. Công tác thanh tra chuyên ngành KH&CN

Thanh tra chuyên ngành: t ch c 24 cu c thanh tra, ki m tra (có thành l p oàn) v : o l ng Taximet xe taxi; Tiêu chu n, ch t l ng và nhãn hàng hóa trong kinh doanh thi t b i n, i n t , ch i tr em và m b o hi m; o l ng và ch t l ng trong l nh v c kinh doanh x ng d u; o l ng i v i ph ng ti n o nhóm 2 là huy t áp k , cân, máy o i n tím, công t i n, ng h n c l nh; Hành chính và phòng ch ng tham nh ng t i 344 c s ã phát hi n 40 c s vi ph m và ã ban hành và th c hi n xong 40 quy t nh x ph t vi ph m hành chính v i t ng s t i n x ph t là 246.998.000 ng.

**Tham gia oàn ki m tra liên ngành (Ban ch o 389):** Ki m tra th tr ng T t Nguyên án t i 43 c s s n xu t, kinh doanh th c ph m; ch i tr em; hàng óng gói s n; Ki m tra ho t ng s n xu t, kinh doanh m t hàng thép xây d ng t i 06 c s kinh doanh thép xây d ng; Ki m tra ho t ng kinh doanh x ng, d u, gas t i 112 c a hàng kinh doanh x ng d u, 08 c a hàng kinh doanh gas.

Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại tố cáo:

- Trong kỳ báo cáo không có công dân trực tiếp khiếu nại, tố cáo.

- Tiếp nhận 07 khiếu nại, tố cáo (08 công dân), trong đó có 03 khiếu nại (03 công dân) liên quan đến việc phân bổ ngân sách, phân bổ ngân sách địa phương và 04 khiếu nại (05 công dân) do Thanh tra Sở làm rõ nội dung khiếu nại, tố cáo.

- Tiếp nhận: 07 khiếu nại, tố cáo giải quyết xong 06 còn 01 đang giải quyết.

#### **10. Hoạt động KH&CN cấp cơ sở**

Phê duyệt hồ sơ kinh phí thành lập 106 tài sản các lĩnh vực, bao gồm 54 tài sản thuộc lĩnh vực Khoa học nông nghiệp, 14 tài sản thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật, 10 tài sản thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ kỹ thuật, 28 tài sản thuộc lĩnh vực xã hội và nhân văn.

Thông qua quá trình thành lập tài sản các cơ quan chức năng đã tổ chức trên 30 cuộc Hội thảo đánh giá kết quả và phân bổ nhân lực cho trên 1.900 dự án tham dự hội thảo. Ngoài ra, các kết quả tài sản các ngành nghề thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng các địa phương nhằm thông tin cho người dân về những lợi ích, lợi ích, lợi ích, các phương pháp sản xuất mới mang lại hiệu quả kinh tế cao.

#### **11. Hợp tác trong nước và quốc tế về KH&CN**

Phối hợp với tổ chức JICA (Nhật Bản) thành lập dự án *Thử nghiệm các công nghệ Nhật Bản về kỹ thuật trồng nông nghiệp bền vững vùng núi Uchishiro phục vụ cho sản xuất nông nghiệp bền vững ngành nông nghiệp*.

Tiếp nhận và làm việc với các tổ chức và công ty nước ngoài nhằm tranh thủ sự hỗ trợ chuyên gia và kinh phí thành lập các nghiên cứu KH&CN, như là phát triển lĩnh vực NN&UDCN, thử nghiệm mô hình trồng cây ăn trái (cam, quýt, bưởi, sung), trồng rau theo hình thức, mô hình trồng dưa lưới Nhật Bản, khảo nghiệm giống dưa lưới địa phương, sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn, tiến bộ nông nghiệp hiện đại và đào tạo chuyên môn kỹ thuật như: Công ty Joint Grass Roots Fukuoka - Nhật Bản, Công ty Ogiwara - Nhật Bản, Công ty Hagihara - Nhật Bản, Công ty Maruwa Biochemical - Nhật Bản, Công ty Horimasa - Nhật Bản.

Ngoài ra, Sở Khoa học và Công nghệ còn tiếp nhận hợp tác với các tổ chức hội nhóm tiến bộ như:

- Công ty Sydensuya - Nhật Bản: thành lập dự án *Thử nghiệm các công nghệ Nhật Bản về kỹ thuật trồng nông nghiệp bền vững vùng núi Uchishiro phục vụ cho sản xuất nông nghiệp bền vững ngành nông nghiệp* của JICA tài trợ. Hiện nay các kết quả thử nghiệm các ngành nghề khâu vận hành, đánh giá các công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh bảo vệ môi trường vùng núi Uchishiro đã hoàn thành.

- Công ty chuyên xây dựng, dịch vụ và hợp tác lao động (Bên Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) hàng đầu và hợp tác 02 lao động thuyên chuyển Trung tâm thí nghiệm sinh nông nghiệp tại Israel nhằm mục đích là tiếp cận các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, các mô hình canh tác hiệu quả của Israel,... và áp dụng tại địa phương.

- Trường HRMIT - Úc: ký kết biên bản ghi nhớ và mời các chuyên gia từ trường HRMIT, mời báo cáo tham luận tại Hội thảo về Dự án liên kết tỉnh An Giang, đồng thời mời các chuyên gia tiến hành khảo sát vùng trồng dưa lưới tại huyện Tri Tôn, Tỉnh Biên.



## **12. Hoạt động các nhân viên nghiên cứu KH&CN công lập.**

Hiện nay, Sở KH&CN An Giang có 03 nhân viên nghiên cứu công lập thực hiện theo định hướng của Nghị quyết 54/2016/N-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nghiên cứu KH&CN công lập.

### **a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ thực nghiệm theo chức năng (Theo Thông tư 121/2014/TTLT BTC-BKHCN)**

Triển khai 09 tài liệu, đề án cấp tỉnh và 85 nhiệm vụ thực nghiệm theo chức năng về nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật, rau màu, quy trình sản xuất và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

### **b) Thực hiện vàнд ch v :**

Tổng thu đ ch v : giai đoạn 2016-2018 trên 13 tỷ đồng.

## **II. ÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Những mặt tích cực**

Phát triển KH&CN đã tạo ra một bước chuyển biến mới về nhận thức, hành động của các cấp, ngành, chính quyền địa phương và Nhân dân về vị trí và tầm quan trọng của KH&CN phục vụ nghiên cứu công nghệ, hiện đại hóa đất nước trong kỷ nguyên kinh tế thị trường nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và hình thức mới. Trước đó, hoạt động KH&CN của các ngành, phát triển theo hướng ngày càng đáp ứng nhu cầu thị trường và sống của Nhân dân. Tầm vóc KH&CN ngày càng nâng lên, tạo ra kỷ nguyên mới và tiến bộ phát triển các hoạt động nghiên cứu KH&CN, góp phần phát triển KT-XH. Nhiều thành tựu trong nghiên cứu phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nhiều ngành cho phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

Quy mô nhà nghiên cứu KH&CN tăng bước đầu. Các hình thức quy định của trên ngày càng hoàn thiện và các cơ chế, chính sách áp dụng yêu cầu thị trường địa phương. Công tác tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực KH&CN của các ngành xuyên và liên ngành. Việc chuyển giao các tài liệu, đề án cho các tổ chức, cá nhân sản xuất và nhân rộng các quan tâm thực hiện, ngày càng thiết thực, hiệu quả.

### **2. Mặt hạn chế, tồn tại**

Việc nghiên cứu và ứng dụng KH&CN chưa phát huy hết tiềm năng và lợi thế của tỉnh; doanh nghiệp chưa quan tâm đầu tư công nghệ mới, đổi mới quy trình sản xuất, kinh doanh chưa thoáng, công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường còn tồn tại.

Quy mô nhà nghiên cứu KH&CN chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Các cơ sở và vị trí phân bố cán bộ KH&CN trên địa bàn tỉnh chưa cân đối, còn nhiều bất hợp lý, thiếu và yếu, nhất là các chuyên gia, nhân sự, nhân lực.

Hiện các cán bộ còn thiếu cán bộ chuyên gia; trình độ công nghệ của nhiều ngành sản xuất còn thấp và lạc hậu.

Thị trường KH&CN chưa phát triển, hoạt động trao đổi, mua bán công nghệ và lưu thông kết quả nghiên cứu KH&CN còn hạn chế.

Phấn đấu kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ sẽ chuyển giao ứng dụng nhiều hơn, thực hiện hiện đại hóa còn hạn chế; Khuyến khích nhân rộng các nhân viên tiếp nhận kết quả nghiên cứu còn nhiều hạn chế.

### 3. Nguyên nhân:

Nhiều cấp quản lý, chính quyền, đặc biệt là cấp huyện chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của KH&CN trong quá trình phát triển nên chưa tập trung trí tuệ, công sức lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động này.

Chưa có cơ chế, chính sách phù hợp huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách cho việc phát triển KH&CN; Doanh nghiệp chưa quan tâm thực hiện hàng thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học gì quy trình khó khăn, bất cập trong sản xuất kinh doanh.

Việc ào ạt, thu hút nhân lực KH&CN trong thời gian qua chưa áp dụng vai trò then chốt trong phát triển tiềm lực KH&CN, cũng như xu hướng phát triển nền kinh tế tri thức đạt được.

Phần lớn các xuất ý tưởng nghiên cứu xuất phát từ các Sở ngành nhằm tháo gỡ những khó khăn trong công tác quản lý. Ít quan tâm đến phát triển những sản phẩm mới; Việc thu thập các ý tưởng xuất nghiên cứu từ các doanh nghiệp chưa được quan tâm.

Nhiều ngành chưa quan tâm đến công tác tìm kiếm các nhiệm vụ khoa học do mình thực hiện; Chưa có quy định chi tài trợ về các nguồn vốn chuyên giao nhận giao nộp vào ngân sách và sản xuất thực tế.

Các văn bản hướng dẫn xác định quy định sử dụng trí tuệ, nhân lực công nghệ/sản phẩm nghiên cứu còn thiếu, chưa cụ thể nên rất khó xác định giá trị và phân chia sau khi thương mại.

Nhiều Nhà khoa học vẫn còn nghiên cứu cái mình có, am hiểu; chưa liên kết cho ra các sản phẩm hoàn thiện, áp dụng yêu cầu của thị trường nên rất khó thương mại hóa.

Quy trình thẩm định và định giá công nghệ còn nhiều bất cập; Thứ tự ngành khoa học và công nghệ còn trùng lặp, chưa phát triển; thiếu các tổ chức trung gian, các quy định pháp lý còn thiếu, nhất là hình thức bồi đắp ưu đãi quy định sử dụng trí tuệ.

Thiếu trung tâm chuyển giao (cho không) của Nhà nước trong thương mại hóa công nghệ, Thiếu sinh viên trong nhận chuyển giao công nghệ vẫn còn chiếm chỗ trong các Doanh nghiệp và bà con nông dân.

### III. KIẾN NGHỊ

\* *B, ngành Trung ương:*

- Hướng dẫn về hình thức tài trợ, tín dụng, tín dụng cho hoạt động máy móc trong kinh phí thực hiện nhiệm vụ thực hiện xuyên suốt các KH&CN; hướng dẫn sử dụng các nhóm kinh tế - kỹ thuật xác định các yếu tố đầu vào của thành nhiệm vụ KH&CN làm công cụ hoàn thành chuyển đổi theo kế hoạch;

- Hướng dẫn chi tiết các tổ chức KH&CN góp vốn bằng tiền, tài sản, giá trị quy định đăng ký và quy định sử dụng trí tuệ tiến hành các hoạt động KH&CN, hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc chấp vay vốn từ ngân hàng.

- Ban hành quy định về định giá tài sản trí tuệ và thực hiện giao quy định sử dụng và quy định sử dụng tài sản trí tuệ có nguồn gốc ngân sách nhà nước cho tổ chức và nhà khoa học; quy định chuyển nhượng, góp vốn tài sản trí tuệ vào doanh nghiệp, phân chia lợi nhuận sau chuyển nhượng, góp vốn;

- Xây dựng ban hành các chính sách và khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân thu hút vốn thành phần kinh tế tư nhân vào hoạt động KH&CN; chính sách khuyến khích, hỗ trợ nông dân áp dụng các kết quả nghiên cứu của tài khoa học vào mô hình thực nghiệm, nhân rộng kết quả vào thực tiễn cụ thể sản phẩm thúc đẩy kinh tế phát triển; khuyến khích phát triển hình thức nghiên cứu triển khai trong doanh nghiệp thu hút các thành phần kinh tế.

- Tiếp tục ưu tiên hỗ trợ các công nghệ mũi nhọn KH&CN giai đoạn 2016-2020 cho các Trung tâm thu hút theo Quyết định số 317/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;

- Sớm xây dựng và ban hành bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của tài, dự án trong đóng góp cho phát triển KT-XH.

## **Phần II** **NHỮNG NGUYÊN TẮC KH&CN TRONG THỜI GIỚI TỚI**

### **1. Nhiệm vụ, trách nhiệm vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và phát triển KH&CN**

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 20-NQ/TW, Luật KH&CN năm 2013 (sửa đổi), Chương trình hành động số 18-CTr/TU; Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và quản lý, điều hành nhiệm vụ phát triển mũi nhọn KH&CN trong giai đoạn phát triển mới của tỉnh; làm cho KH&CN thực sự là quốc sách hàng đầu. Trong đó, cần quan tâm phát triển KH&CN, tạo nguồn lực, nguồn nhân lực và môi trường thuận lợi nhất cho KH&CN phát triển.

Các sở, ban, ngành và cấp ủy đảng, chính quyền các cấp phải nắm vững các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH của từng ngành và từng cấp; kế hoạch phát triển KH&CN phải là một nội dung của quy hoạch, kế hoạch phát triển mũi ngành, mũi địa phương.

- Ủy ban nhân dân công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, toàn thể các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và công nhân viên chức và tham gia quản lý của KH&CN và việc phát triển KT-XH của tỉnh.

### **2. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho KH&CN thực sự là ngành mũi nhọn, là nền tảng và động lực phát triển KT-XH**

Phấn đấu năm 2020, tiềm lực KH&CN của tỉnh đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường, tạo sự chuyển biến rõ nét, đột phá trong công cuộc CNH, HĐH của địa phương. Chú trọng tập trung nguồn lực KH&CN hình thành và phát triển nền kinh tế trên cơ sở sản xuất hàng hóa theo hướng ứng dụng công nghệ cao, hiện đại, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

### **3. Tăng cường đầu tư nguồn lực cho hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh**

Ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở vật chất và triển khai nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở phân bổ hợp lý các vốn, trọng tâm, trung tâm, tập trung KH&CN trong và ngoài nước có tiềm năng. Trong đó, ưu tiên tập trung nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, đáp ứng nhu cầu thực tiễn phát triển nguồn lực của địa phương.

Chú trọng tăng cường hàm lượng khoa học, công nghệ trong các sản phẩm chủ lực của tỉnh, tạo nhiều sản phẩm mới, sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Nhấn mạnh phấn đấu năm 2020, An Giang xây dựng ít nhất 01 sản phẩm quốc gia mang thương hiệu Việt Nam.

#### **4. Khuyến khích xã hội hoá hoạt động KH&CN**

Tăng cường các hoạt động khuyến khích doanh nghiệp tham gia phát triển các liên kết, hợp tác công - tư trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các sản phẩm KH&CN. Khuyến khích doanh nghiệp thực hiện khởi nghiệp và phát triển công nghệ theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và thân thiện môi trường. Tăng cường tiếp nhận tài năng nghiên cứu từ các doanh nghiệp.

Hình thành và phát triển các doanh nghiệp KH&CN, đặc biệt là doanh nghiệp KH&CN hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học và bảo vệ môi trường. Hình thành đội ngũ cán bộ KH&CN có trình độ cao, tâm huyết, trung thực, tận tụy, tập trung vào tạo và thu hút nguồn nhân lực trình độ cao phục vụ phát triển KT-XH địa phương.

#### **5. Định hướng và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về KH&CN**

Định hướng phát triển, ứng dụng, chuyển giao KH&CN vào kế hoạch hàng năm của các cấp, các ngành. Xác định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về KH&CN của ngành, UBND nhân dân các địa phương.

Tăng cường, củng cố kiến thức toàn thể cán bộ máy và chất lượng cán bộ đội ngũ KH&CN và các nhân viên nghiệp vụ thuộc Sở; quản lý và kiểm soát công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; các dự án đầu tư phát triển KT-XH ưu tiên các lĩnh vực công nghệ và những tác động của nó đến môi trường, xã hội. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về KH&CN. Khuyến khích công tác thông tin, tuyên truyền, phổ cập kiến thức về KH&CN./.

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KH&CN GIAI ĐOẠN 2016 - 2018**  
**CÁC TÀI NGUYÊN VÀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG**  
**TRONG THỜI GIẢN TỚI**

*S KH&CN tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*

**Phần I**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**GIAI ĐOẠN 2016-2018**

**I. NHỮNG KẾT QUẢ CHỦ YẾU**

**1. Về công tác tham mưu**

Trên cơ sở các quan tâm, chỉ thị của Đảng, Nhà nước và pháp luật về KH&CN của nhà nước, cơ bản là Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ đổi mới công nghiệp, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Trong những năm qua, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành các văn bản chỉ đạo nhằm cụ thể hóa các chỉ thị phát triển KH&CN của Đảng và Nhà nước. Cụ thể là Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 31/01/2013 thực hiện Nghị quyết Trung ương 6; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 09/10/2013 thực hiện Chỉ thị số 22-CT/TU của Tỉnh ủy, Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 12/10/2015 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của Sở KH&CN.

- Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Công văn số 162-CV/TU ngày 15 tháng 11 năm 2016 về tiếp tục đẩy mạnh phát triển và nâng cao công nghệ sinh học theo Kế hoạch số 06-KL/TW của Ban Bí thư;

- Ủy ban nhân dân (UBND) Tỉnh ban hành Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2016 về Quy định nhiệm vụ xây dựng, phân bổ dự toán và quy định kinh phí về nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh;

- UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2017 Quy định quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Lãnh đạo Tiêu chuẩn Quốc gia: trình UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và chỉ đạo, chỉ đạo hành trong hoạt động quản lý nhà nước về TC LCL nhằm cụ thể hóa các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương sát với tình hình thực tiễn hoạt động các doanh nghiệp trong tỉnh, cụ thể như: Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phê duyệt Dự án “*Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2020*”;

- Hàng năm chỉ đạo Ủy ban Quy định về Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, (đặc biệt ý kiến các ngành có liên quan và ý kiến tham mưu của Sở T. pháp); chỉ đạo Ủy ban Quy định về ban hành Quy định

quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Bạc Liêu; Xây dựng đề thi ô K hoạch “Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2017 - 2020”.

- Chương trình cấp có thẩm quyền: Nghị quyết HĐND thông qua “chính sách và chuyển giao, ứng dụng, tìm kiếm công nghệ trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu”; Quyết định Ban hành Quy định quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Bạc Liêu; Quyết định về việc ban hành quy định chi tiêu báo cáo thống kê về KH&CN trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; Chế độ về việc công tác quản lý nhà nước về công nghệ trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;

- Bên cạnh đó, trong năm 2017, Sở KH&CN đã đề nghị tham mưu UBND Tỉnh các nội dung báo cáo sau: Đề nghị báo cáo của UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận Nghị quyết số 20-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) gửi Ban Tuyên giáo Trung ương; Báo cáo của UBND tỉnh về Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ và 5 nội dung chấp thuận Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) gửi Bộ KH&CN; Báo cáo kết quả nhiệm vụ KH&CN trong năm 2016 và kế hoạch hoạt động năm 2017 về UBND tỉnh phục vụ Hội nghị trực tuyến ngành KH&CN về Thị trường Chính phủ, Bộ KH&CN; Báo cáo kết quả năm 2017 về tình hình triển khai thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011 – 2020 gửi Bộ KH&CN.

## **2. Xây dựng hệ thống cơ sở máy và phát triển tiềm lực KH&CN**

### **a. Về tổ chức hệ thống máy hoạt động KH&CN:**

\* *Bộ máy Văn phòng Sở* : 25 biên chế, hiện có 29 (trong đó hợp đồng 04);

- Lãnh đạo Sở : Giám đốc, 02 Phó Giám đốc;

- Các phòng chuyên môn thuộc Sở : Văn phòng (07 người), trong đó hợp đồng theo Nghị định 68: 02 người; Thanh tra (03 người); Phòng Kế hoạch - Tài chính (02 người); Phòng Quản lý Khoa học (03 người); Phòng Quản lý Công nghệ (03 người); Phòng Quản lý chuyên ngành (03 người); Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ cao (03 người).

\* *Bộ máy Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (T.C)*: 12 biên chế hành chính: Lãnh đạo Chi cục có 02 người (01 Chi cục trưởng) và 03 phòng chức năng: Phòng Hành chính - Tổng hợp (04 người), Phòng Quản lý đo lường và TBT (03 người), Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng (03 người);

Hiện có số người phụ trợ thuộc Chi cục T.C: Trung tâm Kỹ thuật TC LCL trực thuộc Chi cục T.C có 11 người (trong đó có 07 biên chế và 04 hợp đồng): 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc; 01 chuyên viên phụ trách kế toán kiêm nhiệm công tác hành chính tổng hợp, 01 chuyên viên văn thư kiêm thủ quỹ, 03 chuyên viên thí nghiệm, 04 kỹ thuật viên và 01 lái xe.

\* *Các tổ chức sự nghiệp phụ trợ thuộc Sở* :

- Trung tâm Thông tin KH&CN có 10 biên chế (hiện có 09 biên chế và 01 hợp đồng); của UBND tỉnh ra quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 về việc phân loại, giao quyền tài chính, trách nhiệm vụ tài chính;

- Trung Tâm nghiên cứu Tiềm năng Khoa học và Công nghệ : 18 biên chế. Thực hiện theo Nghị quyết số 115/2005/N-CP về tài chính, trang trải 100% kinh phí hoạt động. Trong năm 2018, thực hiện Công phu nhân hóa theo Kế hoạch số 20/KH-UBND của UBND tỉnh Bạc Liêu;

\* *Tình hình quản lý KH&CN cấp huyện*: Có 7/7 huyện, thị xã, thành phố bố trí 01 lãnh đạo phòng (Trưởng hoặc Phó phòng) phụ trách lĩnh vực khoa học và công nghệ và có 01 chuyên viên chuyên trách quản lý khoa học và công nghệ.

### **b. Vốn kinh phí hoạt động KH&CN giai đoạn 2017–2018:**

(sử liệu báo cáo theo biểu số 8,9,10,11 và 12)

### **3. Vốn hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

Giai đoạn 2016-2018 đã thực hiện các hình thức vận chuyển chuyên ngành nghiên cứu thực nghiệm thu hút 11 tài trợ, dự án triển khai thực hiện các năm trước và 01 nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước. Cụ thể:

#### ***Lĩnh vực khoa học y, dược***

(1) tài trợ “Nghiên cứu sử dụng và xuất bản pháp bản quyền, phát triển nguồn tài nguyên cây thuốc tỉnh Bạc Liêu”. Kết quả đánh giá tài trợ tại Xuất sắc.

#### ***Lĩnh vực Khoa học xã hội và nhân văn***

(2) tài trợ “Phong trào công nhân lao động và hoạt động Công đoàn Bạc Liêu 1975 – 2013 (tập 2)”. Kết quả đánh giá tài trợ tại Khá.

#### ***Lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ***

(3) Dự án “Xây dựng hệ thống truy cập thông tin khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Bạc Liêu”. Kết quả đánh giá nghiên cứu thực nghiệm dự án tại khá.

#### ***Lĩnh vực khoa học nông nghiệp***

(4) tài trợ “Nghiên cứu quy trình sản xuất rau cần nước (*Oenanthe javanica* (Blume) DC) an toàn tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu”. Kết quả đánh giá tài trợ tại Khá.

(5) Dự án “Xây dựng mô hình sản xuất giống và trồng 04 loại nấm thực phẩm phù hợp với địa bàn tỉnh Bạc Liêu”. Kết quả đánh giá dự án tại Khá.

(6) Dự án “Xây dựng mô hình lúa - tôm trong ô bao khép kín huyện Giá Rai”. Kết quả đánh giá dự án tại Khá.

(7) tài trợ “Nuôi thử nghiệm cá giò, *Rachycentron canadum* trong ao tại Bạc Liêu”. Kết quả đánh giá tài trợ tại Khá.

(8) tài trợ “Thực trạng và giải pháp khai thác nguồn lợi thủy sản ven biển ngành lặn biển tại tỉnh Bạc Liêu”. Kết quả đánh giá nghiên cứu thực nghiệm tài trợ tại khá.

(9) tài trợ “Nghiên cứu xây dựng các quy trình công nghệ nuôi ong ngoi theo hướng sản xuất hàng hóa tại Bạc Liêu”. Kết quả đánh giá nghiên cứu thực nghiệm tài trợ tại khá.

(10) Dự án “Tiềm năng và hoàn thiện quy trình sinh sản nhân tạo giống tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii* de Man, 1879) tại tỉnh Bạc Liêu”. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm dự án tại khá.

(11) Dự án “Xây dựng mô hình nuôi tôm sú – lúa có sản lượng sinh học vùng chuyên nghiệp Bắc Cầu 1A, tỉnh Bắc Liêu” (lần 2). Kết quả đánh giá dự án yêu cầu.

(12) Nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi tôm sú quy canh cải tiến - tôm lúa theo quy trình Trúc Anh” (nhiệm vụ KH&CN không sản xuất ngân sách nhà nước). Kết quả đánh giá nhiệm vụ ưu tiên cấp giấy xác nhận.

Nhìn chung kết quả triển khai thực hiện các tài, dự án cấp tỉnh thời gian qua đã tích cực nâng kết quả tích cực, nhiệm vụ mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đã triển khai bước đầu mang lại hiệu quả trong việc chuyển đổi cơ cấu nông sản trong nuôi tôm càng xanh, đa dạng hóa cây, con trong sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

#### **4. Về công tác quản lý công nghệ**

(sử dụng báo cáo theo Biểu 2)

#### **5. Về hoạt động an toàn thực phẩm**

(sử dụng báo cáo theo Biểu 6)

#### **6. Về hoạt động sinh học trí tuệ, phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật**

(sử dụng báo cáo theo Biểu 3)

#### **7. Về công tác Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng (TC - LCL)**

(sử dụng báo cáo theo Biểu 4)

#### **8. Về công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến KH&CN**

(sử dụng báo cáo theo Biểu 3).

#### **9. Công tác thanh tra chuyên ngành KH&CN**

(sử dụng báo cáo theo Biểu 54).

#### **10. Hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập và tình hình phê duyệt dự án đầu tư tài chính**

- Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN: đã xây dựng dự án đầu tư tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ công lập theo quy định của Điều 2 và Điều 3 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ công lập do Nhà nước bố trí ngân sách và UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 về việc phân loại, giao quyền tài chính, trách nhiệm tài chính cho Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, giai đoạn 2017 – 2019;

Còn lại:

+ Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng: đang thực hiện quy trình phê duyệt dự án đầu tư theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP.

+ Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN: đang thực hiện quy trình phê duyệt dự án đầu tư theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP; Trong năm 2018, thực hiện Chuyển đổi theo Kế hoạch 20/KH-UBND của UBND tỉnh Bắc Liêu;



Quý IV/2018, theo Kế hoạch số 20/KH-UBND của UBND tỉnh Bạc Liêu, thực hiện Chương trình số 23-CTr/TU: sắp xếp Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng

(sưu tập báo cáo theo Biểu số 7)

## II. ÁNH GIÁ CHUNG

- Hoạt động quản lý công nghệ trong giai đoạn 2016 - 2018 tập trung vào công tác thẩm định các dự án đầu tư, thẩm định công nghệ, quản lý các dự án cấp Trung ương, quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và thực hiện các nhiệm vụ triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất. Hoạt động hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết với các tổ chức nghiên cứu, các tổ chức sản xuất trong và ngoài tỉnh vẫn còn hạn chế nên chưa tiếp cận các công nghệ mới, tiến bộ KH&CN trong và ngoài nước tốt, giảm thiểu, chuyển giao công nghệ phục vụ cho sản xuất và đời sống. Tuy nhiên về công tác thẩm định cấp giảm ý xác nhận hợp đồng chuyển giao công nghệ, công tác thẩm tra, giám định công nghệ, hỗ trợ và chuyển giao công nghệ... chưa triển khai thực hiện được. Đây là những hạn chế chung của hoạt động quản lý công nghệ các tỉnh có ngành công nghiệp và thương mại công nghệ chưa phát triển như tỉnh Bạc Liêu.

- Công tác quản lý nhà nước về TC- L-CL, công tác kiểm tra, thanh tra nhằm góp phần vào công tác phòng ngừa hành vi gian lận trong hoạt động nhập khẩu hàng hóa, kinh doanh mua bán trao đổi hàng hóa, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh nhà trong năm qua. Hoạt động chấp hành pháp luật và pháp chế, tiến hành kiểm tra, giám sát chương trình, kế hoạch của tỉnh; ứng dụng linh hoạt triển khai các mặt công tác đáp ứng yêu cầu quản lý. Tuy nhiên, công tác kiểm tra, thanh tra chưa mang tính đột phá, đáp ứng mặt phần yêu cầu và còn gặp không ít khó khăn.

Nhìn chung, việc ban hành các văn bản về KH&CN của tỉnh thời gian qua chưa nhiều, những bước tiến của các văn bản này cần tiếp tục nghiên cứu các quan điểm của các cấp lãnh đạo vào sự phát triển KH&CN của tỉnh. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện, ban hành nội dung chưa vào thực tiễn còn hạn chế, bất cập. Nguyên nhân là do tầm mức KH&CN của tỉnh còn chưa cao, các cấp, các ngành chưa quan tâm đúng mức vai trò của KH&CN trong sự phát triển kinh tế - xã hội, thiếu sự gắn kết giữa KH&CN với doanh nghiệp sản xuất, thiếu liên kết hoạt động KH&CN với các Viện, Trường, các tổ chức KH&CN, việc xuất khẩu hàng hóa của KH&CN chưa thực sự sát với nhu cầu thực tiễn, chưa sát với quan điểm của các cấp lãnh đạo... do đó cần kết quả thực hiện của các cấp lãnh đạo về KH&CN để thực hiện cao.

## III. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

Bạc Liêu là tỉnh có cơ cấu sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ lệ khá cao, trong thời gian qua, mặc dù việc ứng dụng kết quả nghiên cứu các tài liệu, dự án, các thành tựu tiến bộ kỹ thuật đã có những tiến bộ song nhìn chung vẫn còn chậm trễ nhân rộng, thiếu các chính sách phát triển... do đó tiềm năng kết quả vẫn chưa được khai thác hết. Trình độ khoa học công nghệ trong nhiều lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp còn hạn chế nên năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của mặt sản phẩm chưa cao. Giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích còn thấp so với tiềm năng;

Việc ban hành các chính sách khuyến khích KH&CN vẫn còn chậm, chưa theo kịp quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hình thành. Hiện còn thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong quản lý hoạt động KH&CN khuyến khích;

Kinh phí đầu tư cho KH&CN còn thấp, dàn trải, chưa tập trung vào giai đoạn quy hoạch các vấn đề trọng điểm, có ý nghĩa quyết định về sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước; Chưa tạo lập các chính sách, cơ chế ưu đãi kinh phí cho nhân lực các kỹ thuật nghiên cứu, các mô hình sản xuất tiên tiến thí nghiệm thành công;

Chưa xây dựng các chính sách, chính sách thúc đẩy đầu tư của doanh nghiệp cho hoạt động KH&CN, thiếu sự gắn kết giữa nghiên cứu và sản xuất, kinh doanh. Thiếu các chính sách hỗ trợ các sản phẩm nghiên cứu KH&CN khi chuyển đổi vào sản xuất và thị trường, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Cơ chế hoạt động quản lý công nghệ vẫn còn chung chung, chưa chặt chẽ, sự hỗ trợ và chuyên môn ngành đặc biệt chưa được xuyên suốt, việc cán bộ chuyên trách làm công tác quản lý công nghệ vẫn còn thiếu và yếu về mặt chuyên môn so với yêu cầu.

Kinh phí phục vụ cho công tác quản lý, kiểm tra, công tác đào tạo, tham dự hội nghị, hội thảo phục vụ chuyên môn còn thiếu và áp dụng yêu cầu. Công tác kiểm tra, kiểm soát trên các lĩnh vực chưa được thực hiện một cách toàn diện. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong công tác thanh tra, kiểm tra, việc chấp hành quy định của pháp luật, kiểm tra chấp hành pháp luật và ngân sách; xử lý một số trường hợp vi phạm chưa nghiêm nên hiện vẫn còn tình trạng chần chừ, quy phạm pháp luật về các lĩnh vực thanh tra xuyên suốt, chưa được ban hành ngân sách, trong đó có các quy định về thanh tra hành chính. Sự thay đổi khi cần các thủ tục hành chính, bị vướng mắc pháp lý thay đổi, gây không ít khó khăn trong quá trình áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008. Công tác vận động các doanh nghiệp tham gia áp dụng các HTQLCL tiên tiến trên toàn quốc gặp khó khăn do quy mô sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên toàn quốc còn nhỏ, số bị thiếu là do nhận thức của người quản lý doanh nghiệp còn xem nhẹ việc áp dụng các HTQLCL.

Hệ thống thông tin, thống kê KH&CN còn yếu và thiếu. Mạng lưới thông tin KH&CN vẫn chưa được đầu tư đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của hoạt động thông tin, thống kê KH&CN;

Các loại hình dịch vụ thông tin KH&CN còn thiếu và chưa chặt chẽ, số bị thiếu là chưa phục vụ hiệu quả cho doanh nghiệp trong quá trình hiện đại công nghệ;

Kinh phí bổ sung nguồn tin còn eo hẹp số bị thiếu về các nguồn tin nội sinh. Các hoạt động thông tin còn thiếu về ngân sách quy định về tài chính triển khai thực hiện các nhiệm vụ, số bị thiếu về việc công tác thống kê;

Nguồn nhân lực hoạt động khoa học công nghệ cấp huyện còn thiếu; Công tác xét duyệt, nghiệm thu tài sản, dự án cấp cơ sở còn nhiều khó khăn về quy trình. Công tác phối hợp với các Viện, Trung tâm nghiên cứu khoa học công nghệ cấp huyện số bị thiếu về tài sản, dự án cấp tỉnh chưa được xuyên suốt.

Việc phân cấp kiểm tra nhà nước về pháp luật đã được Thông tư 28/2013/TT-BKH&CN hướng dẫn, nhưng vẫn còn khá nhụt nhùng, lúng túng chưa triển khai thực hiện.

#### IV. XU T, KI NNGH

##### *Ki n ngh B KH&CN*

##### 1. V t ch c b máy

- *i v i n v s nghi p công l p:* h ng d n h p nh t và chuyên môn, nghi p v n v s nghi p công l p tr c thu c S KH&CN. T i t nh B c Liêu, quý IV/2018 ti n hành h p nh t Trung tâm Thông tin và Th ng kê KH&CN v i Trung tâm K thu t Tiêu chu n o l ng Ch t l ng (*t i m c II-2.4, K ho ch s 20/KH-UBND ngày 02 tháng 3 n m 2018 c a y ban nhân dân t nh B c Liêu*).

- *i v i Chi c c Tiêu chu n o l ng Ch t l ng:* s a i, b sung Thông t liên t ch s 29/2014/TTLT-BKHHCN-BNV ngày 15 tháng 10 n m 2014 c a B tr ng B KH&CN và B tr ng B N i v cho phù h p v i quy nh giao thêm ch c n ng thanh tra chuyên ngành KH&CN t i Ngh nh s 27/2017/N -CP ngày 15 tháng 3 n m 2017 c a Chính ph s a i, b sung m t s i u c a Ngh nh s 213/2013/N -CP ngày 20 tháng 12 n m 2013 c a Chính ph v t ch c và ho t ng c a thanh tra ngành KH&CN.

- *i v i nhi m v thông báo và h i áp v tiêu chu n, o l ng, ch t l ng và hàng rào k thu t trong th ng m i (TBT) trên a bàn:* quy nh c th ch tiêu biên ch th chi n nhi m v t i a ph ng theo Quy t nh s 46/2017/Q -TTg ngày 24 tháng 11 n m 2017 c a Th t ng Chính ph v i c ban hành Quy ch t ch c và ho t ng c a M ng l i các c quan thông báo và h i áp và Ban liên ngành v hàng rào k thu t trong th ng m i. T i Chi c c Tiêu chu n o l ng Ch t l ng B c Liêu, cán b th c hi n nhi m v này là kiêm nhi m.

##### 2. V h th ng v n b n quy ph m pháp lu t thu c ph m vi qu n lý nhà n c v tiêu chu n, o l ng và ch t l ng

a) *V m c chi c a các n i dung mang tính c thù i v i các nhi m v thu c Ch ng trình qu c gia “Nâng cao n ng su t và ch t l ng s n ph m, hàng hoá c a doanh nghi p Vi t Nam n n m 2020”:* s a i, b sung n i dung quy nh “*M c chi cho T giúp vi c c a Ban ch o th c hi n D án a ph ng*” theo Thông t liên t ch s 130/2011/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 16 tháng 9 n m 2011 c a B tr ng B Tài chính và B tr ng B KH&CN quy nh ch qu n lý tài chính i v i các nhi m v thu c Ch ng trình qu c gia “*Nâng cao n ng su t và ch t l ng s n ph m, hàng hoá c a doanh nghi p Vi t Nam n n m 2020*”.

##### b) *V ho t ng Gi i th ng Ch t l ng Qu c gia:*

- C n có chính sách h tr doanh nghi p t c Gi i th ng Ch t l ng Qu c gia.

- C n có quy nh c th ch qu n lý tài chính i v i ho t ng Gi i th ng Ch t l ng Qu c gia. Hi n nay, ch a có quy nh m c chi cho ho t ng c a nhóm chuyên giá ánh giá và m c chi cho ho t ng c a H i ng s tuy n t i a ph ng.

- xu t H i ng qu c gia c n có ph n h i b ng v n b n i v i các tr ng h p doanh nghi p c H i ng s tuy n t i a ph ng xu t Gi i Vàng Ch t l ng Qu c gia nh ng k t qu ch t Gi i B c Ch t l ng Qu c gia. B i vì ây là th t c hành chính c n ph i minh b ch gi a c quan nhà n c và doanh nghi p; ng th i cho doanh nghi p a ph ng th y rõ nh ng h n ch , tiêu chí ch a t doanh nghi p có h ng kh c ph c, hoàn thi n và ph n u t th n có th t c Gi i Vàng Ch t l ng Qu c gia.

c) *V ho t ng tri n khai xây d ng và áp d ng h th ng qu n lý ch t l ng theo Tiêu chu n qu c gia TCVN ISO 9001 vào ho t ng c a các c quan, t ch c thu c h th ng hành chính nhà n c:*Ki n ngh B KH&CN c n có quy nh c th ch qu n lý tài chính i v i ho t ng chuy n it ISO 9001:2008 sang ISO 9001:2015.

d) *V công tác ki m tra l nh v c tiêu chu n o l ng và ch t l ng s n ph m, hàng hóa:*

- Ban hành Thông t h ng d n Ngh nh s 119/2017/N -CP ngày 01 tháng 11 n m 2017 c a Chính ph quy nh x ph t vi ph m hành chính trong l nh v c tiêu chu n o l ng và ch t l ng s n ph m, hàng hóa.

- Ban hành v n b n h ng d n c th h n i v i quy nh “*th nghi m l i i v i m u l u*”. Thông t s 12/2017/TT-BKH&CN ngày 28 tháng 9 n m 2017 c a B tr ng B KH&CN s a i, b sung m t s i u c a Thông t s 26/2012/TT-BKH&CN ngày 12 tháng 12 n m 2012 c a B tr ng B KH&CN quy nh vi c ki m tra nhà n c v ch t l ng hàng hóa l u thông trên th tr ng không qui nh “*th nghi m l i i v i m u l u*”.

### **3. V ti m l c cho TC LCL t i a ph ng**

- C s v t ch t trang thi t b ph c v cho công tác qu n lý nhà n c v o l ng, ch t l ng còn nhi u h n ch , i u ki n làm vi c ch t h p, thi t b v n phòng còn thi u, l c h u khó kh n cho công tác qu n lý. Tr s làm vi c c a Chi c c TC LCL và Trung tâm k thu t TC LCL ang xu ng c p v i di n tích c a m i tòa nhà là 76,13 m<sup>2</sup> t, di n tích sàn là 163,88 m<sup>2</sup>. Di n tích nhà làm vi c hi n nay quá ch t h p, k t c u h t ng kém, ch a m b o b trí các phòng làm vi c và s p x p các thi t b chuyên ngành v o l ng, ch t l ng, nên r t d h h ng. Ch a i u ki n xây d ng phòng th nghi m t tiêu chu n, do ó ngu n thu ch y u là t d ch v ki m nh, hi u chu n m t s lo i ph ng ti n o.

- Xem xét và cho tri n khai d án xây d ng Trung tâm K thu t TC LCL B c Liêu theo Quy t nh s 317/Q -TTg ngày 15 tháng 3 n m 2012 c a Th t ng Chính ph trong i u ki n ngân sách c a t nh r t h n ch và không s c ut .

## **Ph n II**

### **NH H NG HO T NG KH&CN TRONG TH I GIANT I**

#### **1. V c ch chính sách qu n lý ho t ng nghiên c u khoa h c**

- Ti p t c tham m u cho y ban nhân dân t nh ban hành Quy ch qu n lý tài, d án c p t nh nh m t o c s pháp lý trong công tác ch o, qu n lý và th c hi n các nhi m v khoa h c và công ngh có óng góp th t s vào s phát tri n kinh t - xã h i c a t nh.

- i m i công tác l p k ho ch, d toán, phân b ngân sách Nhà n c cho ho t ng nghiên c u khoa h c phù h p v i i u ki n và nhu c u phát tri n c a t nh.

- Th c hi n c ch t hàng, tuy n ch n t ch c th c hi n các nhi m v khoa h c và công ngh theo h ng c quan, n v có xu t t hàng ph i có trách nhi m s d ng k t qu sau khi nhi m v khoa h c và công ngh nghiên c u thành công.

#### **2. V nh h ng ho t ng nghiên c u khoa h c**

Ti p t c tri n khai th c hi n Ch th s 22-CT/TU c a T nh y v th c hi n Ngh quy t s 20-NQ/TW H i ngh l n th 6 Ban ch p hành Trung ng Khóa XI v phát tri n

KH&CN phục vụ nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong lĩnh vực kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và hình pháp quốc tế; theo chỉ định của Văn bản số 162-CV/TU ngày 15/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Khoa học và Công nghệ Quốc gia theo kế hoạch số 06-KL/TW của Ban Bí thư. Trong đó, hoạt động nghiên cứu khoa học tập trung vào nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực sau:

**a) Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn:**

Tập trung nghiên cứu xuất các giải pháp phát triển hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và văn minh xã hội, nâng cao mức sống của nhân dân, đảm bảo quốc phòng - an ninh và công bằng xã hội. Nghiên cứu các vấn đề về môi trường, tài nguyên, lao động, giải quyết nghèo đói, và nâng cao đời sống người dân.

**b) Lĩnh vực khoa học nông nghiệp**

Xây dựng và nhân rộng các mô hình chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn, hình thành thị trường vùng sinh thái mới mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao và bền vững. Ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ nhằm khai thác hiệu quả, bền vững các lợi thế và tiềm năng của vùng sinh thái, hình thành các sản phẩm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường.

**- Về trồng trọt:**

+ Nghiên cứu các giống lúa có năng suất cao, chất lượng tốt, chịu hạn và sâu bệnh hại chính và tiềm năng thu nhập, thích hợp với vùng sinh thái, đặc biệt là vùng miền núi;

+ Nghiên cứu chọn tạo, phục tráng các giống lúa có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn.

- Về chăn nuôi: chuyển giao công nghệ nhân giống các giống chăn nuôi có hiệu quả kinh tế cao: các giống lợn nái, giống vịt chụm n, giống bò lai cận địa có chất lượng cao.

**- Về thủy sản:**

+ Nhân rộng mô hình nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao như: mô hình nuôi 02 giai đoạn ứng dụng công nghệ biofloc, mô hình nuôi thâm canh trong bể lót bạt, ứng dụng nhân rộng và phát triển mô hình nuôi tôm sinh thái theo tiêu chuẩn ASC, GlobalGap, mô hình tôm lúa.

+ Xây dựng mô hình nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao như: mô hình nuôi tôm thâm canh, mô hình nuôi tôm sạch, mô hình nuôi tôm sinh thái; Chuyển giao công nghệ sản xuất giống nhân tạo mới các loài thủy sản có giá trị như: nghêu, sò, cua...

**- Về diêm nghiệp:**

+ Xây dựng mô hình cánh đồng muối sản xuất muối trắng tinh khiết thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Khuyến khích và hỗ trợ diêm dân thay thế phương pháp sản xuất muối truyền thống bằng phương pháp sản xuất muối trên nền trải bạt PVC; Hỗ trợ doanh nghiệp chế biến muối xuất khẩu công nghệ chế biến nhằm nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh sản phẩm trên thị trường.

+ Bám sát án tái cơ cấu ngành mũi nhọn B c Liêu n n m 2020, nh h ng n n m 2030 theo h ng nâng cao giá tr gia t ng và phát tri n b n v ng

### **c) Lĩnh v c khoa h c k thu t, công ngh và môi tr ng**

- y m nh h tr vi c ng d ng ti n b k thu t vào s n xu t công nghi p nh m tí t ki m n ng l ng, gi m thi u ch t th i và b o v môi tr ng.

- Chuy n giao công ngh s n xu t v t li u composite, công ngh s n xu t ván g MDF, v t li u xây d ng không nung, cách nhi t.

- T ng c ng ng d ng công ngh và thi t b t o n ng l ng tái t o nh : n ng l ng gió, n ng l ng m t tr i, khí sinh h c.

- y m nh nghiên c u ng d ng, chuy n giao công ngh lĩnh v c công ngh thông tin trong c quan nhà n c, t ng b c hình thành m ng l i liên k t thông tin gi a các ngành, các c p theo h ng chính quy n i n t trên a bàn t nh.

### **d) Lĩnh v c y d c và ch m sóc s c kh e c ng ng**

Ti p t c nghiên c u tr ng và phát tri n m t s cây d c li u c thù c a a ph ng ph c v cho vi c ch bi n d c li u trong phòng và i u tr b nh.

## **3. Công tác qu n lý công ngh**

- T ng c ng liên k t v i các a ph ng khác trong ho t ng KH&CN thông qua ch ng trình liên k t KH&CN mang tính ch t vùng.

- T ng c ng công tác qu n các lý ho t ng công ngh trên a bàn t nh B c Liêu, c bi t là ho t ng chuy n giao công ngh , ng ký h p ng chuy n giao công ngh , th m nh, nh giá công ngh .

- Khuy n khích và h tr các c s , doanh nghi p trên a bàn t nh B c Liêu ng d ng, tri n khai nh ng k thu t, công ngh m i, phù h p v i xu h ng phát tri n kinh t xã h i c a a ph ng và h n ch tác ng n môi tr ng. T c i m i công ngh t kho ng 10%/n m. T o i u ki n thu n l i cho các doanh nghi p ( c bi t là các doanh nghi p v a và nh ) nâng cao trình công ngh nh m góp ph n h p lý hóa s n xu t, t o s n ph m m i, s n ph m có ch t l ng, có giá tr kinh t cao và thân thi n v i môi tr ng.

- u tiên ng d ng và phát tri n các công ngh tiên ti n trong lĩnh v c tái ch ch t th i, s n xu t n ng l ng tái t o; công ngh tí t ki m n ng l ng nh m góp ph n th c hi n m c tiêu phát tri n b n v ng t i a ph ng.

## **4. Công tác qu n lý Khoa h c và Công ngh c s**

- Ph i h p v i các n v liên quan tri n khai phong trào lao ng sáng t o, ph bi n, l a ch n các ti n b khoa h c và công ngh , các k t qu nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh , các sáng ch , sáng ki n, c i ti n k thu t, h p lý hóa s n xu t áp d ng cho h dân t i a ph ng, ph i h p th c hi n các nhi m v thanh tra, ki m tra ch t l ng hàng hóa theo quy nh pháp lu t t i a t ng a ph ng.

- Ph i h p tr qu n lý nhà n c i v i t ch c kinh t t p th , kinh t t nhân và h ng d n, ki m tra ho t ng c a các h i, các t ch c ho t ng trong lĩnh v c KH&CN.

## **5. Công tác quản lý Sản phẩm và An toàn thực phẩm**

- Tăng cường phối hợp với các tỉnh và Cục SHTT trong việc tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn chuyên về thực thi và bố trí nhân lực, kỹ năng công nghệ phục vụ cho các doanh nghiệp và cán bộ thực thi pháp luật.

- Tuyên truyền phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm và bố trí nhân lực trực tiếp làm việc tại các doanh nghiệp nông sản địa phương để nhân lực trực tiếp.

- Xây dựng chương trình hướng dẫn kỹ năng nhân lực trực tiếp có tiềm năng kinh tế cao và bố trí các gói pháp luật hỗ trợ trong Hội thi sáng tạo kỹ thuật.

- Kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật trong hoạt động kinh doanh thực phẩm có sử dụng thiết bị X-quang chiếu xạ.

- Phối hợp tham gia cùng Thanh tra Sở tiến hành thanh tra các cơ sở có sử dụng thiết bị X-quang trong chiếu xạ.

- Hướng dẫn và thẩm định thủ tục cấp phép tiến hành công việc chiếu xạ cho các cơ sở.

- Tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật về an toàn thực phẩm cho các cơ sở.

## **6. Công tác quản lý tiêu chuẩn công nghiệp**

- Hướng dẫn các doanh nghiệp trong tỉnh tham gia Hội thảo công nghiệp quốc gia hàng năm; xây dựng và áp dụng các hướng dẫn quản lý công nghiệp tiên tiến theo Quyết định "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Bạc Liêu năm 2020".

- Thông tin, tuyên truyền về nội dung pháp luật về tiêu chuẩn công nghiệp cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong tỉnh; tổ chức, quản lý, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện công bố tiêu chuẩn công nghiệp, hàng hóa.

- Tiếp tục duy trì hoạt động triển khai áp dụng hướng dẫn quản lý công nghiệp theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 và chuyển đổi ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước.

- Ủy ban hoạt động phối hợp quản lý nhà nước giữa các cơ quan liên quan về tiêu chuẩn công nghiệp nhằm kiểm soát và kiểm soát quá trình diễn biến trong hoạt động tiêu chuẩn công nghiệp tại các cơ sở.

- Chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá, nhãn hàng hóa, chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện nhiệm vụ thông báo và hỗ trợ hàng rào kỹ thuật trong thương mại theo quy định của Hiệp định TBT; hỗ trợ sâu sắc cho doanh nghiệp về TBT: Tổ chức tập huấn cung cấp thông tin về thương mại thông qua thực hiện các sản phẩm, tài liệu thông tin, hỗ trợ chuyên viên thương mại, sản phẩm.

- Triển khai dự án tăng cường năng lực kiểm tra, thanh tra Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn LCL Bạc Liêu theo Quyết định số 317/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

## 7. Công tác thông tin KH&CN

- Tập chung vốn xây dựng và đưa vào phục vụ khai thác CSDL toàn v n.
- Tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tin, các ngành liên quan nhằm bắt nhịp nhu cầu thông tin kịp thời, có sẵn phẩm thông xuyên; kết hợp, lồng ghép hoạt động thông tin KH&CN vào trong các chương trình, tài, dự án của ngành.
- Ứng dụng công nghệ thông tin tích hợp thông tin công cộng thông tin và dịch vụ trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; Phổ biến thông tin công nghệ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nông dân các vùng nông thôn nâng cao hoạt động sản xuất, nâng cao cạnh tranh và chất lượng sản phẩm.
- Triển khai thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở, thống kê tổng hợp về KH&CN; báo cáo theo hình thức tiêu chuẩn hàng năm. Phối hợp triển khai các cuộc điều tra thống kê KH&CN theo kế hoạch chung của Bộ KH&CN.
- Nghiên cứu xây dựng và triển khai ấn định công tác thống kê KH&CN trên địa bàn tỉnh Bắc Liêu.
- Tích cực, tham gia các chương trình công nghệ và thi đấu trong nước./.



**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KH&CN GIAI ĐOẠN 2017- 2018**  
**CÁC TỈNH BẮN TRÉ VÀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG**  
**TRONG THỊ GIỚI TỈNH**

*S KH&CN tỉnh Bắc Ninh*

**Phần I**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**GIAI ĐOẠN 2017-2018**

**I. NHỮNG KẾT QUẢ CHÍNH**

**1. Về công tác tham mưu**

Tham mưu cho Ban Cán sự tỉnh UBND tỉnh, Tỉnh ủy xây dựng báo cáo Số 5 năm thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về phát triển KH&CN phục vụ sản nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường nền kinh tế xã hội chuyển đổi và hình thành kinh tế thị trường. Báo cáo Số 01 năm thực hiện 113 ưu việt theo Nghị quyết Hội nghị X tỉnh Bắc Ninh.

**2. Về xây dựng hệ thống cơ sở máy và phát triển tiềm lực KH&CN**

**a) Về tổ chức hệ thống máy móc và KH&CN**

Bộ máy tổ chức của Sở và huyện KH&CN, với cơ cấu tổ chức, gồm: Ban Giám đốc Sở, 07 phòng chuyên môn, 01 Chi cục; 02 viện nghiên cứu công nghiệp và 01 viện nghiên cứu công nghiệp Chi cục. Hiện có 66 công chức, viên chức và hợp đồng lao động; trong đó có 36 biên chế hành chính và 27 biên chế sản nghiệp, 03 hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP. Mối huyện, thành phố có bố trí 01 cán bộ lãnh đạo và một chuyên viên phụ trách KH&CN cấp huyện, thành phố.

Đến năm 2016, tổng số nhân lực hoạt động KH&CN là 981 người, trong đó nhân lực có trình độ cao tăng lên là 691/981 người chiếm 70,43% so với tổng số nhân lực hoạt động KH&CN, nhân lực có trình độ trung cấp 198 người chiếm 20,18% và số lao động có trình độ khác 92 người chiếm 9,38%.

**b) Về kinh phí hoạt động KH&CN giai đoạn 2017-2018.**

- Kinh phí đầu tư và phát triển KH&CN giai đoạn 2016 – 2018 theo kế hoạch 20.800 triệu đồng, thực hiện 10.000 triệu đồng.

- Kinh phí sản nghiệp KH&CN giai đoạn 2016 – 2018 của Trung ương phân bổ cho tỉnh Bắc Ninh 56.929 triệu đồng, UBND tỉnh giao cho Sở KH&CN tỉnh Bắc Ninh theo kế hoạch 42.022 triệu đồng, Sở KH&CN tỉnh Bắc Ninh thực hiện ghi ngân sách 37.179 triệu đồng chiếm 88%. Kinh phí sản nghiệp KH&CN của trung ương phân bổ cho tỉnh Bắc Ninh từ năm 2016 – 2018 liên tục tăng (18.430 đến 19.639 triệu đồng) nhờ kinh phí của UBND tỉnh giao cho Sở KH&CN thực hiện ngân sách (số liệu báo cáo theo các biểu 8,9,10,11 và 12).

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của các viện nghiên cứu trung cấp, trong đó trọng tâm trọng tâm là sáp nhập các viện nghiên cứu nay nay năm 2019 mở bước ứng dụng trình độ và có chất lượng góp phần sản xuất cơ sở máy theo hướng tinh gọn, giảm chi phí, hoạt động hiệu quả, hiệu quả gần với hoàn thiện chức năng,

nhì m v c a n v s nghi p theo Ch ng tr ình hành ng c a T nh y th c hi n Ngh quy t s 19-NQ/TW c a H ình Ban Ch p hành Trung ng l n th 6, khóa XII.

**3. V ho t ng nghi n c u khoa h c và phát tri n công ngh** (s li u báo cáo theo các bi u 14 và 15)

**a) Lnh v c khoa h c t nhiên:** (không có).

**b) Lnh v c khoa h c xã h i và nhân v n:**

tài: Nghi n c u phát tri n th tr ng B i da xanh B n Tre ã nghi n c u phân tích th tr ng b i trong n c và th gi i, phân tích chu i giá tr b i da xanh, n ng l c c nh tranh b i da xanh B n Tre và xu t các nhóm gi i pháp phát tri n th tr ng b i da xanh B n Tre, c th nh : v n phân ph i và th tr ng; v n th ng hi u và xúc ti n th ng m i; chi n l c giá; v s n ph m; qu n tr và liên k t.

tài: Nâng cao n ng l c ch m sóc và giáo d c tr cho i ng giáo viên m m non t nh B n Tre ã kh o sát 620 giáo viên m m non trong t nh cho k t qu là m t t l trung bình giáo viên m m non hi n nay ch a n m v ng yêu c u v giáo d c k n ng s ng cho tr m m non, so n giáo án tích h p, l p k ho ch giáo d c. K t qu tài ã xu t gi i pháp nâng cao n ng l c ch m sóc và giáo d c tr cho i ng giáo viên m m non t nh B n Tre

**c) Lnh v c khoa h c k thu t và công ngh :**

tài: ánh giá tr ình công ngh c a các ngành ch l c trên a bàn t nh B n Tre: ã kh o sát tr ình công ngh c a các ngành và phân lo i theo 4 c p , trong ó công ngh l c h u có 02 doanh nghi p, trung bình là 164 doanh nghi p, trung bình tiên ti n 14 doanh nghi p và không có doanh nghi p t tr ình công ngh tiên ti n theo Thông t s 04 c a B KH&CN. K t qu tài ã xây d ng c ph n m m qu n lý và là c s t nh tí p t c c p nh t ánh giá hàng n m.

**d) Lnh v c khoa h c y, d c:**

D án: Ph c p Y h c c truy n phòng, ch a b nh thông th ng và ch m sóc m t s b nh mãn tính không lây cho ng i dân t nh B n Tre n m 2014-2016 ã tham m u UBND t nh ra quy t nh ban hành Ch th s 07/CT-UBND v vi c ph c p y h c c truy n phòng, ch a b nh thông th ng và ch m sóc m t s b nh không lây cho nhân dân trong toàn t nh. ã chuy n giao mô hình ph c p y h c c truy n cho các huy n trong t nh cho 360 cán b c s , h n 900 oàn viên, h i viên, h n 1.000 ng i dân th c hành s d ng cây thu c nam t 94,42% t 20 cây thu c tr lên; Th c hành xoa bóp b m huy t t 07 ng tác tr lên t 80,17%; Th c hành t p d ng sinh t 07 ng tác tr lên t 82,44%; Th c hành ch a b nh thông th ng t i nhà t 3-6 b nh t 68,2%; Th c hành ch m sóc b nh mãn tính t i nhà t 3-6 b nh t 57,02%. Chuy n giao 10 phác i u tr k th p ông Tây y cho 147 Tr m y t , tài li u ph c p cho c s y t , c ng c v n thu c nam, tuyên truy n hu n luy n n i dung ph c p cho ng i dân.

**e) Lnh v c khoa h c nông nghi p:**

ã c C c S h u trí tu (B KH&CN) c p gi y ch ng nh n ch d n a lý “B n Tre” cho b i da xanh và d a xiêm xanh.

tài: Xây d ng mô hình nuôi tôm th chân tr ng thâm canh h n ch d ch b nh ho i t gan t y c p tính (EMS/AHPNS) t i t nh B n Tre ã xây d ng quy tr ình nuôi tôm chân tr ng

thâm canh bằng kỹ thuật “nọc xanh” để loại bỏ cá rô phi, kết hợp với việc sử dụng chế phẩm vi sinh và chất kháng khuẩn như miconazole và khuẩn *V. parahaemolyticus* và kiểm soát dịch bệnh hô hấp gan tụy cấp tính (EMS/AHPND), xây dựng ngành giết mổ các chỉ tiêu môi trường nước sạch như chất lượng nước trên tôm nuôi, đây là cơ sở cho việc tìm kiếm pháp kiểm soát bệnh hô hấp gan tụy cấp và giết mổ rô phi cho ngành nuôi tôm thâm canh hiện nay.

#### **4. V công tác quản lý công nghệ**

Góp ý về công nghệ cho 11 dự án xuất khẩu. Tỷ lệ nhập khẩu công nghệ 14,3%, tăng 3,57%; giá trị sản phẩm công nghệ cao và ngành công nghệ cao trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp 26,2% tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2016, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch. Tham gia góp ý 07 dự án xuất khẩu và nhận giá trị sản phẩm 110 triệu đồng. Công ty Giấy công nghệ cho 02 doanh nghiệp KH&CN<sup>12</sup> (sử dụng báo cáo theo Biểu 2).

#### **5. V hoạt động an toàn bức xạ**

Trong năm 2017-2018, cấp 40 giấy phép X-quang cho 40 cơ sở tiến hành công việc bức xạ trên địa bàn tỉnh; cấp 03 chứng chỉ nhân viên bức xạ.

Xây dựng Kế hoạch phối hợp xã hội hóa, Ủy ban KH&CN phê duyệt UBND tỉnh công bố Quy định ban hành kế hoạch phối hợp xã hội hóa và hướng dẫn trên địa bàn tỉnh đồng thời Quy định thành lập Ban chỉ đạo phối hợp xã hội hóa.

(sử dụng báo cáo theo Biểu 6).

#### **6. V hoạt động sáng tạo, phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật**

Theo sử dụng thống kê của Cục Sáng tạo trong năm 2017, Bến Tre có 188 sáng kiến và 13 đề xuất cải tiến kỹ thuật (sử dụng báo cáo theo Biểu 3). UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020. Tổ chức công bố và trao giải thưởng cho các quy định Nhân lực trẻ “Lúa sạch Thôn Phú”, “Chị M. An” và “Rau Phú Nghĩa”; Chi đoàn xã Bến Tre dùng cho sản phẩm Đậu nành cải thiện xanh và Bưởi da xanh.

Xem xét, trình và Ủy ban UBND tỉnh công nhận 140/230 sáng kiến cấp tỉnh đạt 60,86%. Hội thi Sáng tạo Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Bến Tre lần VI (2016 – 2018) đã tiếp nhận 79 giải pháp tham gia dự thi, trong đó có 20 giải pháp đạt giải.

#### **7. V công tác Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng**

Hơn 121 doanh nghiệp xây dựng, áp dụng các hệ thống ISO 14001, HACCP... tham gia dự án Năng suất chất lượng và 01 doanh nghiệp tham gia và đạt giải vàng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia. Triển khai xây dựng, áp dụng và công bố HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2008 cho toàn bộ thực thể hành chính vào hoạt động của 102 UBND cấp xã. Số doanh nghiệp, đơn vị hành chính nhà nước cấp huyện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO trên địa bàn tỉnh Bến Tre là 191 (sử dụng báo cáo theo Biểu 4). Phát hành 15 bản tin TBT; Công nhận 566 tin cảnh báo và tin thông tin đăng lên website TBT Bến Tre.

Thực hiện kiểm tra, kiểm tra, số doanh nghiệp đạt 42.575 phòng thí nghiệm các loại. Thực hiện kiểm tra nghiệm 401 mẫu với 2053 chỉ tiêu. Tổng số 63 doanh nghiệp kinh doanh xây dựng

<sup>12</sup> Công ty TNHH Chế biến các sản phẩm Đậu nành và Công ty TNHH chế biến đậu nành Quỳ.

đăng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

## **8. V công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến KH&CN**

Biên soạn và xuất bản 18 Báo tin KH&CN với số lượng phát hành 36.378 quyển; Cập nhật tin bài và 16 thủ tục hành chính, 12 nhiệm vụ đang tiến hành; 15 Bài tham luận trên thông tin internet; thể hiện 36 chuyên mục KH&CN trên Báo Nông Nghiệp, 18 chuyên mục KH&CN trên Đài Phát thanh và Truyền hình. Tổ chức 02 hội thảo khoa học trong Lễ hội Cây-Trái ngon, an toàn thực phẩm Tre lần thứ XVI năm 2017. Tiếp nhận đăng ký kết quả thi các nhiệm vụ KH&CN: 20 hồ sơ. Công bố kết quả nhiệm vụ KH&CN: 20 nhiệm vụ. Tổ chức thi nghệ thuật và thi nghệ thuật nhiếp ảnh KH&CN năm 2016 và 2017. Hoàn tất thi nghệ thuật và thi nghệ thuật nhiếp ảnh (*sưu liệu báo cáo theo Biểu số 3*).

## **9. Công tác thanh tra chuyên ngành KH&CN**

Tổ chức 32 cuộc thanh tra với 387 lượt nhân viên thanh tra, qua thanh tra phát hiện 74 vi phạm. Tổng tiến hành 1.130.468.500 đồng (*sưu liệu báo cáo theo Biểu số 5*). Kết quả công tác thanh tra đã phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần tạo lập môi trường kinh doanh bình ổn và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

## **10. Hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập và tình hình phê duyệt đề án tài chính**

Về phê duyệt đề án của các đơn vị sự nghiệp: đã có UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2017 về phân loại loại hình đơn vị sự nghiệp và giao quy định chi tiêu năm 2017- năm 2019 và tiếp tục triển khai thực hiện cho đến nay (*sưu liệu báo cáo theo Biểu số 7*).

## **11. Hợp tác trong nước và quốc tế về KH&CN**

Trong năm 2017, trên cơ sở bản thực phẩm Tre đã thu hút 03 chuyên gia nước ngoài đến Anh quốc tham gia hoạt động KH&CN với nội dung hợp tác là làm chuyên gia tư vấn thực hiện tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh: “Nghiên cứu giải pháp xây dựng ngành làm công nghiệp Marketing các sản phẩm chế biến và du lịch thực phẩm Tre” theo hình thức hợp tác thuê khoán chuyên môn thu nhập về nghiên cứu khoa học.

## **II. ÁNH GIÁ CHUNG**

Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã góp phần tích cực trong việc phát triển chuỗi giá trị các sản phẩm chế biến các loại: dưa xiêm xanh và bí da xanh các công bố hàng hóa chất lượng, giá trị gia tăng, đẩy mạnh tiếp cận thị trường khó tính, góp phần nâng cao uy tín các sản phẩm trái cây Bình Định.

Công tác quản lý sử dụng trí tuệ đã có những bước phát triển mới đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập.

## **III. KHÓ KHĂN, HƯỚNG ĐI**

Do kinh phí còn hạn chế nên hạn chế các tài trợ KH&CN các triển khai còn mang tính riêng lẻ, chưa tập trung nghiên cứu theo hướng chuỗi giá trị nên việc chuyên

giao, nhân rộng kết quả nghiên cứu KH&CN vào sản xuất, dịch vụ và tác động đến phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Công tác thanh tra, kiểm tra đã có tác dụng, tuy nhiên, lực lượng mỏng, kinh phí có hạn, trang thiết bị chưa trang bị nên công việc còn gây khó khăn cho công tác thanh tra, kiểm tra.

Khoạch nguồn phổ biến các dự án là nhiệm vụ mới, trang thiết bị chưa đáp ứng, kinh phí phục vụ cho công tác quản lý.

Theo Luật 2014, việc quy định chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp tỉnh không yêu cầu phải tham mưu công nghệ dự án, chỉ yêu cầu nhà đầu tư thực hiện “giới thiệu và sử dụng công nghệ” khi dự án có sử dụng công nghệ nhân chuyển giao. Do đó, các cơ quan, đơn vị tham mưu yêu cầu Sở KH&CN đóng góp ý kiến về công nghệ thực hiện dự án theo hồ sơ kỹ thuật không yêu cầu tham mưu theo trình tự quy định tại Thông tư 03/2016/TT-BKH&CN ngày 30/3/2016.

#### **IV. XUẤT KIỆN NGHỊ**

- Kiến nghị Bộ KH&CN sớm ban hành Mô hình Khung tham mưu nhiệm vụ xây dựng và áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 giữa các địa phương.

- Kiến nghị Bộ Tài chính sớm ban hành “Thông tư 116/2015/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định công tác quản lý tài chính nội bộ và chi tiêu, xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc ngành hành chính nhà nước”, trong đó hướng dẫn nội dung và mức chi cho chuyển đổi sang phiên bản TCVN ISO 9001:2015.

- Về việc nâng hạng các chốt giao thông để thuận lợi cho việc dán tem niêm phong, học nghề Tổng cục Tiêu chuẩn Quốc gia và Kỹ thuật vào phòng thí nghiệm nhóm 2 kiểm soát và quản lý.

### **Phần II NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG THỜI GIỚI TỚI**

#### **1. Tham mưu, kế hoạch KH&CN**

Tổng cục đóng góp của hoạt động KH&CN vào sản phẩm phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, tiếp tục tái cấu trúc ngành KH&CN, tiếp cận các cách mạng công nghiệp 4.0 gắn với các lĩnh vực nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; xây dựng, hoàn thiện 08 chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ KH&CN thực hiện liên kết ABCD và tiểu vùng Duyên hải sông Tiền.

Rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành trong lĩnh vực quản lý nhà nước về KH&CN, tham mưu xuất sắc, bổ sung hoặc ban hành mới, đáp ứng yêu cầu quản lý KH&CN địa phương và phù hợp với quy định của Trung ương.

## 2. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước đã duy trì thu hút Chương trình Nông thôn miền núi, Chương trình cạnh tranh và Chương trình phát triển tài sản trí tuệ.

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất chế phẩm sinh học và dịch chiết thực vật phòng trừ ruồi trái trên cây nhãn; ứng dụng các tiến bộ KH&CN xây dựng quy trình canh tác khế phèn sử dụng giống sinh trưởng, vàng lá, thối rộ cho trái kém chất lượng nâng cao năng suất và chất lượng bìa da xanh. Xây dựng, hình thành vùng sản xuất và thành lập chuỗi sản xuất rau họ cải và gừng và hiu quỳ, tăng thu nhập cho người sản xuất.

Nghiên cứu quy trình và thị trường dây chuyền (thịt bò) sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ nguồn protein-phế thải của quá trình chế biến thủy sản. Nghiên cứu chế tạo hạt giống thịt bò dây chuyền làm bánh phồng phồng và làng nghề Sơn Cốc. Nghiên cứu, đánh giá hiệu quả các mô hình quản trị và xuất các giải pháp hỗ trợ phù hợp cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Ứng dụng công nghệ GIS quản lý quy hoạch và phát triển hệ thống kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Quản trị rủi ro trong chuỗi cung ứng các doanh nghiệp thủy sản tỉnh Bến Tre.

Nghiên cứu giải pháp xây dựng thương hiệu làm Công cụ Marketing các sản phẩm chế biến và du lịch cá nhân. Nghiên cứu giải pháp xây dựng chủ nhân mới văn hóa gia đình trong tình hình hiện nay. Nghiên cứu tiềm năng và chiến lược kinh doanh cá nhân thành niên tỉnh. Nghiên cứu thị trường và xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng Methadone cho người nghiện chích ma túy tỉnh Bến Tre. Nghiên cứu ứng dụng dữ liệu trong bảo vệ sản phẩm bôi vết thương.

Nghiên cứu ứng dụng các chế phẩm sinh học trong chăn nuôi heo góp phần giảm ô nhiễm môi trường và tiết kiệm. Nghiên cứu nâng cao chất lượng phân bón thô phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Khảo sát, đánh giá thị trường xâm nhập mới vào tỉnh và các vùng cửa sông ven biển tỉnh trong lưu vực biển để khí hậu – nước biển dâng và xuất các giải pháp quản lý. Xây dựng ứng dụng quản lý và khai thác công trình thủy lợi tỉnh Bến Tre quản lý vùng biển để khí hậu. Nghiên cứu phát triển và chủ nhân hóa hệ thống quản trị sinh học cho hệ thống sông ngòi tỉnh Bến Tre phục vụ công tác quản lý môi trường nước.

Đánh giá thị trường sản phẩm gia đình chế phẩm và xuất giải pháp quản lý an toàn thực phẩm trong sản xuất chế biến các sản phẩm tinh bột trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu các khoa học, mô hình hệ thống và lộ trình phát triển bền vững ô nhiễm thông minh cho thành phố Bến Tre.

## 3. Các hoạt động hỗ trợ và phát triển kinh tế - xã hội

Hàng đầu, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng nguồn tài chính hỗ trợ Quốc gia phát triển KH&CN thông qua các chế độ ưu đãi, phát triển sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ kỹ thuật công nghệ, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, sản xuất sản phẩm mới, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, xây dựng thương hiệu.

Thực hiện Dự án Nâng cao năng suất chất lượng doanh nghiệp và nhân lực tỉnh Bến Tre giai đoạn 2013 - 2020.

T o thu n l i cho doanh nghi p u t vào KH&CN; i u tra, k t n i nhu c u ng đ ng KH&CN. Xây đ ng mô hình nông nghi p thông minh. C i thi n ch t l ng thông tin KH&CN; v n hành sàn giao đ ch công ngh và thi t b ; phát tri n ho t ng đ ch v t v n, môi gi i, chuy n giao công ngh ; tham gia các ho t ng c a th tr ng KH&CN.

#### **4. Ho t ng ph c v qu n lý nhà n c v KH&CN**

##### **4.1. Qu n lý công ngh , th tr ng công ngh**

Tri n khai án h sinh thái kh i nghi p và i m i sáng t o; trong ó, ph i h p v i S KH&CN thành ph H Chí Minh xây đ ng không gian làm vi c chung t i B n Tre, qui trình m t o dành cho các t ch c, cá nhân có nhu c u m t o v i m i sáng t o.

i u tra th ng kê ch s t c i m i công ngh n m 2019; n m b t nhu c u i m i công ngh , tình hình chuy n giao công ngh , h p ng chuy n giao công ngh trên a bàn t nh.

H tr các t ch c, cá nhân, doanh nghi p tham gia các ho t ng trình di n k t n i cung – c u công ngh , ch công ngh và thi t b . Tri n khai th c hi n Ch th 16/CT-TTg c a Th t ng Chính ph v t ng c ng ti p c n n ng l c cu c Cách m ng công nghi p l n th 4. Xây đ ng l trình áp đ ng vi c truy xu t ngu ng c l n l t cho 08 s n ph m ch l c c a t nh b ng tem QR.

##### **4.2. Qu n lý s h u trí tu , an toàn b c x , h t nhân và th ng kê**

T ng c ng công tác h ng đ n, h tr doanh nghi p xác l p và b o v quy n s h u trí tu ; h tr phát tri n tài s n trí tu cho các s n ph m c thù c a a ph ng. T ch c xét sáng ki n c p t nh. T ng k t H i thi sáng t o k thu t l n VII n m 2018-2019.

C p phép an toàn b c x cho các c s i u ki n và xin gia h n. Ph i h p thanh tra, ki m tra nh k vi c ch p hành các quy nh c a pháp lu t v an toàn b c x các c s x-quang trong toàn t nh. o c hi n tr ng phòng GAMMA môi tr ng t nhiên, t ch c di n t p ng phó s c h t nhân c p t nh.

##### **4.3. Qu n lý tiêu chu n, o l ng và ch t l ng**

Tri n khai áp đ ng H th ng qu n lý ch t l ng ISO cho UBND xã ch a c công nh n.

T ch c ki m tra 10 l t v nhãn hàng hóa và ch t l ng s n ph m hàng hóa l u thông trên th tr ng và 10 l t ki m tra vi c ch p hành các quy nh pháp lu t v o l ng trên a bàn t nh. Ki m nh qu cân ã giao cho các huy n và thành ph .

##### **4.4. Công tác th ng kê, thông tin, công b nhi m v KH&CN**

Th c hi n công tác th ng kê c s và t ng h p v KH&CN, th ng kê c s và t ng h p v chuy n giao công ngh .

Thu th p, x lý, c p nh t thông tin v nhi m v KH&CN ang ti n hành, k t qu ng đ ng c a các nhi m v KH&CN t i t nh. Bàn giao k t qu ng ký, l u gi th c hi n nhiêm v KH&CN cho các c quan, n v, doanh nghi p ng đ ng k t qu c a các nhi m v KH&CN vào s n xu t và i s ng.

#### **4.5. Quản lý KH&CN cấp cơ sở**

Quản lý, triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở. Tổ chức hội nghị giao ban công tác KH&CN tuyến cơ sở năm 2019 (11 lần/năm).

Hàng đầu các sở, ngành, cấp huyện xuất danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở theo qui định; hàng đầu ý ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn.

#### **4.6. Hoạt động thanh tra**

Tiến hành thanh tra theo kế hoạch, thanh tra xuất, thanh tra chuyên ngành và tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và sức khỏe công nghiệp, an toàn bức xạ, nhiệm vụ khoa học và thanh tra hành chính. Thanh tra địa phương chuyên theo chức năng của Bộ KH&CN.

Giới quy tắc khi xử lý, giới quy tắc cáo theo yêu cầu. Phối hợp với các cơ quan liên quan phòng ngừa, phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực KH&CN.

#### **5. Công tác tổ chức và phát triển tiềm lực**

Là chủ trì tác và triển khai thí điểm mô hình hợp tác công tư thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Xây dựng lộ trình kiên toàn hệ thống các nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN công lập.

#### **6. Hoạt động của nhân viên nghiên cứu**

Hợp nhất Trung tâm nghiên cứu tiềm năng KH&CN, Trung tâm Thặng kê và Thông tin KH&CN và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Bến Tre thành một nhân viên theo đúng tiến độ Kế hoạch 1564/KH-UBND ngày 11/4/2018 của UBND tỉnh.

Tổ chức phối hợp các kỹ thuật nghiên cứu, tiềm năng KH&CN. Phát triển tiềm lực thông tin KH&CN; tổ chức hoạt động giao dịch công nghệ, kỹ thuật cung cấp, chuyển đổi thông tin công nghệ, tham gia Hội Công nghệ và Thị trường.

Thu thập, đăng ký, lưu giữ, công bố kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Thực hiện thặng kê cơ sở và thặng kê về KH&CN. Mở rộng thặng kê nhân lực, mở rộng địa phương, hình thức quản lý nhân lực và điều hành tác nghiệp các quan hệ thặng kê.

Tiếp tục triển khai các tài, dự án đã được duy trì; khai thác hiệu quả Khu nghiên cứu công nghệ sinh học Cái Mơn.

Khai thác hiệu quả các thị trường đã xuất. Thực hiện kế hoạch, hiệu quả, sách lược phát triển là 26.500 phát triển; kế hoạch nghiên cứu là 2.200 chỉ tiêu.

Phấn đấu doanh thu năm 2019 đạt 4.110 tỷ đồng.

Bắt đầu thực hiện lộ trình về chế độ đãi ngộ, trách nhiệm của các tổ chức KH&CN công lập do cấp có thẩm quyền phê duyệt./.



**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH HO T NG KH&CN GIAI O N 2017- 2018**  
**C A T NH CÀ MAU VÀ NH H NG HO T NG**  
**TRONG TH I GIANT I**

*S KH&CN t nh Cà Mau*

**Ph n I**  
**TÌNH HÌNH HO T NG KHOA H C VÀ CÔNG NGH**  
**GIAI O N 2017 – 2018**

**I. NH NG K T QU T C**

**1. V công tác tham m u**

- Tham m u UBND t nh ban hành K ho ch s 27/KH-UBND ngày 10/4/2017 v phát tri n và ng d ng công ngh sinh h c t nh Cà Mau, giai o n 2017 - 2020.

- Tham m u UBND t nh ban hành K ho ch s 123/KH-UBND ngày 04/12/2017 v th c hi n Ch th s 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 c a Th t ng Chính ph v vi c t ng c ng n ng l c ti p c n cu c Cách m ng công nghi p l n th 4 t nh Cà Mau.

- Tham m u UBND t nh ban hành K ho ch s 61/KH-UBND ngày 10/7/2017 v c i thi n và nâng cao Ch s N ng l c c nh tranh c p t nh (PCI) t nh Cà Mau n m 2017.

- Tham m u UBND t nh phê duy t án t ch c l i Trung tâm Thông tin và ng d ng Khoa h c Công ngh Cà Mau theo Ngh nh 54/2016/N -CP ngày 14/6/2016 c a Chính ph Quy nh c ch t ch c a t ch c khoa h c công ngh công l p.

- Tham m u UBND t nh ban hành quy t nh s 637/Q -UBND ngày 17/4/2018 v phê duy t Ph ng án t ch tài chính c a Trung tâm Thông tin và ng d ng Khoa h c Công ngh Cà Mau n m 2018.

**2. V xây d ng h th ng t ch c b máy và phát tri n tí m l c KH&CN**

**a) V t ch c h th ng b máy ho t ng KH&CN**

T ng s công ch c, viên ch c và ng i lao ng c a toàn n v là 107 ng i. Trong ó biên ch công ch c là 40 ng i.

i v i S có 06 phòng ch c n ng (V n phòng S , Phòng K ho ch – Tài chính, Phòng Qu n lý khoa h c, Phòng Qu n lý chuyên ngành, Phòng Qu n lý khoa h c và công ngh c s , Thanh tra S ) và 03 n v thu c S (Chi c c TC LCL, Trung tâm Phân tích, ki m nghi m, Trung tâm Thông tin và ng d ng khoa h c công ngh ). Ngoài ra n v còn có 01 Trung tâm K thu t TC LCL tr c thu c Chi c c TC LCL.

- T nh ã t p trung ki n toàn t ch c và nâng cao ch t l ng, trách nhi m c a i ng cán b làm công tác khoa h c, công ngh các c p, c b n b c u ã áp ng c yêu c u v nghi n c u, chuy n giao, ng d ng các ti n b KH&CN vào s n xu t và i s ng.

- Ho t ng KH&CN c p huy n ngày càng c quan tâm, t ng c ng công tác ào t o nghi p v qu n lý KH&CN, trang b c s v t ch t và th c hi n t t các ch , chính sách v tài chính, ho t ng KH&CN c p huy n ngày càng c nâng lên.

- Trong thời gian qua luôn chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực cán bộ; tăng cường học tập, trao đổi kinh nghiệm.

### **b) Vốn kinh phí hỗ trợ KH&CN giai đoạn 2016 – 2018**

- Tổng chi đầu tư phát triển cho KH&CN là 95.162.000.000 đồng. Việc phân bổ chi đầu tư phát triển theo đúng chức năng của nhà nước, các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách đầu tư bổ sung yêu cầu cấp thiết cần sự hỗ trợ, hỗ trợ, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác quản lý thị trường.

- Tổng chi cho sự nghiệp KH&CN là 64.228.000.000 đồng. Kinh phí sự nghiệp khoa học cơ bản sử dụng chi tiết chi trả các tài khoản, chi các hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN, TC LCL, an toàn bức xạ hạt nhân, SHTT, thông tin khoa học... Nhìn chung, kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN tỉnh Cà Mau đã đạt kết quả đáng kể và đáp ứng theo các yêu cầu về thực hiện các tài khoản KH&CN trong Quy hoạch phát triển KH&CN năm 2020.

### **3. Vốn hỗ trợ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

Tổng năm 2017 – 2018 trên địa bàn tỉnh triển khai tổng số 23 nhiệm vụ KH&CN, trên các lĩnh vực gồm:

- a) Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: 05
- b) Lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ: 01
- c) Lĩnh vực khoa học y, dược: 01
- d) Lĩnh vực khoa học nông nghiệp: 16

Một số kết quả nghiên cứu, ứng dụng nổi bật giai đoạn 2017 – 2018:

- Dự án: Ứng dụng kết quả khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất và phát triển giống lúa mùa địa phương phục vụ cho vùng sản xuất lúa mùa và lúa – tằm tỉnh Cà Mau. Dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu các tài nguyên thực vật trồng các giống lúa bản địa phục vụ sản xuất phân bón. Tổng kinh phí 1,908 tỷ đồng, trong đó kinh phí Trung ương là 0,96 tỷ đồng và địa phương là 0,948 tỷ đồng.

Dự án đã tiếp nhận chuyển giao công nghệ quy trình sản xuất giống lúa cạp nguyên chủng và xác nhận; sản xuất 10 ha giống lúa cạp nguyên chủng với 04 giống gạo (Mốt Bì, Mốt Bì Lùn, Tài Nguyên và Tép Hành), sản lượng đạt 20 tấn; đào tạo 10 kỹ thuật viên cơ sở sản xuất quy trình sản xuất, 250 nông dân sản xuất quy trình sản xuất giống xác nhận; triển khai sản xuất 500 ha giống lúa cạp xác nhận và tăng năng suất, năng suất trung bình đạt 4,2 - 4,5 tấn/ha, sản lượng đạt 1.100 tấn.

- Tài: Chọn giống lúa chùng chum, năng suất cao, chất lượng gạo tốt tỉnh Cà Mau. Nghiên cứu thành công trong việc chọn giống lúa chùng chum, nâng suất, chất lượng gạo tốt tỉnh Cà Mau, tạo ra các sản phẩm giống lúa chùng chum, đã chuyển giao 292 kg giống lúa chùng chum cạp nguyên chủng cho địa phương.

- Tài: Nghiên cứu đặc điểm sinh học và thí nghiệm cho sinh sản giống ngao móng tay chúa (Sinonovaculasp.) tốt tỉnh Cà Mau: Qua nghiên cứu đã xác định các đặc điểm, đặc điểm: vùng phân bố, danh loài, đặc điểm dinh dưỡng, sinh sản; và sinh trưởng;

kích thích sinh sản và nuôi trồng; kết quả tài có thể sử dụng làm cơ sở khoa học tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện hơn.

- Tài liệu tra, khảo sát thực trạng và định biên địa hình địa bàn Tây Ninh Cà Mau: địa bàn Tây Ninh Cà Mau được chia làm 02 khu vực địa bàn là địa bàn bit và địa bàn nh. Tuy nhiên, kết quả phân tích định biên nông nghiệp qua các thế kỷ cho thấy địa bàn Tây Ninh Cà Mau có xu hướng xói lở. Khu vực bị chi yếu vùng Mị Cà Mau, các khu vực còn lại xu hướng là chính. Khu vực xói lở nghiêm trọng là bãi bồi vùng sông Ông C, tiếp đó là các xã Hố Mai; địa hình khu vực Mị Cà Mau khá bằng phẳng, địa hình nh. Các yếu tố như hình thức các quá trình bit, xói lở do các yếu tố thiên nhiên, chủ yếu là: nắng, lụt, lụt vùng bồi, hình thái nông nghiệp, tác động của gió, thủy triều, dòng chảy đê b, sóng (trong bão), mức độ bị ngập do biển dâng khí hậu là các nguyên nhân rất quan trọng.

- Tài liệu: Nghiên cứu lựa chọn công nghệ và giải pháp mở rộng mạng lưới Trùm Thu hoạch Trùn Trùn Vn Thới Ninh Cà Mau: Kết quả tài liệu hoàn thiện giải pháp mở rộng mạng lưới Trùm Thu hoạch (trên cơ sở kỹ thuật, kỹ thuật nông nghiệp hiện đại), đáp ứng yêu cầu 02 làn xe ô tô lưu thông qua cầu, góp phần rút ngắn trong việc mở rộng giao thông, an toàn giao thông và nâng cao năng lực khai thác các cầu nói riêng và tuyến đường nói chung. Tổng kết nghiên cứu tài liệu, Sở Giao thông vận tải đã tham mưu UBND tỉnh và ngành quản lý khai thác mở rộng mạng lưới Rạch Lùm và cầu Công Nghiệp.

- Dự án: Xây dựng mô hình xen canh lúa – tôm càng xanh toàn xã Tân Bình, huyện Thới Bình và Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau: Đây là mô hình ít sử dụng hóa chất, không sử dụng kháng sinh, chủ yếu sử dụng men vi sinh và thực phẩm phòng trừ sâu bệnh có gốc sinh học, vì vậy sản phẩm tạo ra an toàn sinh học, góp phần bảo vệ môi trường, sức khỏe người tiêu dùng nông thôn mang lại hiệu quả kinh tế cho nông dân. Đây là mô hình có thể hình thành và phát triển tiêu chuẩn VietGap.

#### **4. V công tác quản lý công nghệ**

- Tham mưu góp ý kỹ thuật mới của UBND Dự án nhà máy xử lý rác thải Quang Bình.
- Tham mưu đánh giá về công nghệ thực hiện dự án của Công ty TNHH Sản xuất Nông nghiệp xanh.

#### **5. V hoạt động an toàn thực phẩm**

- Cấp giấy phép tiến hành công việc thực phẩm và gia hạn là 11 tháng 100% kế hoạch.
- Cấp chứng chỉ nhân viên thực phẩm và cấp là 9.
- Khai báo thị trường quảng cáo trong năm là 1.
- Tham gia đoàn Thanh tra về ATBX và phòng ngừa trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

#### **6. V hoạt động xã hội, phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật**

- Hướng dẫn ký bo hãn hi u hàng hóa 1501 tấn.
- Tham mưu ra Quyết định hỗ trợ kinh phí ký hãn hi u cho 21 cơ sở vật chất nông nghiệp là 52,5 triệu đồng.

- T ch c tri n khai Ch ãng trình phát tri n tài s n trí tu : ang t ch c tri n khai 01 d án cho các s n ph m: bánh ph ng tôm M i Cà Mau, chu i khô Tr n H i và 01 d án Xây d ãng kênh phân ph i và h th ng truy xu t ngu ng c s n ph m c s n c a Cà Mau.

- Ph i h p t ch c trao nhân hi u t p th cho 02 s n ph m: b n b n Cái N c, cá khoai Cái ôi Vàm.

- T ch c xét duy t và tri n khai th c hi n 02 d án thu c Ch ãng trình: D án xây d ãng, b o h nhân hi u ch ãng nh n cho 02 s n ph m “Khô m c Sông c – Cà Mau” và “Khô cá Thòi Lòi t M i – Cà Mau”, D án xây d ãng b o h nhân hi u ch ãng nh n cho s n ph m “Chu i xiêm Cà Mau” tri n khai trên a bàn nhi u huy n trong t nh.

- Th ng nh t tri n khai D án xây d ãng nhân hi u ch ãng nh n cho s n ph m “Cá b p Hòn Chu i” c tri n khai trên a bàn huy n Tr n V n Th i.

## 7. V công tác TC LCL

- Qu n lý tiêu ch n: Ban hành 09 thông báo ti p nh n h s công b h p chu n cho 05 doanh nghi p v i các s n ph m nh cà phê b t, ãng thô, b t cá, tôm th t lu c chín ãng l nh, tôm t i ãng l nh, g ch bê tông 02 l và g ch bê tông 04 l .

- Qu n lý o l ãng: Tham m u t ch c H i ngh tri n khai v n b n qu n lý nhà n c v o l ãng, ch t l ãng trong kinh doanh x ãng d u và i tho i doanh nghi p v i 100 doanh nghi p tham d . H i ngh ã h ãng d n các n i dung quy nh v qu n lý o l ãng, ch t l ãng trong ho t ãng kinh doanh x ãng d u; trao i, th o lu n các ý ki n phát bi u c a i ãng d n các doanh nghi p v nh ãng khó kh n, v ãng m c trong kinh doanh x ãng d u.

- Qu n lý ch t l ãng: L y 127 m u/21 lo i s n ph m, hàng hóa l u thông trên th tr ãng th nghi m kh o sát ch t l ãng g m: n c sinh ho t, n c u ãng óng chai, n c gi ãng, n c á dùng li n, m t ong, n p, bánh tét, cà phê b t, rau n lá, n c m m, kh n gi y t; m t các lo i, d a ki u, d a c i, ch l a, ch pate, m m tôm, th t heo t i, r u, x ãng E5, x ãng RON 95.

K t qu : Có 78 m u t yêu c u, 49 m u có m t s ch tiêu không t. i v i các lo i m u không t, Chi c c ã thông báo cho H i b o v ãng i tiêu dùng có bi n pháp qu n lý t th n trong th i gian t i.

- L nh v c TBT: C p nh t và ãng h a 234 tin, bài vi t liên quan n các ho t ãng tiêu chu n o l ãng ch t l ãng và hàng rào k thu t trong th ãng m i lên Trang thông tin i n t c a S ãng thông tin, c nh báo n các doanh nghi p.

Bên c nh ó, ho t ãng t v n, d ch v công c ãng c Chi c c phát huy mang l i hi u qu tích c c trong công tác an toàn v sinh th c ph m nh t v n và l p h s tiêu chu n c s cho các s n ph m tôm s y, gh s y, bánh ph ng tôm; s n ph m công ãng : vàng trang s c; ãng ký mã s mã v ch cho các s n ph m nh : m t ong, tôm khô, chu i s y, m c nang xu t kh u, gi ãng lúa, n c r a xe...

Ho t ãng th nghi m ph c v công tác qu n lý ch t l ãng t c nhi u k t qu nh t nh, t ãng s m u th nghi m ph c v qu n lý nhà n c, ph c v các nhu c u s n xu t kinh doanh c a các t ch c, cá nhân c 1.072 m u các lo i.

Ki m nh ph ãng ti n o, góp ph n m b o quy n l i ãng i tiêu dùng, b o v s c kh e, an toàn trong s n xu t, n nay ã ki m nh c 32.662 ph ãng ti n o các lo i.

- T ch c 01 l p t p hu n ph bi n các ki n th c c b n, cách t ch c ánh giá n i b ... theo TCVN ISO 9001:2008 cho UBND huy n Ng c Hi n; tham gia gi ng bài l p B i đ ng v c i cách hành chính nhà n c v i chuyên “Áp d ng HTQLCL theo tiêu chu n qu c gia TCVN ISO 9001:2008 vào ho t ng c a các c quan hành chính nhà n c” t i Tr ng Chính tr Cà Mau.

- Tham m u h tr kinh phí xây d ng và áp d ng HTQLCL tiên ti n cho 01 doanh nghi p.

- N m 2017, c 01 lãnh o Chi c c tham gia oàn ki m tra c i cách hành chính c a t nh, ki m tra th c t t i 15 c quan (15/39 c quan), g m 09 UBND c p huy n, 05 S và 01 Chi c c; s c quan còn l i c ki m tra thông qua báo cáo c a các n v . Qua k t qu ki m tra, a s các c quan th c hi n t yêu c u nh ng có m t s công vi c ch a phù h p theo tiêu chu n, oàn ki m tra ã nh c nh và yêu c u các c quan kh c ph c.

- Ch trì t ch c 05 cu c ki m tra v i t ng s 286 c s , g m các l nh v c: x ng d u, vàng trang s c m ngh , ch i tr em, i n- i n t , công t i n, gas, v t li u xây d ng, t p hóa... K t qu : có 09 c s vi ph m v o l ng và ch t l ng, ã chuy n h s x lý theo quy nh.

- Th ng xuyên tham gia v i Thanh tra S KH&CN th c hi n thanh tra chuyên ngành v l nh v c tiêu chu n, o l ng, ch t l ng i v i m b o hi m, i n- i n t , x ng d u, ph ng ti n o nhóm 2, nh l ng hàng óng gói s n và ghi nhãn hàng hóa; tham gia oàn ki m tra Ban Ch o 389 Cà Mau ki m tra v o l ng, ch t l ng x ng, d u trong t nh; tham gia H i ng xác nh tài s n t ch thu c a B T l nh Vùng c nh sát bi n 4.

Nhìn chung, qua các cu c ki m tra ã phát hi n và x lý k p th i các hành vi vi ph m, góp ph n áng k ng n ng a vi c s n xu t, kinh doanh hàng hóa không m b o tiêu chu n, o l ng, ch t l ng, b o v chính áng quy n l i ng i tiêu dùng.

- Tham m u t ch c H i ng nghi m thu cho 04 d án thành ph n thu c D án NSCL giai o n 2011 – 2015 chuy n ti p sang n m 2017. Nhìn chung, các d án c nghi m thu u mang l i hi u qu , có kh n ng nhân r ng cho doanh nghi p và h dân trên à bàn t nh.

- Ti p t c th c hi n Quy t nh s 712/Q -TTg ngày 21/5/2010 c a Th t ng Chính ph phê duy t Ch ng trình qu c gia "Nâng cao n ng su t ch t l ng s n ph m, hàng hóa c a doanh nghi p Vi t Nam n n m 2020". Chi c c ã tham m u xây d ng “D án Nâng cao n ng su t và ch t l ng s n ph m, hàng hóa c a t nh Cà Mau giai o n 2 (2016 – 2020)”. D án c UBND phê duy t cho tri n khai th c hi n (theo Quy t nh s 1696/Q -UBND ngày 03/10/2016). n nay, Chi c c ã tham m u t ch c H i ng khoa h c và công ngh xét duy t 05 d án thành ph n, các d án u t yêu c u khoa h c và c H i ng xét duy t th ng nh t cho tri n khai th c hi n.

- Th ng xuyên t ch c ki m tra ti n các d án thành ph n ã c duy t. Qua các cu c ki m tra cho th y các ch nhi m d án và các n v ch trì ã th hi n tinh th n trách nhi m cao, có c g ng th c hi n y n i dung khoa h c, c ng nh tri n khai th c hi n các d án úng ti n .

## **8. V công tác thông tin, tuyên truy n, ph bi n KH&CN**

- Biên t p và phát hành 08 k T p san thông tin KH&CN online trên trang thông tin i n t c a Trung tâm Thông tin và ng d ng KH&CN; ph i h p v i H i Nông dân t nh t

ch c 071 p t p hu n t i 07 huy n h ng d n cán b oàn th c p xã truy c p T p san thông tin KH&CN online, có t ng s 175 ng i tham d ; t ch c 01 cu c H i th o ánh giá ch t l ng xu t b n T p san thông tin khoa h c và công ngh online.

- C p 12 Gi y ch ng nh n ng ký k t qu th c hi n nhi m v KH&CN s d ng ngân sách nhà n c cho c quan ch trì, ch nhi m nhi m v KH&CN quy nh t i Thông t s 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 c a B Khoa h c và Công ngh .

- Báo cáo th ng kê c s , th ng kê t ng h p v KH&CN t nh Cà Mau n m 2017 g i C c thông tin KH&CN qu c gia quy nh t i Thông t s 25/2015/TT-BKHHCN và Thông t s 26/2015/TT-BKHHCN ngày 26/11/2015 c a B Khoa h c và Công ngh .

- T ch c 40 l p t p hu n chuy n giao ng d ng ti n b khoa h c k thu t ph c v s n xu t và i s ng cho ng i dân v i kho ng 3.200 ng i tham d . Các n i dung t p hu n ch y u t p trung vào các i t ng nh : tôm sú, tôm th chân tr ng, cua bi n, các lo i cá n c ng t, n c l , sò huy t, các lo i rau màu,....

- Biên t p và a 340 tin, bài vi t trên trang thông tin i n t S và 70 tin ch o i u hành.

- Ph i h p v i ài PTTH t nh Cà Mau th c hi n 13 chuyên m c khoa h c và công ngh .

- C p nh t l i b TTHC c a S lên C ng TT T t nh Cà Mau và ph n m m ISO i n t c a S .

- Xây d ng K ho ch ng d ng công ngh thông tin trong ho t ng c a S Khoa h c và Công ngh t nh Cà Mau n m 2018.

## **9. Công tác thanh tra chuyên ngành KH&CN**

Trong n m 2017 – 2018, th c hi n ch o c a Thanh tra B , UBND t nh và Giám c S Khoa h c và Công ngh t nh Cà Mau, Thanh tra S ã ch trì ph i h p v i Chi c c Tiêu chu n – o l ng – Ch t l ng, S Y t , C nh sát kinh t ti n hành thanh tra, ki m tra trên a bàn t nh Cà Mau. K t qu ã tri n khai 08 cu c Thanh ki m tra t i 180 c s . Trong ó, t p trung m t s l nh v c nh i n, i n t , m b o hi n, x ng, d u, vàng trang s c, s t thép trong xây d ng, ngu n thi t b b c x thu c l nh v c n ng l ng nguyên t , hàng óng gói s n. Qua công tác thanh ki m tra, thanh tra S ã ban hành 09 quy t nh x ph t hành vi vi ph m hành chính i v i t ch c, cá nhân v i t ng s ti n x ph t là: 121.742.484 ng, bu c n p l i kho ng thu l i b t h p pháp vào ngân sách nhà n c do hành vi vi ph m là 29.700.000.

## **10. Ho t ng c a các t ch c KH&CN công l p và tình hình phê duy t ph ng án t ch tài chính**

N m 2017, Trung tâm Thông tin và ng d ng Khoa h c công ngh (Trung tâm) th c hi n c ch t ch theo Ngh nh s 54/2016/N -CP c a Chính ph . Theo ó, Trung tâm ã xây d ng và c Ch t ch UBND t nh phê duy t án t ch c l i Trung tâm là n v s nghi p công l p có thu t m b o chi th ng xuyên theo i m b, Kho n 2, i u 3 Ngh nh s 54/2016/N -CP.

Trung tâm ch trì th c hi n 12 d án, trong ó có 02 d án c p b , 8 d án c p t nh và 02 d án c p huy n. Trong n m, ã báo cáo nghi m thu hoàn thành 05 d án g m: 01 d án

c p b , 03 d án c p t nh và 01 d án c p huy n. Ngoài ra, Trung tâm còn ph i h p v i 05 n v có liên quan th c hi n 05 d án c p t nh và xu t t hàng 02 d án khoa h c và công ngh c p Qu c gia.

T ch c th c hi n các ho t ng d ch v v s n xu t và kinh doanh các s n ph m nh : s n xu t và kinh doanh ch ph m sinh h c EMOZEO (200.000 lít/n m), gi ng chu i c y mô (51.000 cây), gi ng cá chình hoa..... Ngu n thu t các ho t ng d ch v kho ng 2,2 t ng.

N m 2017, Trung tâm ti p t c c S KH&CN giao th c hi n 08 nhi m v th ng xuyên theo ch c n ng v i t ng kinh phí 2,1 t ng. Các nhi m v th ng xuyên theo ch c n ng g m: (i) Xu t b n n ph m thông tin khoa h c và công ngh , (ii) T ch c t p hu n, chuy n giao tỉ n b KH&CN vào s n xu t và i s ng cho nông dân, (iii) Thu th p, ng ký, l u gi và công b thông tin v nhi m v khoa h c và công ngh , (iv) Th ng kê khoa h c công ngh , (v) H tr doanh nghi p, c s y t v m b o an toàn b c x , (vi) K t n i cung c u và t v n chuy n giao công ngh , (vii) ng d ng công ngh sinh h c l u gi , b o t n ngu n gen, c i t o các gi ng cây nông nghi p b n a, (viii) H tr ào t o và th c hành cho sinh viên các tr ng i h c, Cao ng và Trung c p chuyên nghi p t nh Cà Mau.

N m 2018, UBND t nh ã phê duy t Trung tâm là n v t m b o m t ph n chi th ng xuyên, m c t ch n m 2018 là 18%.

### **11. H p tác trong n c và qu c t v KH&CN**

Quá trình h p tác v i các Vi n, Tr ng trong và ngoài a bàn t nh ch y u là trong l nh v c t v n, nghiên c u tri n khai các tài, d án KH&CN. Các Vi n, Tr ng ã tham gia ch trì ho c ph i h p th c hi n các tài d án trên a bàn t nh.

## **II. ÁNH GIÁ CHUNG**

H ng n m, vi c tuy n ch n các nhi m v KH&CN ch y u t s xu t c a các S , ngành và a ph ng trong t nh c ng nh s ph i h p c a các c quan nghiên c u trong và ngoài t nh v i các S , Ngành và a ph ng trong t nh, nên v c b n nhi m v khi xác nh ã có tính thi t th c và b c xúc, có yêu c u t th c t c ng nh kh n ng ng d ng.

Nhi m v KH&CN sau khi nghi m thu t trung bình tr lên c a vào ng d ng b ng nhi u hình th c: bàn giao cho các S , Ngành và n v , ph bi n cho các huy n và thành ph các k t qu phù h p ng d ng, xây d ng, ch n l c và xu t v i t nh các ch ng trình ng d ng thi t th c nh : Xây d ng b o h và qu n lý phát tri n cho các s n ph m c thù và c s n a ph ng; ng d ng, nhân r ng k t qu nghiên c u th nghi m vào s n xu t và i s ng; ng d ng KH&CN ph c v xây d ng nông thôn m i và tái c c u ngành nông nghi p.

K t qu ho t ng KH&CN th i gian qua ã góp ph n i m i thi t b công ngh , t o vi c làm, t ng thu nh p trên các l nh v c c bi t là ng , nông, lâm nghi p (t gi ng cây tr ng n quy trình canh tác).

Thúc y nhanh vi c a tỉ n b KH&CN vào s n xu t và i s ng góp ph n phát tri n KTXH a ph ng.

## **III. KHÓ KH N, H N CH**

Tuy ho t ng v KH&CN có phát tri n và áp ng nhi u m t trong s n xu t và i s ng, song v n còn t n t i nh ng khó kh n, h n ch nh t nh ó là:

- Vn ut cho KH&CN ch y ut ngu n ngân sách nhà n c, c ch huy ng các ngu n l c bên ngoài xã h i còn r th n ch .

- Ngu n nhân l c c a m t s n v, t ch c ch a m nh, tính chuyên nghi p ch a cao; ng th i ch a làm ch c nhi u quy trình k thu t và công ngh có tính th ng m i hoá t o ngu n l c phát tri n n v; ch a t n d ng t t các nhi m v th ng xuyên theo ch c n ng tí p nh n, chuy n giao quy trình k thu t và phát tri n công ngh .

- Ho t ng d ch v KH&CN và ho t ng kinh doanh d ch v ch a c phát tri n thành h th ng, còn mang tính r i r c. Công tác chuy n giao KH&CN còn h n ch , ch a áp ng c v i yêu c u c a phát tri n kinh t - xã h i c a a ph ng. Th tr ng KH&CN trong t nh còn h n h p, s n ph m KH&CN làm ra b c nh tranh nhi u, trong khi th tr ng tiêu th thi u tính n nh. Ho t ng s n xu t, kinh doanh và d ch v luôn b c nh tranh gay g t b i các doanh nghi p cùng l nh v c, ch a hình thành c chu i liên k t nâng cao giá tr c a các s n ph m s n xu t ra, c bi t là liên k t v i các doanh nghi p trong khâu ch bi n, tiêu th s n ph m, cho nên m t s s n ph m nông nghi p s n xu t ra khó tiêu th , ho c tiêu th v i giá tr th p.

- Vi c làm ch các công ngh , các quy trình s n xu t hàng hóa ch l c c a a ph ng nh s n xu t gi ng tôm ch t l ng cao, quy trình nuôi tôm thâm canh ch a áp ng c yêu c u, nhân r ng các mô hình s n xu t có hi u qu , ng d ng công ngh tiên ti n và s n xu t và i s ng ch a theo k p nhu c u phát tri n c a xã h i.

- T n m 2011 n nay, ch có m t doanh nghi p c c p gi y ch ng nh n doanh nghi p KH&CN. Do doanh nghi p KH&CN trên a bàn t nh Cà Mau phát tri n r t ch m nguyên nhân chính do th tr ng KH&CN ch m hình thành và phát tri n, chính sách ch a th th p d n và thu hút s quan tâm c a doanh nghi p.

#### **IV. XU T, KI N NGH**

ng h B KH&CN ph i h p v i các n v có liên quan s m ban hành Quy t nh phê duy t nh m c kinh t - k thu t i v i các d ch v s nghi p công s d ng ngân sách nhà n c trong l nh v c khoa h c và công ngh các t ch c KH&CN công l p c n c vào ó th c hi n.

ng h Trung ng ban hành c ch , chính sách c th h n nh m h tr các doanh nghi p ut i m i công ngh trong s n xu t, nh t là công ngh ch bi n m t s s n ph m ch l c c a t nh Cà Mau nh : ch bi n th y s n, lâm s n; chuy n giao công ngh s n xu t gi ng cây tr ng, v t nuôi nh : lúa, hoa có giá tr kinh t cao; gi ng th y s n n c m n, ng t... t o s t phá v n ng su t, ch t l ng áp ng yêu c u hi n t i và kh n ng c nh tranh hàng hóa nông s n trên th tr ng trong và ngoài n c.

B KH&CN c n có c ch phù h p h n, nh m giúp các a ph ng tham gia y các ch ng trình trong chi n l c phát tri n KH&CN qu c gia.

### **Ph n II**

#### **NH H NG HO T NG KH&CN TRONG TH I GIANT I**

- i v i các n v, t ch c KH&CN công l p: c n ti p t c n nh t ch c, duy trì các ho t ng th ng xuyên theo ch c n ng; t ng c ng các ho t ng d ch v , làm ch m t



s công nghệ chủ lực phù hợp với tình hình sản xuất địa phương; tăng bộ chỉ tiêu chi trả hoàn toàn vốn tài chính.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp, các ngành ở vùng KH&CN: Lãnh đạo các sở, ngành và cấp huyện, thành phố cần xác định vai trò, tầm quan trọng của KH&CN trong chiến lược phát triển KTXH trong quá trình phát triển. Xác định phát triển khoa học và công nghệ là nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình lập kế hoạch và lãnh đạo thực hiện chương trình quốc gia, giảm thiểu nhiệm vụ KH&CN với mục tiêu phát triển KTXH của ngành, của địa phương mình.

- Triển khai, thực hiện công tác quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN làm trọng tâm của cấp bách, tiến hành công tác cải thiện môi trường kinh tế, xã hội, xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách ở vùng hoạt động khoa học và công nghệ. Khẩn trương triển khai đầu tư dàn trải, kém hiệu quả, thực hiện các chốt hàng, ưu đãi thực hiện nhiệm vụ, các khoản sản phẩm KH&CN có cách mạng.

- Triển khai các hình thức, nhiệm vụ KH&CN chủ yếu: Ủy nhiệm nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu KH&CN trong, ngoài nước cho tất cả các ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lý. Phát triển mạnh công nghệ thông tin, ứng dụng rộng rãi vào hoạt động quản lý của các cơ quan, nhà nước. Tập trung giữ gìn và phát triển các công nghệ cho các ngành mũi nhọn như: chế biến thực phẩm, nông sản sản phẩm làm ra có giá trị gia tăng ngày càng cao và sản phẩm tranh giành thị trường trong và ngoài nước. Bình quân triển khai từ 12 – 15 nhiệm vụ KH&CN/năm. Ứng dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật mới của công nghệ sinh học và kỹ thuật lúa, các loại cây trồng, giống tôm, cá, gia súc, gia cầm mở rộng diện tích có chế tạo công nghệ cho sản xuất.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật và TC LCL và nhãn hàng hóa đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục duy trì và cải thiện HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 sang phiên bản TCVN ISO 9001:2015 (ISO mới) vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc HCNN trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, hiệu chuẩn phục vụ quản lý nhà nước, đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Thực hiện tốt và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, nhãn hàng hóa, công bố tiêu chuẩn chế tạo, mã số mã vạch, ... cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KH&CN GIAI ĐOẠN 2017-2018**  
**CÁI THÀNH PHỐ CẦN THƠ VÀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG**  
**TRONG THỜI GIẢN TỚI**

*S KH&CN thành phố Cần Thơ*

**Phần I**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**GIAI ĐOẠN 2017-2018**

**I. NHỮNG KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

Triển khai Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ đổi mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế và Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của Việt Nam giai đoạn 2011-2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012, các hoạt động KH&CN thành phố Cần Thơ trong giai đoạn 2017-2018 tóm tắt kết quả như sau:

**1. Về công tác tham mưu**

tiếp tục thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW và Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Ban Tuyên giáo tham mưu Thành ủy ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 01/8/2016 về phát triển, nâng cao khoa học và công nghệ và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch 114/KH-UBND ngày 23/9/2016 về thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 01/8/2016 của Thành ủy.

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao trình độ phát triển khoa học và công nghệ phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố hiện nay, Sở đã tham mưu UBND phê duyệt Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ thành phố Cần Thơ năm 2020, tầm nhìn năm 2030 tại Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 17/01/2017.

Thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ thành phố Cần Thơ giai đoạn 2014-2020 và tầm nhìn năm 2030, Sở Khoa học và Công nghệ đã trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố hàng năm, trong đó chú trọng những nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu cơ bản có những ứng dụng, tập trung vào công nghệ ưu tiên (công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ chế tạo, công nghệ chế biến, công nghệ vật liệu mới) trong các lĩnh vực nuôi trồng nông nghiệp và thủy sản, y sinh, năng lượng, giao thông vận tải, xây dựng, kinh tế biển và các lĩnh vực có liên quan phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Tập trung tìm kiếm chủ quản lý, tổ chức, hoạt động KH&CN, Sở KH&CN xây dựng đề án Quy hoạch quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố thay thế Quy chế hiện hành, trên cơ sở phân tích quy hoạch nhiệm vụ trung ương và điều kiện phù hợp điều kiện địa phương, đề kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trong quý II năm 2018.

Tiếp tục yểm trợ các cách thức hành chính, Sở đã tham mưu UBND thành phố công bố chuẩn hóa các thức hành chính thu c theo quy định quy tắc của Sở KH&CN, trong đó công bố và niêm yết 53 thức hành chính thu c 61 nh v c qua các hình thức như : Niêm yết công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ; Công bố trên phần mềm M t c a i n t và Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ <http://1cua.sokhcn.cantho.gov.vn>; và thông qua phương án chuẩn hóa thức hành chính “Cấp Giấy chứng nhận hộ tịch lên u cho v n phòng địa dân, chi nhánh các cơ quan khoa học và công nghệ ” (Quyết định số 2118/Q - UBND ngày 14/8/2017).

## **2. V xây dựng hình thức thu c b máy và phát triển tiềm lực KH&CN**

### **a) V t ch c h th ng b máy ho t ng KH&CN:**

Sở KH&CN hiện có 7 phòng và 4 nhân viên trực thu c, với 151 người, trong đó biên chế công nhân là 107 biên chế (43 biên chế hành chính và 64 biên chế chuyên môn). Hiện tại công nhân, viên chức của Sở KH&CN đều có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt để hỗ trợ lên thu c các chuyên ngành về khoa học kỹ thuật - công nghệ và khoa học xã hội... đáp ứng nhu cầu công tác. Về trình độ sau đại học có 02 tiến sĩ và 39 thạc sĩ.

Trình độ quản lý KH&CN tại 9 quận/huyện đều có 01 lãnh đạo và 01 cán bộ kiêm nhiệm thu c phòng Kinh tế quận hoặc phòng Kinh tế và Hỗ trợ huyện phụ trách.

Thành phố Cần Thơ là nơi tập trung nhiều Viện, Trường nghiên cứu Trung ương hoạt động trong công tác đào tạo, nghiên cứu nên là nơi tập trung nhiều cán bộ KH&CN có trình độ cao. Theo kết quả Thống kê KH&CN, đến cuối năm 2017 thành phố có 71 nhân viên có học vị KH&CN (67 nhân viên thu c khu vực nhà nước và 04 nhân viên thu c khu vực ngoài nhà nước). Số lượng cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của thành phố hiện có 7.162 người, nhân lực có trình độ tiến sĩ là 599 người (chiếm 8,3%), trình độ thạc sĩ 2.503 người (chiếm 34,9%), đại học là 2.461 người (chiếm 34,4%). Trong đó, nhân lực có trình độ cao đẳng 182 người chiếm 2,5% trong tổng nhân lực KH&CN thành phố, lao động thu c lĩnh vực khoa học y dược chỉ chiếm 28%, ít nhất là trong lĩnh vực khoa học nhân văn (6%).

Các sự vụ tổ chức thu c KH&CN đều quan tâm ưu tiên, phục vụ phát triển KTXH của thành phố, góp phần thể hiện là trung tâm khoa học và công nghệ của vùng BSC. Tiếp tục xây dựng và nâng cao năng lực chuyên môn của Trung tâm Kỹ thuật TC LCL: Các phòng thí nghiệm, hiện chủ trì tiếp tục duy trì hiện lực chuyên môn của 7 Bộ phận chuyên ngành (Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động thương binh và xã hội); các đánh giá chứng nhận môi trường theo quy chuẩn quốc tế theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Ngoài ra, Trung tâm đã thực hiện các Tiêu chuẩn quốc gia về Chất lượng dịch vụ nhân sự, hệ thống quản lý môi trường, hệ thống quản lý năng lượng, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm hàng hóa và dịch vụ, nhiên liệu, khí đốt hóa lỏng (LPG) và chi tiêu; Các An toàn Thực phẩm đánh giá chứng nhận phòng thí nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước. Hiện tại thông tin KH&CN đều hoàn thiện, nâng cao hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng và quản lý thông tin KH&CN phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế xã hội và hình thành quốc gia. Các chỉ số về xây dựng và trạng thái cho Trung tâm nghiên cứu tiềm năng khoa học và công nghệ nhằm góp phần thúc đẩy công tác nghiên cứu các tiềm năng KH&CN vào sản xuất và dịch vụ.

Bên cạnh đó Khu Công nghệ cao đã thực hiện phê duyệt, bổ sung Khu Công nghệ cao Cần Thơ vào quy hoạch Khu Công nghệ cao cấp quốc gia (Công văn số 52/TTg-KGVX ngày 18/01/2017 của Văn phòng Chính phủ thống nhất bổ sung Khu Công nghệ cao Cần Thơ vào quy hoạch tỉnh Khu Công nghệ cao cấp quốc gia). Ban thành lập Khu Công nghệ cao Cần Thơ đã chỉ đạo thẩm định báo cáo KH&CN xét duyệt, trình Thủ tướng Chính phủ trong quý I/2018.

**b) Vốn kinh phí hỗ trợ KH&CN giai đoạn 2016–2018: (biểu 9, 10, 11 và 12)**

Giai đoạn 2016-2018, kinh phí đầu tư cho KH&CN là 187.070 triệu đồng, trong đó, kinh phí sản xuất KH&CN là 94.370 triệu đồng, kinh phí đầu tư phát triển là 92.700 triệu đồng.

Kinh phí sản xuất KH&CN hàng năm được phân bổ ứng theo kế hoạch Bộ Khoa học và Công nghệ giao. Dự toán phân bổ mức các nhiệm vụ chỉ cho hỗ trợ KH&CN của thành phố. Kết quả thực hiện hàng năm đạt 80% dự toán giao.

Trong vốn kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN, hàng năm Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ và vận động xã hội theo kế hoạch Bộ Khoa học và Công nghệ giao, nguồn kinh phí này được phân bổ cho các dự án thuộc lĩnh vực KH&CN nhằm nâng cao năng lực hỗ trợ cho các tổ chức KH&CN (Dự án Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển KH&CN). Kết quả thực hiện hàng năm đạt 97% dự toán giao.

Cơ sở vật chất – kỹ thuật và trang thiết bị các tổ chức KH&CN công lập đã được nâng cấp và cải thiện đáng kể. Dự án “Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển KH&CN” của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt năm 2015 với tổng mức đầu tư là 141,6 triệu đồng (bao gồm các hạng mục: khu văn phòng làm việc và nhà trưng bày với diện tích khu đất là 1.975,6 m<sup>2</sup>; khu nhà xưởng, phòng thí nghiệm,... có diện tích khu đất 21.451,3 m<sup>2</sup>; trang thiết bị mức cho sinh hoạt và vận hành), dự án đã hoàn thành trong năm 2018. Dự án “Mua sắm trang thiết bị Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ” đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt năm 2016 với tổng mức đầu tư là 42,5 triệu đồng nhằm nâng cao năng lực thí nghiệm, kiểm tra và hiệu chuẩn phục vụ ngành (nông nghiệp, xây dựng, y tế, môi trường, biển),... Các phòng thí nghiệm, hiệu chuẩn của Trung tâm tiếp tục được Hội đồng công nhận phòng thí nghiệm Việt Nam (Vilas) công nhận theo tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 và các Bộ ngành chức năng là phòng thí nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa, phẩm vật hóa chất Cà Mau lên đến Tây Nguyên và Nam trung bộ.

**3. Vốn hỗ trợ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (biểu 13, 14 và 15)**

**a) Các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia**

Kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương trong triển khai các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia như sau:

- Thành phố có 02 dự án thuộc Chương trình hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025 đang thực hiện, gồm (1) Dự án “Nghiên cứu và phát triển khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất hoa chất lượng cao tại thành phố Cần Thơ”; (2) Dự án “Nghiên cứu và phát triển công nghệ sản xuất không nung kết, áp suất và nguyên liệu có sẵn tại thành phố Cần Thơ”. Tổng kinh phí thực hiện 02 dự án là khoảng 16,1 triệu đồng, trong

ó có kho ng 6,8 t ng t ngân sách trung ng, còn l i t ngu n v n i ng c a doanh nghi p và ng i dân.

- Tham m u y ban nhân dân thành ph có v n b n g i B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn Công ty C ph n Nông nghi p công ngh cao Trung An c tham gia “Ch ng trình phát tri n nông nghi p ng d ng công ngh cao thu c Ch ng trình qu c gia phát tri n công ngh cao n n m 2020” ho c “Ch ng trình tr ng i m phát tri n và ng d ng công ngh sinh h c trong l nh v c nông nghi p và phát tri n nông thôn n n m 2020”.

### **b) Các nhi m v KH&CN c p thành ph**

Giai o n 2017-2018, t ch c tri n khai m i 22 nhi m v KH&CN, nghi m thu 22 nhi m v KH&CN. M t s k t qu n i b t t nh ng nhi m v KH&CN ã nghi m thu nh sau:

\* L nh v c công ngh thông tin: tài “ ng d ng h th ng thông tin a lý vào qu n lý h t ng k thu t ô th t i thành ph C n Th ” ã xây d ng h th ng thông tin t ng h p v h t ng k thu t (b c u là h t ng thoát n c) có kh n ng cung c p thông tin nhanh, chính xác và góp ph n t o các gi i pháp phát tri n b n v ng cho thành ph C n Th , có kh n ng k t n i v i h th ng thông tin a lý ng b ng sông C u Long – MGIS t o c s cho vi c ng b d li u t quy mô s ban ngành thành ph n c p t nh và c p vùng Tây Nam B ; tài “ ng d ng công ngh i n toán ám mây trên n n t ng mã ngu n m ph c v xây d ng mô hình tri n khai các ng d ng công ngh thông tin trong các c quan nhà n c a thành ph C n Th ” ã tri n khai h th ng qu n lý tài nguyên - môi tr ng công ngh thông tin b ng công ngh i n toán ám mây, giúp t i u s d ng ph n c ng và nhân l c thành ph v qu n tr công ngh thông tin, nâng cao chuyên môn cho ng i qu n tr chuyên trách trong vi c t i p xúc nhi u th c t v an toàn và an ninh thông tin. Trong nghiê n c u tài ã tri n khai th nghi m 04 ph n m m ng d ng công ngh thông tin trong các c quan hành chính nhà n c a thành ph C n Th (S Thông tin và Truy n thông, UBND qu n Th t N t, UBND huy n V nh Th nh) lên h th ng i n toán ám mây, áp ng c yêu c u v t i t ki m tài nguyên và nhân l c công ngh thông tin.

\* L nh v c nông nghi p: D án “Xây d ng mô hình làng hoa ki ng thành ph C n Th ph c v du l ch” th c hi n ánh giá th c tr ng s n xu t hoa ki ng trên c s i u tra 180 c s s n xu t, kinh doanh và tri n khai xây d ng mô hình làng hoa - cây c nh ph c v du l ch t i Làng hoa ki ng Phó Th - Bà B v i s tham gia c a 08 h dân có di n tích canh tác t 0,2 - 0,5 ha/h , trên c s ánh giá hi u qu d án, ban ch nhi m ã ki n ngh các gi i pháp phát tri n mô hình trong th i gian t i. K t qu d án giúp nâng cao ch t l ng ph c v du l ch, áp ng nhu c u th ng lãm c a du khách, gia t ng thu nh p cho ng i dân, t o i m nh n v v n hóa du l ch c a thành ph C n Th và góp ph n vào vi c th c hi n Ngh quy t 03-NQ/TU ngày 01/8/2016 c a Thành y C n Th v y m nh phát tri n du l ch.

\* L nh v c y t : tài “Nghiê n c u hi u qu hóa tr ung th i tr c tràng b ng Oxaliplatin k t h p v i Capecitabine t i B nh vi n Ung B u C n Th ” ã t i n hành áp d ng hóa tr v i phác XELOX trên 131 b nh nhân ung th i tr c tràng (UT TT) giai o n s m và 95 b nh nhân UT TT di c n t i B nh vi n Ung b u thành ph C n Th ; k t qu nghiê n c u cho th y phác Oxaliplatin k t h p v i Capecitabine trong i u tr UT TT có k t qu cao, c tính ch p nh n c, có th áp d ng cho i u tr UT TT t i các b nh

viện tuy nhiên đây không còn chuyển viện nghiên cứu trên góp phần làm giảm áp lực về kinh tế, làm tăng tuổi thọ và kéo dài thời gian sống thêm cho bệnh nhân. Tài liệu “Hiệu quả của ứng dụng máy tính trong chẩn đoán bệnh nhân a khoa thành phố Cần Thơ”, đã thể hiện nghiên cứu về ứng dụng máy tính trong chẩn đoán bệnh nhân rickettsiosis trên bệnh nhân nhập viện tại Khoa Tim mạch - Lão học, Bệnh viện a khoa thành phố cho tỷ lệ thành công là 98% bệnh nhân thu được kết quả chẩn đoán chính xác có bóng tim và 97,7% qua hình ảnh điện cơ tim siêu âm tim 2D, chỉ thị nhĩ thất là 90,9%, chỉ thị nhĩ thất trước là 92,5% và bệnh nhân có dấu hiệu là 72,5%.

\* Lĩnh vực môi trường: Dự án “Thiết lập mô hình lan truyền ô nhiễm không khí và xây dựng các giải pháp bảo vệ môi trường không khí phục vụ phát triển bền vững thành phố Cần Thơ”, đã xây dựng cơ bản hệ thống phát thải các chất ô nhiễm không khí; mô phỏng lan truyền ô nhiễm không khí cho hoạt động sản xuất công nghiệp, giao thông; cảnh báo ô nhiễm trong khí trong 5, 10 năm tới và xu hướng giải pháp kiểm soát ô nhiễm không khí phục vụ phát triển bền vững của thành phố. Kết quả dự án chuyển giao cho đơn vị quản lý tài nguyên và môi trường thành phố phục vụ tham mưu kiểm soát ô nhiễm không khí.

#### **4. V công tác quản lý công nghệ (biểu 2)**

Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ - NSCL - SHTT đã xét duyệt hồ sơ cho 163 hồ sơ của doanh nghiệp đăng ký tham gia Chương trình với tổng kinh phí xét duyệt là 6,67 triệu đồng doanh nghiệp nghiên cứu khởi nghiệp công nghệ, thị trường, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm; áp dụng các hình thức quản lý chất lượng tiên tiến; xây dựng và bổ sung tài sản trí tuệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm trong thị trường quốc tế.

Giáo trình 2017-2018, tổ chức thẩm tra công nghệ 25 dự án, chủ yếu là các công nghệ xử lý chất thải rắn (sinh hoạt và nguy hại), nước thải, công nghệ xử lý nước, quản lý môi trường nước,...

#### **5. V hoạt động an toàn bức xạ (biểu 6)**

Hàng ngày 17 cơ sở dịch vụ kỹ thuật của thị trường X-quang theo quy định pháp luật, chấp hành pháp luật, bổ sung hồ sơ nghiệp vụ, số liệu, bổ sung, gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (giấy phép).

Thống kê 49 hồ sơ nghiệp vụ, gia hạn, số liệu, bổ sung giấy phép, 19 hồ sơ nghiệp vụ chấp hành nhân viên bức xạ, 30 hồ sơ nghiệp vụ phê duyệt kế hoạch phóng xạ bức xạ công cộng. Thống kê an toàn bức xạ công cộng giấy phép số lượng thị trường X-quang chấp hành quản lý tại 421 cơ sở. Công cộng giấy phép với 87 thị trường X-quang chấp hành quản lý. Công cộng chấp hành nhân viên bức xạ. Công cộng giấy xác nhận khai báo thị trường X-quang chấp hành quản lý. Phê duyệt 29 kế hoạch phóng xạ bức xạ công cộng.

Tổ chức diễn tập phóng xạ bức xạ năm 2017 tại Khu công nghiệp Trà Nóc 1, thành phố Cần Thơ do Sở Cảnh sát nhân dân thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Viện Nghiên cứu Hạt nhân, Trường Cao đẳng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy thành phố Cần Thơ và các ngành có liên quan tổ chức diễn tập “phóng xạ cấp I và tình huống cháy liên quan đến nguồn phóng xạ cấp I”. Song song đó, Ngành công nghiệp phối hợp với Viện Nghiên cứu Hạt nhân tổ chức khóa tập huấn chuyên sâu về an toàn bức xạ cho 21 cán bộ, chỉ huy, công nhân viên chức của Công an, Bộ Chỉ huy quân sự, Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy thành phố và Bệnh viện Ung Thư...

## **6. V ho t ng s h u trí tu , phong trào lao ng sáng t o, phát huy sáng ki n, c i ti n k thu t (bi u 3)**

H ng d n xác l p và b o v quy n s h u công nghi p cho 262 tr ng h p, trong ó có 250 nhân hi u, 10 sáng ch , 01 ki u dáng công nghi p và 01 b n quy n tác gi . T tháng 01/2017 n tháng 03/2018, thành ph có 639 n ng ký b o h c ch p nh n (616 nhân hi u, 16 ki u dáng công nghi p, 05 sáng ch và 02 gi i pháp h u ích) và t 03/01/2017 n 24/02/2018, thành ph có 280 v n b ng c c p m i (267 nhân hi u, 09 ki u dáng công nghi p, 03 sáng ch và 01 gi i pháp h u ích).

T ch c, ph i h p t ch c ho c ph bi n r ng rãi các h i thi, gi i th ng nh H i thi Sáng t o k thu t, H i thi Tin h c tr , Cu c thi sáng t o thanh thi u niên nhi ng... góp ph n thúc y phong trào thi ua lao ng, sáng t o, phát huy sáng ki n, c i ti n k thu t trong m i t ng l p nhân dân trên a bàn thành ph .

## **7. V công tác TC LCL (bi u 4)**

T ch c 09 t ki m tra v nh n và ch t l ng hàng hóa l u thông trên th tr ng t i 233 c s s n xu t, kinh doanh c a thành ph C n Th . Ki m tra v ch t l ng và nh n hàng hóa nh : thép, vàng, m b o hi m, ch i tr em, i n - i n t , x ng d u, hàng óng gói s n; ch n ch nh k p th i các vi ph m, m b o môi tr ng s n xu t kinh doanh c nh tranh lành m nh trên a bàn.

*Ho t ng tri n khai xây d ng và áp d ng HTQLCL theo TCVN ISO 9001 vào ho t ng c a các c quan, t ch c thu c h th ng hành chính nhà n c:* n nay s l ng c quan hành chính nhà n c áp d ng ISO là 130 n v .

*Ho t ng TBT:* c p nh t h n 184 tin thông báo v TBT c a các n c thành viên WTO, thông tin v th tr ng xu t kh u, quy nh v nh p kh u, thu quan nh p kh u c a m t s n c mà Doanh nghi p trong thành ph có hàng hóa xu t kh u lên trang C ng thông tin i n t S KH&CN.

## **8. Tình hình th c hi n nhi m v th ng xuyên theo ch c n ng c a t ch c KH&CN công l p**

### **- Ho t ng k thu t (Trung tâm K thu t TC LCL): (bi u 4)**

Ti p t c duy trì hi u l c ch nh c a các B ngành v th nghi m ch t l ng s n ph m hàng hóa. ng th i c các B qu n lý chuyên ngành (B Khoa h c và Công ngh , B Tài nguyên và Môi tr ng) ch nh m i/ch nh l i là n v th c hi n ch ng nh n, th nghi m ph c v qu n lý nhà n c v x ng và nhiên li u i êzen, khí d u m hóa l ng, ch i tr em; ho t ng quan tr c và th nghi m môi tr ng. Bên c nh ó các phòng th nghi m và hi u chu n c a Trung tâm c V n phòng Công nh n Ch t l ng công nh n theo h th ng qu n lý ch t l ng ISO/IEC 17025:2005.

Giai o n 2017-2018, ho t ng th nghi m, ki m nh và hi u chu n ã h tr cho 1.644 l t c quan, doanh nghi p c a thành ph và các t nh BSCL th c hi n công tác qu n lý, ki m tra ch t l ng s n ph m hàng hóa và m b o o l ng pháp quy n v i s ph ng tỉ n o c ki m nh là 40.666 ph ng tỉ n, hi u chu n 15.502 ph ng tỉ n; th nghi m 28.496 m u v i 144.376 ch tiêu v các l nh v c: môi tr ng, v sinh an toàn th c ph m và ch t l ng x ng d u; ch ng nh n h p quy 201 lô x ng d u, LPG s n xu t và nh p kh u.

### **- Ho t ng ng d ng tỉ n b KH&CN (Trung tâm ng d ng tỉ n b KH&CN):**

Trong 2 năm 2017-2018, Trung tâm đã chuyển giao công nghệ cho 02 doanh nghiệp công nghệ x lý nước (Công ty TNHH MTV C May Essential, Trung tâm H c Tr n H ng o). Ch t o thi t b và xây d ng c 02 mô hình trình di n công ngh m i: mô hình th c nghi m n c t i nông nghi p quy mô 2000 m<sup>2</sup> và mô hình x lý n c th i b ng công ngh ôxy hóa sâu.

Hình thành Kh i Trung tâm ng d ng ti n b KH&CN c a ng b ng sông C u Long và mi n ông, Tây Nguyên g m 22 t nh, thành ph . Ho t ng c a Kh i là c u n i quan tr ng trong t p nh n các k t qu nghiê n c u và chuy n giao ng d ng trong s n xu t và i s ng gi a các t nh thành trong c n c.

#### **- Ho t ng thông tin (Trung tâm Thông tin Khoa h c và Công ngh ): (bi u 2)**

Ho t ng thông tin KH&CN ã t c nh ng k t qu n i b t qua các ho t ng nh t ch c và tham gia tr ng bày các s n ph m, công ngh , thi t b tiêu bi u c a thành ph C n Th t i các Techmart, H i ch , Ch Công ngh Hà N i, C n Th , TPHCM. Ph i h p th c hi n 52 chuyên v KH&CN c phát sóng hàng tu n trên ài Phát thanh và Truy n hình thành ph C n Th , ng th i c p nh t trên Trang Thông tin KH&CN C n Th ([www.canthostnews.vn](http://www.canthostnews.vn)) ph c v cho c gi g n xa.

H t ng thông tin KH&CN c u t hoàn thi n cùng v i vi c ng d ng r ng rãi m ng Internet, các m ng tiên ti n k t n i v i khu v c và qu c t (m ng Nghiê n c u và ào t o Qu c gia (VinREN) ã h tr tích c c vi c chia s thông tin chuyên sâu v thành t u KH&CN. Trong 2 n m 2017 – 2018, ã duy trì c p nh t 15.720 thông tin KH&CN lên các trang thông tin i n t v KH&CN (C ng thông tin i n t S KH&CN TP. C n Th ([www.sokhcn.cantho.gov.vn](http://www.sokhcn.cantho.gov.vn)) và M ng thông tin KH&CN C n Th ([www.casti.vn](http://www.casti.vn)) v i các h p ph n v thông tin thành t u KH&CN ([www.canthostnews.vn](http://www.canthostnews.vn)), công ngh thi t b ([www.catex.vn/techmartcantho.vn](http://www.catex.vn/techmartcantho.vn)), Tài li u nghiê n c u khoa h c và công ngh ([www.tailieukhoahoc.vn](http://www.tailieukhoahoc.vn)). Qua ó ã cung c p l ng thông tin h u ích thu hút h n 50 tri u l t b n c khai thác, tìm hi u thông tin ph c v công tác nghiê n c u, h c t p và s n xu t.

#### **9. Công tác thanh tra chuyên ngành KH&CN (bi u 5)**

Giai o n 2017-2018: Th c hi n 15 cu c thanh tra bao g m: 02 cu c thanh tra hành chính, 07 cu c thanh tra v l nh v c TC LCL s n ph m hàng hóa (x ng d u; i n- i n t , ch i tr em, m b o hi m, hàng óng gói s n); 03 cu c thanh tra v an toàn b c x ; 01 cu c thanh tra v l nh v c khoa h c và công ngh (t ch c ho t ng khoa h c và công ngh ; tài d án); 02 cu c thanh tra v l nh v c s h u công nghi p. T ng s c s c thanh tra là 272 c s . Trong ó, có 15 c s vi ph m (v o l ng ch t l ng x ng d u; vàng trang s c m ngh ; m b o hi m và l nh v c s h u công nghi p (nhân hi u)), v i t ng s tí n x ph t là 155,038 tri u ng.

#### **10. Ho t ng KH&CN c p c s**

Trong 2 n m 2017-2018, các qu n, huy n tri n khai 40 tài, d án (g i t t là tài). Trong ó, ã nghi m thu c 12 tài. K t qu các tài nghi m thu góp ph n nâng cao ch t l ng nh phát huy l i th h p tác chuyên gia gi a các qu n/huy n v i các Vi n, Tr ng trong chuy n giao ti n b KH&CN vào s n xu t và i s ng.



## 11. Hợp tác trong nước và quốc tế về KH&CN

Cùng với các hoạt động hợp tác và liên kết phát triển vùng, hợp tác trong nước, thành phố đã thực hiện năm 2017 với “*ým nh thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế*”, thành phố đã thực hiện công nghiệp hiện đại, hội nhập quốc tế thu hút sự tham gia của nhà khoa học có uy tín, khai thông các kênh hợp tác, giới thiệu kinh nghiệm và mô hình phát triển KH&CN của các nước; xúc tiến các hoạt động hợp tác quốc tế thông qua trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, phát triển công nghệ, kỹ thuật công nghệ, tổ chức xây dựng các mối quan hệ hợp tác và thu hút các dự án tài trợ trên các lĩnh vực.

Cụ thể, trong tháng 9/2017, thành phố Cần Thơ đã thành lập đoàn khảo sát kinh nghiệm công nghệ cao tại Hoa Kỳ sang thăm và làm việc tại Bang Virginia, Bang Maryland và thung lũng Silicon Valley, Hoa Kỳ nhằm giới thiệu về Cần Thơ đồng thời tìm hiểu về hội nhập đầu tư, góp phần giới thiệu quy trình toán học công nghệ và vận dụng trong hướng phát triển Nông nghiệp công nghệ cao. Kết thúc phiên làm việc, thành phố Cần Thơ và các đối tác tại Bang Virginia và Maryland đã ký kết biên bản ghi nhận hợp tác trong các lĩnh vực: Nông nghiệp công nghệ cao, Nông nghiệp hiện đại, An toàn thực phẩm và Công nghệ Thông tin. Tiếp nhận chỉ đạo thị trường hiện tại quan tâm của các nhà đầu tư tại Cần Thơ, ngày 03/11/2017, Tập đoàn USASIALINKS, Bang Maryland đã có buổi làm việc với thành phố Cần Thơ trao đổi sâu hơn về hoạt động hợp tác đầu tư.

## II. ÁNH GIÁ CHUNG

Trong thời gian qua, Sở KH&CN đã tích cực tham mưu cho UBND thành phố triển khai các chính sách của trung ương và địa phương về hoạt động KH&CN, ban hành kế hoạch các quy định quản lý KH&CN tại địa phương thu hút đầu tư cho các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN. Các nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt thực hiện theo tinh thần Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 01/8/2016 của Thành ủy Cần Thơ về phát triển, nâng cao KH&CN, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Ủy ban nhân dân thành phố giao. Hiện nay nhiệm vụ KH&CN được thực hiện trên cơ sở thị trường, xuất phát từ nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp và các chủ nhân lực phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Nhu cầu kết quả nghiên cứu mang tính ứng dụng cao, có ý nghĩa thực tiễn, nhất là trong lĩnh vực sản xuất, công nghệ thông tin.

Các quận/huyện đã quan tâm hiện thực hóa hoạt động KH&CN, tích cực trong việc thực hiện các hoạt động thúc đẩy phát triển KH&CN. Nguồn kinh phí phân bổ theo kế hoạch UBND thành phố phê duyệt từ ngân sách địa phương của Phòng Kinh tế, Kinh tế hiện đại thực hiện kế hoạch hoạt động KH&CN năm 2017. Các nhiệm vụ KH&CN được ký kết trong năm 2017 phù hợp với tình hình thực tế ý kiến đề nghị, chuyển giao KH&CN vào sản xuất và ứng dụng, góp phần đa dạng hóa các phương thức sản xuất giúp nâng cao chất lượng nông sản, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật và xây dựng nông thôn mới. Mặt khác quận/huyện đã phát huy lợi thế sản phẩm đặc trưng thông qua đăng ký nhãn hiệu địa phương (Bình Thủy, Cái Răng) và phối hợp thực hiện các công tác quản lý trong thanh kiểm tra KH&CN giúp nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm, mang lại lợi ích người tiêu dùng.

Công tác kiểm tra và TC LCL sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường thị gian qua đã tổ chức chuyên biên tích cực trong chấp hành quy định pháp luật, hạn chế các hành vi vi phạm, gian lận thị trường trong lĩnh vực quản lý.

Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về SHTT luôn được S quan tâm, duy trì thường xuyên với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Thông qua báo, nh ấn phẩm các tác phẩm, cá nhân và tổ chức và tôn trọng quy định SHTT đã có những chuyên biên tích cực. Với triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ thành phố Cần Thơ góp phần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, tạo lập và khai thác quyền SHTT tại địa phương, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các chủ thể khi trong quá trình thương mại hóa tài sản trí tuệ.

Công tác an toàn bảo vệ thị trường Cần Thơ triển khai nghiêm túc và hiệu quả, áp dụng các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ nguyên tắc, đảm bảo an toàn trong công tác quản lý và ngăn ngừa vi phạm trong xuất nhập khẩu và các hoạt động kinh tế - xã hội khác.

Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ - NSCL - SHTT đã góp phần hỗ trợ cho mô hình doanh nghiệp trong nâng cao năng suất chất lượng và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Hoạt động của các đơn vị chuyên nghiệp hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý nhà nước về KH&CN cũng như các Sở chuyên ngành khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ và mô hình thành phố Sông Cửu Long trong công tác kiểm tra, hiệu chỉnh và thanh tra. Hoạt động nghiên cứu quản lý, bảo vệ triển khai đã tổ chức nhiều công nghệ mới, chuyển giao phần mềm hiệu quả cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp và người dân. Công tác thông tin, truyền thông KH&CN luôn được chú trọng, hoàn thiện, đáp ứng các yêu cầu và trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu về các thành tựu khoa học và công nghệ mới trong và ngoài nước.

### **III. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ**

Nhấn mạnh vai trò của KH&CN đã được nâng lên, các sở, ngành đã quan tâm nhiều về chất lượng thể hiện nhiều về khoa học và công nghệ, tuy nhiên vẫn còn mô hình hạn chế các ngành do chưa bắt kịp các tiến bộ khoa học kỹ thuật, chưa hình thành phi đội KH&CN như thế nào cho ngành, lĩnh vực, cho đơn vị, nhất là trong bối cảnh công nghiệp 4.0.

Số lượng doanh nghiệp tham gia chương trình hỗ trợ khởi nghiệp công nghệ thị trường của thành phố chưa nhiều vì phần lớn là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ nên còn khó khăn trong nguồn vốn để tham gia chương trình.

Nguồn lực đầu tư cho KH&CN nhìn chung còn rất hạn chế, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, chưa huy động các nguồn xã hội hóa khác. Mô hình doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm đầu tư cho nghiên cứu, quản lý khởi nghiệp công nghệ.

Việc xuất bản KH&CN mô hình quản lý/huy động chưa đạt yêu cầu và nội dung, vẫn còn "nghiêng về tính nghiên cứu" khá nhiều. Mô hình đầu tư có kết quả sản phẩm chủ yếu là các giải pháp thể hiện, chưa thể ứng dụng ngay vào thực tiễn. Công tác triển khai thực hiện các dự án quản lý, chuyển giao KH&CN còn chậm so với yêu cầu.

Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ các tác phẩm, doanh nghiệp và cá nhân nghiên cứu, quản lý KH&CN, khởi nghiệp sáng tạo. Nhưng trên thực tế các chính sách của ban hành còn nhiều vướng mắc; cần thêm

quan tâm các tác giả, cá nhân chủ yếu trong chủ trương hoàn toàn, **trong khi kinh phí nghiên cứu KH&CN chủ yếu từ ngân sách nhà nước, huy động xã hội và khuyến khích các tác giả, cá nhân tích cực tham gia ngân sách KH&CN, khuyến khích sáng tạo.**

Từ năm 2017 trở về sau, nhiệm vụ KH&CN quan trọng nhất của chi nhánh ngành, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp, thực hiện chủ trương "mở cửa" xuất khẩu KH&CN vì cần mở rộng và cam kết tiếp nhận kết quả, khó huy động vốn đầu tư và thu hút vốn ngân sách đầu tư vào lĩnh vực này.

Công tác vận động doanh nghiệp tham gia Giải thưởng khoa học và Công nghệ Quốc gia (0/2 doanh nghiệp tham gia và đạt giải thưởng). Nguyên nhân: do trong năm có nhiều giải thưởng khác nhau từ nhiều Bộ, ngành, Hội... nên có tác động tuyên truyền tốt hơn Giải thưởng khoa học và Công nghệ Quốc gia. Vì vậy doanh nghiệp tập trung tham gia các giải thưởng này mà không tham gia Giải thưởng khoa học và Công nghệ Quốc gia.

Hoạt động thông báo và công bố là hoạt động hàng đầu của phòng còn hạn chế, chủ yếu thông tin về các thông tin báo chí như báo chí về Viện phòng TBT Việt Nam mà không có thông tin phản hồi, hạn chế tiếp xúc phía doanh nghiệp. Nguyên nhân chủ yếu do thông tin hiện nay doanh nghiệp có thể khai thác từ nhiều nguồn, trong đó có thể lấy trực tiếp từ cửa hàng mà không cần phải thông qua mạng lưới TBT.

Công tác quản lý việc áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trên địa bàn thành phố trong thời gian qua tuy đạt hiệu quả cao, nhưng vẫn còn một số bất cập trong việc hướng dẫn các doanh nghiệp sử dụng kinh phí, triển khai ISO liên tục. Bên cạnh đó, việc chuyển đổi phiên bản ISO 9001:2015 theo lộ trình của Bộ Khoa học và Công nghệ chưa có sự pháp lý thống nhất.

#### **IV. XUẤT, KIỂM NGH**

Xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các tác giả, cá nhân thu nhập thành phần kinh tế đầu tư vào hoạt động KH&CN

Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt và Ban Tài chính quy định các nhóm mức chi tiêu trong việc chuyển đổi phiên bản ISO 9001:2015 nhằm tạo cơ sở pháp lý khuyến khích các doanh nghiệp chủ động đầu tư.

Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, cấp tín phiếu cho hoạt động, công tác tuyên truyền và công bố kết quả của doanh nghiệp tham gia và đạt giải thưởng khoa học và Công nghệ Quốc gia, tạo động lực cho doanh nghiệp tham dự Giải thưởng này.

### **Phần II NHU CẦU HOẠT ĐỘNG KH&CN TRONG THỜI GIAN TỚI**

Thống kê Nghị quyết 02-NQ/TU ngày 01/8/2016 của thành phố phát triển, ngành KH&CN và Quy hoạch phát triển KH&CN thành phố Cần Thơ đến năm 2020, tầm nhìn 2030, với mục tiêu xây dựng phát triển, ngành KH&CN, làm cho KH&CN trở thành ngành mũi nhọn phát triển sản xuất, nâng cao NSCL và sức cạnh tranh kinh tế, bảo vệ môi trường, mở rộng quốc phòng - an ninh, theo phương hướng, nhiệm vụ KH&CN trong thời gian tới như sau:

- Tiếp tục triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo hướng tập trung nghiên cứu ứng dụng các công nghệ ưu tiên như công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ chế biến, công nghệ chế tạo trong các lĩnh vực nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, y sinh, năng lượng, giao thông vận tải, xây dựng, kinh tế biển và các lĩnh vực có liên quan phục vụ phát triển KTXH của thành phố; nghiên cứu ứng dụng, phát triển các công nghệ đột phá công nghệ lõi công nghệ chủ chốt công nghệ công nghiệp 4.0.

- Tiếp tục xây dựng và phát triển tiềm lực KH&CN của thành phố, nâng cao năng lực các phòng thí nghiệm của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, trung tâm công nghệ thông tin KH&CN và hướng dẫn KH&CN thu hút các sản phẩm ngành của thành phố như: Khu Công nghệ cao Cầu Giấy, Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Khu Công nghệ thông tin tập trung.

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước khuyến khích ý tưởng nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN nhằm phát triển KH&CN tiên tiến, hiện đại, góp phần nâng cao năng suất lao động và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế.

- Khuyến khích việc triển khai Kế hoạch Hỗ trợ hình thành và phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành phố Cầu Giấy giai đoạn 2018 - 2020, nhằm hướng đến năm 2025 sẽ có UBND thành phố phê duyệt hình thức khuyến khích hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp KH&CN có tiềm năng tăng trưởng cao.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao NSCL và bổ sung tài sản trí tuệ của doanh nghiệp nhằm tạo thế cạnh tranh trên thị trường và hình ảnh quốc tế.

- Thúc đẩy phát triển thị trường KH&CN thành phố và vùng BSCL thông qua các hoạt động kết nối cung cầu công nghệ, triển lãm trưng bày thành tựu KH&CN, chế độ công nghệ quy mô vùng BSCL./.

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KH&CN GIAI ĐOẠN 2016- 2018**  
**CÁC THÀNH QUẢ VÀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG**  
**TRONG THỜI GIẠN TỚI**

*Sở KH&CN tỉnh Nghệ An*

**Phần I**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**GIAI ĐOẠN 2016-2018**

**I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KH&CN**

**1. Công tác tham mưu ban hành các chính sách về KH&CN**

Trong giai đoạn 2016 – 2018, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND Tỉnh ban hành 05 văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành cấp dưới trên địa bàn tỉnh (*Biểu 1*).

Ngoài ra, tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo đi vào hành mà nổi bật là “Kế hoạch xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 trong cơ quan hành chính”; “Quy chế phối hợp ngành để kết quả nghiên cứu khoa học sau đánh giá nghiệm thu trên địa bàn tỉnh Nghệ An”; Kế hoạch triển khai thực hiện đề án “Nâng cao năng suất chất lượng, sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh năm 2020”; Báo cáo số 5 năm thực hiện Chương trình hành động số 166-CTr/TU của Tỉnh ủy Nghệ An về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã đưa ra các quan điểm và mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ của Tỉnh năm 2020.

**2. Tăng cường tiềm lực cho KH&CN**

Năm 2016 – 2018, Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện 02 đề án: (i) Mua sắm thiết bị kỹ thuật, kỹ nghiệm phục vụ quản lý nhà nước giai đoạn 2016 – 2020, với tổng vốn đầu tư đề án là hơn 28 tỷ đồng, năm 2017 đã triển khai thực hiện với tổng vốn thanh toán là 2.410 tỷ đồng; (ii) Đề án Xây dựng trụ sở làm việc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng với tổng vốn đầu tư hơn 18.566 tỷ đồng, năm 2017 đã tiến hành giải ngân số 3.439 tỷ đồng,

Năm 2018 tiếp tục triển khai thực hiện các đề án với tổng vốn đã phân bổ là 3.500 tỷ đồng và ngân sách nhà nước là 10.000 tỷ đồng.

**3. Hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ**

Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh đã bám sát vào yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, mà chủ yếu phục vụ cho phát triển sản xuất nông nghiệp phát triển.

Trong giai đoạn 2016 – 2018 đã ký hợp đồng triển khai thực hiện 16 nhiệm vụ. Trong đó lĩnh vực Nông nghiệp 09 nhiệm vụ chiếm 56% trong tổng số nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, các lĩnh vực còn lại là 44% (*Biểu 14*).

Tổng cộng nghiệm thu 15 kết quả nghiên cứu khoa học.

#### **4. Hoạt động quản lý công nghệ, sức đầu tư và an toàn bức xạ : (Biểu 2, 3, 6)**

##### **4.1: Về quản lý công nghệ và hoạt động doanh nghiệp**

Thị trường Quy hoạch môi trường chính sách khuyến khích đầu tư vào hoạt động KH&CN theo Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Sở KH&CN đã tiếp nhận và hỗ trợ 06 doanh nghiệp<sup>13</sup> với tổng số vốn là 176,45 triệu đồng.

Cấp 02 Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh chuyên giao công nghệ cho Công ty TNHH thành phố môi trường B.Y.N.A và các sản phẩm xuất khẩu thanh trùng Phong Linh.

Tham gia đóng góp ý kiến về môi trường công nghệ về các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố<sup>14</sup>.

Hoàn thành “Kế hoạch triển khai nghiên cứu và phát triển công nghệ Thấp giai đoạn 2017 – 2020, nhìn nhận năm 2025” đang trình UBND Thành phố phê duyệt.

##### **4.2: Về hoạt động SHTT:**

Hàng năm cho hơn 260 các sáng kiến xác lập quy trình sức đầu tư công nghệ (SHCN), kết quả đã có 89 tổ chức đăng ký xác lập quy trình về kỹ thuật công nghệ.

Tổ chức nghiên cứu chính thức Dự án “Tổ lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu cho ngành Xoài Cát Chu Cao Lãnh dùng cho sản phẩm xoài Cát Chu của huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp” do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Cao Lãnh chủ trì, kết quả Nguyễn Anh Thành làm chủ nhiệm Dự án; Kết quả: (Thu hoạch công nghệ và phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2010 – 2015):

Hỗ trợ các địa phương trong việc công bố các nhãn hiệu cho ngành “Xoài Cát Chu Cao Lãnh” và “Xoài Cao Lãnh”; “Chanh Cao Lãnh”; “Nhãn Châu Thành”; “Sen Tháp Mười” thông qua các sản phẩm, kinh doanh trên địa bàn.

Tổ chức lập kế hoạch về “đăng ký bảo hộ và khai thác nhãn hiệu” cho các cơ sở/hộ có liên quan trên địa bàn thành phố.

##### **4.3: Về an toàn bức xạ và môi trường**

Thị trường và cấp 35 Giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho các cơ sở trên địa bàn thành phố, trong đó có 10 hộ gia đình, 01 hộ sản xuất, và 11 hộ sản xuất, 34 thị trường bức xạ cấp phép. Thị trường hộ sản xuất và cấp 10 chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn bức xạ; phê duyệt 11 kế hoạch phóng xạ bức xạ và môi trường cấp cơ sở.

Phối hợp với Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật phóng xạ và An toàn bức xạ - Cục An toàn bức xạ và môi trường hoàn thành Kế hoạch phóng xạ an toàn bức xạ và môi trường cấp thành phố và đã cấp B Khoa học và Công nghệ phê duyệt đề tài Quyết định số 2973/QĐ-BKH&CN ngày 31/10/2017.

Tham gia đoàn kiểm tra về An toàn bức xạ tại các cơ sở X-quang trên địa bàn thành phố do Sở Y tế chủ trì tiến hành kiểm tra tại 36 cơ sở X-quang y tế (Bệnh viện tuyến thành phố; bệnh

<sup>13</sup> Hỗ trợ Công ty TNHH MTV K&Y: 10,5 triệu đồng; Công ty TNHH MTV thành phố môi trường MEKONG: 22,5 triệu đồng; Công ty TNHH MTV khí nông nghiệp PHAN TÍN: 15 triệu đồng; Công ty TNHH Thành phố môi trường B.Y.N.A: 60 triệu đồng; Công ty CP thành phố môi trường QVD (Lô C, khu công nghiệp Sa Đéc - Phường Tân Quy Đông - Thành phố Sa Đéc)/Hỗ trợ kỹ thuật toán môi trường môi trường: 25.000.000 đồng; Công ty TNHH Nghiên cứu và Phát triển Hùng Hùng (Lô C, khu công nghiệp Sa Đéc - Phường Tân Quy Đông - Thành phố Sa Đéc)/Xây dựng và lắp đặt Tiêu chuẩn BRC với tổng số vốn: 43.425.000 đồng.

<sup>14</sup> Dự án Khảo sát môi trường bãi rác huyện Lấp Vò của Công ty Công nghệ Môi trường Cửu Long - Sông Tiền; Dự án đầu tư nhà máy xử lý và tái chế chất thải sinh hoạt Thành phố, Công trình cải tạo, nâng cấp, xử lý ô nhiễm môi trường, công bố bãi rác Hòa Thành huyện Lai Vung; Dự án Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải rắn công nghiệp môi trường biển và vùng biển và vùng biển; Dự án Cải tạo, nâng cấp xử lý môi trường chất thải rắn công nghiệp và khu vực Tháp Mười, Bệnh viện địa phương khu vực Hậu Giang, ...

viện tuyển dụng và phòng khám TTYT: 24; cơ sở y tế nhân: 09); Hộ chiếu các nhân viên cơ quan kiểm tra và các nhân viên chấp hành pháp luật và y tế các quy định về an toàn bức xạ.

#### **4.4: Về Thông tin và thành tựu khoa học công nghệ**

Hội đồng thông tin và thành tựu khoa học và công nghệ xuyên biên giới, liên tục nhân phẩm, tuyên truyền và thành tựu của khoa học kỹ thuật trong sản xuất và đời sống. Duy trì các hội đồng chuyên môn thông qua các hình thức: Chuyên môn chuyên hình (24 chuyên môn/năm), chuyên môn phát thanh (85 – 90 chuyên môn/năm), xuất bản báo chí (06 cuốn/năm) và thông tin trên Website của Sở (tổng số 800 – 960 tin, bài/năm).

Thành tích tổ chức báo cáo thành tựu khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư số 25/2015/TT-BKHHCN ngày 26/11/2015 và Thông tư số 26/2015/TT-BKHHCN ngày 26/11/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Thành tích lưu trữ và đăng ký kết quả nghiên cứu theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

### **5. Công tác Thanh tra, giám sát và khuyến khích**

#### **5.1: Về Công tác thanh tra**

Hội đồng thanh tra ngành thành tích xuyên biên giới liên tục nhân phẩm, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thành tích ủng hộ các pháp luật và tiêu chuẩn nghề nghiệp, hạn chế hành vi gian lận trong thương mại, hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng. Qua đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao niềm tin của người tiêu dùng và thị trường hóa lập thông trên thị trường.

Hàng năm thành lập từ 20 – 22 đoàn thanh tra, tiến hành thanh tra trên 486 cơ sở (hoàn thành và vượt 2% so với kế hoạch). Qua thanh tra phát hiện 30 cơ sở vi phạm, tiến hành xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt là 246,74 triệu đồng; ngừng hoạt động kinh doanh tạm thời của 07 cơ sở.

#### **5.2: Về giám sát và khuyến khích**

Tiếp nhận và xử lý 01 đơn của Tập đoàn Lọc Dầu khiếu nại về xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp của một tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh có hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp của công bố. Kết quả xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm cam kết không xâm phạm nhãn hiệu công bố.

### **6. Hội đồng Tiêu chuẩn nghề nghiệp Chất lượng**

#### **6.1: Về quy định nghề nghiệp**

Thành tựu xuyên biên giới các tổ chức kiểm tra và phòng ngừa tin tức nhóm 2, nhân phẩm hàng hóa, đóng gói sản phẩm, các phép đo trong kinh doanh xăng dầu, vàng trang sức, mỹ phẩm... hàng năm bắt đầu công tác 10 – 15 đoàn kiểm tra, tiến hành kiểm tra từ 100 – 120 cơ sở/năm. Kết quả kiểm tra: 01/79 cơ sở xăng dầu; 04/05 công tác kiểm tra xoay chiều mức độ pha; 80/116 ngành nghề không yêu cầu kỹ thuật; 01/39 cơ sở kinh doanh hàng hóa đóng gói sản phẩm không nhân phẩm; 14/14 cơ sở kinh doanh vàng thiếc và chì trong em có đủ hồ sơ quy, giám sát ngành nghề nghiệp quy phù hợp theo yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; 03 mẫu mỹ phẩm và 01 mẫu xăng 95-II không yêu cầu chất lượng; 01 cơ sở kinh doanh khí hóa lỏng (LPG) vi phạm do không nhân phẩm. Hoàn thành tiến hành lập biên bản và chuyển Thanh tra Sở xử lý theo quy định.

#### **6.2: Về quy định chất lượng**

Triển khai thực hiện Dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2017 – 2020 trên địa bàn tỉnh Nghệ Tháp” theo Kế hoạch số 247/KH-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Nghệ Tháp. Năm 2017 đã hướng dẫn cho 02 cơ sở sản xuất kinh doanh bắt đầu (tỉnh làng bắt đầu Saéc) xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm bắt đầu khô và bắt đầu tươi.

Thực nghiệm hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 Hành chính công tại các xã, ngành tỉnh; 12 huyện, thị xã, thành phố và 68 xã hiện đang áp dụng.

Triển khai và tham gia Giám đốc hệ thống quản lý chất lượng Quốc gia hàng năm; Kết quả: Công ty chế biến sản phẩm thực phẩm SA GIANG và Công ty Chế biến dược phẩm IMEXPHARM đạt Giải Bạc năm 2017.

Khảo sát chất lượng sản phẩm hàng hóa lưu thông trên thị trường về các mặt hàng như: thịt lợn, thịt gia cầm, chế phẩm; máy bơm cho nông nghiệp, xe máy; rau tươi và thực phẩm chăn nuôi; nước sinh hoạt, nước đá, nước uống đóng chai, nước sinh hoạt; sản phẩm đóng gói sẵn để uống và để sử dụng các siêu thị trên địa bàn thành phố Cao Lãnh...

## **7. Hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ**

### **7.1: Hoạt động phân tích thực nghiệm**

Hoạt động phân tích thực nghiệm đã thực hiện các Bộ chỉ số như: Bộ Công nghệ; Bộ Nông nghiệp và PTNT; Bộ Y tế; Bộ TN&MT, Bộ KJ&CN... và hiện nay phòng thí nghiệm quản lý chất lượng theo ISO 9001:17025.

Thực hiện phân tích 9.820 mẫu cho khách hàng gồm các loại mẫu thực phẩm, mẫu nước và các mẫu khác.

### **7.2: Hoạt động an toàn bức xạ và dịch vụ khác:**

Đánh giá an toàn bức xạ cho 105 lượt phòng X-quang y tế; kiểm tra chất lượng 41 máy X-quang trong y tế; cung cấp 911 lượt kiểm tra cá nhân miễn phí cho các bệnh viện trong tỉnh và khu vực Bộ SCL như Kiên Giang, An Giang, Bến Tre, Trà Vinh... cung cấp 04 lượt kiểm tra cho Trung tâm giám sát chất lượng xây dựng Nghệ Tháp.

Phối hợp với Phòng Kiểm tra hình sự và Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an Tỉnh tiến hành thu và phân tích mẫu thực phẩm cho công tác giám sát và phòng, chống tội phạm về môi trường trên địa bàn tỉnh.

### **7.3 Hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ**

Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án, tài nghiên cứu khoa học nhằm hướng dẫn và chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất tạo ra sản phẩm chất lượng, an toàn và sinh lợi cho người sản xuất và giá trị kinh tế cao. Hàng năm triển khai thực hiện 05 tài cấp cơ sở và 01 dự án sản xuất thực nghiệm cấp tỉnh.

Phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các dự án: “Nghiên cứu tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất mè luân canh trên nền đất lúa gạo với tiêu thụ tại tỉnh Nghệ Tháp” hiện nay đang hoàn thiện thuyết minh theo ý kiến góp ý của Hội đồng.

Làm việc với Viện Sấm và Dược liệu TP.HCM trao đổi về việc phối hợp thực hiện tài/dự án thực nghiệm trồng cây dược liệu trên địa bàn.



Ti p t c tri n khai th c hi n các d án, tài nghiên c u khoa h c nh m ng d ng và chuy n giao các ti n b khoa h c và công ngh vào s n xu t t o ra s n ph m ch t l ng, an toàn v sinh th c ph m và giá tr kinh t cao.

#### **7.4 Công tác ki m nh o l ng**

Th c hi n ki m nh nh k C t o x ng d u trong T nh; Hoàn thành công tác ki m nh theo yêu c u c khách hàng v i t ng s 48.142 l t ph ng ti n o, th c hi n t v n v o l ng Ch t l ng theo yêu c u c các t ch c, cá nhân.

Ph i h p C c thu dán tem công t t ng t i 394 c a hàng kinh doanh x ng, d u bán l v i s c t b m là: 1.469 c t b m. Trong ó có 1.364 c t b m s d ng ng h công t t ng i n t ã th c hi n dán tem; 105 c t b m s d ng ng h công t t ng c khí không th c hi n dán tem.

#### **8. Ho t ng KH&CN c p c s**

N m 2016 có 11/12 huy n, th xã, thành ph ã phê duy t và cho tri n khai th c hi n 55 nhi m v KH&CN c s ; trong ó chuy n ti p t n m 2015 sang là 16 tài; a ph ng tri n khai nhi u nh t là huy n Châu Thành v i 15 tài; huy n Cao Lãnh, thành ph Cao Lãnh tri n khai ít nh t v i 02 tài, thành ph Sa éc ch a tri n khai nhi m v này. M t s a ph ng ã phát huy c ngu n nhân l c c a các ngành, c quan chuyên môn trên a bàn ch trì tri n khai ho c ph i h p th c hi n các tài c p c s .

n nay ã có 03 a ph ng (huy n Cao Lãnh, huy n Tân H ng và th xã H ng Ng ) ký k t h p tác v i Tr ng i h c C n Th trong công tác nghiên c u, ng d ng KH&CN ph c v án tái c c u ngành nông nghi p trên a bàn.

Trong n m 2017, S Khoa h c và Công ngh ti p t c theo dõi th c hi n 23 nhi m v KH&CN chuy n ti p t n m tr c sang (trong ó, c p huy n có 07 nhi m v KH&CN; c p s , ngành t nh là 16 nhi m v KH&CN); ký h p ng tri n khai th c hi n m i là 18 nhi m v KH&CN, v i t ng kinh phí là 1.191 tri u ng.

Tháng 8 n m 2017, y ban nhân dân T nh ã ban hành Quy t nh s 34/2017/Q - UBND Quy nh v qu n lý và t ch c th c hi n các nhi m v KH&CN c p c s trên a bàn t nh ng Tháp. Th c hi n quy nh m i, S ã t ng h p c 84 xu t tài, d án t các s , ngành, huy n th trên a bàn t nh. Qua xem xét ã ch n 18 xu t tài, d án a vào Danh m c s b . n nay S ã t ch c h i ng t v n xác nh nhi m v c 05 xu t. K t qu có 04 xu t c H i ng ngh th c hi n.

#### **9. Công tác khác**

V t ch c: Ti n hành b nhi m, b nhi m l i, i u ng và b nhi m 07 v trí lãnh o, qu n lý<sup>15</sup>; ki n toàn s p x p t ch c, b máy các phòng, n v tr c thu c S trên c s tinh g n, h p lý<sup>16</sup>.

Tham m u y ban nhân dân T nh ph i h p v i B Khoa h c và Công ngh , i s quán Australia t i Vi t Nam và i h c Qu c gia Hà N i t ch c H i th o qu c t “Nông nghi p thông minh c h i và thách th c v i nông nghi p Vi t Nam” t i ng Tháp.

<sup>15</sup> Chánh V n phòng, Tr ng phòng, Phó Tr ng phòng Qu n lý công ngh và chuyên ngành, Giám c Trung tâm KTTN và ng d ng KHCN, Phó Giám c Trung tâm K thu t T C; B nhi m Chi c c tr ng Chi c c Tiêu chu n o l ng Ch t l ng và B nhi m l i Phó Giám c Trung tâm KTTN&UDKHCN

<sup>16</sup> S ã ban hành 04 Quy t nh quy nh ch c n ng, nhi m v , quy nh n các phòng và n v tr c thu c

Hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo sơ kết tổng hợp tác (giai đoạn 2015 – 2017) gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và đào tạo giai đoạn 2016 – 2020, đồng thời phối hợp với các liên quan, tham mưu UBND tỉnh Nghệ An.

## II. ÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Những mặt tích cực

Vice Ban S KH&CN bám sát chương trình, kế hoạch đã đề ra, thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về KH&CN, công bố và hoàn thành những nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra, kết quả nổi bật như sau:

S KH&CN đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao tham mưu UBND Tỉnh các văn bản thuộc lĩnh vực KH&CN như tham mưu UBND Tỉnh ban hành Quyết định thực hiện thí điểm trong tỉnh và ban hành chính sách ưu đãi vào KH&CN.

Công tác xác định danh mục các tài sản, dự án bám sát nội dung án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của Tỉnh, các tài sản, dự án ngày càng đi vào trọng tâm, đáp ứng yêu cầu thực tế; công tác tuyển chọn, xét chọn và đánh giá, nghiệm thu tài sản, dự án ngày càng mở rộng quy mô và chất lượng, tính thực tiễn, khoa học và tính khả thi nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu chuyển giao ứng dụng; qua đó góp phần thực hiện án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Tiếp tục quan tâm hỗ trợ kinh phí các doanh nghiệp trong tỉnh áp dụng các công nghệ quản lý tiên tiến như: ISO, Global GAP, ASC... hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh, các nông hộ nông gia và sản phẩm nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu nông sản của tỉnh.

Công tác thông tin về KH&CN chú trọng và duy trì thông tin xuyên thông qua các chuyên mục của Đài Phát thanh Truyền hình Nghệ An, báo tin thông tin khoa học công nghệ và website của Sở, các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chính sách về KH&CN.

Tăng cường tiềm lực KH&CN thông qua các dự án ưu tiên triển khai, cơ sở vật chất và chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực. Các nhiệm vụ sản xuất đã khai thác sản phẩm có hiệu quả các thị trường khoa học công nghệ đã có trang bị phục vụ nhu cầu kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa, kiểm nghiệm hàng hóa cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, cơ quan chuyên môn trong và ngoài tỉnh.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hàng hóa, an toàn thực phẩm, kiểm soát phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Hội đồng KH&CN cơ sở có nhiệm vụ trọng tâm, nhất là vì thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của cơ sở. Hội đồng đã có phối hợp giữa các ngành trên địa bàn cấp huyện để thực hiện khai thác tài sản, dự án của cơ sở tại địa phương. Hội đồng nghiên cứu các Sở, Ngành có nhiệm vụ chuyên biệt tích cực, góp phần hỗ trợ cho các hội đồng quản lý của các ngành.

Hội đồng cũng đồng ý phân tích thí điểm và kiểm tra an toàn thực phẩm tại các doanh nghiệp. Doanh thu của lĩnh vực này tăng cao hơn 20% so với năm 2016. Công tác đánh giá chất lượng các sản phẩm, ngành và hoạt động phân tích thí điểm duy trì và mở rộng. Hiện nay, tỉnh đã có 04 Bộ (Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) chuyển đổi cơ cấu pháp lý về kết

qu phân tích áp ng yêu c u ph c v qu n lý nhà n c và nhu c u c a các t ch c, doanh nghi p s n xu t kinh doanh trên a bàn t nh. Thông qua k t qu ánh giá ch ng nh n c a các b , ho t ng phân tích th nghi m luôn có s phát tri n, n m sau cao h n n m tr c.

## **2. M t s t n t i, h n ch**

Các k t qu nghiên c u khoa h c chuy n giao cho các S , ngành, n v ti p nh n ch m c tri n khai; m t s tài, d án còn ch m tri n khai th c hi n do b ng trong khâu t ch c H i ng t v n KH&CN.

M t s a ph ng ch a tích c c ch ng trong xu t, t ch c tri n khai th c hi n nhi m v KH&CN (c p t nh và c p c s ) các vùng s n xu t l n, các xã nông thôn m i, các h p tác xã.

Các chính sách h tr doanh nghi p u t vào ho t ng khoa h c và công ngh tuy có nh ng ch a có s c lan t a, ch a t o c s quan tâm l n i v i doanh nghi p.

L nh v c SHTT còn khá m i, có tính tr u t ng, m c nh n th c c a t ch c c a t ch c/cá nhân ch a cao. Doanh nghi p ch a th c s quan tâm, ch a th y c t m quan tr ng c a vi c xác l p quy n SHTT ho c ã ng ký xác l p nh ng ch a có ý th c qu n lý và phát tri n nhân hi u cho dù ã c tuyên truy n ph bi n b ng nhi u hình th c khác nhau.

## **III. NHI M V , GI I PHÁP CH Y U N N M 2020**

y m nh công tác nghiên c u khoa h c trên c s bám sát nhi m v phát tri n KTXH c a T nh, th c hi n án tái c c u ngành nông nghi p; Ch ng trình xây d ng nông thôn m i. u tiên các tài, d án áp ng nh ng yêu c u b c xúc ang t ra, có tính kh thi cao, có hi u qu KTXH và nhanh chóng chuy n giao k t qu nghiên c u ng d ng vào th c t s n xu t các s n ph m a ph ng nh b o qu n trái cây, s n xu t các lo i cây gi ng, con gi ng ch t l ng cao, các t i n b k thu t trong s n xu t thu ho ch, ch bi n và b o qu n... nh m nâng cao giá tr gia t ng cho s n ph m, c bi t là nông s n.

H ng d n, h tr các doanh nghi p có i u ki n hình thành Qu phát tri n KH&CN, thành l p b ph n nghiên c u - phát tri n (R-D) c a doanh nghi p.

T ng c ng h p tác v KH&CN v i các Vi n nghiên c u, các tr ng i h c và các c p, các ngành trong và ngoài t nh l a ch n, ti p thu các t i n b KH&CN trong và ngoài n c, y m nh h n n a ho t ng h p tác qu c t nâng cao n ng l c, trình cho cán b , công ch c ho t ng KH&CN, tìm ki m công ngh m i, xây d ng c s th c nghi m... Tham quan, h c t p và trao i v i m t s n c trong và ngoài khu v c v l nh v c KH&CN.

Ti p t ch h tr các doanh nghi p trong t nh i m i thi t b , công ngh , ng d ng các thành t u khoa h c và công ngh vào s n xu t, kinh doanh.

T ng c ng ho t ng tuyên truy n, ph bi n ki n th c, chính sách pháp lu t v s h u trí tu và i u c qu c t quan tr ng v s h u trí tu . Xây d ng k ho ch m b o an toàn i v i các ngu n phóng x ; xem xét, c p phép ho t ng cho các c s có s d ng thi t b X – quang trong T nh. H tr các a ph ng xây d ng nhân hi u hàng hóa nông s n c thù i v i các s n ph m hàng hóa nông s n c a Ch ng trình xây d ng nhân hi u c a T nh giai o n 2010 – 2015, nh h ng n n m 2020.

Tăng cường công tác thông tin KH&CN, tuyên truyền, phổ biến thành tựu khoa học, tiến bộ kỹ thuật, những kinh nghiệm tiên tiến nhằm phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân; Phối hợp thực hiện các cuộc kiểm tra thanh kê về KH&CN.

Tích cực phổ biến áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam, tập trung vào các tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng theo yêu cầu công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Hướng dẫn và tích cực công bố hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam thuộc danh mục bắt buộc công bố, và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn của doanh nghiệp tự công bố.

Hỗ trợ các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh xây dựng và áp dụng các HTQLCL tiên tiến theo tiêu chuẩn ISO, HACCP, GMP... và hỗ trợ các cơ quan hành chính xây dựng ISO hành chính công.

Phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai các hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm tra về chất lượng đo lường và chất lượng hàng hoá, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Tăng cường đầu tư xây dựng tiềm lực KH&CN, tăng cường cơ sở vật chất các ngành, các cấp, các doanh nghiệp, xây dựng phòng phân tích đạt tiêu chuẩn quốc gia; Giai đoạn 2016 – 2020 Sở KH&CN đang ký làm chủ đầu tư 4 dự án đầu tư cho KH&CN.

Triển khai thực hiện kế hoạch số 247/KH-UBND ngày 00/12/2016 của UBND tỉnh Nghệ An và nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tỉnh Nghệ An giai đoạn 2017 – 2020.

Tiếp thu và triển khai luật KH&CN của Hội và các cơ chế chính sách do Trung ương ban hành nhằm thúc đẩy hoạt động KH&CN, khuyến khích quản lý khoa học công nghệ và cơ chế tài chính theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6, khóa XI. Thực hiện kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 16/5/2013 của UBND Tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 166-CT/TU ngày 15/01/2013 của BCH Đảng bộ tỉnh về “Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, nền xã hội chủ nghĩa và hình thức mới”.

Yêu cầu hợp tác nghiên cứu khoa học các sở, ban, ngành Tỉnh và hoạt động khoa học và công nghệ huyện, thị, thành phố.

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH HO T NG KH&CN GIAI O N 2017- 2018**  
**C A T NH H U GIANG VÀ NH H NG HO T NG**  
**TRONG TH I GIANT I**

*S KH&CN t nh H u Giang*

**Ph n I**  
**TÌNH HÌNH HO T NG KHOA H C VÀ CÔNG NGH**  
**GIAI O N 2017-2018**

**I-NH NG K T QU T C**

**1. Công tác tham m u**

S KH&CN tham m u trình UBND t nh ban hành K ho ch s 35/KH-B H ngày 12/4/2017 th c hi n D án “Nâng cao n ng su t và ch t l ng s n ph m, hàng hóa c a doanh nghi p t nh H u Giang n m 2017”; K ho ch s 50/KH-UBND ngày 08/5/2017 v vi c Kh i nghi p giai o n 2017 - 2020, nh h ng n n m 2025 trên a bàn t nh H u Giang; Quy t nh s 824/Q -UBND ngày 08/5/2017 c a UBND t nh Ban hành Ch ng trình “H tr phát tri n tài s n trí tu t nh H u Giang giai o n 2017 - 2020”; Quy t nh s 1184/Q -UBND ngày 07/7/2017 c a UBND t nh H u Giang phê duy t K ho ch Phát tri n và ng d ng công ngh sinh h c ph c v s nghi p công nghi p hóa, hi n i hóa t n c trên a bàn t nh H u Giang; Quy t nh s 34/Q -UBND ngày 15 tháng 12 n m 2017 s a i, b sung m t s i u c a Quy nh qu n lý các nhi m v KH&CN s d ng ngân sách nhà n c c p t nh ban hành kèm theo Quy t nh s 15/2015/Q -UBND ngày 23/4/2015 c a UBND t nh H u Giang.

ang d th o Ch ng trình nâng cao n ng l c ch n t o gi ng lúa nh m áp ng nhu c u gi ng lúa m i, n ng su t, ch t l ng cao và thích nghi t t i t nh H u Giang giai o n 2018 - 2025; Ch ng trình “Thúc y ng d ng khoa h c và công ngh vào s n xu t nông nghi p t nh H u Giang n n m 2025”. D ki n 02 Ch ng trình trên sau khi l y ý ki n các S , ban ngành s trình UBND t nh ban hành trong n m 2018.

**2. V xây d ng h th ng t ch c b máy c a S**

**2.1- T ch c h th ng b máy ho t ng KH&CN**

S hi n có 56 công ch c, viên ch c, lao ng, trong ó:

- Ban Giám c S : 04;

- Phòng, n v chuyên môn thu c S : 25 (V n phòng S : 07; Phòng Qu n lý khoa h c: 04; Phòng Qu n lý chuyên ngành: 02; Thanh tra: 02; Chi c c TC LCL: 10).

- n v s nghi p: Trung tâm Thông tin và ng d ng KHCN thu c S KH&CN: 21; Trung tâm K thu t TC LCL thu c Chi c c TC LCL: 06 (có 04 lao ng h p ng).

V k t qu ào t o, b i d ng công ch c, viên ch c: S KH&CN có 01 công ch c th c hi n nghi n c u sinh; 01 viên ch c h c th c s ; 02 công ch c, viên ch c h c cao c p lý lu n chính tr , 03 công ch c, viên ch c h c trung c p lý lu n chính tr và trên 50 l t công ch c, viên ch c tham d các l p t p hu n nghi p v trong và ngoài t nh.

## **2.2- Kinh phí hoạt động KH&CN giai đoạn 2017-2018 (Biểu 8, 9, 10, 11 và 12)**

### **\* Vốn kinh phí sản xuất nghiên cứu khoa học**

Số vốn KH&CN cấp ý ban nhân dân tỉnh giao kinh phí sản xuất nghiên cứu KH&CN với tổng kinh phí là 28,738 tỷ đồng (Chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, quản lý nhà nước và môi trường nghiên cứu).

### **\* Vốn kinh phí đầu tư phát triển**

Số vốn UBND tỉnh giao kinh phí đầu tư phát triển với tổng kinh phí là 20,761 tỷ đồng theo chỉ định 03 dự án:

- Xây dựng trụ sở và trang thiết bị cho Trung tâm Thông tin và ứng dụng KH&CN: 10 tỷ đồng (tổng kinh phí dự án là 26,333 tỷ đồng), đã đưa vào sử dụng.

- Mua sắm trang thiết bị Trung tâm Kỹ thuật TC-CL: 761 triệu đồng.

- Xây dựng trụ sở và tầng công nghệ tầng 1 của Trung tâm Kỹ thuật TC-LCL: 5 tỷ đồng (tổng kinh phí dự án là 16,879 tỷ đồng), đã đưa vào sử dụng.

- Dự án đầu tư công nghệ tầng 1 cho Trung tâm Thông tin và ứng dụng KH&CN: 5 tỷ đồng (năm 2018)

## **3. Vốn hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Biểu 14 và 15)**

Số vốn KH&CN đã thực hiện KH&CN theo văn xét duyệt 19 tài, dự án (16 tài, dự án cấp tỉnh; 03 dự án cấp quốc gia thuộc Chương trình NTMN); ký hợp đồng triển khai thực hiện 12 tài, dự án; thực hiện KH&CN nghiên cứu 15 tài, dự án (14 tài, dự án cấp tỉnh; 01 dự án cấp bộ). Các nhiệm vụ thực hiện ưu tiên các tiêu đề sau, sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường.

Chuyển giao kết quả nghiên cứu 16 tài, dự án về các Sở, ban ngành tỉnh tiếp nhận triển khai ứng dụng vào thực tế.

## **4. Công tác quản lý công nghệ (Biểu 2)**

Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN cho Công ty TNHH MTV phân bón quốc tế Âu Việt. Đây là doanh nghiệp KH&CN ưu tiên cấp thành.

Tiếp nhận, góp ý dự án đầu tư “Xây dựng hệ thống quản trị công nghệ liên tục trên nền tảng Hồ Giang và cơ sở vật chất phòng thí nghiệm, hệ thống kỹ thuật tiếp nhận dữ liệu quản trị công nghệ”.

Cung cấp thông tin về B KH&CN về tình hình tiến bộ công nghệ, thị trường năm 2016-2017; thông tin về dây chuyền, công nghệ nhập khẩu và dây chuyền, công nghệ của Việt Nam trong xu hướng thị trường hàng hóa hiện hành tiếp thị.

Ứng dụng thực nghiệm “Hệ thống doanh nghiệp tỉnh Hồ Giang tiến bộ công nghệ”. Dự kiến thực nghiệm sẽ hoàn thành và trình UBND tỉnh ban hành vào cuối năm 2018.

## **5. Hoạt động an toàn bức xạ (Biểu 6)**

Trên nền tảng hiện có 20 cơ sở hoạt động trong lĩnh vực X-quang y tế với 40 thiết bị. Tính đến nay, Sở Health và cấp Giấy phép hoạt động X-quang y tế cho 18 cơ sở; health và cấp 17 Chứng chỉ nhân viên bức xạ dành cho người phụ trách an toàn bức xạ tại các

c s có ho t ng X quang y t ; phê duy t K ho ch ng phó s c an toàn b c x h t nhân c p c s cho 09 c s trên à bàn t nh.

## **6. Ho t ng s h u trí tu , phong trào lao ng sáng t o, phát huy sáng ki n, c i ti n k thu t *Bi u 3***

Th c hi n h ng d n ng ký s h u công nghi p cho 24 c s trên à bàn t nh. C c SHTT ch p nh n 66 n h p l ban u và c p 29 v n b ng.

*Công tác H i thi Sáng t o k thu t l n th IX n m 2016:* ph i h p v i Liên oàn lao ng t nh t ch c T ng k t và trao gi i th ng H i thi Sáng t o k thu t l n IX n m 2016: trao 20 gi i (Nh t: 01; Nhì: 03; Ba: 05; Khuy n khích: 11). Sau bu i L , Ban T ch c phát ng H i thi Sáng t o k thu t l n X n m 2017 trên ph m vi toàn t nh.

*Công tác Cu c thi Sáng t o Thanh thi u niên nhi ng l n th IV n m 2017:* ph i h p v i Liên hi p các H i Khoa h c và K thu t t nh tri n khai Cu c thi Sáng t o Thanh thi u niên nhi ng l n th IV n m 2017. K t qu t i Cu c thi c p t nh có 33/79 gi i pháp t gi i (Nh t: 02; Nhì: 06; Ba: 10; Khuy n khích: 15) v i s ti n th ng là 83 tri u ng. Sau Cu c thi c p t nh Ban t ch c tuy n ch n các gi i pháp t gi i cao tham gia đ thi c p toàn qu c, k t qu H u giang t 01 gi i Ba và 01 gi i Khuy n khích.

### *Công tác H i thi Tin h c tr t nh H u Giang XIV n m 2017:*

Ph i h p v i T nh oàn, S Thông tin và Truy n thông, S Giáo d c và ào t o t ch c Khai m c và B m c H i thi Tin h c tr t nh H u Giang l n th XIV n m 2017. n v i H i thi có 116 thí sinh tham gia đ thi (68 thí sinh thi th c hành trên máy và 48 thí sinh thi ph n m m sáng t o) chung cho 03 c p (Ti u h c, THCS và THPT). Ban T ch c ã trao 35 gi i th ng g m 04 gi i t p th và 31 gi i cá nhân. Ngoài B ng khen và ti n th ng t Ban T ch c, các thí sinh t gi i cao Nh t - Nhì - Ba còn c nh n h c b ng và quà t ng t n v Trung tâm Công ngh ph n m m Tr ng i h c C n Th .

Sau H i thi, Ban T ch c ã ch n các thí sinh t gi i cao thành l p i tuy n và hu n luy n các thí sinh tham đ H i thi Tin h c tr toàn qu c n m 2017 t i t nh B c Ninh vào u tháng 08/2017. K t qu H i thi Tin h c tr toàn qu c l n th XXIII, n m 2017 t i B c Ninh, i Tin h c tr t nh nhà ã em v 06 gi i (01 gi i Nh t, 01 gi i Nhì, 01 gi i Ba và 03 gi i khuy n khích). Ngoài ra còn nh n 01 gi i Nhì ng i công nh n t nh có nhi u gi i pháp cao nh t.

## **7. Công tác TC LCL**

### **7.1 Công tác qu n lý Tiêu chu n**

H ng d n 01 doanh nghi p xây d ng tiêu chu n c s v nh t ng c xe g n máy, h ng d n 08 doanh nghi p kinh doanh vàng trang s c, m ngh xây d ng tiêu chu n c s áp đ ng và ghi nhãn hàng hóa; h ng d n 03 doanh nghi p xây d ng mã s mã v ch s n ph m bánh k o, th y s n, d u nh n ng c và cà phê.

### **7.2- Công tác qu n lý o l ng - ch t l ng:**

Ch trì, ph i h p v i Ban Ch o 389 t nh, Thanh tra S KH&CN, Chi c c An toàn V sinh th c ph m, Chi c c Qu n lý Th tr ng, Phòng C nh sát kinh t (PC46)-Công an t nh, Phòng Kinh t /Kinh t và H t ng các huy n, th , thành trên à bàn t nh th c hi n 18 cu c thanh, ki m tra v i trên 170 doanh nghi p, c s kinh doanh hàng hóa bao g m: c s

kinh doanh, mua bán m b o hi m (MBH); kinh doanh ch i tr em ( CTE); c s , c a hàng kinh doanh thi t b i n- i n t gia đ ng (TB - T); doanh nghi p kinh doanh vàng trang s c, m ngh ; ki m tra v ph ng ti n o...

Ch trì th c hi n 10 cu c ki m tra v o l ng, ch t l ng, nhãn hàng hóa T t Nguyễn án M u Tu t 2018; ki m tra hàng óng gói s n, ph ng ti n o nhóm 2 và s t thép xây đ ng; ki m tra ch t l ng, ghi nhãn hàng hóa thi t b i n- i n t gia đ ng; ki m tra các doanh nghi p s n xu t, kinh doanh vàng trang s c, m ngh và ki m tra v ch t l ng, ghi nhãn hàng hóa ch i tr em và m b o hi m.

Chuy n h s các c s , doanh nghi p vi ph m cho thanh tra S KH&CN và Chi c c Qu n lý th tr ng t nh x ph t theo quy nh. Qua ó, các c quan ã x ph t vi ph m hành chính các c s , c a hàng, doanh nghi p kinh doanh có hàng hóa không t ch t l ng cùng các hành vi vi ph m khác nh : s đ ng cân trong mua bán ã h t h n ki m nh, vi ph m v công b h p quy, d u h p quy trong buôn bán s n ph m, hàng hóa ph i th c hi n công b h p quy và kinh doanh hàng hóa nh p kh u có nhãn g c b ng ti ng n c ngoài nh ng không có nhãn ph ti ng Vi t Nam, bán hàng óng gói s n có l ng không t yêu c u...v i s ti n 61.718.400 ng và bu c c s tiêu h y s hàng cùng lô s n xu t do không t yêu c u v ch t l ng.

#### **Công tác ph i h p ki m tra:**

Tham gia oàn ki m tra liên ngành 389 t nh ã ki m tra, ki m soát ch ng s n xu t, kinh doanh phân bón, thu c BVTV gi , kém ch t l ng trên a bàn t nh do Chi c c Qu n lý th tr ng (QLTT) ch trì. ã ki m tra 13 c a hàng kinh doanh phân bón, thu c b o v th c vật. ã l y 27 m u phân g i th nghi m ch t l ng (có 04/27 m u không t ch t l ng). Qua ki m tra, oàn ki m tra 389 ã x ph t VPHC 04 c a hàng kinh doanh phân bón gi , kém ch t l ng v i t ng s ti n ph t là 119.400.000 ng.

Ph i h p v i Chi c c QLTT ki m tra i v i các doanh nghi p kinh doanh x ng d u qua thông tin ph n ánh c a ng i dân. Qua ó, ã ki m tra v o l ng i v i 02 doanh nghi p kinh doanh x ng d u, k t qu doanh nghi p s đ ng ph ng ti n o không t yêu c u v o l ng. K t qu ã x ph t 02 c a hàng kinh doanh x ng d u s đ ng ph ng ti n o không t yêu c u v o l ng v i s ti n là 60.982.800 ng.

Ph i h p tham gia oàn ki m tra liên ngành 389 t nh, ki m tra các doanh nghi p, c a hàng kinh doanh x ng d u trên a bàn t nh. oàn ã ki m tra 17 doanh nghi p, c a hàng kinh doanh x ng d u, v o l ng phát hi n 01 doanh nghi p s đ ng 01 c t b m ã thay i c tính k thu t o l ng c a ph ng ti n o và sai s v t quá sai s cho phép. V ch t l ng l y 18 m u x ng (g m 01 m u x ng Ron 92, 14 m u x ng Ron 95 và 03 m u x ng E5 Ron 92) th nghi m ch t l ng, k t qu th nghi m l n l có 03 m u x ng không t ch t l ng (02 m u x ng Ron 95 và 01 m u x ng E5 Ron 92). K t qu th nghi m l n 2 có 01 m u x ng Ron 95 và 01 m u x ng E5 Ron 92 không t. oàn ki m tra 389 ang ti n hành x ph t vi ph m hành chính các doanh nghi p vi ph m v o l ng, ch t l ng.

Ph i h p v i Phòng c nh sát Kinh t (PC46)-CA t nh ki m tra 01 xe b n ang v n chuy n x ng d u. Qua ki m tra ã phát hi n hành vi vi ph m g m: v n chuy n x ng d u nh ng n p b n xe ch a x ng d u không có niêm phong k p ch i theo quy nh; hành vi thuê kho c a th ng nhân khác mà không ph i là th ng nhân kinh doanh d ch v x ng d u.



Phòng cảnh sát Kinh tế là lực lượng chuyên trách và chuyển qua UBND tỉnh xử lý theo quy định.

### **7.3 Công tác xây dựng, áp dụng HTQLCL ISO 9001 các cơ quan hành chính nhà nước:**

Chức năng nhiệm vụ của Ủy ban “Áp dụng và duy trì HTQLCL theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên”. Thành viên Ủy ban có 60 thành viên là đại diện lãnh đạo Văn phòng, chuyên viên phụ trách về ISO của các Sở, ban, ngành tỉnh; Văn phòng UBND huyện, thị xã, thành phố; Các Chi cục và cơ quan trực thuộc Sở. Nhiệm vụ, phân công 02 Ủy ban chức năng nhiệm vụ xây dựng, áp dụng và duy trì HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2008 cho 64 công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

Ảnh hưởng của xây dựng, áp dụng và duy trì HTQLCL theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 cho các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch và cách hành chính của tỉnh. Tiếp nhận công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2008 của các Sở, ban ngành tỉnh; Văn phòng UBND huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn. Hiện nay, đã có 19/19 Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; 8/8 huyện, thị xã, thành phố; 17/17 Chi cục và cơ quan trực thuộc Sở; 76/76 xã, phường, thị trấn công bố áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào ghi ý quy tắc TTHC cho tổ chức, cá nhân.

### **7.4 Công tác TBT**

- Tiếp nhận và triển khai những quy định về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng khi có yêu cầu.

- Tham gia góp ý về các phương án liên quan đến tổ chức và hoạt động của các đội TBT địa phương thuộc Mạng lưới TBT Việt Nam.

### **7.5-D án Nâng cao NSCL Business 4**

Xây dựng đề thi trắc nghiệm Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao NSCL sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Hưng Yên năm 2017 và năm 2018”. Tổ chức Hội đồng xét duyệt nội dung và nghiệm thu Đề án NSCL của các doanh nghiệp đăng ký tham gia. Kết quả hội đồng thẩm định chỉ hỗ trợ cho 03 doanh nghiệp theo quy định khi doanh nghiệp/cá nhân đã thực hiện xong, với tổng kinh phí hỗ trợ là 113.280.300 đồng.

## **8. Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến KH&CN**

Tuyên truyền thông tin KH&CN trong và ngoài tỉnh rộng rãi đến người dân, các Sở, ban ngành trong và ngoài tỉnh, mỗi tháng xuất bản phát hành 1 số với 580 bản. Trong năm 2017, Trung tâm xuất bản và phát hành 12 số Bản tin KH&CN (tổng số 150 số với 161) với 6.960 bản.

Cập phát Tạp chí KH&CN Việt Nam; hợp tác thông tin truyền thông với các Trung tâm Thông tin KH&CN thành phố Hồ Chí Minh cùng cấp theo yêu cầu về các thông tin tài liệu, ấn phẩm, sách, ...

Phát sóng 12 chuyên mục KH&CN về các thành tựu, tin tức KH&CN của tỉnh với thời lượng 10 phút/chuyên mục.

Phi h p v i Báo H u Giang th c hi n công tác tuyên truy n v thành t u KH&CN trong a bàn t nh H u Giang trên trang chính c a Báo Xuân H u Giang n m 2017 và 2018 và 04 bài v thành t u KH&CN trong a bàn t nh H u Giang trên trang chính Báo H u Giang (m i quý s th c hi n tuyên truy n 01 bài).

Th ng xuyên c p nh t thông tin các ti n b Khoa h c k thu t trong và ngoài t nh, các ho t ng v SHTT, An toàn b c x , TC LCL, các mô hình tài/d án hi u qu .... Tính n nay, S ã c p nh t 242 tin, bài v ho t ng KH&CN trong và ngoài t nh.

T ch c H i th o nhân Ngày Khoa h c và Công ngh Vi t Nam 18/5; Tr ng bày các s n ph m và thành t u KH&CN c a t nh; T ch c H i th o chuyên “Kh i nghi p và phát tri n doanh nghi p KH&CN” cho 100 cán b các S , ban ngành và các doanh nghi p trong và ngoài t nh tham d .

Thu th p thông tin v tí m l c KH&CN nh nhân l c, v t l c, c s h t ng, tài chính, thông tin v ho t ng c a các t ch c KH&CN, Vi n, Tr ng, doanh nghi p KH&CN... trên a bàn t nh H u Giang làm c s S KH&CN tham m u cho UBND t nh ánh giá, a ra chính sách, chi n l c phát tri n KH&CN t nh H u Giang.

### **9. Công tác thanh tra chuyên ngành KH&CN Bi u 5**

S ã t ch c 04 cu c thanh tra và tham gia phi h p 06 cu c v i t ng s c s c thanh, ki m tra là 206 c s g m các l nh v c: An toàn b c x h t nhân (X quang y t , an ninh ngu n phóng x ), x ng d u, ph ng ti n o nhóm 2 và hàng óng gói s n, thi t b i n - i n t gia đ ng, vàng trang s c m ngh , ch i tr em, m b o hi m ... Qua thanh tra, ki m tra có các vi ph m nh : hàng hóa không t ch t l ng, ch i không rõ ngu n g c xu t x , không có tem CR trên s n ph m, nhãn hàng hóa không úng, không y n i dung theo quy nh, hàng óng gói s n có l ng không úng theo công b trên nhãn c a nhà s n xu t, ph ng ti n o h t h n ki m nh. T ng s t ch c, cá nhân vi ph m là **26 c s** ; ã x ph t vi ph m hành chính 26 c s v i s t i n là **68.355.000 ng**, truy thu s thu l i b t h p pháp do vi ph m v o l ng s t i n 338.400 ng.

### **10. Ho t ng c a các t ch c KH&CN công l p và tình hình phê duy t ph ng án t ch tài chính**

S có 02 n v s nghi p: Trung tâm Thông tin và ng d ng KHCN thu c S KH&CN và Trung tâm K thu t TC LCL thu c Chi c c TC LCL.

#### **10.1- Ho t ng c a t ch c KH&CN công l p**

##### **\* Trung tâm Thông tin và ng d ng KHCN**

Xây d ng và c công nh n theo tiêu chu n ISO 17025, ti p nh n và phân tích m t s ch tiêu m, tro, ch t béo, pH, COD, DO, t ng m, các kim lo i n ng... c a m t s m u t, n c, phân bón và th c ph m... ng th i, phi h p v i các n v (Trung tâm S c ký H i ng, Trung tâm Nghiên c u và Chuy n giao Công ngh Tp HCM) v phân tích thí nghi m, X-quang và ào t o nhân l c.

Nhân gi ng và duy trì ngu n gen cho m t s gi ng hoa (hoa lan, chuông...), khóm Queen, chu i, cây có múi...

T v n cho các doanh nghi p và c s s n xu t trong và ngoài t nh ng ký nhãn hi u, th ng hi u, phát minh sáng ch , ki u dáng công nghi p.

Hàng năm, phối hợp với Viện H t nhân à L t t i n hành kiểm tra và cung cấp lưu k cho các cơ sở có sử dụng máy X-quang trên địa bàn tỉnh.

Thị trấn Chàng trình phối hợp giữa ngành KH&CN và Hội Nông dân tỉnh về việc mở rộng sản xuất mô hình có hiệu quả hình thành các điểm do Trung tâm hỗ trợ; tham mưu thị trấn Chàng trình phối hợp giữa ngành KH&CN với Ban Dân tộc, ngành nông nghiệp và lâm nghiệp thu hút góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn dân tộc thiểu số trong tỉnh. Trong đó, mở rộng mô hình hỗ trợ cho nông dân 86.000 hộ chăn nuôi lợn và nuôi dê dê.

### **\*Trung tâm Kiểm tra TC LCL**

Trung tâm Kiểm tra TC LCL đã kiểm tra 10.297 lượt thí nghiệm ở các loại. Trong đó, kiểm tra nhớt: 2.293 cân nặng lò xo, 129 cân phân tích, 94 cân kiểm tra, 22 cân bàn điện tử, 67 huy t áp k , 17 cân bàn, 989 cột ox ng d u, 04 áp k , 12 ca ong, 97 bình ong, 3.105 ng h n c, 3.414 công t i n, 16 qu cân, 38 cân a.

Phối hợp với Trung tâm Kiểm tra TC LCL tỉnh Kiên Giang kiểm tra: 05 máy đo điện tử, 95 nhớt, 06 cân sức khỏe kỹ thuật lò xo, kỹ thuật điện tử và 20 cân ống bao.

Số lượng thí nghiệm ở kiểm tra năm 2017 tăng 35,3% so với năm 2016.

### **10.2- Tình hình phê duyệt thí nghiệm án tài chính Bị xử**

Trung tâm Thông tin và nông nghiệp KH&CN đã phê duyệt thí nghiệm án tài chính, ngân sách nhà nước bố trí chi trả và chi trả xuyên.

Trung tâm Kiểm tra TC LCL đã phê duyệt thí nghiệm án tài chính, ngân sách bố trí chi trả và mặt phân chi trả xuyên.

### **11- Hợp tác trong nước và quốc tế về KH&CN**

Thị trấn Chàng trình hợp tác nghiên cứu khoa học và đào tạo giữa Trung tâm và UBND tỉnh Hậu Giang. Hàng năm, tỉnh và trung tâm xuyên hợp tác trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh.

## **II- ÁNH GIÁ CHUNG**

Số KH&CN luôn nhận sự quan tâm của lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; sự giúp đỡ chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ KH&CN và các ngành chức năng; sự phối hợp của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị, thành phố đã giúp Sở thực hiện nhiệm vụ công tác giao.

Các nhiệm vụ khi đưa vào triển khai thị trấn có các chế độ trên địa bàn tỉnh; công tác xét duyệt, nghiệm thu, kiểm tra tiến độ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của thị trấn theo kế hoạch.

Công tác quản lý về SHTT, an toàn bức xạ của thị trấn tỉnh, kết quả hình thành doanh nghiệp đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, hộ kinh doanh tiểu thương và cấp phép cho các cơ sở X quang y tế, cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ; triển khai thi Hội thi Sáng tạo kỹ thuật, Tin học trẻ, Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng tỉnh Hậu Giang. Mời các thí sinh thi toàn quốc, thi cấp cao.

Công tác thanh, kiểm tra KH&CN luôn nhận sự quan tâm và hỗ trợ từ cấp ủy và các quan chức trên và hỗ trợ, hướng dẫn của Thanh tra tỉnh, phối hợp với các sở, ngành

có liên quan trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ. Đã phối hợp với Chi cục Quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa Miền Nam, các ngành có liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm về TC LCL.

Việc tổ chức tập huấn kiến thức và hướng dẫn cho các nhân viên xây dựng và áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2008 theo mục tiêu Kế hoạch Chiến lược cách hành chính của UBND tỉnh, góp phần vào kết quả công tác cải cách hành chính của tỉnh.

Công tác xuất bản và phát hành Bulletin KH&CN, cung cấp Tạp chí KH&CN Việt Nam, quản lý, triển khai các dự án nghiên cứu khoa học luôn được mở rộng và chất lượng công việc; các nhiệm vụ thường xuyên theo chiến lược và các triển khai thực tế theo kế hoạch của.

### III- KHÓ KHĂN, HƯỚNG ĐI

Các nhiệm vụ, sản phẩm nghiên cứu khoa học tập trung vào lĩnh vực khoa học nông nghiệp. Lĩnh vực khoa học xã hội, các lĩnh vực khác còn hạn chế, nhất là nghiên cứu thực tiễn, xuất bản hành chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy làm cho kết quả nghiên cứu thực tiễn của lĩnh vực này đóng góp cho việc hình thành những giải pháp, chiến lược của tỉnh còn khiêm tốn.

Họat động hướng dẫn và chuyển giao những tiến bộ KH&CN vào thực tế còn hạn chế; ưu tiên cho KH&CN tại các doanh nghiệp còn thấp.

Một số công việc đã được triển khai thực hiện như: thẩm tra công nghệ dự án đầu tư, chuyển nhượng công nghệ. Tuy nhiên, các công tác này thực hiện theo yêu cầu của các quan cấp giấy phép đầu tư, tổ chức cá nhân tham gia nhận chuyển giao công nghệ nên thời gian qua chưa có nhiều sự gia tăng KH&CN giải quyết.

Việc giám sát, quản lý, tổ chức họat động KH&CN có thực hiện nhưng còn chậm do những nguyên nhân khác nhau. Trong đó có việc thiếu nhân lực trong công tác quản lý, vì vậy hành họat động KH&CN. Hiện tại biên chế của Sở KH&CN rất ít, ít hơn nhiều so với các Sở KH&CN trong khu vực và các tỉnh. Do thiếu biên chế nên Văn phòng Sở phải trách thêm nhiệm vụ của Phòng Tài chính Kế hoạch; Phòng Quản lý Khoa học phải trách thêm nhiệm vụ Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ cao, Phòng Quản lý Công nghệ và Thương mại Công nghệ, một phần Phòng Kế hoạch Tài chính.

### IV- XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Bộ KH&CN tiếp tục hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình hỗ trợ hướng dẫn tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi...; Chương trình phát triển tài sản trí tuệ; Chương trình khởi nghiệp công nghệ quốc gia...

- Các cơ quan Trung ương sẽ ban hành các văn bản hướng dẫn phát triển hình thái khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo. Nhất là các nhóm cơ chế hỗ trợ thực địa phải áp dụng thực hiện.

*Biểu 16. Danh mục xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên kết vùng BSCL giai đoạn 2019-2020.*

## PHẦN 2 NHỮNG NGUYÊN TẮC KH&CN TRONG THỊ GIỚI

### I- MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KH&CN TRONG THỊ GIỚI

#### 1. Nghiên cứu KH&CN

Tổng cục công tác “tình hình nghiên cứu” kêu gọi các nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia các nhiệm vụ KH&CN nhằm gia cố quy trình các vấn đề thực tiễn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Các nhiệm vụ KH&CN cần tập trung theo hướng nghiên cứu ứng dụng; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, cụ thể là:

##### *Lĩnh vực nông nghiệp:*

- Trọng tâm là xây dựng các mô hình chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, các mô hình thâm canh, luân canh và quy mô rừng, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, hình thức sản xuất cơ bản về thị trường, tổng cục nghiên cứu ứng dụng ngành chăn nuôi sinh học, ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất và thu hoạch; sản xuất theo hướng công nghệ cao giảm thiểu chi phí và nâng cao chất lượng, tăng giá trị sản phẩm và sức cạnh tranh của sản phẩm chủ lực: lúa, khoai, mía, cá, cây ăn trái,...

- Ưu tiên việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống, ưu tiên lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, chế biến thực phẩm, các nghiên cứu trong nông nghiệp như sản xuất phân bón, giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản... công nghệ bảo quản nông sản sau thu hoạch, thực phẩm.

- Khuyến khích nghiên cứu và ứng dụng vào và đưa ra cho ngành hàng hóa nông, thủy sản; khuyến khích nghiên cứu và khuyến khích, tác động của biến đổi khí hậu trên cây trồng, vật nuôi và môi trường.

##### *Vĩnh cửu*

- Nghiên cứu ứng dụng các thành tựu công nghệ sinh học trong y học phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh cho người; nghiên cứu và ứng dụng công nghệ gen trong giám sát pháp y, chẩn đoán và điều trị bệnh. Nghiên cứu ứng dụng và tìm kiếm quy trình công nghệ sản xuất kháng sinh và bioprocess chẩn đoán (KIT) bệnh cho người.

- Ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ cao trong lĩnh vực y tế tổng hợp để đáp ứng nhu cầu phòng và điều trị bệnh của người dân một cách có hiệu quả nhất; nghiên cứu phát triển và hiện đại hóa y học dân tộc.

- Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh, chẩn đoán qua cận lâm sàng, sinh hóa, huyết học, vi sinh, miễn dịch, di truyền học và sinh học phân tử, ứng dụng các kỹ thuật và công nghệ tiên tiến trong điều trị và tìm kiếm, khám phá và ứng dụng, kỹ thuật phẫu thuật nội soi, vi phẫu, công nghệ laser; phẫu thuật chỉnh hình, phẫu thuật ngoại thần kinh; phẫu thuật chỉnh hình.

- Triển khai các kỹ thuật phân tích di truyền, hóa chất, vật lý, phân gia... trong thực phẩm để bảo vệ người tiêu dùng và kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm; nghiên cứu mô hình và các biện pháp bảo vệ an toàn thực phẩm.

- Ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài sản và các biện pháp, quản lý sức khỏe con người.

- Triển khai các nghiên cứu cơ bản: nghiên cứu mô hình bệnh tật của nhân dân; tăng cường áp dụng các dịch vụ y tế và y tế dự phòng cho nhân dân; giám sát dinh dưỡng trẻ em.

### **V lĩnh vực giáo dục:**

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn nhân lực trình độ cao, nhằm phục vụ công tác quản lý và nghiên cứu khoa học.

- Phát triển nguồn nhân lực KH&CN theo mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội phù hợp với tình hình phát triển của các ngành, lĩnh vực cụ thể.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, gắn liền với nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ trong công tác dạy và học.

- Tổ chức ứng dụng các kinh nghiệm, thành tựu KH&CN tiên tiến trong giáo dục; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ.

### **V lĩnh vực môi trường:**

- Ứng dụng các giải pháp công nghệ, các biện pháp sinh học trong công tác bảo vệ môi trường cụ thể; tăng cường thanh tra và kiểm tra hoàn thiện các công nghệ phù hợp, ưu tiên tập trung vào các công nghệ phục vụ cho xử lý: rác thải sinh hoạt, y tế, nước thải sinh hoạt công nghiệp, chất thải chăn nuôi, lò giết mổ gia súc, nuôi thủy sản, các biện pháp nông nghiệp, ... và làm sạch môi trường và tạo ra sản phẩm phục vụ sản xuất và đời sống.

- Nghiên cứu ứng dụng các thành tựu công nghệ sinh học trong sản xuất sạch, tái chế phế phẩm có nguy cơ ô nhiễm thành các sản phẩm có ích; phấn đấu năm 2020, công nghệ sinh học được ứng dụng rộng rãi trong công tác xử lý môi trường cụ thể.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, đ. báo chất lượng môi trường; nghiên cứu và ứng dụng khí hậu và môi trường để phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

### **V lĩnh vực công nghệ thông tin:**

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu cụ thể nhằm hỗ trợ phục vụ công tác cải cách thể chế hành chính, cải thiện kinh tế và các nhu cầu về thông tin của nhân dân.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan HCNN, các doanh nghiệp và nhà, các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, sản xuất kinh doanh, quản lý, cải thiện nâng cao năng lực cạnh tranh, chuyển đổi số.

- Hình thành Trung tâm Công nghiệp Công nghệ thông tin.

- Ủy m. nh. ào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên gia công nghệ thông tin cụ thể.

### **V lĩnh vực công nghệ:**

- Ủy m. nh. ho. t. ng nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN trong sản xuất, kinh doanh. Phát triển công nghiệp trên cơ sở ứng dụng công nghệ; tạo bước tiến rõ rệt về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành và sản phẩm công nghiệp của các doanh nghiệp trên thị trường trong nước và khu vực; ưu tiên cho việc nghiên cứu và

các ngành chủ lực, nâng thi công các công nghệ thích hợp, đặc biệt quan tâm công nghệ sản xuất sạch và khai thác lợi thế lao động.

- Xây dựng công trình hiện đại công nghệ theo hướng chủ yếu là hiện đại, thích nghi, hiện đại, nâng cao, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu phát triển trong nước và chuyên gia công nghệ tiên tiến nước ngoài. Trọng tâm là hiện đại ngành, hiện đại chủ lực, hiện đại ngành, ưu tiên phát triển công nghệ cao, công nghệ sau thu hoạch và các loại nông sản thực phẩm chủ lực đặc thù như lúa, cá, trái cây,...

- Phát triển các làng nghề sản xuất sản phẩm hiện đại trên nguyên lý sản xuất sạch; bên cạnh việc ưu tiên, quy hoạch, phát triển ngành nghề bản địa đặc thù.

- Nghiên cứu các loại bao bì đóng gói thích hợp và lựa chọn vật liệu bao bì đóng gói thích hợp cho các loại sản phẩm chủ yếu, đảm bảo có mẫu mã đẹp.

- Nghiên cứu công nghệ, thiết bị hiện đại ngành gia súc thú nuôi hiện đại chủ yếu thu hoạch và các nguyên liệu nông sản sạch.

- Nghiên cứu các công nghệ hiện đại và áp dụng công nghệ cao sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường hiện đại.

- Thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển ngành đặc thù, phát triển các sản phẩm đặc thù, hiện đại, các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, kết hợp kỹ thuật, công nghệ, hiện đại công nghệ trên địa bàn.

- Thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển hiện đại, phát triển việc ứng dụng công nghệ hiện đại, ứng dụng tái tạo; thiết bị sản xuất hiện đại trên địa bàn.

- Thực hiện khai thác hiện đại quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển hiện đại các loại hàng thủ công mỹ nghệ bán buôn, bán lẻ.

- Thực hiện chính sách khuyến khích mở rộng hiện đại kinh doanh, phát triển các tổ chức liên kết lưu thông hàng hoá, hình thành các kênh lưu thông hàng hoá hiện đại sản xuất tiêu dùng trên địa bàn.

- Ứng dụng tiến bộ KH&CN trong công nghệ và thương mại thực phẩm và quản lý ngành; hiện đại hiện đại các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm, hiện đại kinh tế - kỹ thuật, chất lượng sản phẩm công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin lưu trữ, cung cấp tài liệu và công nghệ và thương mại theo quy định của pháp luật; các quy tắc cạnh tranh, các thương hiệu hiện đại trong thương mại.

#### ***V lĩnh vực văn hóa, du lịch:***

- Nghiên cứu ứng dụng các sản phẩm du lịch, chú trọng sản phẩm đặc trưng địa phương.

- Nghiên cứu khai thác giá trị văn hoá địa phương phát triển du lịch.

- Xuất hiện pháp phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững.

#### ***V lĩnh vực kinh tế, khoa học xã hội và nhân văn:***

- Tập trung tăng cường hiện đại, đầu tư phát triển, cung cấp luận cứ cho việc xây dựng hiện đại, chính sách hiện đại chủ yếu quản lý phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn hiện tại.

- Cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội; điều chỉnh cơ cấu kinh tế cấu trúc.

- Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến thị trường, hoàn thiện và nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành, hiệu quả hoạt động của thị trường chính cấu trúc trong điều kiện nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến giá cả, cạnh tranh và mô hình thị trường, nâng cao hiệu quả quản lý hành chính, quản lý kinh tế, văn hoá, xã hội, quản lý đô thị, phát triển bền vững. Các bài tập chú trọng kết hợp các mô hình thực tiễn thị trường trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội cấu trúc.

## 2. Công tác SHTT - an toàn bức xạ

Phát triển và thúc đẩy phong trào thi đua sáng tạo và hoạt động SHTT; chuyển hoá thành lực lượng chuyên môn cho các ngành có liên quan thực hiện các hoạt động khuyến khích lao động sáng tạo; tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật, Hội thi tin học trẻ ... nhằm thúc đẩy phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật hiện đại hóa sản xuất.

Xây dựng và triển khai chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm, nhất là những ngành xuất khẩu, sản phẩm làng nghề truyền thống, sản phẩm thủ công mỹ nghệ theo từng giai đoạn; xác lập thể chế khuyến khích đầu tư cho các sản phẩm công nghệ mới như cá nhân, đội ngũ,...

Hàng đầu các cơ sở X-quang y tế trong thành phố áp dụng thực hiện theo Pháp lệnh kiểm soát và an toàn bức xạ. Hàng năm có kế hoạch tập huấn về các vấn đề có liên quan đến công tác an toàn và kiểm soát bức xạ; tăng cường công tác đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác an toàn bức xạ.

## 3- Thông tin và truyền thông KH&CN

Triển khai truyền thông công nghệ thông tin vào công tác thông tin KH&CN; xây dựng và phát triển mạng thông tin, thiết bị viễn thông KH&CN, trang thông tin viễn thông KH&CN tin cậy.

Điều tra khảo sát nhu cầu thông tin KH&CN cấu trúc; tổ chức thu thập, xử lý, lưu trữ các nguồn thông tin KH&CN, tài liệu, dữ liệu KH&CN đã có và đang hình thành trong và ngoài thành phố; tổ chức và thực hiện công tác thông tin tuyên truyền về KH&CN, nhất là thực tiễn khoa học và kỹ thuật tiên tiến, các bài tập là thông tin KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn, vùng xa cấu trúc; thông tin KH&CN phục vụ các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân.

Tổ chức phục vụ thông tin KH&CN, cung cấp thông tin phục vụ lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, giáo dục, đào tạo, sản xuất kinh doanh; công bố danh mục và kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN tin cậy; tăng cường xây dựng thiết bị KHCN cho thành phố.

Cung cấp và trao đổi thông tin với các cơ quan, cơ sở nghiên cứu, sản xuất và các địa phương khác trong thành phố.

Phối hợp các cơ quan liên quan thực hiện, xây dựng, triển khai thực hiện các chương trình, nhiệm vụ KH&CN thuộc lĩnh vực thông tin KH&CN cấu trúc và khu vực.



Xuất bản các ấn phẩm về KH&CN để đăng báo hình, báo nói, tạp chí... cùng các hình thức khác phù hợp với tình hình thực tế.

#### **4-Tiêu chuẩn - chỉ số - Chứng chỉ**

Thực hiện chương trình tách nhiệm vụ nghiên cứu phát triển Chi cục, thành lập Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Quy định thành lập số 07/QĐ-SKH&CN ngày 12/3/2014 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, sau khi đã thẩm định của Sở Nội vụ).

Yêu cầu tuyên truyền, quảng bá thông tin chuyên môn về các tiêu chuẩn kỹ thuật và chứng chỉ. Tập trung thực hiện Dự án “nâng cao năng suất và chứng chỉ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp giai đoạn 2012-2015 và tầm nhìn năm 2020”.

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thu thập thông tin và hỗ trợ áp dụng TBT tiêu chuẩn; chỉ đạo thực hiện công tác TBT; tăng cường phối hợp với Văn phòng TBT Huế và các đơn vị liên quan.

Hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến thích hợp với mô hình kinh doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất sản phẩm, hàng hóa một cách bền vững; tham gia tích cực và có hiệu quả hoạt động Giám sát Chứng chỉ Sản phẩm Quốc gia.

Tăng cường khuyến khích nhân viên, chuyên gia kỹ thuật, lao động nâng cao trình độ kỹ thuật, mở rộng mạng lưới kỹ thuật các phòng thí nghiệm thu thập dữ liệu kỹ thuật nhà sản xuất.

Tập trung hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì HTQLCL phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo quy định tại Quy định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch của UBND tỉnh.

#### **5- Phát triển tiềm lực KH&CN**

Nghiên cứu xuất các nội dung, chương trình, biện pháp thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng, phát huy và sử dụng hợp lý nguồn nhân lực phục vụ công tác KH&CN của tỉnh. Cần chú ý đào tạo nguồn lao động có tay nghề cao phục vụ cho sự phát triển của tỉnh nhà.

Tăng cường cơ sở vật chất nhằm phát triển tiềm lực cho thực hiện công tác KH&CN.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu phát triển cho cán bộ làm công tác KH&CN nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác.

Tập trung thực hiện việc chuyển đổi Trung tâm Thông tin và hướng dẫn khoa học công nghệ sang hoạt động theo cơ chế thị trường; hỗ trợ và khuyến khích hình thành các doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh.

Vận dụng các chính sách thúc đẩy sự gắn kết giữa giáo dục với KH&CN và sản xuất - kinh doanh hình thành hệ thống nhân lực KH&CN; chính sách sử dụng cán bộ khoa học, trình độ nhân tài, trong đó, cần chú trọng tâm trọng trí ưu tiên phát huy sức sáng tạo của các chuyên gia giỏi đã và đang nghiên cứu, hợp tác các trung tâm khoa học liên ngành; thu hút chuyên gia giỏi tham gia các hoạt động phát triển KH&CN trong tỉnh; khuyến khích cán bộ khoa học tham gia các chương trình đào tạo, nghiên cứu trong và ngoài nước.

## **II- PH NG H NG, NHI M V , GI I PHÁP**

### **1- i m i t c h c và qu n lý t o i u k i n thu n l i cho KH&CN phát tri n**

V n ng và h ng d n các doanh nghi p trong t nh thành l p doanh nghi p KH&CN theo Ngh nh s 80/2007/N -CP ngày 19/5/2007 c a Chính ph ; th c hi n c ch khuy n khích, thúc y các doanh nghi p ch ng u t nghiên c u khoa h c, ng d ng k t qu nghiên c u vào ho t ng s n xu t, kinh doanh.

Phát tri n d ch v KH&CN n v s nghi p và ho t ng theo Ngh nh s 115/2005/N -CP ngày 05/9/2005 c a Chính ph quy nh c ch t ch , t ch u trách nhi m c a t ch c KH&CN công l p theo l trình c Chính ph quy nh.

Ki n toàn b máy qu n lý ho t ng KH&CN c p huy n m b o có cán b chuyên trách v KH&CN; t ng c ng vai trò và ho t ng c a H i ng khoa h c và công ngh c p huy n.

### **2- T ng c ng u t phát tri n t i m l c KH&CN**

Tri n khai k p th i các chính sách v s d ng hi u qu , tr ng d ng và phát huy tài n ng cán b KH&CN.

u t trang thi t b , hi n i hóa phòng thí nghi m, ki m nghi m, ki m nh n v th c hi n d ch v KH&CN, áp ng yêu c u m i t ra.

Tranh th t i a s h tr v t i m l c KH&CN c a Trung ng; có k ho ch s d ng hi u qu ngu n v n u t phát tri n KH&CN.

u t xây d ng h t ng k thu t công ngh thông tin; th c hi n tin h c hoá trong công tác qu n lý KH&CN.

T ng c ng u t t i m l c KH&CN cho c p huy n.

### **3- y m nh công tác qu n lý KH&CN, h tr doanh nghi p i m i công ngh trong s n xu t kinh doanh**

T p trung h tr khuy n khích nh p kh u công ngh tiên ti n; liên k t, h p tác gi a doanh nghi p, vi n nghiên c u, tr ng i h c trong i m i công ngh , i m i s n ph m.

Th c hi n h tr các doanh nghi p u t nghiên c u i m i công ngh nâng cao n ng l c c nh tranh và hi u qu c a ho t ng s n xu t, kinh doanh.

Hình thành các ho t ng d ch v KH&CN, c bi t là các d ch v thông tin, t v n, môi gi i, các d ch v s h u trí tu và tiêu chu n - o l ng - ch t l ng.

Tri n khai các gi i pháp nâng cao hi u qu c a h th ng pháp lu t v b o h , th c thi quy n s h u trí tu và chuy n giao công ngh thúc y c nh tranh lành m nh, thu hút u t n c ngoài và phát tri n th tr ng.

Xây d ng Ch ng trình h tr phát tri n tài s n trí tu c a doanh nghi p; Ch ng trình hành ng v h p tác phòng ch ng xâm ph m quy n s h u trí tu .

### **4- H p tác v KH&CN**

Ph i h p ch t ch v i Vi n nghiên c u, Tr ng i h c, các nhà khoa h c trong và ngoài t nh trong nghiên c u, t v n tuyen ch n, nghi m thu tài, d án.

Triển khai kịp thời các chính sách và số đông hi hữu, trọng dụng và phát huy tài năng cán bộ KH&CN; thu hút các chuyên gia, nhà khoa học tham gia hoạt động KHCN và i t nh.

Trên đây là số liệu báo cáo kết quả hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2017-2018 và hình ảnh hoạt động trong thời gian tới./.

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH HO T NG KH&CN GIAI O N 2017- 2018**  
**C A T NH KIÊN GIANG VÀ NH H NG HO T NG**  
**TRONG TH I GIANT I**

*S KH&CN t nh Kiên Giang*

**Ph n I**  
**TÌNH HÌNH HO T NG KHOA H C VÀ CÔNG NGH**  
**GIAI O N 2017-2018**

**I. NH NG K T QU T C**

**1. V công tác tham m u**

Ti p t c tri n khai K ho ch s 16/KH-UBND ngày 05/3/2014 c a UBND t nh th c hi n Ch ng trình hành ng s 36-CTr/TU c a T nh y v phát tri n KH&CN t nh Kiên Giang.

Tham m u cho UBND t nh: Báo cáo s k t 4 n m th c hi n Ngh quy t s 46/NQ-CP ngày 29/3/2013 c a Chính ph và 5 n m Ngh quy t s 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 H i ngh l n th sáu BCH Trung ng ng; k ho ch tri n khai vi c áp d ng HTQLCL theo TCVN ISO 9001 n các c quan hành chính công (t nh, huy n, xã); k ho ch tri n khai Ch ng trình n ng su t ch t l ng s n ph m, hàng hóa c a doanh nghi p; ánh giá công nh n l i Khu đ tr sinh quy n Kiên Giang; báo cáo t ng k t 10 n m thi hành Lu t S h u trí tu ; ban hành k ho ch th c hi n Ch th s 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 c a Th t ng Chính ph v t ng c ng n ng l c ti p c n cu c cách m ng công nghi p l n th 4; phê duy t Ch ng trình phát tri n tài s n trí tu trên a bàn t nh Kiên Giang giai o n 2017-2020,...; th c hi n án y m nh ng d ng KH&CN trong s n xu t nông nghi p: H tr Trung tâm Gi ng NLNN nghiên c u, ng d ng CNSH vào s n xu t 02 gi ng lúa ch u m n 4% o su t v ; h tr ch ng nh n vùng nông nghi p ng d ng công ngh cao, hi n nay t nh có 02 vùng nông nghi p ng d ng công ngh cao c công nh n.

Ngoài ra tham gia góp ý đ th o các v n b n c a Trung ng, B KH&CN v th c hi n Lu t KH&CN s a i, trong l nh v c qu n lý KH&CN và nhi u v n b n khác liên quan n ho t ng KH&CN.

**2. V xây d ng h th ng t ch c b máy và phát tri n ti m l c KH&CN**

*a) V t ch c h th ng b máy ho t ng KH&CN*

- Lãnh o S Khoa h c và Công ngh có Giám c và 03 Phó Giám c.

- Các phòng chuyên môn (07 phòng): V n phòng; Thanh tra; Phòng K ho ch - Tài chính; Phòng Qu n lý khoa h c; Phòng Qu n lý công ngh và Th tr ng công ngh ; Phòng Qu n lý khoa h c và công ngh c s ; Phòng Qu n lý chuyên ngành.

- n v tr c thu c: Chi c c Tiêu chu n o l ng Ch t l ng.

- n v s nghi p công l p: Trung tâm ng d ng ti n b KH&CN (g m có các tr i và chi nhánh tr c thu c Trung tâm, nh : Chi nhánh Trung tâm ng d ng ti n b KH&CN Phú Qu c; Tr i th c nghi m KH&CN Mong Th và Tr i th c nghi m KH&CN Kiên L ng); Trung tâm K thu t Tiêu chu n o l ng và Ch t l ng (tr c thu c Chi c c Tiêu chu n o

lĩnh vực (tổng). Ngoài ra còn có Văn phòng điều hành Ban Quản lý Khu Dự trữ sinh quyển Kiên Giang.

*b) Vốn kinh phí hoạt động KH&CN giai đoạn 2017-2018*

Giai đoạn 2016-2018, tổng kinh phí cấp UBND tỉnh giao là: 89.855 triệu đồng, thực hiện 82.208 (tổng 91%). Trong đó:

- Kinh phí sản xuất nghiên cứu khoa học là: 33.538 triệu đồng, thực hiện 26.880 triệu đồng (tổng 80%).

- Kinh phí đầu tư phát triển là: 56.317 triệu đồng, thực hiện 55.328 triệu đồng (tổng 98%).

*(Biểu số 8, 9, 10, 11, và 12)*

**3. Vốn hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

Giai đoạn 2017-2018, tỉnh Kiên Giang đã và đang triển khai thực hiện 69 đề tài, dự án cấp tỉnh (47 đề tài, dự án chuyên đề; 13 đề tài, dự án năm 2017; 09 đề tài, dự án năm 2018). Trong đó, đã tổ chức đánh giá, nghiệm thu 14/69 đề tài, dự án (năm 2017 là 12 đề tài, dự án; năm 2018 là 02 đề tài, dự án).

- Lĩnh vực khoa học tự nhiên: Chỉ có 01 đề tài thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên triển khai nghiên cứu về các vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu. Kết quả của đề tài đã xác định các cao trình thủy văn biến đổi khí hậu, triển khai nghiên cứu các khu vực biến đổi khí hậu, triển khai nghiên cứu các khu vực biến đổi khí hậu, triển khai nghiên cứu các khu vực biến đổi khí hậu, triển khai nghiên cứu các khu vực biến đổi khí hậu, triển khai nghiên cứu các khu vực biến đổi khí hậu.

- Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: Có 31 đề tài, dự án triển khai thực hiện (29 đề tài thuộc lĩnh vực khoa học xã hội; 02 đề tài thuộc lĩnh vực khoa học nhân văn). Một số đề tài, dự án như sau:

+ Đề tài nghiên cứu thực trạng và giải pháp nâng cao năng suất các yếu tố tăng trưởng TFP trong tăng trưởng kinh tế tỉnh Kiên Giang. Kết quả đề tài đã xác định giá trị TFP của tỉnh và xây dựng công cụ phân tích tính toán giá trị TFP. Trong quý II/2018, Sở KH&CN tổ chức bàn giao kết quả này cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê của tỉnh áp dụng.

+ Đề tài nghiên cứu giải pháp cải thiện năng lực cho học sinh-sinh viên nghề, góp phần hình thành văn hóa nghề cho người lao động tỉnh Kiên Giang và tài liệu báo cáo và xuất bản pháp luật, cung cấp lao động áp dụng các nhân lực huyện Phú Quốc giai đoạn 2016-2020 đã triển khai thực hiện. Các đề tài này đã xuất công bố, giải pháp cải thiện năng lực cho học sinh, sinh viên học nghề nhằm đáp ứng thị trường việc làm, nâng cao chất lượng lao động và xây dựng đội ngũ lao động lành nghề phù hợp nhu cầu lao động, là các giải pháp quy hoạch các nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trong tỉnh, các bộ là áp dụng các nhân lực huyện Phú Quốc.

+ Các đề tài nghiên cứu, xây dựng chương trình KH&CN: Chương trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn; Chương trình KH&CN cấp tỉnh, cấp huyện, phát triển nâng cao trình độ công nghệ trong sản xuất công nghiệp; Chương trình KH&CN bố trí và phát triển

tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và nông phó vĩ bi n i khí h u; Ch ng trình nghiên c u ng d ng công ngh sinh h c, ng d ng tỉ n b KH&CN ph c v nông nghi p nông thôn; Ch ng trình phát tri n ti m l c KH&CN c a t nh,... ã góp ph n c th hóa K ho ch s 16/KH-UBND ngày ngày 05/3/2014 c a UBND t nh Kiên Giang v th c hi n Ch ng trình hành ng s 36-CTr/TU c a T nh y Kiên Giang th c hi n Ngh quy t H i ngh l n th sáu c a Ban Ch p hành Trung ng ng (khóa XI) v phát tri n KH&CN.

- Lĩnh v c khoa h c k thu t và công ngh : Có 04 tài, d án c tri n khai th c hi n, ch y u nghiên c u ng d ng và phát tri n công ngh nh m nâng cao ch t l ng các s n ph m, làng ngh truy n th ng (r u ng Xu ng, n c m m Phú Qu c,...); nghiên c u công ngh t s n xu t n sau thu ho ch i v i s n ph m ch l c (lúa và th y s n) t nh Kiên Giang.

- Lĩnh v c khoa h c y, d c: Có 06 tài, d án c tri n khai nghiên c u, nh : Nghiên c u ng d ng và chuy n giao quy trình ch n oán và ph u thu t máu t d i màng c ng mãn tính t i m t s b nh vi n tuy n huy n; nghiên c u, thu th p, l u gi , b o t n ngu n gen, s n xu t d c li u t m t s cây d c li u (L c v ng, Kim th t, Thiên niên ki n, Dây g m, Ng c n bi n, M t nhân, Hà th ô, Gi o c lam, Tu l c, N p bình và Bí k nam) t i các vùng, khu b o t n, v n Qu c gia trên a bàn t nh Kiên Giang.

- Lĩnh v c khoa h c nông nghi p: Có 27 tài, d án c tri n khai th c hi n, ch y u nghiên c u, phát tri n các lo i gi ng cây tr ng, v t nuôi và s n xu t các s n ph m, hàng hóa c tr ng, có giá tr kinh t và có u th c a t nh nh : lúa, tôm, nghêu l a, cá bớp, cá l i trâu, v p, nhum, gh xanh, h tiêu, n m trà m,... Bên c nh ó, công tác thu th p, l u tr và b o t n các ngu n gen nh : H ng sim, Dó b u, Lan B u r u, Thu H i ng, tiêu Phú Qu c, k tôm, càng cu c, cá thát lát,... c ng c quan tâm th c hi n. Trong ó, áng chú ý là tài nghiên c u c i m sinh thái dinh d ng c a loài *Vo c b c ông D ng Trachypithecus germaini* (sensu stricto) t i khu v c núi á vôi Kiên L ng, Kiên Giang; tài nghiên c u và chuy n giao các quy trình phòng tr b nh trên cá bớp (*Rachycentron canadum*) và cá mú (*Epinephelus spp.*) ã c tri n khai t k t qu t t. Ngoài ra, có 2 tài nghiên c u ng d ng tỉ n b khoa h c k thu t nuôi tôm chân tr ng (*Litopenaeus vannamei*) công nghi p t tiêu chu n VietGAP trên a bàn t nh Kiên Giang và nghiên c u ch n t o gi ng lúa ng n ngày ch ng ch u m n, n ng su t cao, t tiêu chu n xu t kh u t nh Kiên Giang ang có tri n v ng mang l i k t qu cao.

(s li u báo cáo theo Bi u 14 và 15)

Hàng n m, ngoài các tài, d án c p Nhà n c và c p t nh nêu trên, t nh ã dành m t ph n ngân sách h tr tri n khai 10-15 mô hình KH&CN c p huy n v phát tri n nông nghi p, th y s n ã tri n khai th c s mang l i hi u qu cao c v m t khoa h c k thu t l n hi u qu kinh t , k t qu tri n khai không nh ng r t có ý ngh a trong vi c tích c c a nhanh các TBKT vào th c tỉ n i s ng, s n xu t các a ph ng mà còn tích c c nâng cao trình khoa h c trong canh tác s n xu t và có ý ngh a r t quan tr ng trong vi c thúc y m nh m phong trào qu n chúng nhân dân trong t nh tỉ n quân vào KH&CN.

Trong khi ó, các tài khoa h c c p c s l i t p trung nghiên c u, gi i quy t các v n khoa h c c th ph c v trong gi ng d y các tr ng cao ng, ph c v nghiên c u khoa h c và i u tr b nh các b nh vi n và nhi u v n khoa h c xã h i nhân v n ph c v ng, Nhà n c th c hi n t i Tr ng Chính tr , các tr ng i h c, cao ng, trung c p,

b nh vi n,... Nhi u nghi n c u tr c ti p ng d ng trong ho t ng các n v i n hình nh : nghi n c u thi t k các mô hình, dùng d y h c th c hành k thu t o i n áp, công su t, các nghi n c u v i n- i n t , các nghi n c u v ch bi n, b o qu n nông - th y s n, tr ng tr t, ch n nuôi... t i các tr ng i h c, cao ng.

#### **4. V công tác qu n lý công ngh**

- S KH&CN b c u ch m i th c hi n m t s công vi c liên quan n công ngh , nh tham quan các công ngh t rác th i, dây chuy n công ngh , nghi n, phân lo i, x lý rác th i t i các lò t rác m t s t nh, thành ph i h p tham m u cho UBND t nh x lý rác th i t i m t s a ph ng trên a bàn t nh. n nay ã hoàn thành vi c xây d ng lò t rác cho xã o Tiên H i, th xã Hà Tiên b ng công ngh lò t BD-ANPHA công su t 500kg/gi và ã c UBND t nh ch p thu n cho nhân r ng t i 3 xã o Hòn Tre, L i S n và An S n c a huy n Kiên H i trong n m 2018.

- V vi c th m nh d án u t , th m nh h p ng chuy n giao công ngh m c dù ã có h ng d n và tri n khai tuyên truy n, nh ng n nay v n ch a phát sinh h s .

- N m 2017, Kiên Giang có 01 doanh nghi p c c p gi y ch ng nh n doanh nghi p KH&CN là Công ty TNHH MTV TMDV Tr n Phú, ho t ng trong l nh v c nuôi tr ng th y s n, ây là doanh nghi p KH&CN u tiên c a t nh.

#### **5. V ho t ng an toàn b c x**

- Giai o n 2017-2018, S KH&CN ã phê duy t k ho ch ng phó s c b c x và h t nhân c p c s cho 17 c s b c x ; c p gi y phép ho t ng an toàn b c x cho 23 c s (hi n nay có 44/45 c s c c p phép); c p ch ng ch nhân viên b c x cho 12 ng i ph trách an toàn b c x (t ng s có 44 ng i ph trách ATBX c c p ch ng ch ).

- Ph i h p v i n v t v n tri n khai xây d ng k ho ch ng phó s c b c x , h t nhân trên a bàn t nh Kiên Giang.

*(s li u báo cáo theo Bi u 6)*

#### **6. V ho t ng SHTT, phong trào lao ng sáng t o, phát huy sáng ki n, c i ti n k thu t**

##### *a) V ho t ng SHTT*

- Báo cáo ánh giá 10 n m thi hành Lu t SHTT; hoàn thành th t c phát tri n nhân hi u g o m t b i U Minh Th ng; ph i h p xây d ng 02 nhân hi u t p th cho h tiêu Hà Tiên và n c m m Phú Qu c ( n nay ã n p 24 n, có 18 NHTT c c p GCN), nhân hi u c quy n c a t nh n ngày 30/6/2017 là 1.258 n, có 779 v n b ng c c p; t ch c H i th o qu n lý và phát tri n Ch d n a lý Phú Qu c cho s n ph m n c m m.

- C p l i 03 gi y ch ng nh n quy n s d ng ch d n a lý Phú Qu c cho s n ph m n c m m, n nay ã c p c 75 gi y; c p quy n s d ng nhân hi u ch ng nh n Khu D tr sinh quy n Kiên Giang cho 01 c s , n nay ã c p c cho 02 c s .

##### *b) Phong trào lao ng sáng t o, phát huy sáng ki n, c i ti n k thu t*

- S KH&CN là c quan tham m u cho UBND t nh th c hi n vi c công nh n sáng ki n c p t nh. Trong n m, S ã t ch c tuyên truy n và h ng d n vi t sáng ki n cho các c quan, n v trong toàn t nh. Th c hi n ti p nh n 505 h s sáng ki n ngh công nh n c p

t nh. Qua ó, S ã tham m u cho UBND t nh t ch c h p h i ng xét ch n c 37 sáng ki n c p t nh.

- Hàng n m, S KH&CN ù dành m t ph n kinh phí s nghi p khoa h c h tr , ph i h p v i Liên hi p các H i Khoa h c và K thu t t nh t ch c h i thi sáng t o k thu t t nh và cu c thi sáng t o thanh thi u niên, nhi ng. n nay, t nh ã t ch c 06 h i thi sáng t o k thu t và 02 cu c thi sáng t o thanh thi u niên, nhi ng và ang tri n khai phát ng h i thi l n th VII và cu c thi l n th III.

*(s li u báo cáo theo Bi u 3)*

## **7. V công tác TC LCL (Bi u 4)**

### **a) án ISO hành chính công**

n nay, toàn t nh có 152 c quan, n v ã xây d ng và áp d ng HTQLCL theo Tiêu chu n ISO 9001 (30 s , ban, ngành c p t nh; 15 UBND huy n, th , thành ph và 107 UBND xã, ph ng, th tr n; t 100% c quan chuyên môn thu c UBND t nh, 100% c quan chuyên môn thu c UBND c p huy n và g n 74% UBND c p xã ã áp d ng ISO).

### **b) D án “Nâng cao n ng su t ch t l ng s n ph m, hàng hóa c a doanh nghi p t nh Kiên Giang giai o n 2011-2020”**

T ch c 03 khóa ào t o v ISO 9001:2015; ISO 22000:2005, 07 công c th ng kê ki m soát ch t l ng. n nay, ã có 15 l t doanh nghi p xây d ng và th c hi n d án (02 DN tham gia Ch ng trình Qu c gia, 13 DN tham gia d án c a t nh (áp d ng 10 h th ng qu n lý và 39 công c c i ti n NSCL). Qua ó, có 08 d án ã c nghi m thu (06 d án thu c t nh và 02 d án thu c ch ng trình qu c gia), còn 07 d án ang ti p t c th c hi n và s hoàn thành trong n m 2018....

### **c) Ho t ng Gi i th ng Ch t l ng Qu c gia**

Hàng n m, t ch c tuyên truy n, v n ng, h ng d n doanh nghi p tham gia GTCLQG. N m 2017, có 05 doanh nghi p ng ký, trong ó có 01 doanh nghi p i v i ki n tham gia và t gi i B c. Tính n nay, t nh có 35 l t doanh nghi p tham gia và có 15 l t doanh nghi p t gi i, g m: 02 gi i Vàng và 13 gi i B c. T nh ã h tr 50 tri u ng cho doanh nghi p t gi i Vàng, 20 tri u ng cho doanh nghi p t gi i B c, Ch t ch UBND t nh t ng B ng khen và c h tr tuyên truy n, qu ng bá trên các ph ng ti n thông tin i chúng. N m 2018, có 05 doanh nghi p ng ký tham gia.

### **d) Công tác qu n lý TC LCL**

- T ch c 07 cu c ki m tra v o l ng, ch t l ng và ghi nhãn hàng hóa i v i ph ng ti n o taximet, ph ng ti n o dùng trong kinh doanh vàng, vàng trang s c m ngh , hàng tiêu dùng, ch i tr em, bánh trung thu.

- ngh T ng c c TC LCL có bi n pháp qu n lý v o l ng i v i các c s kinh doanh cát, á trên a bàn t nh; tri n khai th c hi n các bi n pháp qu n lý ho t ng kinh doanh x ng, d u trên a bàn t nh Kiên Giang t i 15 huy n, th , thành ph , v i 506 doanh nghi p, 1.979 c t o x ng d u c dán tem; d th o k ho ch 05 n m xây d ng quy chu n k thu t a ph ng giai o n 2018-2022 trình UBND t nh g i B KH&CN, các B qu n lý chuyên ngành xin ý ki n góp ý.



## **8. V công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến KH&CN (Biểu số 3).**

Phổ biến bài PT-TH tin xây dựng chuyên mục KH&CN phát sóng nh 2 k /tháng; phổ biến trên Báo Kiên Giang tuyên truyền về KH&CN 02 k /tháng và các mô hình ứng dụng KH&CN có hiệu quả; báo tin, bài có liên quan nh ột ng KH&CN lên website của S (trên 150 tin, bài/năm).

## **9. Công tác thanh tra chuyên ngành KH&CN (Biểu số 5).**

Giai đoạn 2017-2018, Thanh tra Sở KH&CN đã phổ biến và liên quan thực hiện 10 cuộc thanh tra tại 246 cơ sở trên địa bàn tỉnh và lĩnh vực công nghiệp, chỉnh lý, nhãn hàng hóa và vi phạm các sản phẩm xăng, dầu, nhớt, hàng bao gói sản phẩm, an toàn và bảo vệ sức khỏe, ... Qua đó đã phát hiện và ban hành 14 quy định xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực công nghiệp, chỉnh lý trong kinh doanh các mặt hàng xăng, dầu, thép và hàng bao gói sản phẩm tiêu dùng. Tổng số tiền phạt là 280.880.000.

## **10. Hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập và tình hình phê duyệt dự án đầu tư chính (Biểu số 7).**

Năm 2017, Sở có 2 dự án trực thuộc là Trung tâm ứng dụng Tin học KH&CN và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường và Chỉnh lý của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư chi tiết nh ư sau: theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ theo quy định là 63% và 75%.

## **11. Hợp tác trong nước và quốc tế về KH&CN**

Trong thời gian qua, công tác hợp tác trong và ngoài nước của UBND tỉnh quan tâm và ưu tiên khai thác hiệu quả nh ư sau: công trình hợp tác với các tổ chức, viện, trường, ... triển khai các tài liệu, dự án theo hướng của tỉnh và triển khai nh ư sau: nghiên cứu ứng dụng KH&CN và phát triển kinh tế - xã hội.

Năm 2017, Sở KH&CN và Ban Quản lý Khu Dự trữ sinh quyển Kiên Giang đã đón tiếp 05 đoàn với 14 lượt chuyên gia nước ngoài gồm: đoàn chuyên gia của Mạng lưới thú biển Việt Nam (*Vietnam Marine Mammal Network*) thực hiện tài liệu nghiên cứu: “Thú biển biển miền Bắc” (Tên tiếng Anh: *Bycatch*) với sự tham gia của các chuyên gia Nhật Bản, Hoa Kỳ, Anh và Pháp, cùng với các nhà khoa học trong khu vực Đông Nam Á như Việt Nam, Malaysia và Thái Lan. Tỉnh làm việc nh ư sau để xác định các bên liên quan hợp tác trong dự án thông qua hoạt động trao đổi thông tin với các sở, ban, ngành của tỉnh Kiên Giang và thị trấn các làng chài, tiếp thu nh ư sau: khảo sát thú biển, lập kế hoạch khảo sát trong tương lai, tiếp thu nh ư sau pháp nghiên cứu thú biển biển miền Bắc. Các thông tin cần thu thập bao gồm: thú biển biển miền Bắc (học mồi), số lượng và phân bố của thú biển, số lượng cá, ngừ và ngừ dân; đoàn chuyên gia của CHLB Đức nh ư sau để tìm hiểu về kỹ thuật, chế độ triển khai các hoạt động hợp tác nghiên cứu trong khuôn khổ dự án “Nước và môi trường” giai đoạn 2 (Dự án TAKIZ). Trao đổi và khảo sát nh ư sau xây dựng mô hình công trình kết cấu hiện tại trong lĩnh vực ngành nh ư sau về kỹ thuật công nghệ và giải pháp quản lý tiên tiến, hiệu quả và phù hợp với điều kiện địa phương; đoàn chuyên gia của Trường Đại học Colorado (Hoa Kỳ) cùng với Viện Sinh thái học Miền Nam (SIE) nh ư sau để và tiếp thu nh ư sau nghiên cứu phân bố quần thể Voọc đen Đông và các loài cây thực vật khu vực núi Á vôi huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Ph i h p v i y ban Qu c gia Con g i và Sinh quy n (MAB) Vi t Nam t ch c 02 cu c h i th o h c t p chuy n i t i Khu D tr sinh quy n Th gi i Ki n Giang nh m gi i thi u v h i nh th c T-Learning v i cán b các s , ban, ngành tham gia trong công tác qu n lý Khu DTSQ Th gi i Ki n Giang và c ng ng a ph ng tham gia ho t ng tr ng và b o v r ng ng p m n p Vàm R y, xã Bình S n, huy n Hòn t, th o lu n v kh n ng áp d ng c ng nh m r ng các mô hình T-Learning. Thi t k Poster v d án nghiên c u h c t p chuy n i (T-Learning) Vi t Nam, nghiên c u i n hình t i Khu DTSQ Th gi i Ki n Giang g i trình bày t i h i th o c a d án t i Th y i n. Ph i h p v i Vi n Sinh thái h c Mi n Nam (SIE), T ch c B o t n Thiên nhiên Qu c t (IUCN) và các n v h u quan tri n khai các ho t ng nh m s m hoàn thành c s d li u và báo cáo lu n ch ng l p h s thành l p Khu B o t n thiên nhiên núi á vôi Ki n L ng, nh m th c hi n t t Quy t nh s 45/Q -TTg ngày 08/01/2014 c a Th t ng Chính ph v quy ho ch t ng th b o t n a đ ng sinh h c c a c n c n n m 2020, nh h ng n n m 2030.

## II. ÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn chung, trong n m 2017-2018 ho t ng KH&CN c a Ki n Giang ã t c nh ng k t qu tích c c, tiêu bi u nh :

Công tác qu n lý nhà n c v ho t ng KH&CN ã t ng b c i vào n n p, ch t ch h n, nhi u tài, d án ã ph c v hi u qu cho các ngành, cho s phát tri n kinh t - xã h i c a t nh. Công tác tuy n ch n các tài, d án t ng b c c th c hi n theo c ch t hàng, xét ch n. Nh ng k t qu tri n khai th c hi n t các ch ng trình, tài, d án nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh ã góp ph n gi i quy t m t s v n b c xúc c a xã h i, ph c v thi t th c vào s n xu t, n nh i s ng và phát tri n KTXH c a a ph ng. M t s tài khoa h c xã h i và nhân v n ã cung c p lu n c khoa h c cho vi c ho ch nh chi n l c phát tri n ngành, KTXH c a t nh, nâng cao ch t l ng i ng cán b nghiên c u khoa h c.

Công tác thanh tra, ki m tra c th c hi n th ng xuyên nh m phát hi n, ng n ng a và x lý nghi m các c s vi ph m, b o v quy n l i chính áng c a ng i tiêu dùng. ng th i qua ó c ng ã v n ng, h ng d n cho các c s s n xu t, kinh doanh th c hi n theo úng quy nh c a pháp lu t, góp ph n n nh tình hình o l ng, ch t l ng s n ph m, hàng hoá trên a bàn t nh.

Công tác duy trì, áp d ng và c i ti n HTQLCL theo tiêu chu n ISO t i các c quan hành chính trong t nh t i p t c c phát huy hi u qu và t i p t c tri n khai vi c xây d ng, áp d ng HTQLCL theo tiêu chu n ISO t i các xã, ph ng, th tr n, góp ph n nâng cao hi u qu CCHC nhà n c.

N ng l c ki m nh, hi u chu n ph ng ti n o ã c m r ng, phát huy t t các trang thi t b phân tích, ki m nghi m. Tích c c tuyên truy n nâng cao nh n th c cho doanh nghi p v các gi i pháp t ng n ng su t ch t l ng, quan tâm h tr doanh nghi p áp d ng các h th ng qu n lý ch t l ng nâng cao n ng su t và ch t l ng s n ph m, hàng hóa, các d án h tr doanh nghi p t ng b c mang l i hi u qu thi t th c, giúp nâng cao ch t l ng s n ph m, t o s n ph m m i, t ng kh n ng c nh tranh trên th tr ng, áp ng yêu c u h i nh p kinh t .

### III. KHÓ KH N, H N CH

- Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN tuy đã có những bước phát triển rõ nét nhưng chất lượng áp dụng so với nhu cầu thực tiễn. Các tài, dự án khoa học mang tính đột phá, tác động chuyển biến phát triển KTXH còn ít. Tỷ lệ đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng KH&CN còn thấp, vì vậy KH&CN khó trở thành động lực thúc đẩy, chuyển biến phát triển KTXH còn thấp, mất sức hút, tài, dự án chất lượng thấp, hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu xã hội.

Hệ thống cơ sở pháp lý còn thiếu và yếu về quản lý nhà nước trong lĩnh vực hoạt động KH&CN còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ và kịp thời. Công tác tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các quy định về quản lý, tổ chức thực hiện các tài, dự án còn gặp nhiều khó khăn do vướng các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ đầu tư của ngân sách tỉnh cho KH&CN còn thấp so với chỉ tiêu Trung ương (hàng năm kinh phí chiếm 50-60% chỉ tiêu TW, chỉ tiêu còn lại từ ngân sách địa phương cho các dự án công nghệ thông tin và một số hoạt động khác; kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN còn thấp (chỉ tiêu TW giao), chưa huy động nhiều nguồn khác đầu tư cho KH&CN.

- Việc thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư: Theo Thông tư 03/2016/TT-BKHCH đang dần thay thế công nghệ của dự án đầu tư do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, chưa quy định rõ về chi phí thẩm định công nghệ của các doanh nghiệp theo dự án đầu tư.

- Các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ tuy có nhiều hình thức hỗ trợ nhưng chưa có chính sách, chưa có hỗ trợ kinh phí đáng kể cho doanh nghiệp.

- Việc triển khai dự án NSCL sản phẩm, hàng hóa chưa thu hút nhiều doanh nghiệp tham gia, do kinh phí hỗ trợ quá ít, chưa thể tạo động lực thúc đẩy doanh nghiệp phát triển. Thị trường KH&CN còn chưa hình thành, công tác thẩm định, giám sát công nghệ chưa thực hiện.

- Chưa có hàng loạt pháp án giá trị công nghệ chung cho các tỉnh cùng áp dụng, có thể so sánh với các tỉnh, thành, khu vực và trong nước và có cơ sở khoa học giúp cho doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ và tỉnh có chiến lược hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ.

- Công tác quản lý nhà nước về quản lý trong kinh doanh cát, đá còn gặp nhiều khó khăn, do chưa có văn bản quy định về Khoa học và Công nghệ Kiên Giang cũng đã kiến nghị với Bộ Khoa học và Công nghệ, Tổng cục Tiêu chuẩn Quản lý Chất lượng xem xét và cho biết pháp quản lý quản lý quản lý trong kinh doanh cát, đá địa phương thực hiện, tránh gian lận thương mại, bảo vệ người tiêu dùng.

- Việc thực hiện Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa, còn nhiều bất cập, gây khó khăn cho việc xử lý vi phạm.

### III. XU T, KI N NGH

#### 1. iv iB KH&CN

- Tăng cường huy động và trao đổi thông tin giữa các quan quản lý cấp trên và các địa phương, nhất là các thông tin về tài, dự án của Trung ương triển khai, thực hiện tại

a ph ãng và các thông tin v ã các d ãn chu ãn b ãu t mà a ph ãng có th ã tham gia tri ãn khai, th ã c hi ãn. C ã p nh ã t thông tin, s ã li u, thông tin công ngh ã ... t o thu ãn l ã cho a ph ãng trong vi ã c qu ãn lý và th ã c hi ãn nhi ãm v ã.

- B ã KH&CN s ã m ban hành quy ãnh v ã o l ãng trong kinh doanh cát, á ã các a ph ãng th ãng nh ã t th ã c hi ãn.

- Thanh tra B ã KH&CN c ãn có bu ãi t p hu ãn v ã áp d ãng Ngh ãnh s ã 119/2017/N ã - CP ngày 01/11/2017 c ãa Chính ph ã quy ãnh v ã x ã ph ã t vi ph ãm hành chính trong l ãnh v ã c tiêu chu ãn, o l ãng, ch ã t l ãng s ãn ph ãm hàng hóa và có v ãn b ãn h ãng d ãn c ã th ã các a ph ãng d ã áp d ãng, tránh tùy t ãi ãn.

## **2. i v ãi vi ã c liên k ã t vùng giai ão ãn 2019-2020 (Bi ãu s ã 16)**

T ãng c ãng ho ã t ãng liên k ã t vùng ãi v ãi l ãnh v ã c ho ã t ãng nghi ãn c ãu khoa h ãc và phát tri ãn công ngh ã. Chú ã tr ãng ã hàng và tri ãn khai ãng b ã, có hi ãu qu ã các ch ãng tr ãnh, ã tài, d ãn mang tính ch ã t liên k ã t gi ãa các t ãnh trong vùng ã BSCL, ã c bi ã t là các t ãnh trong vùng kinh ã t tr ãng ãi m ã BSCL ãi v ãi vi ã c nghi ãn c ãu phát tri ãn ngu ãn tài ngu ãy ãn ã c b ãn v ãng ph ã c v ã phát tri ãn KTXH và b ão t ãn ã d ãng sinh h ãc; gi ãng cây tr ãng v ã t nu ãi thích ãng v ãi bi ãn ãi khí h ãu; phát tri ãn h ã th ãng chu ãi s ãn ph ãm liên k ã t vùng mang l ãi giá ã tr ã kinh ã t cao,... nh ã m thúc ãy phát tri ãn b ãn v ãng các t ãnh trong vùng.

## **Ph ãn II**

### **NH ã H ã NG HO ã T ã NG KH&CN TRONG TH ã I GIANT ã I**

- Tích ã c c th ã c hi ãn vi ã c ãi m ãi, hoàn thi ãn các c ãch ã, chính sách v ã KH&CN. Th ã c hi ãn t ã công tác quy ho ãch, ào t ão, ãng cao ch ã t l ãng ngu ãn nh ãn l ãc KH&CN c ãa t ãnh.

- R ã soát, c ã th ã hóa Quy ã t ãnh s ã 245/Q ã -TTg ngày 12/02/2014 c ãa Th ã t ãng Chính ph ã phê duy ã t Quy ho ãch t ãng th ã phát tri ãn kinh ã t ã xã h ãi vùng kinh ã t tr ãng ãi m vùng ã BSCL ãn ã m 2020, ãnh h ãng ãn ã m 2030 vào trong ho ã t ãng KH&CN phù h ã p v ãi ãi u ki ãn c ã th ã c ã Kiên Giang.

- T ãng c ãng ãn ãng l ãc qu ãn lý và ãi u hành v ã ho ã t ãng KH&CN ph ã c v ã phát tri ãn KTXH ãa ph ãng.

- X ãy d ãng và tri ãn khai có hi ãu qu ã các ch ãng tr ãnh KH&CN tr ãng ãi m ph ã c v ã phát tri ãn KTXH ãa ph ãng.

- X ãy d ãng ch ãng tr ãnh ãi m ãi công ngh ã h ã tr ã phát tri ãn doanh nghi ãp v ãa và nh ã giai ão ãn 2017-2020. Phát tri ãn, ãi m ãi và ãng cao ãn ãng l ãc c ãa các t ãch c ã ho ã t ãng KH&CN. Phát tri ãn th ã tr ãng KH&CN ãn v ãi h ã p tác trong ãn ã c và qu ã c t ã.

- T ãng c ãng trao ãi thông tin gi ãa các a ph ãng trong vùng. T ãng c ãng h ã p tác, liên k ã t vùng trong l ãnh v ã giáo d ãc ã ào t ão, y ã t ã, v ãn hóa nh ãm phát tri ãn và ãng cao ch ã t l ãng ngu ãn nh ãn l ãc; chú ã tr ãng phát tri ãn các c ãs ã ào t ão các ãng ãnh ãng ph ã c v ã nhu ã c ãu phát tri ãn công ngh ã cao, nh ã t là ãng ãng ãi p công ngh ã cao, t ão ngu ãn nh ãn l ãc ch ã t l ãng cao cho giai ão ãn phát tri ãn m ãi.

- **Đi m i, nâng cao hi u qu ho t ng KH&CN và có c ch ph i h p gi a các s , ngành, a ph ng trong quá trình tri n khai th c hi n các ho t ng nghiên c u, ng d ng và chuy n giao KH&CN.**

- y m nh xã h i hóa ho t ng KH&CN, huy ng m i ngu n l c xã h i, nh t là t doanh nghi p phát tri n s nghi p KH&CN c a t nh, a d ng hóa các ngu n v n u t cho phát tri n KH&CN, m b o m c u t theo quy nh nhà n c. T ng c ng ki m tra, ánh giá hi u qu th c hi n các nhi m v KH&CN s d ng ngân sách nhà n c.

- u tiên nghiên c u ng d ng, s d ng các công ngh m i, v t li u m i, thân thi n môi tr ng; khai thác có hi u qu ngu n n ng l ng m i, n ng l ng tái t o, ti t ki m n ng l ng và gi i quy t các v n quan tr ng mang tính toàn c u (ô nhi m môi tr ng, bi n i khí h u, xâm nh p m n, n c bi n dâng,...), phát tri n b n v ng./.

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH HO T NG KH&CN GIAI O N 2017- 2018**  
**C A T NH LONG AN VÀ NH H NG HO T NG**  
**TRONG TH I GIANT I**

*S KH&CN t nh Long An*

**Ph n I**  
**TÌNH HÌNH HO T NG KHOA H C VÀ CÔNG NGH**  
**GIAI O N 2017-2018**

**I. NH NG K T QU T C**

**1. V công tác tham m u**

Giai o n 2017-2018, công tác tham m u ban hành v n b n v khoa h c công ngh ch y u thu c các lnh v c nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh , qu n lý tiêu chu n - o l ng - ch t l ng, qu n lý công ngh , s h u trí tu ,...N i b t là tham m u UBND t nh ban hành 02 v n b n quy ph m pháp lu t: Quy t nh s 27/2017/Q -UBND ngày 02/6/2017 v vi c bãi b Quy t nh s 39/2015/Q -UBND ngày 17/8/2015 c a UBND t nh ban hành quy nh qu n lý ho t ng nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh trên a bàn t nh Long An do các n i dung c a Quy t nh s 39/2015/Q -UBND không còn phù h p v i các quy nh m i c a B Khoa h c và Công ngh , B Tài chính; Quy t nh s 42/2017/Q -UBND ngày 21/08/2017 v vi c s a i, b sung Quy t nh s 38/2015/Q -UBND ngày 12/8/2015 c a y ban nhân dân t nh ban hành quy nh ch c n ng, nhi m v , quy nh n và c c ut ch c c a S Khoa h c và Công ngh t nh Long An.

Ngoài ra, tham m u UBND t nh ban hành Quy t nh s 1442/Q -UBND ngày 20/4/2017 v vi c phê duy t các K ho ch tri n khai th c hi n liên k t Vùng kinh t tr ng i m phía Nam giai o n 2016-2020 c a S Khoa h c và Công ngh ; Quy t nh s 66/Q -UBND ngày 08/01/2018 v vi c phê duy t Quy ho ch t ng th phát tri n khoa h c và công ngh t nh Long An n n m 2020, t m nhìn n n m 2030.

**2. V xây d ng h th ng t ch c b máy và phát tri n ti m l c KH&CN**

**a) V t ch c h th ng b máy ho t ng KH&CN**

Giai o n 2017- 2018, S Khoa h c và Công ngh t nh Long An g m 07 phòng ch c n ng chuyên môn: V n phòng S (phòng Pháp ch sáp nh p vào V n phòng S vào tháng 8/2017), phòng Qu n lý khoa h c, phòng Qu n lý Công ngh và Th tr ng Công ngh , phòng Qu n lý Chuyên ngành, phòng K ho ch – Tài chính, phòng Qu n lý KH&CN c s , Thanh tra S ; 03 n v tr c thu c: Chi c c Tiêu chu n - o l ng - Ch t l ng (HCNN), Trung tâm ng d ng Ti n b KH&CN ( VSN), Trung tâm Thông tin và Th ng kê khoa h c và công ngh . Ngoài ra có Trung tâm K thu t Tiêu chu n o l ng Ch t l ng là n v s nghi p tr c thu c Chi c c Tiêu chu n o l ng Ch t l ng.

S Khoa h c và Công ngh ã xây d ng án s p x p tinh g n t ch c b máy trình UBND t nh. Theo ó, S KH&CN còn 04 phòng chuyên môn: V n phòng S , Phòng Qu n lý Khoa h c, Phòng Qu n lý Công ngh , Thanh tra S ; 02 n v tr c thu c g m: Chi c c Tiêu chu n o l ng Ch t l ng; Trung tâm ng d ng, K thu t, Thông tin KH&CN.

**b) V kinh phí ho t ng KH&CN giai o n 2017-2018**

Tổng kinh phí phân bổ cho hoạt động khoa học và công nghệ cấp tỉnh giai đoạn 2017-2018 là: **66.872** triệu đồng.

Kinh phí đã sử dụng: 35.012,065 triệu đồng (tính đến 15/4/2018).

Cơ cấu:

- Nguồn TPT cho KH&CN cấp tỉnh

Đơn vị: triệu đồng

Năm	Kinh phí Trung ương giao	áp dụng giao	Kinh phí thực hiện	Ghi chú
2017	8.900	8.900*	8.900	
2018	9.781	9.781**	141,525	Tính đến 15/4/2018
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.681</b>	<b>18.681</b>	<b>9.041,525</b>	

(\*) Trong đó: Kinh phí do Sở KH&CN trực tiếp quản lý là 1.900 triệu đồng.

(\*\*) Trong đó: Kinh phí do Sở KH&CN trực tiếp quản lý là 800 triệu đồng.

- Nguồn Sở nghiên cứu KH&CN cấp tỉnh

Đơn vị: triệu đồng

Năm	Kinh phí Trung ương giao	Kinh phí UBND tỉnh giao(*)	Kinh phí thực hiện	Ghi chú
2017	25.960	23.364	23.364,000	
2018	27.586	24.827	2.606,540	Tính đến 15/4/2018
<b>Tổng cộng</b>	<b>53.546</b>	<b>48.191</b>	<b>25.970,540</b>	

(\*) Hàng năm giảm 10-20% tỉ lệ tiết kiệm chi phí cách tính

(chi tiết tại các Biểu 9, 10, 11, 12)

### 3. Về hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

#### 3.1 Lĩnh vực khoa học tự nhiên

Các nghiên cứu về ưu tiên tự nhiên cấp tỉnh khai thác nâng cao công tác quản lý nhà nước, đưa các biện pháp khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên: nghiên cứu phát hiện các loài thực vật quý hiếm tại khu bảo tồn thiên nhiên cấp tỉnh Láng Sen, khảo sát điều tra tổng thể xây dựng kế hoạch bảo tồn nguồn gen thực vật Long An.

#### 3.2. Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

Nội dung: tài liệu nghiên cứu các yếu tố tổng hợp (TFP), đánh giá đóng góp của khoa học và công nghệ vào TFP cấp tỉnh giai đoạn 2011-2014; Triển khai đánh giá thực trạng phát triển công nghệ hiện tại trên địa bàn tỉnh Long An, tổng kết xu hướng các giải pháp phát triển công nghệ hiện tại trong 6 ngành hàng chủ lực cấp tỉnh Long An: chế biến thực phẩm, may mặc, da-giày, bao bì, nhựa, dệt may.

#### 3.3. Lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ

Xây dựng mô hình ứng dụng pin năng lượng mặt trời vào cơ quan hành chính nhà nước; ứng dụng công nghệ xử lý nước thải cung cấp nước sinh hoạt, nước uống sạch

tr ợng h c, c m, tuy n dân c , các vùng sâu, vùng xa trong t nh; ợng d ợng và tri n khai các gi i pháp chi u sáng tiên ti n t t ki m i n, thông minh và thân thi n môi tr ợng; Xây d ợng c u giao thông nông thôn b ợng v t li u bê tông tính n ợng siêu cao c t thép phân tán UHPC t i p C Sách, xã V nh L i, huy n Tân H ợng, t nh Long An.

### **3.4. L nh v c khoa h c y, d c**

Tri n khai tài “Nghiên c u d ch t và áp d ợng chi n l c x lý hen ph qu n toàn c u trong i u tr hen ph qu n t nh Long An 2013-2014” nh m ki m soát b nh hen ph qu n trên à bàn t nh, nâng cao ch t l ợng cu c s ợng cho b nh nhâ; t ó ánh giá hi u qu và tính kh thi c a ph ợng pháp i u tr hen ph qu n theo GINA, ợng th i xu t m t s bi n pháp c i ti n cho phù h p v i tình hình t nh Long An.

### **3.5. L nh v c khoa h c nông nghi p**

Tri n khai 03 tài c p nhâ n c: ợng d ợng công ngh s n xu t phân ph c h p h u c t b ờn áy ao nuôi thu s n và r m r cho các lo i cây tr ợng chính c a t nh Long An; ợng d ợng công ngh s n xu t các ch p h m sinh h c t h ờm r u, cám g o, phân trùn ph c v nông nghi p t t nh Long An; Khai thác và phát tri n ngu n gen gi ợng lúa Nàng th m Ch ào t i M L , huy n C n c, t nh Long An.

M t s tài t các n m tr c chuy n sang t k t qu kh quan nh : cây khoai m B n Kè; s ch , b o qu n chanh không h t; xây d ợng h th ợng theo d ời t i tiêu thông minh trên cây thanh long, xây d ợng mô hình tr ợng rau theo h ợng an toàn, b n v ợng, th nghi m các mô hình nuôi ong dú, cá l ợng nha, nuôi ch k t h p cá rô trong v ờ ... g ợp ph n t o công n vi c làm và t ợng thu nh p cho ợng i nông dân, giúp nông dân ti p c n các quy trình k thu t tiên ti n, ợng d ợng ti n b k thu t vào s n xu t và i s ợng.

*(chi ti t Bi u 14 và 15)*

## **4. V công tác qu n lý công ngh**

- T ch c th m nh công ngh 50d án u t theo ợng c a các c quan ti p nh n u t . K t qu có 02 d án công ngh tiên ti n, 39 d án có công ngh trung bình ti n ti n và 9 d án có công ngh trung bình.

Ngoài ra, S Khoa h c và Công ngh ã ch trì cho ý ki n v công ngh i v i 110 d án u t (không thu c i t ợng th m nh công ngh ). K t qu có 03 d án có công ngh m c tiên ti n, 78 d án có công ngh m c trung bình tiên ti n, 28 d án có công ngh m c trung bình và 01 d án có công ngh l c h u.

- C p 02 gi y ch ợng nh n ợng ký H p ợng chuy n giao công ngh cho Công ty CP Greenfeed Vi t Nam; Công ty TNHH Formosa Vi t Nam v gi ợng gia súc và công ngh d t.

*(chi ti t t i Bi u 2)*

## **5. V ho t ợng an toàn b c x**

-Tham m u UBND t nh ban hành Quy t nh thành l p Ban ch huy và i ợng phó u tiên c p t nh ợng phó s c b c x h t nhâ n m 2017 và phê duy t K ho ch ợng phó s c b c x h t nhâ n m 2017.



- C p phép t i n hành công vi c b c x cho 23 c s ; Gia h n gi y phép t i n hành công vi c b c x cho 06 c s ; C p ch ng ch nhân viên b c x cho 08 c s . Tham m u ban hành Quy t nh phê duy t k ho ch ng phó s c b c x , h t nhân c p c s cho 11 c s .

*(chi ti t t i Bi u 6)*

## **6. V ho t ng s h u trí tu , phong trào lao ng sáng t o, phát huy sáng ki n, c i t i n k thu t**

- ã t i n hành th t c ng ký 32 nhân hi u cho 26 n v là công ty, h kinh doanh, HTX và t i n hành th t c ng ký gia h n 21 nhân hi u cho 09 công ty t i C c SHTT. H tr th t c chuy n giao quy n s h u gi y ch ng nh n ng ký nhân hi u cho 01 n v .

- Ph i h p tri n khai các cu c, h i thi c a t nh: H i thi sáng t o k thu t t nh; Cu c thi sáng t o thanh thi u niên nhi ng t nh Long An 2017; H i thi sáng t o cho l c l ng v trang 2016-2017; H i thi tin h c tr t nh Long An l n th 21 và 22.

*(chi ti t t i Bi u 3)*

## **7. V công tác TC LCL**

- T i p nh n, ki m tra, th m nh h s và xác nh n doanh nghi p làm th t c thông quan 15 h s hàng hóa nh p kh u; 322 h s ng ký ki m tra ch t l ng thép nh p kh u c a các doanh nghi p trên a bàn qu n lý c a t nh. Công b h p chu n, h p quy 74 h s . H ng d n 06 doanh nghi p tìm hi u v xây d ng tiêu chu n c s và công b tiêu chu n áp d ng cho s n ph m.

- Tri n khai th c hi n k ho ch áp d ng H th ng qu n lý ch t l ng (HTQLCL) theo tiêu chu n TCVN ISO 9001:2008 trong các c quan hành chính nhà n c (HCNN): hi n 48/48 n v c p t nh, huy n ang duy trì áp d ng HTQLCL và ã th c hi n công b HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2008; 83/192 n v hành chính c p xã ã hoàn thành vi c xây d ng, áp d ng h th ng, duy trì và ã th c hi n công b ; 18c quan c p xã ang th c hi n vi c xây d ng, và áp d ng h th ng, d ki n th c hi n công b HTQLCL; 07 n v c p t nh, c p huy n thu c i t ng khu y n khác ã hoàn thành vi c xây d ng, áp d ng, duy trì và ã công b áp d ng h th ng.

- Ho t ng Gi i th ng ch t l ng qu c gia: trong n m 2017, ã có 08 doanh nghi p ng ký tham d . Có 04/08 doanh nghi p hoàn thi n báo cáo theo 7 tiêu chí, hoàn ch nh thành ph n h s tham d , H i ng s tuy n t nh ã ánh giá t và xu t n H i ng qu c gia xét t ng gi i th ng Ch t l ng Qu c gia 2017 i v i 04 doanh nghi p nh sau: Gi i Vàng Ch t l ng Qu c gia 03 doanh nghi p Công ty TNHH gi y Yuen Foong Yu; Công ty C p h n c p thoát n c Long An; Công ty C p h n c khí ch t o máy Long An và Gi i B c Ch t l ng Qu c gia i v i Công ty TNHH Túi Xách Simone Vi t Nam.

Ngoài ra, t i p nh n v n b n c a T ng c c Tiêu chu n o l ng Ch t l ng v vi c thông báo Công ty C p h n Long H u (t nh Long An) t Gi i th ng Ch t l ng Qu c t Châu Á – TBD (GPEA) n m 2017 (*Thông báo s 1990/T C-TCCL ngày 15/8/2017c a T ng c c Tiêu chu n o l ng Ch t l ng*).

*(chi ti t t i bi u 4)*

## **8. V công tác thông tin, tuyên truy n, ph bi n KH&CN**

- Phát hành 01 b n tin KH&CN nh k .

- Tuyên truyền 416 tin, bài viết báo KH&CN và văn bản pháp luật mới trên trang thông tin internet của S KH&CN; 30 tin báo khoa học và công nghệ trên Báo Long An nhả hàng tháng và Chuyên trang KH&CN và internet, 03 tin internet trên Tạp chí KH&CN Việt Nam; 15 chương trình Tạp chí KH&CN và internet phát trên sóng truyền hình và phát thanh của Đài Phát thanh và Truyền hình Long An nhả hàng tháng.

(chi tiết tiếp tục 3)

## 9. Công tác thanh tra chuyên ngành KH&CN

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra về nội dung tiêu chuẩn, nội dung, chất lượng và ghi nhận hàng hóa; thanh tra chuyên ngành đối với các cơ sở sản xuất nông nghiệp phóng xạ và 314 cơ sở. Trong đó có 25 cơ sở có hành vi vi phạm. Qua đó, đã ban hành 23 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và tham mưu UBND tỉnh ban hành 02 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 865.195.830 đồng.

- Thanh tra về thực hiện nhiệm vụ KH&CN: Sở Khoa học và Công nghệ đã giao Thanh tra Sở chỉ đạo thực hiện thanh tra tài "ánh giá hiện trạng và đề ra biện pháp quản lý, phát triển các loài thực vật quý hiếm tại khu bảo tồn thiên nhiên Cánh Sen". Giám đốc Sở đã yêu cầu chủ trì công tác quản lý, công tác kiểm tra trong quá trình triển khai các nội dung tài; kiểm tra, phê bình trong quá trình thanh toán, tránh tình trạng nợ; ngành Hội đồng khoa học tỉnh tổ chức đánh giá giá cả, xem xét các kết quả tài và đề ra hướng xử lý theo quy định.

- Thực lý và giải quyết 06 vụ tố cáo: trong đó 05 vụ tố cáo về vi phạm quy định sử dụng đất đai và 01 vụ tố cáo ảnh hưởng kém chất lượng thu nhập quy định, đã tiến hành xác minh và giải quyết theo quy định; trong đó 01 vụ tố cáo xâm phạm quyền lợi hàng hóa và 01 vụ tố cáo ảnh hưởng kém chất lượng có nội dung không đúng và 04 vụ tố cáo xâm phạm quyền lợi hàng hóa là đúng. Qua đó, đã ban hành 02 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và tham mưu UBND tỉnh ban hành 01 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 234.140.087 đồng (Trong đó phạt vi phạm hành chính là 219.200.000 đồng và thu hồi thuế lợi nhuận pháp là 14.940.087 đồng); 01 trường hợp trong quá trình giải quyết các cơ sở vi phạm yêu cầu làm cam kết không tiếp tục xâm phạm quyền lợi hàng hóa và đề nghị xử lý về vi phạm.

(chi tiết tiếp tục 5)

## 10. Hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập và tình hình phê duyệt dự án đầu tư tài chính

Hiện nay, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Long An có 02 tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm: Trung tâm Nghiên cứu Tin học KH&CN (VSN thuộc Sở KH&CN), Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (VSN thuộc Chi cục TC LCL). Riêng Trung tâm Thông tin và Công nghệ KH&CN (VSN trực thuộc Sở KH&CN) mới thành lập từ tháng 7/2016 của các cấp Ủy ban Quản lý và Điều hành tổ chức KH&CN.

Trung tâm Nghiên cứu Tin học Khoa học và Công nghệ và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã xây dựng dự án đầu tư theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức khoa học và công nghệ công lập giai đoạn 2016-2020 và các UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4486/QĐ-UBND và Quyết định số 4487/QĐ-UBND ngày 13/12/2017. Theo đó, trong năm 2018, 02

Trung tâm Giao thông hiện 11 nhiệm vụ (Trung tâm Nghiên cứu Tiềm năng KH&CN: 04; Trung tâm Kỹ thuật T.C: 07) với kinh phí tổng cộng là 3,5 tỷ đồng.

## **11. Hoạt động trong nước và quốc tế về KH&CN**

### **a) Hoạt động trong nước**

- Phối hợp với các vị trí, trung tâm trong và ngoài nước triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trên các lĩnh vực nông nghiệp, kỹ thuật công nghệ, tự nhiên, xã hội nhân văn ... như: trung tâm Nghiên cứu Kinh tế Công nghiệp Long An, trung tâm Nghiên cứu Công nghệ Sinh học Xã hội và Nhân văn, Viện Lúa nước vùng sông Cửu Long, Viện Cây ăn quả miền Nam, ...

- Phối hợp với các cơ quan Bộ KH&CN theo dõi, triển khai các dự án thực hiện Chương trình hợp tác nghiên cứu và chuyển giao tiềm năng KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2011-2015, giai đoạn 2016 – 2025 và nhiệm vụ quốc gia: “Nghiên cứu công nghệ sản xuất phân hữu cơ từ bùn đáy ao nuôi thủy sản và rơm rạ cho các loại cây trồng chính của tỉnh Long An”; “Nghiên cứu công nghệ sản xuất các chế phẩm sinh học từ mùn rơm, cám gạo, phân trùn phân bón nông nghiệp tại tỉnh Long An”; “Khai thác và phát triển nguồn gen giống lúa Nàng thơm Cháo tại Miền Bắc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An”.

- Liên kết các trung tâm Nghiên cứu Tháp, Tỉnh Giang triển khai dự án liên kết phát triển bền vững tiểu vùng Nghiên cứu Tháp Miền nam 2020, tầm nhìn năm 2030.

- Tham gia chương trình Hợp tác phát triển Doanh nghiệp KH&CN và Tổ chức KH&CN công lập thực hiện các chức năng, trách nhiệm, Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ Công ty Cổ phần Khí Chế tạo máy Long An (LAMICO) là Doanh nghiệp KH&CN thực hiện 02 tài sản nhà nước: “Hoàn thiện công nghệ bảo quản, thi công chế tạo thiết bị bảo quản lúa ngoài trời bằng Silo tròn” kinh phí 37,242 tỷ đồng, “Hoàn thiện công nghệ sản xuất máy tách màu phân loại gạo sử dụng công nghệ x lý nh” kinh phí 12,316 tỷ đồng.

- Phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế - Viện quốc gia thực hiện tài sản nhà nước: “Nghiên cứu nghiên cứu công nghệ sinh học sinh sản tổ ong thụ tinh nhân bản” kinh phí 20,970 tỷ đồng.

### **b) Hoạt động quốc tế**

- Tham gia Hội thảo “Công nghệ lõi của nền kinh tế số, nhiệm vụ, nhiệm vụ biến thành nền kinh tế” do Công ty Phoenix Revolution-Hoa Kỳ tổ chức; Hội thảo “Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp nghiên cứu công nghệ cao vùng nghiên cứu sông Cửu Long năm 2020” do Công ty Hana Jonghap Vina Co.Ltd (Hàn Quốc) tổ chức.

- Tham phán với Công ty Neighbor System (Hàn Quốc), Các Công tác phía nam – Bộ KH&CN thực hiện dự án: “Đổi mới khi thông minh hệ thống nông nghiệp, đổi mới tiến bộ phục vụ sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Dự án hỗ trợ tài trợ nguồn vốn ODA không hoàn lại của Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA). đang hoàn tất hồ sơ xin hỗ trợ vốn.

- Thụ nhận với Công ty TNHH T.H.M cùng Công ty TNHH Buchi Singapore với việc hỗ trợ Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Long An tiếp cận công nghệ sản xuất Cao Linh chi.

## II. ÁNH GIÁ CHUNG

Hoạt động KH&CN của tỉnh Long An trong giai đoạn qua đạt được nhiều thành tựu quan trọng góp phần vào sự phát triển KTXH địa phương. Các kết quả đạt được trong trình độ, tài, dự án đã góp phần gia tăng quy mô và chất lượng của xã hội, phục vụ thị trường và sản xuất và đời sống.

Công tác quản lý nhà nước về KH&CN ngày càng duy trì ổn định. Công tác thông tin tuyên truyền về KH&CN được tăng cường qua việc phối hợp với các cơ quan Báo, đài tuyên truyền rộng rãi và thông qua các kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh nhằm nâng cao dân trí và xã hội, nâng cao nhận thức về vai trò của khoa học và công nghệ địa phương.

Tìm kiếm KH&CN tiềm năng để nâng cao, hình thành các doanh nghiệp, tổ chức KH&CN, ưu tiên nâng cao chất lượng và thu hút cho các nhà đầu tư nghiên cứu thông qua việc triển khai thực hiện các dự án ưu tiên theo Quyết định số 317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

## III. KHÓ KHĂN, HƯỚNG ĐI

Nguồn tài chính cho hoạt động KH&CN địa phương còn hạn hẹp, nhiều tài sản công không có kinh phí thực hiện phí tổn thì gian lận chi phí hoặc chi phí không cần thiết. Công tác xã hội hóa các hoạt động KH&CN cần tiếp tục huy động nguồn vốn đầu tư cho KH&CN vẫn còn hạn chế do chưa có quy định về hợp tác công tư trên lĩnh vực KH&CN. Doanh nghiệp địa phương chưa quan tâm đầu tư, nghiên cứu KH&CN nhằm nâng cao năng suất.

Quy hoạch phát triển KH&CN tỉnh Long An đã thành lập nhưng chưa có kinh phí hoạt động. Chính sách ưu đãi đối với Doanh nghiệp KH&CN chưa thực sự thu hút, số lượng và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp KH&CN chưa được phát huy.

Bộ Khoa học và Công nghệ phân bổ hạn chế kinh phí đầu tư phát triển cho địa phương, trong khi Bộ KH&T phân bổ vốn địa phương không cấp ngân sách “đầu tư công nghệ năng lực công nghiệp, thử nghiệm chuyển đổi sản phẩm, hàng hóa phục vụ quản lý nhà nước tỉnh Long An, giai đoạn 2013 – 2016”, do đó, dự án triển khai phân xây dựng gần hoàn thành lập kế hoạch kinh phí mua sắm thiết bị.

Nội dung hợp tác quốc tế về KH&CN còn khiêm tốn. Năng lực tiếp cận các nguồn lực quốc tế còn hạn chế.

## III. XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Hỗ trợ gia tăng quy mô và chất lượng của xã hội, nâng cao nhận thức của nhân dân về vai trò và lợi ích của công nghệ thông tin. Bộ Khoa học và Công nghệ Long An kính trình Lãnh đạo Bộ KH&CN bố trí một bộ phận làm việc tại Lãnh đạo tỉnh Long An, nhằm thông tin và hỗ trợ gia tăng quy mô và chất lượng của xã hội, nâng cao nhận thức của nhân dân về vai trò và lợi ích của công nghệ thông tin mua sắm trang thiết bị cho “Dự án đầu tư công nghệ năng lực công nghiệp, thử nghiệm chuyển đổi sản phẩm, hàng hóa phục vụ quản lý nhà nước tỉnh Long An, giai đoạn 2013 - 2016”.

- Bộ KH&CN xem xét, nâng cao phân bổ kinh phí nghiên cứu KH&CN hàng năm thực hiện các nhiệm vụ khoa học còn chưa có kinh phí thực hiện. Đồng thời có cơ chế miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và ưu tiên phân bổ kinh phí đầu tư phát triển ứng dụng công nghệ KH&CN phê duyệt.

- Bộ KH&CN xem xét, có ấn cấp kinh phí hỗ trợ luận cho Quy Phát triển KH&CN của tỉnh Long An đi vào hoạt động.
- Bộ KH&CN xem xét ban hành chính sách và hợp tác công tác trên lĩnh vực KH&CN.

## **Phần II**

### **NHỆ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KH&CN TRONG THỜI GIỚI MỚI**

#### **1. Xây dựng cơ sở pháp lý và phát triển tiềm lực KH&CN**

- Thực hiện ấn định quy định cơ sở pháp lý KH&CN theo hướng 04 phòng chuyên môn, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Trung tâm Nghiên cứu, Kỹ thuật và Thông tin KH&CN.

- “Y nhanh tiến thi công dự án” để nâng cao năng lực đo lường, thực nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa phục vụ quản lý nhà nước tỉnh Long An, giai đoạn 2013-2016” của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Hoàn thành các thủ tục, quy định các quy định xã hội để Thực hiện nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ Tháng Mười giai đoạn 2.

#### **2. Tăng cường nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

- Tập trung nghiên cứu, phát triển ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp, nhất là trong công tác lai tạo các giống cây trồng, vật nuôi để tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Ưu tiên nghiên cứu ứng dụng các nguồn năng lượng mới vào các lĩnh vực: vật liệu xây dựng, năng lượng tái tạo và xử lý môi trường, góp phần tiết kiệm năng lượng, hạ giá thành sản phẩm, đa dạng hóa các nguồn cung cấp năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, phát triển xanh và bền vững.

#### **3. V Tiêu chuẩn - đo lường - Chất lượng**

- Tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp của tỉnh tăng cường quản lý và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hàng hóa, hướng dẫn doanh nghiệp tham gia thị trường quốc gia và khu vực, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận và tham gia chính sách khuyến khích, hỗ trợ nâng cao NSCL sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ công nghệ dịch vụ các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân trên địa bàn tỉnh Long An.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát vị trí triển khai, xây dựng và áp dụng HTQLCL tại các cơ quan, đơn vị HCNN và tiếp tục triển khai xây dựng, áp dụng HTQLCL tại các cơ quan, đơn vị xây dựng mới HTQLCL; duy trì, củng cố HTQLCL tại các cơ quan đã thực hiện công bố HTQLCL.

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 163/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa VIII – kỳ họp thứ 11 về khuyến khích, hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ công nghệ dịch vụ các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân trên địa bàn tỉnh Long An.

#### **4. V S h u trí tu**

- y m nh công tác ào t o, tuyên truy n, h tr , t v n, h ng d n, xây d ng, b o v và phát tri n tài s n trí tu .

- T ng c ng công tác h tr và t v n cho các t ch c, cá nhân trong vi c xác l p, giám nh, th m nh, ánh giá, nh giá, khai thác và phát tri n tài s n trí tu . Th c hi n xây d ng và ng ký ch d n a lý trong n c và n c ngoài i v i s n ph m thanh long Châu Thành.

#### **5. V công tác Thanh tra KH&CN**

- T ng c ng công tác thanh tra, ki m tra i v i các ch ng trình, tài, d án nghiên c u khoa h c, vi c th c hi n các quy nh pháp lu t v tiêu chu n - o l ng - ch t l ng, các quy nh c a pháp lu t v chuy n giao công ngh và thi t b , thanh tra v s h u công nghi p và an toàn b c x h t nhân.

- T ng c ng công tác thanh tra hành chính, thanh tra trách nhi m trong vi c th c hi n nh ng quy nh pháp lu t v phòng ch ng tham nh ng các n v tr c thu c.

- Gi i quy t n, th khi u n i, t cáo theo úng quy nh pháp lu t, không tình tr ng n th t n ng, kéo dài.

#### **6. V thông tin KH&CN**

- y m nh công tác thông tin, tuyên truy n KH&CN trên Báo Long An và ài Phát thanh và Truy n hình Long An thông qua ch ng trình ph i h p.

- T p trung y m nh tuyên truy n nâng cao nh n th c xã h i v vai trò c a KH&CN phù h p v i ng l i, ch tr ng c a ng và Nhà n c. Thông tin k p th i các ti n b khoa h c k thu t n tr c ti p cho ng i dân nông thôn giúp ng i dân n m b t c các quy trình k thu t áp d ng vào s n xu t m t cách hi u qu .

- Xây d ng c s d li u KH&CN.

- Xây d ng và tri n khai áp d ng thí i m h th ng ph n m m ng d ng công ngh thông tin vào ho t ng qu n lý c a S Khoa h c và Công ngh phù h p v i tiêu chu n qu c gia TCVN ISO9001.

#### **7. H p tác v KH&CN**

- T ng c ng ph i h p v i B Khoa h c và Công ngh trong vi c tri n khai th c hi n các nhi m v khoa h c và công ngh a ph ng, c bi t là các ch ng trình c p qu c gia.

- y m nh và m r ng h p tác khoa h c và công ngh v i các t nh khu v c vùng kinh t tr ng i m phía Nam, các t nh thu c ti u vùng ng Tháp M i, các vi n nghiên c u, các tr ng i h c trong và ngoài t nh.

- Xúc ti n các quan h h p tác v KH&CN qu c t áp ng yêu c u phát tri n kinh t c a t nh./.

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH HO T NG KH&CN GIAI O N 2017- 2018**  
**C A T NH SÓC TR NG VÀ NH H NG HO T NG**  
**TRONG TH I GIANT I**

*S KH&CN t nh Sóc Tr ng*

**Ph n I**  
**TÌNH HÌNH HO T NG KHOA H C VÀ CÔNG NGH**  
**GIAI O N 2017-2018**

**I. NH NG K T QU T C**

**1. V công tác tham m u**

Nh m giúp cho công tác qu n lý ho t ng khoa h c và công ngh (KH&CN) trên à bàn t nh c thu n l i h n, trên c s Lu t KH&CN, các quy nh c a Chính ph và h ng d n c a B KH&CN, S KH&CN tham m u trình UBND t nh ban hành:

- Quy t nh s 45/2017/Q -UBND ngày 21/12/2017 c a UBND t nh Sóc Tr ng ban hành Quy nh v xác nh, tuy n ch n, giao tr c t i p và ánh giá, nghi m thu các nhi m v KH&CN t nh Sóc Tr ng.

- Quy t nh s 2717/Q -UBND ngày 24/10/2017 c a UBND t nh Sóc Tr ng ban hành Quy ch ph i h p trong công tác qu n lý ho t ng KH&CN gi a các s , ban, ngành trên à bàn t nh Sóc Tr ng.

Ngoài ra, S ã ban hành K ho ch s 16/KH-SKHCN ngày 27/4/2017 th c hi n các Ngh quy t s 03-NQ/TU ngày 02/8/2016 c a Ban ch p hành ng b t nh v th c hi n Ch ng trình m c tiêu Qu c gia gi m nghèo b n v ng giai o n 2016-2020; Ngh quy t s 04-NQ/TU ngày 02/8/2016 c a Ban ch p hành ng b t nh v xây d ng nông thôn m i t nh Sóc Tr ng, giai o n 2016-2020; Ngh quy t s 05-NQ/TU ngày 02/8/2016 c a Ban ch p hành ng b t nh v phát tri n du l ch t nh Sóc Tr ng n n m 2020, nh h ng n n m 2025.

**2. Xây d ng h th ng t ch c cán b và phát tri n ti m l c khoa h c và công ngh**

**2.1. V nhân l c**

S KH&CN t nh Sóc Tr ng có 05 phòng, bao g m: V n phòng; Thanh tra; Phòng K ho ch - Tài chính; Phòng Qu n lý KH&CN; Phòng Qu n lý chuyên ngành và 02 n v tr c thu c (Chi c c Tiêu chu n o l ng Ch t l ng; Trung tâm ng d ng Ti n b KH&CN và Trung tâm K thu t Tiêu chu n o l ng Ch t l ng thu c Chi c c Tiêu chu n o l ng Ch t l ng), v i 71 công ch c, viên ch c và nhân viên.

**B ng s li u v ngu n nhân l c c a S KH&CN**

S T T	Tên n v	T ng s	Phân theo trình					
			Ti n s	Th c s	i h c	Cao ng	Trung c p	Khác
1	Kh i V n phòng S	28	-	7	16	1	-	4
2	Chi c c Tiêu chu n o l ng Ch t l ng	15	-	1	8	-	3	3
3	Trung tâm ng d ng Ti n b KH&CN	21	1	3	14	-	1	2

4	Trung tâm K thu t Tiêu chu n o l ng Ch t l ng	7	-	-	6	1	-	-
---	--	---	---	---	---	---	---	---

## 2.2. H th ng t ch c ho t ng KH&CN

Hi n nay, trên à bàn t nh Sóc Tr ng có 12 t ch c KH&CN. Các t ch c KH&CN ho t ng trong các l nh v c nh : Khoa h c T nhiên, Khoa h c K thu t và Công ngh , Khoa h c Y d c, Khoa h c Xã h i, Khoa h c Nhân v n, Khoa h c Nông nghi p. T ng s nhân l c c a 12 t ch c KH&CN là 1.231 ng i. T ng s v n c s v t ch t-k thu t c a 12 t ch c KH&CN ã ng ký là 773.338.121.000 ng.

N m 2017, các t ch c KH&CN ã và ãng tri n khai th c hi n 40 tài, d án (trong ó có 10 tài, d án c p t nh và 30 tài, d án c p c s ) thu c các l nh v c nh khoa h c k thu t và công ngh , khoa h c nông nghi p, khoa h c y d c, khoa h c xã h i, khoa h c nhân v n v i t ng s kinh phí th c hi n là 4.711.187.000 ng t các ngu n kinh phí s nghi p KH&CN, y t , nông nghi p và các ngu n khác. Bên c nh ó, các t ch c KH&CN ã th c hi n 35 H p ãng d ch v KH&CN v i t ng s kinh phí là 6.292.992.000 ng thu c các lo i hình chuy n giao công ngh , d ch v k thu t, t v n,...

Theo Quy t nh s 2380/Q -UBND ngày 13/10/2015 c a Ch t ch UBND t nh Sóc Tr ng, Trung tâm ãng d ng Ti n b KH&CN tr c thu c S KH&CN là t ch c KH&CN công l p t b o m kinh phí chi th ng xuyên t n m 2015 n 2019 theo Ngh nh s 115/2005/N -CP ngày 05/9/2005 c a Chính ph v vi c quy nh c ch t ch , t chu trách nhi m c a t ch c KH&CN công l p và Ngh nh s 96/2010/N -CP s a i, b sung m t s i u c a Ngh nh s 115/2005/N -CP. Hi n nay, c n c theo Ngh nh s 54/2016/N -CP ngày 14/6/2016 c a Chính Ph , Trung tâm ãng d ng Ti n b KH&CN ãng xây d ng ph ãng án chuy n i thành t ch c KH&CN công l p t m b o chi th ng xuyên trình UBND t nh phê duy t.

## 2.3. Kinh phí ho t ng KH&CN giai o n 2016 – 2018

Trong giai o n 2016 - 2018, t ng kinh phí s nghi p KH&CN và u t phát tri n KH&CN c UBND t nh giao là 100.986.000.000 ng, th c hi n 38.318.000.000 ng (Bi u 8, 9, 10, 11 và 12).

## 3. V ho t ng nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh

Trong giai o n 2016 - 2018, có 47 tài, d án c p t nh ã và ãng tri n khai th c hi n thu c các l nh v c khác nhau; trong ó, 22 tài, d án ã nghi m thu và ã t c m t s k t qu tiêu bi u (Bi u 14 và 15).

## 4. V công tác qu n lý công ngh

S KH&CN ph i h p v i Ban Qu n lý D án Phát tri n doanh nghi p nh và v a t nh Sóc Tr ng t ch c H i th o nh h ng h tr doanh nghi p vùng ng b ng sông C u Long i m i công ngh , thi t b k t h p v i tr ng bày, gi i thi u s n ph m công ngh , thi t b c a m t s t ch c KH&CN. H i th o ã di n ra thành công v i s tham d c a 150 i bi u trong và ngoài t nh, ng th i có 28 n v , cá nhân n tr ng bày, gi i thi u s n ph m công ngh , thi t b và có kho ng 400 l t ng i trong và ngoài t nh n tham quan tìm hi u thông tin. Bên c nh ó, S KH&CN ã t ch c bu i T a àm “Gi i thi u m t s công ngh , k t qu nghiên c u, ãng d ng KH&CN trong ch bi n, thu ho ch b o qu n nông s n”. Bu i T a àm ã di n ra thành công v i s tham d c a 200 i bi u. Các ho t ng này ã



t o c h i trao i h p tác v i các n v , các t ch c trong và ngoài t nh, h tr các doanh nghi p trong v i c i m i, chuy n giao công ngh , ng d ng các t i n b KH&CN vào s n xu t; t o i u ki n cho các t ch c, cá nhân có nhu c u k t n i tr c ti p v i nh ng nhà cung ng, các chuyên gia có uy tín v công ngh , góp ph n phát tri n th tr ng KH&CN c a t nh Sóc Tr ng nói riêng và vùng ng b ng sông C u Long nói chung.

Ngoài ra, n m 2017, c ng thông tin giao d ch công ngh , thi t b c a S KH&CN t nh Sóc Tr ng (*sttech.vn*) c xây d ng, có 113 công ngh , thi t b , s n ph m m i c ng trên c ng thông tin. Qua ó, các t ch c, doanh nghi p trong và ngoài t nh có th tìm mua ho c chào bán s n ph m công ngh , thi t b thu c m i l nh v c s n xu t, t ng b c a công ngh hi n i ng nh n v i doanh nghi p và a ph ng. Trong giai o n 2017 - 2018, ã th m nh công ngh c a 15 d án ut .

## **5. Ho t ng an toàn b c x**

Công tác tham m u c p gi y phép s d ng thi t b X-quang ch n oán trong y t và Ch ng ch nhân viên b c x c th c hi n úng quy nh. S KH&CN ang tri n khai ng d ng h th ng M t c a i n t và d ch v công tr c tuy n c p 3 trong công tác c p phép. (*Bi u 6*)

Công tác qu n lý an toàn b c x c quan tâm. S KH&CN ã t ng c ng ph bi n ki n th c pháp lu t; h ng d n th c hi n khai báo, xin c p phép ph i h p thanh tra, ki m tra nên ý th c ch p hành các quy nh v an toàn b c x c a các c s s d ng thi t b X-quang ch n oán trong y t c nâng lên.

Tham m u UBND t nh xây d ng K ho ch ng phó s c b c x và h t nhân c p t nh trên a bàn t nh Sóc Tr ng. n nay B KH&CN ã ra quy t nh phê duy t.

## **6. Ho t ng SHTT, phong trào lao ng sáng t o, phát huy sáng ki n, c i ti n k thu t**

Công tác tuyên truy n, ph bi n các v n b n h ng d n v ho t ng sáng ki n c các ngành quan tâm ch o th c hi n: Ph bi n Ngh nh s 13/2012/N -CP ngày 02/3/2012 c a Chính ph , Thông t s 18/2013/TT-BKH&CN ngày 01/8/2013 c a B KH&CN. Bên c nh ó, còn phát ng phong trào lao ng sáng ki n g n li n v i công tác thi ua, khen th ng hàng n m. ng th i, S KH&CN còn ph bi n sáng ki n b ng cách ng t i các sáng ch , gi i pháp h u ích trên trang thông tin i n t c a S các t ch c, cá nhân và doanh nghi p trong t nh tham kh o khi có nhu c u.

Ho t ng khuy n khích phong trào thi ua lao ng sáng t o trên a bàn t nh Sóc Tr ng c tri n khai v i nhi u hình th c nh : H i thi sáng t o k thu t, Cu c thi sáng t o thanh thi u niên, nhi ng, Ch ng trình tài tr doanh nghi p nh và v a, Bình ch n s n ph m công nghi p nông thôn tiêu bi u ã góp ph n tìm ra nh ng nhân t i n hình, làm nòng c t cho phong trào phát huy sáng ki n, c i ti n k thu t; t ng k t c nh ng gi i pháp k thu t m i, nh ng s n ph m tiêu bi u ph bi n áp d ng vào th c t s n xu t và i s ng. (*Bi u 3*)

## **7. Công tác Tiêu chu n - o l ng - Ch t l ng**

### **7.1. Công tác qu n lý tiêu chu n, ch t l ng**

H ng d n 15 h kinh doanh, doanh nghi p, 02 công ty và 01 n v ng ký s d ng thêm mã s mã v ch v i 129 mã v t ph m (cho các s n ph m: bánh ph ng tôm, n c u ng

Linh chi, óng chai, h p Trà túi l c Linh chi, cà phê Ngh a, bánh pía, bún g o khô, bún t i khô, nui, bánh trắng, h ti u g o, tinh d u, bánh pía, bánh pía chay và bánh in...) và 01 mã thùng.

H ng d n H kinh doanh c s b o t ng i ng d c li u Hòa An xây d ng Tiêu chu n c s tinh d u s , b i, khuynh di p, trà, b c hà.

C p 02 phi u thông báo ti p nh n h s công b h p chu n cho Xí nghi p ông l nh An Phú - Công ty C p h n Th y S n Sóc Tr ng (STAPIMEX) v i 02 s n ph m.

### **V ho t ng Gi i th ng Ch t l ng Qu c gia (GTCLQG)**

N m 2017, v n ng 04 doanh nghi p tham gia GTCLQG, có 02 DN ng ký tham d . K t qu , 01 doanh nghi p do m i thành l p không có s li u vi t báo cáo tham d GTCLQG, 01 doanh nghi p không áp ng các quy nh t i Thông t s 17/2011/TT-BKHCN nên H i ng S tuy n t nh Sóc Tr ng ã g i v n b n ng ng ánh giá h s .

N m 2018, v n ng 05 doanh nghi p tham gia Gi i th ng ch t l ng qu c gia n m 2018, k t qu , có 03 doanh nghi p g i phi u ng ký tham d .

### **V ho t ng ánh giá k t qu th nghi m**

ánh giá k t qu th nghi m 69 m u (59 m u phân bón, 01 m u ng d o hi u L p H ng, 04 m u x ng RON 95, 03 m u x ng RON 92, 02 m u d u DO 0,05 S) theo yêu c u c a Chi c c Qu n lý th tr ng, Phòng C nh sát Kinh t , Chi c c Qu n lý Ch t l ng Nông lâm s n và Th y s n, oàn Thanh tra chuyên ngành v tiêu chu n, o l ng, ch t l ng x ng d u và các quy nh v o l ng i v i ph ng ti n o nhóm 2 trên a bàn t nh Sóc Tr ng. K t qu : có 23 m u phân bón không t ch t l ng theo quy nh, 01 m u x ng RON 95, 01 m u x ng RON 92 có tr s octan (RON) không phù h p v i quy nh và 01 m u ng d o có hàm l ng Sulfite (SO<sub>2</sub>) không phù h p v i m c công b theo H s công b phù h p quy nh an toàn th c ph m.

### **7.2. Công tác qu n lý o l ng**

Xác nh sai s 05 ng h n c l nh và 04 công t i n c a các cá nhân, n v trên a bàn t nh Sóc Tr ng. Ki m tra, giám sát tình hình ho t ng i m ki m nh các huy n, th xã và thành ph , hoán i 806 qu cân chu n M<sub>1</sub>. C ki m nh viên h tr i m ki m nh cân thông d ng t i các ch trên a bàn t nh Sóc Tr ng.

ã th c hi n dán tem, k p chì niêm phong ng h (công t ) t ng t i 358 c s , t ng s 1.312 c t o c a các c s kinh doanh x ng d u trên a bàn t nh Sóc Tr ng.

Ph i h p v i Chi c c Thu các huy n, th xã th c hi n dán tem, k p chì niêm phong ng h (công t ) t ng do tem niêm phong b rách t i 19 c s kinh doanh x ng d u v i t ng s 54 c t o.

### **7.3. Công tác TBT**

C p nh t m i 125 Tiêu chu n qu c gia (TCVN). Rà soát lo i b 03 TCVN theo Quy t nh c a B KH&CN. C p nh t 02 Quy chu n k thu t qu c gia do B Thông tin và Truy n thông ã ban hành.

#### **7.4. Hoạt động Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**

Kiểm định 34.209 loại phương tiện ô tô các loại (trong đó có 45 xitéc ô tô, 707 quặng F<sub>1</sub>, 09 quặng F<sub>2</sub>, 190 quặng M<sub>1</sub>, 46 Taximet các loại và ngoài tỉnh).

Xây dựng Phòng an toàn chất lượng, thực hiện trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ tài chính của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã được phê duyệt theo Quyết định số 3327/QĐ-UBND, ngày 22/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Hội đồng Nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Phòng an toàn chất lượng, thực hiện trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, thực hiện cơ cấu, nhân sự và tài chính; giao quyền tài chính và phân bổ ngân sách năm 2017-2019 để thực hiện Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, thực hiện Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. ( đính kèm Biên bản 3)

#### **8. Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức KH&CN**

Trong những năm qua, công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến và nâng cao pháp luật về KH&CN, phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến các tổ chức, cá nhân có thể hiện thành tựu, đã góp phần tích cực trong việc tuyên truyền, cung cấp các thông tin về những thành tựu KH&CN, những mô hình ứng dụng KH&CN có hiệu quả trong và ngoài tỉnh,... giúp nhân dân nắm bắt thông tin kịp thời để ứng dụng có hiệu quả vào sản xuất và đời sống. Công tác này của Sở KH&CN thể hiện dưới các hình thức khác nhau như :

Phổ biến về Hội Phát thanh - Truyền hình Sóc Trăng xây dựng các chuyên mục truyền hình về KH&CN.

Đưa các tin, bài về hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ lên tờ Thông tin KH&CN và trang Thông tin internet của Sở KH&CN. (Biên bản 3)

#### **9. Công tác thanh tra chuyên ngành KH&CN**

Trong những năm qua, công tác thanh tra, kiểm tra các thể hiện tốt, triển khai thực hiện các mặt theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, thể hiện theo đúng kế hoạch, sách lược của Bộ KH&CN và UBND tỉnh. Đã chỉ đạo tổ chức, phổ biến về các ngành chức năng có liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra về đo lường, chất lượng xăng dầu, gas; thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất thí nghiệm X-quang y tế; thanh tra chuyên ngành chi tiết. Ngoài ra, còn thể hiện tốt nhiệm vụ phổ biến về các đoàn thanh tra, kiểm tra do Ban Chỉ đạo công nghiệp, hàng giầy và gia công dệt may của tỉnh Sóc Trăng thành lập.

Đã tiến hành thanh tra các lĩnh vực: hành chính; tiêu chuẩn, quy chuẩn, đo lường, chất lượng, nhãn hàng hóa; an toàn bức xạ và hạt nhân; nhân sự, nhân sự, hàng hóa, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và sản xuất công nghiệp về việc các sản phẩm mua của người dân; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng xăng dầu và các quy định về đo lường về việc phân tích ô nhiễm; sản xuất công nghiệp (theo yêu cầu xử lý vi phạm). ( đính kèm Biên bản 4)

#### **10. Hợp tác trong nước và quốc tế về KH&CN**

Tham mưu cho UBND tỉnh ký Chương trình hợp tác với Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia năm 2018 - 2023 nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng; nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật cho đội ngũ chuyên môn của tỉnh, trong đó ưu tiên lĩnh vực nông nghiệp theo hướng bền vững.

Phi h p v i S KH&CN c a 03 t nh: B c Liêu, Cà Mau, Kiên Giang xây d ng K ho ch s 38/KH-SKHCN ngày 02/11/2017 Liên k t ho t ng nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh Ti u vùng Bán o Cà Mau (Th c hi n án liên k t phát tri n b n v ng Ti u vùng Bán o Cà Mau).

Tham m u cho UBND t nh t ch c bu i làm vi c v i B KH&CN v phát tri n KH&CN ph c v s n xu t, kinh doanh cho a ph ng. Bu i làm vi c ã di n ra thành công v i s tham d c a 65 i bi u.

Phi h p v i S V n hóa, Th thao và Du l ch t nh Sóc Tr ng t ch c H i th o “Du l ch Sóc Tr ng - Ti m n ng và gi i pháp phát tri n”. H i th o ã di n ra thành công v i s tham d c a 150 i bi u. Kh o sát m t s i m du l ch c a t nh Sóc Tr ng, có 60 i bi u tham d .

Ti p t c phi h p v i Ban Dân t c t nh th c hi n Ch ng trình phi h p ho t ng gi a S KH&CN và Ban Dân t c t nh Sóc Tr ng giai o n 2014 - 2020; phi h p v i H i Nông dân th c hi n Ch ng trình phi h p ho t ng gi a H i Nông dân và S KH&CN t nh Sóc Tr ng giai o n 2016-2020; phi h p v i Liên hi p các H i Khoa h c và K thu t t nh Sóc Tr ng th c hi n Ch ng trình h p tác gi a S KH&CN và Liên hi p các H i Khoa h c và K thu t t nh Sóc Tr ng giai o n 2016 - 2020 và phi h p v i oàn thanh niên C ng s n H Chí Minh t nh Sóc Tr ng th c hi n Ch ng trình phi h p ho t ng gi a S KH&CN và oàn thanh niên C ng s n H Chí Minh t nh Sóc Tr ng giai o n 2017-2020.

Ngoài ra, m t s S , ngành trên a bàn t nh có phi h p v i các n v khác tri n khai m t s ho t ng h p tác v KH&CN nh :

- S Nông nghi p và Phát tri n nông thôn phi h p v i Tr ng i h c C n Th th c hi n d án “Gieo tr ng a d ng - Thu ho ch an toàn (SDHS)”: tri n khai trong v Xuân Hè n m 2017 g m mô hình v n rau gia ình và 06 mô hình cây màu; phi h p v i Công ty Bayer th c hi n m t b thí nghi m v “Kh o nghi m 9 gi ng lúa lai trong v Hè Thu 2017 t i tr i gi ng Long Phú”.

- S Tài nguyên và Môi tr ng h p tác v i Công ty Qu n lý Môi tr ng Bi n Hàn Qu c th c hi n d án Nghiên c u h sinh thái bi n, kh o sát và phân tích ch t l ng n c t i t nh Sóc Tr ng, Vi t Nam v i ngu n v n i ng d án là 180.000.000 ng.

- Tr ng Cao ng Ngh Sóc Tr ng phi h p v i Vi n, Tr ng c a Campuchia và Indonesia v trao i thông tin, chia s kinh nghi m trong công tác gi ng d y và nghiên c u khoa h c nh m góp ph n nâng cao ch t l ng ào t o.

## II. ÁNH GIÁ CHUNG

Công tác qu n lý các nhi m v KH&CN ã t ng b c c i m i, kh c ph c nh ng h n ch , nâng d n ch t l ng. Vi c ki m tra, giám sát ti n th c hi n các tài, d án c th c hi n th ng xuyên, công ch c c phân công theo dõi các tài, d án ch ng h n trong công tác qu n lý, ã góp ph n ch n ch nh vi c ch p hành các quy nh trong l nh v c KH&CN.

Trong giai o n 2017 - 2018, ho t ng KH&CN ã óng góp m t ph n vào s phát tri n chung c a t nh. Nh ng n m g n ây, ngành KH&CN ã chú tr ng thúc y ng d ng ti n b KH&CN vào s n xu t và i s ng. Ph n l n k t qu c a các tài, d án ã c ng d ng có hi u qu vào s n xu t. Các a ph ng ã t ng b c t ch c tri n khai, ng

đồng các kết quả nghiên cứu của các tài, đầu tư vào thị trường sản xuất nông nghiệp; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, nâng cao thu nhập cho người dân. Tăng bước nâng cao trình độ sản xuất cho nông dân, thu hút nông dân tham gia vào các chương trình áp dụng tiến bộ kỹ thuật, mô hình sản xuất hợp lý, hiệu quả trong quá trình sản xuất và chuyển đổi cơ cấu sản xuất.

Công tác tham mưu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động KH&CN luôn có tinh thần quan tâm, vì cơ bản hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý KH&CN kịp thời, giúp cho công tác quản lý thực tiễn.

### **III. KHÓ KHĂN, HƯỚNG CHỈ**

Một số công trình nghiên cứu KH&CN thể hiện sự chuyển biến tích cực, chuyển đổi các sản phẩm có hàm lượng khoa học cao đáp ứng nhu cầu phát triển và tạo ra những đột phá trong sản xuất. Song kết quả nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ chưa đạt được những mối liên kết giữa các KH&CN và doanh nghiệp sản xuất.

Sự quan tâm của các Sở, ngành, địa phương trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nói chung có chuyển biến đáng chú ý đáp ứng yêu cầu. Các địa phương chú trọng quan tâm nhiệm vụ công tác tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch nhằm vận dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất, đời sống.

### **IV. XUẤT, KẾT QUẢ**

Sở KH&CN Sóc Trăng đã xuất, kết quả trực tiếp làm việc với Bộ KH&CN và trao đổi thông tin về phát triển KH&CN phục vụ sản xuất, kinh doanh cho địa phương ngày 30/3/2018 tại tỉnh Sóc Trăng.

Sở KH&CN tỉnh Sóc Trăng xuất 03 nhiệm vụ KH&CN liên vùng nông nghiệp sông Cửu Long giai đoạn 2019 - 2020 ( đính kèm Biên bản 16)

## **Phần II**

### **NHỮNG NGHIÊN CỨU KH&CN TRONG THỜI GIAN TỚI**

#### **1. Mục tiêu và chỉ tiêu phát triển**

Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong tiếp thu, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học; vận dụng chuyển giao ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, thành tựu KH&CN, làm tăng giá trị gia tăng trong chuỗi giá trị hàng hóa, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu “Phấn đấu năm 2020, Sóc Trăng trở thành một tỉnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn”; đặc biệt trong nông nghiệp phát triển các nhóm các lĩnh vực ưu tiên; xây dựng các mô hình sản phẩm có thể ứng dụng thực tiễn.

Nâng tỷ lệ sản phẩm chủ yếu từ cây trồng, vật nuôi có nhân giống và áp dụng kỹ thuật thâm canh đạt 80% giá trị sản phẩm vào năm 2020.

#### **2. Nhiệm vụ, giải pháp**

##### **2.1. Nhiệm vụ**

**2.1.1.** Tăng cường công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN, tập trung áp dụng những thành tựu mới về KH&CN vào mô hình sản xuất:

*\* Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn*

Nghiên cứu xuất phát từ thực tiễn, phát huy các loại hình văn hóa, nghệ thuật dân gian; các giá trị văn hóa truyền thống, lịch sử; các mô hình KTXH có hiệu quả; các luận cứ khoa học nhằm nâng cao trình độ, phát triển cùng các cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề bức xúc liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn và trong quản lý KTXH.

*\* Lĩnh vực khoa học tự nhiên*

- Nghiên cứu, chuyển giao các tiến bộ KH&CN phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, nông thôn; xây dựng khu nông nghiệp công nghệ cao; phát triển trang trại nông nghiệp công nghệ cao trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (tôm nước lợ, cá da trơn, cây ăn trái, rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày).

- Phát triển các giống lúa có sản xuất Sốt Trùng có năng suất, chất lượng cao, có khả năng thích nghi tốt với điều kiện khí hậu, đất đai và tập quán canh tác của người dân địa phương nhằm bảo tồn giá trị quý; nhân rộng các giống mới mang lợi ích kinh tế.

- Nghiên cứu công nghệ sinh học tiên tiến, bảo vệ các giống cây trồng, vật nuôi, góp phần thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- Nghiên cứu các tiến bộ kỹ thuật trong khai thác và chế biến thủy sản.

- Tiếp nhận và chuyển giao các công nghệ tiên tiến, thiết bị phù hợp nhằm tăng cường giải quyết trong các khâu sản xuất nông nghiệp.

- Nghiên cứu, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, công nghệ kỹ thuật, hệ thống quản lý nâng cao chất lượng các mặt hàng nông thủy sản, thực phẩm chế biến sẵn; nghiên cứu các thành tựu khoa học trong việc bảo quản và chế biến nông thủy sản và thực phẩm.

- Nghiên cứu, nghiên cứu và phát triển công nghệ phục vụ xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông và ô nhiễm, phát triển kinh tế biển, nông nghiệp khí hậu, quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.

- Nghiên cứu các công nghệ bảo vệ môi trường (xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải; công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường; phát triển công nghệ tái chế chất thải).

- Nghiên cứu, nghiên cứu và phát triển công nghệ cao trong lĩnh vực y tế và nghiên cứu các tiến bộ KH&CN trong chăm sóc sức khỏe, nghiên cứu ứng dụng các bài thuốc y học cổ truyền trong nhân dân.

- Nghiên cứu các kết quả nghiên cứu cơ bản phục vụ phát triển KTXH, bảo vệ môi trường, an ninh quốc gia.

**2.1.2.** Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các thành tựu, cá nhân và tập thể có đóng góp tích cực vào công nghiệp; xây dựng, phát triển và quản lý các thị trường, sản phẩm, dịch vụ có tiềm năng quốc gia; năm 2020 có ít nhất 02 thị trường mang tính quốc gia.

Một trong các cơ sở đào tạo thí nghiệm - thực hành trong chương trình đào tạo các chuyên ngành y tế và y học cổ truyền là Trung tâm thí nghiệm - thực hành, nhân viên kỹ thuật có chuyên môn nhân viên kỹ thuật.

Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu thông tin KH&CN chất lượng. Hoàn thiện và duy trì hoạt động Trang thông tin internet ngành của Sở KH&CN, đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin, giới thiệu các hành chính, dự kiến năm 2020 sẽ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

**2.1.3.** Hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện các Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) về các mặt hàng thực phẩm chế biến mà bỏ qua các yêu cầu của hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) về mặt kỹ thuật; xây dựng, áp dụng và duy trì HTQLCL sản phẩm theo các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp.

Tiếp tục duy trì, áp dụng và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO trong các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, UBND cấp huyện/thị xã/thành phố. Mời ngành phẩm vi áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của UBND các xã/phường/thị trấn; nghiên cứu công lập (Khu 2, Khu 2, Quy định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ).

Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, thí nghiệm mà bỏ qua năng lực kiểm nghiệm các loại phân tích theo Quy định số 13/2007/QĐ-BKHCN ngày 06/7/2007 của Bộ KH&CN. Duy trì có hiệu quả HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2005 về hoạt động kiểm nghiệm, hiệu chuẩn, thí nghiệm phân tích, kiểm định, chuẩn hóa. Tiếp tục hỗ trợ hoạt động của các Viện Kiểm nghiệm thông tin và các phòng thí nghiệm.

**2.1.4.** Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thực tế các lĩnh vực công tác phân công quản lý, tập trung thanh tra, kiểm tra về tiêu chuẩn hóa chất, sản phẩm hàng hóa; thực hiện các quy định về an toàn và kiểm soát bệnh tật; thực hiện các quy định về hoạt động quản lý KH&CN.

**2.1.5.** Thực hiện có hiệu quả án hạn chế và hỗ trợ theo chức năng, trách nhiệm của Trung tâm theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP, ngày 14/6/2016 của Chính phủ. Tập trung mời các hoạt động dịch vụ, nghiên cứu phát triển mới sản phẩm chất lượng cao, nghiên cứu và mà bỏ qua chi phí chi hỗ trợ ngành xuyên.

Duy trì HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 vào hoạt động Phòng Thí nghiệm, mà bỏ qua các chỉ tiêu trong khuôn khổ phân tích thí nghiệm của Trung tâm công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005. Phân bổ ngân sách hỗ trợ phân tích thí nghiệm ít nhất 40% trong tổng ngân sách của Trung tâm vào năm 2020.

Thực hiện khai thác hiệu quả dự án đầu tư nhằm tăng cường năng lực chất lượng và hỗ trợ của Trung tâm theo Quy định số 317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

## **2.2. Giới thiệu**

**2.2.1.** Tăng cường công tác tuyên truyền các chính sách, quy định, chính sách và pháp luật của Nhà nước về phát triển KH&CN nâng cao nhận thức của công chức, viên chức và nhân dân về vị trí, tầm quan trọng của phát triển và chuyển giao KH&CN.

**2.2.2.** Xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào KH&CN trong phát triển nông nghiệp, nông

thôn; phát triển kinh tế biên, vùng ven biển, phát triển công nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Hình thức phân bổ ngân sách ảnh hưởng đến KH&CN theo hình thức m bo khách quan, minh bạch, gọn và ít tốn kém. Tập trung thể hiện trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách về thể hiện nhiệm vụ KH&CN, việc sử dụng ngân sách cho KH&CN; tăng cường thanh tra, kiểm tra toàn diện tất cả các lĩnh vực thu nhập và quản lý của ngành KH&CN.

**2.2.3.** Tăng cường phối hợp các Sở, ngành, địa phương có trọng tâm, trọng tâm cho phát triển KH&CN khu vực tình trạng đầu tư dần trì, kém hiệu quả. Quan tâm phối hợp với các Sở KH&CN trong khu vực, trong vùng, với các Viện, trường nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và triển khai các nhiệm vụ KH&CN của trung tâm nghiên cứu, tăng bước làm chủ các thành tựu KH&CN tiên tiến. Ủy nhiệm hoặc thuê tư vấn, trao đổi thông tin về KH&CN giữa các KH&CN với doanh nghiệp các doanh nghiệp có tiềm năng về các thông tin công nghệ, các thành tựu KH&CN mới, các kết quả nghiên cứu có hiệu quả trong và ngoài nước.

**2.2.4.** Tăng cường công tác thi tuyển SHTT, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; hỗ trợ chuyên môn và pháp lý cho doanh nghiệp và vị trí vị trí công nghiệp.

**2.2.5.** Tập trung ủy nhiệm các cách hành chính quản lý và vị trí vị trí n gin hóa thể chế hành chính; nâng cao chất lượng, hiệu quả của các cơ quan hành chính nhà nước thông qua việc áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO./.



**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KH&CN GIAI ĐOẠN 2017 - 2018**  
**CÁC THÀNH TÍCH GIANG VÀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG**  
**TRONG THỜI GIẢN TỚI**

*Sở KH&CN tỉnh Tiền Giang*

**Phần I**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**GIAI ĐOẠN 2017-2018**

**I. NHỮNG KẾT QUẢ CHỦ YẾU:**

**1. Về công tác tham mưu:**

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản sau:

- Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quy định về khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 của UBND tỉnh Tiền Giang.

- Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quy hoạch xây dựng, phân bổ dự toán và quy định kinh phí về lĩnh vực KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo quyết định số 43/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Tiền Giang.

- Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 ban hành Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh giai đoạn 2017-2020.

**2. Về xây dựng hạ tầng kỹ thuật và phát triển tiềm lực KH&CN:**

**2.1. Về cơ sở hạ tầng kỹ thuật KH&CN:**

- Về cơ sở hạ tầng kỹ thuật: Phấn đấu thực hiện theo Thông tư số 29/2014/TTLT-BKH&CN-BNV ngày 15/10/2014 của UBND tỉnh phê duyệt bao gồm: Văn phòng, Thanh tra, Phòng Kế hoạch-Tài chính, 02 phòng chuyên môn, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (TC LCL) và 03 trung tâm nghiên cứu. Ngoài ra, còn có 01 trung tâm nghiên cứu công lập là Trung tâm Kỹ thuật TC LCL trực thuộc Chi cục TC LCL, Quản lý và Phát triển Khoa học và Công nghệ tại Khu Văn phòng Sở.

- Tổng số công chức, viên chức và người lao động của Sở: 134 người; trong đó: biên chế công chức là 63 người (bao gồm 38 công chức, 25 viên chức).

- Nhiệm vụ nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của ngành, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng kế hoạch ưu tiên phát triển giai đoạn 2016 – 2020 (đã được UBND tỉnh phê duyệt), gồm các dự án như sau:

+ Dự án Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ KH&CN (tổng mức đầu tư: 75.707 triệu đồng).

+ Dự án Nâng cao năng lực của Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học giai đoạn 2 (tổng mức đầu tư: 23.423 triệu đồng).

- Duy trì m ng l i khoa h c và công ngh c p huy n: M i huy n có 01 chuyên viên qu n lý khoa h c và công ngh bán chuyên trách, biên ch t i Phòng Kinh t và H t ng c a huy n và Phòng Kinh t c a thành ph M Tho, Th xã Cai L y và Th xã Gò Công.

## **2.2. V kinh phí ho t ng KH&CN giai o n 2016–2018:**

(s li u báo cáo theo Bi u 8, 9, 10, 11 và 12)

## **3. V ho t ng nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh :**

- Công tác qu n lý các nhi m v KH&CN là m t trong nh ng nhi m v quan tr ng c a ho t ng qu n lý nhà n c v KH&CN. Trên c s các ch tr ng, chính sách c a ng, nhà n c v KH&CN, c bi t là Lu t KH&CN và các v n b n h ng d n d i Lu t ã t o s chuy n bi n c b n trong nh n th c và hành ng c a các ngành, các c p v vai trò c a KH&CN. Các nhi m v KH&CN t i a ph ng ã t ng b c c i m i t khâu xu t, xác nh nhi m v , th m nh n i dung thuy t minh chi ti t n nghi m thu, ng d ng k t qu nghiên c u sau nghi m thu ph c v s n xu t và i s ng c c i t i n theo h ng nâng cao trách nhi m và quy n ch ng trong xu t, th c hi n nhi m v KH&CN i v i các t ch c, cá nhân ch trì; Nâng cao hi u qu ng d ng c a các nhi m v KH&CN ph c v m c tiêu phát tri n kinh t - xã h i a ph ng.

- T ng s các ch ng trình, tài, d án c tri n khai là 29 nhi m v , trong ó (Nông nghi p: 10, Công ngh : 10; V n hóa- Xã h i: 6, Y d c: 3).

- Các nhi m v KH&CN t p trung vào các l nh v c: Phát tri n vùng lúa an toàn, ch t l ng cao; S n xu t lúa ch t l ng cao theo tiêu chu n GlobalGAP; V n cây n trái thâm canh theo h ng GAP; Ch n nuôi và nuôi tr ng th y s n theo mô hình sinh thái và an toàn d ch b nh;... ã th c hi n chuy n giao các mô hình nông nghi p ng d ng công ngh cao n m t s huy n nh D án ng d ng công ngh t i nh gi t k t h p nhà màng trong canh tác d a l i t i th xã Cai L y; th xã Gò Công; D án ng d ng công ngh cao trong canh tác các lo i rau quy mô h gia ình trên a bàn huy n Cái Bè; Ch G o; D án n m n t i huy n Cai L y.

(s li u báo cáo theo bi u 14 và 15)

## **4. V công tác qu n lý công ngh :**

- Trình UBND t nh phê duy t Quy t nh s 2722/Q -UBND ngày 13/9/2017 ban hành Ch ng trình khoa h c và công ngh h tr doanh nghi p nâng cao n ng l c c nh tranh giai o n 2017-2020.

- Th m nh công ngh 11 d án u t , góp ý v công ngh cho 14 d án, tham gia t v n u th u 11 d án, th m nh c u hình thi t b 03 d án.

- Tri n khai k ho ch v n ng 08 doanh nghi p trên a bàn t nh tham gia ch ng nh n doanh nghi p KH&CN.

- H tr 02 doanh nghi p (Công ty C ph n d c ph m TIPHACO, Công ty TNHH MTV Socola KIM MY) th c hi n ch ng nh n doanh nghi p KH&CN.

- V n ng và h tr 09 t ch c, doanh nghi p tham gia Tri n lãm Festival qu c t nông nghi p vùng BSCL (Trung tâm Nghiên c u ng d ng và D ch v KH&CN Ti n Giang, Trung tâm K thu t và Công ngh sinh h c Ti n Giang, Công ty TNHH Phát Minh, Doanh nghi p t nhân Long Thu n, Doanh nghi p t nhân T Sang 2, HTX S ri Bình Ân

Gò Công, HTX Nông nghiệp Quyết Thắng, HTX SX TM DV M L ồng, HTX Ca cao Ch G o).

(s li u báo cáo theo Bi u 2)

### **5. Công tác quản lý an toàn b c x và h t nhân:**

- H ớng đ n 45 c s l p h s c p gi y phép t n hành công vi c b c x .

- Th m nh h s và c p gi y phép t n hành công vi c b c x cho 49 t ch c, cá nhân.

- L p báo cáo quản lý nhà n c v an toàn b c x và h t nhân theo yêu c u c a C c An toàn b c x và h t nhân.

- Tri n khai th c hi n tài “Nghiên c u, kh o sát, o c, phân tích, l p c s d li u và b n GIS v phong phóng x t nh Ti n Giang”.

(s li u báo cáo theo Bi u 6)

### **6. V ho t ớng SHTT, phong trào lao ớng sáng t o, phát huy sáng ki n, c i ti n k thu t:**

- Th c hi n h tr l p h s ớng ký nhãn hi u cho 31 t ch c, cá nhân; H ớng đ n l p h s gia h n 16 gi y ch ng nh n ớng ký nhãn hi u ( KNH), s a i v n b ng b o h 02 gi y ch ng nh n KNH, chuy n giao quy n s h u công nghi p 01 gi y ch ng nh n KNH.

- Tri n khai 02 nhi m v KH&CN c p c s g m: tài T o l p quản lý và qu ng bá nhãn hi u t p th “s Tân Phú ớng” cho cây s huy n Tân Phú ớng c a t nh Ti n Giang; tài T o l p quản lý và qu ng bá nhãn hi u t p th “s u riêng Cai L y” cho qu s u riêng huy n Cai L y c a t nh Ti n Giang.

- Hoàn ch nh h s ớng ký l i nhãn hi u t p th m ớng c u xiêm Tân Phú ớng theo h ớng đ n c a C c S h u trí tu .

- Th c hi n k ho ch ki m tra tình hình s d ớng nhãn hi u t p th , nhãn hi u ch ng nh n, ch đ n a lý trên a bàn t nh.

- Th c hi n báo cáo t ớng k t 10 n m thi hành lu t s h u trí tu ; G i công v n ớng S Khoa h c và Công ngh Hà N i, Chi c c Quản lý th tr ớng Hà N i h tr x lý vi ph m ch đ n a lý xoài cát Hòa L c.

(s li u báo cáo theo Bi u 3)

### **7. Công tác quản lý tiêu chu n o l ớng ch t l ớng:**

#### **7.1. Công tác quản lý tiêu chu n ch t l ớng và TBT:**

- T ch c h i th o khoa h c “Nâng cao n ớng su t ch t l ớng s n ph m hàng hóa c a doanh nghi p v a và nh t nh Ti n Giang” (có 50 ớng i tham d ).

- H ớng đ n 04 doanh nghi p tham d và t Gi i th ớng Ch t l ớng Qu c gia.

- Th c hi n h tr 03 doanh nghi p áp d ớng HTQLCL.

- Th ớng xuyên c p nh t website Chi c c Tiêu chu n o l ớng Ch t l ớng các tin c nh báo c a các n c thành viên WTO v hàng rào k thu t trong th ớng m i.

- Ban hành 10 Thông báo k t qu ki m tra thếp nh p kh u.

- Thực hiện 04 lớp tập huấn về duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và 331 lượt người tham dự; Tiếp nhận 13 quy trình công bố hồ sơ năng lực chất lượng phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008; Kiểm tra hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL tại các cơ quan hành chính nhà nước.

### **7.2. Công tác quản lý môi trường:**

- Thực hiện kiểm tra, thống kê về cơ sở dữ liệu môi trường của nhóm 2 sản phẩm trong hoạt động công vụ (máy photocopy, máy in, máy scan trong hồ sơ, cân quá tải, thí nghiệm kỹ thuật xe cộ) và hoạt động khám chữa bệnh (máy đo tiêu chuẩn kính mắt).

- Khảo sát và bàn bạc về công tác kiểm tra chất lượng các cơ sở kinh doanh xây dựng.

### **7.3. Công tác kiểm tra:**

Chỉ đạo, phối hợp các ngành thuộc 11 cơ quan kiểm tra nhà nước về môi trường và chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường 235 cơ sở, với kết quả như sau:

- Ban hành 30 Thông báo tạm đình chỉ hoạt động môi trường không phù hợp, 01 Thông báo kết quả thanh tra môi trường không đạt yêu cầu chất lượng, 08 thông báo tạm đình chỉ hoạt động môi trường không phù hợp và tạm đình chỉ lưu thông hàng hóa, 58 thông báo tạm đình chỉ lưu thông hàng hóa.

- Lập 21 biên bản vi phạm hành chính về môi trường và chất lượng.

### **7.4. Hoạt động thu thuế TNC**

- Kiểm soát công tác tính thuế Công ty TNHH Tin Giang; nghiên cứu các cơ sở kinh doanh và ngành nghề và Công ty TNHH thành viên công ty Tin Giang.

- Kiểm soát cân phân tích, cân thuế các cơ sở kinh doanh vàng; chốt sổ xây dựng; huy động áp dụng, áp dụng, in ấn; cân thông dụng, quy chuẩn. Kết quả kiểm soát thuế: 69.199 PT các loại.

- Thực hiện xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho 23 doanh nghiệp kinh doanh vàng trang sức mỹ nghệ.

- Thực hiện, hướng dẫn 12 doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hồ sơ năng lực chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008.

- Sản xuất đồ xây dựng cho 135 triệu đồng, trong đó có 16 triệu đồng đã ghi nhận 38 máy in công nghệ xây dựng. (sử dụng báo cáo theo Biểu 4)

### **8. Về công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến KH&CN:**

- Phát hành 16 số báo tin KH&CN: 4.500 bản, 03 số tập san KH&CN: 2.300 quyển, phát hành Kỷ yếu các nhiệm vụ KH&CN giai đoạn 2011- 2015: 300 quyển, 03 số Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật: 5.000 quyển.

- Phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Tin Giang và Báo phổ biến 05 chuyên mục thông tin KH&CN.

- Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về ngày khoa học và công nghệ Việt Nam: treo băng rôn, poster tuyên truyền tại 35 địa điểm (các đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; các doanh nghiệp KH&CN; các trường đại học, cao đẳng trong tỉnh; Trung tâm nghiên cứu; Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật và các hội thành viên).

(sử dụng báo cáo theo Biểu 3).

## **9. Thanh tra KH&CN:**

### **9.1. Công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành:**

- Thực hiện 06 cuộc thanh tra chuyên ngành tại 129 cơ sở.

- Thực hiện 02 cuộc kiểm tra (theo yêu cầu xử lý vi phạm xâm phạm quyền sáng chế và quyền nhân quyền của Ông Trần Doãn Sơn – Khoa Cơ khí, Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu xử lý vi phạm xâm phạm quyền nhân quyền của Công ty TNHH SYNGENTA Việt Nam, quy định cho Công ty TNHH TVN và Chuyển giao công nghệ (Việt Nam)).

- Kết quả thanh tra, kiểm tra:

+ Số cá nhân, tổ chức vi phạm: 04.

+ Nội dung các vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra: Bộ trí tuệ không có chức năng nhân viên bổ sung nhiệm vụ công việc phân trách an toàn; Hàng hóa có nhãn ghi không đúng các nội dung bắt buộc trên nhãn hàng hóa.

+ Tổng số quy tước xử phạt vi phạm hành chính của ban hành: 04, tổng số tiền vi phạm: 9.800.000 đồng

+ Riêng 02 cuộc kiểm tra theo ngành nghề xử lý vi phạm xâm phạm quyền sáng chế và quyền nhân quyền của Ông Trần Doãn Sơn, đã thu được chứng cứ hành vi xâm phạm, không xử lý vi phạm.

- Phân tích kiểm tra nhà sản xuất tiêu chuẩn, đóng gói và chất lượng, ví dụ như sau:

+ Số cá nhân, tổ chức vi phạm: 23.

+ Nội dung các vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra: Buôn bán hàng đóng gói sản phẩm không nhãn mác (05 cơ sở); Sản phẩm ngửi thấy mùi hôi có chức năng kiểm soát mùi hôi (01 cơ sở); Bán sản phẩm hàng hóa dù nhãn mác không phù hợp tiêu chuẩn công bố (01 cơ sở); Tẩy xóa dấu niêm phong, kẹp chì, dấu kiểm tra trên sản phẩm mà không thông báo với cơ quan có thẩm quyền (01 cơ sở); Sản phẩm ngửi thấy mùi hôi, tem kiểm tra trong kinh doanh vắng mặt yêu cầu quy định về kiểm tra đóng gói (01 cơ sở); Mua bán sản phẩm hàng hóa (vàng trang sức) theo quy định phải có nhãn ghi nhãn hàng hóa (10 cơ sở).

+ Tổng số quy tước xử phạt vi phạm hành chính của ban hành: 23, tổng số tiền phạt: 199.778.336 đồng.

### **9.2. Công tác tiếp nhận, xử lý khiếu nại, tố cáo:**

- Tiếp nhận 03 đơn khiếu nại xử lý vi phạm xâm phạm quyền sáng chế và quyền nhân quyền của Ông Trần Doãn Sơn.

- Kết quả xử lý: Đã thu được chứng cứ hành vi xâm phạm.

### **9.3. Công tác thanh tra hành chính:**

- Đã triển khai cuộc thanh tra về việc thực hiện chính sách, pháp luật về nhân lực, quy định về giao và trách nhiệm thanh tra trong việc thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng của Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng Dịch vụ Khoa học công nghệ Tiền Giang.

- Nh ợng h ợn ch ợ, thi ợu s ợt c ợn ch ợn ch ợnh qua thanh tra:

+ C ợn xây d ợng k ợ ho ch phòng, ch ợng tham nh ợng c ợ th ợ cho phù h ợp v ợi tình hình th ợ c t c a ợn v ợ.

+ Phân công cán b ợ ph ợ trách v ợ kê khai tài s ợn ph ợ i nghi ợn c ợu k ợ các v ợn b ợn pháp lu ợt có liên quan t ợi quy ợnh kê khai tài s ợn, m ợ b ợ cho v ợi c ợ kê khai tài s ợn c a ợn v ợ c ợ th ợ ch ợ hi ợn ợng và ợ.

+ C ợn quan tâm, ợn ợ các ch ợnh m ợnh m ợnh v ợ KH&CN ợy nhanh t ợi n ợ th ợ c ợ hi ợn.

(s ợ li ợ báo cáo theo Bi ợu 5).

## 10. Ho ợ t ợng c ợa các t ợch c ợ KH&CN công l ợp và tình hình phê duy ợt ph ợng án t ợch tài chính:

### 10.1. Ho ợ t ợng c ợa các t ợch c ợ KH&CN công l ợp:

- S ợ Khoa h ợc và Công ngh ợ có 04 ợn v ợ s ợ nghi ợp, g ợm: Trung tâm Nghi ợn c ợu ợng d ợng và D ợch v ợ Khoa h ợc Công ngh ợ; Trung tâm K ợ thu ợt và Công ngh ợ Sinh h ợc; Trung tâm Thông tin và Th ợng kê Khoa h ợc và Công ngh ợ; Trung tâm K ợ thu ợt Tiêu chu ợn ợo l ợng Ch ợ t l ợng (tr ợ c rhu ợ Chic ợ Tiêu chu ợn ợo l ợng Ch ợ t l ợng).

- Các Trung tâm ợ ch ợng s ợ x ợ p c ợng c ợ t ợch c ợ b ợ máy, biên ch ợ tinh g ợn theo ợng ch ợ c ợn ợng và phân công nhi ợm v ợ c ợ th ợ cho các phòng, x ợng; ban hành các quy ợnh, quy ch ợ chi tiêu n ợi b ợ quy ợnh m ợ chi phù h ợp v ợi m ợi lo ợi hình ho ợ t ợng, ánh giá m ợc ho ợn thành nhi ợm v ợ c ợ giao ợ làm c ợn c ợ chi tr ợ thu nh ợp cho ợng i lao ợng. Ngoài ngu ợn kinh phí do ngân sách c ợp, các Trung tâm ợ tích c ợ khai thác các ngu ợn thu, b ợ m ợ chi tiêu hi ợu qu ợ, th ợng xuyên ki ợm tra v ợi c ợ th ợ ch ợ hi ợn nh ợm c ợ chi tiêu ợ t ợng thu nh ợp cho cán b ợ viên ch ợc thu ợ c ợn v ợ mình.

- Kinh phí th ợ ch ợ hi ợn nhi ợm v ợ th ợng xuyên theo ch ợ c ợn ợng và doanh thu c ợa các t ợch c ợ KH&CN công l ợp:

*n ợ v ợ tính: tri ợ u ợng*

S ợ T ợ T	T ợch c ợ KH&CN công l ợp	N ợm 2016		N ợm 2017		N ợm 2018	
		Kinh phí th ợ ch ợ hi ợn NVTX TCN	Doanh thu	Kinh phí th ợ ch ợ hi ợn NVTX TCN	Doanh thu	Kinh phí th ợ ch ợ hi ợn NVTX TCN	Doanh thu (05 tháng n ợm 2018)
01	Trung tâm Nghi ợn c ợu ợng d ợng và D ợch v ợ Khoa h ợc Công ngh ợ	1.085,356	14.503,949	1.079,174	13.784,599	544,644	4.600
02	Trung tâm K ợ thu ợt và Công ngh ợ Sinh h ợc	1.038,407	3.179,653	1.188,182	4.446,031	878,763	962

03	Trung tâm Thông tin và Th ng kê Khoa h c và Công ngh			427,851	-	472,290	-
04	Trung tâm K thu t Tiêu chu n o l ng Ch t l ng			239,158	7.057,648	117,980	2.953

### **10.2. Tình hình phê duy t ph ng án t ch tài chính:**

Phân lo i t ch c KH&CN theo m c t m b o v chi th ng xuyên và chi u t nh sau:

- T ch c KH&CN công l p t m b o chi th ng xuyên: Trung tâm Nghiên c u ng đ ng và D ch v Khoa h c Công ngh và Trung tâm K thu t Tiêu chu n o l ng Ch t l ng.

- T ch c KH&CN công l p t m b o m t ph n chi th ng xuyên: Trung tâm K thu t và Công ngh Sinh h c.

- T ch c KH&CN công l p do nhà n c m b o chi th ng xuyên: Trung tâm Thông tin và Th ng kê Khoa h c và Công ngh .

(s li u báo cáo theo Bi u s 7)

### **11. Ho t ng c a qu Phát tri n KH&CN:**

#### **11.1. Ho t ng cho vay:**

- Trình UBND t nh phê duy t Quy t nh s 93/Q -UBND ngày 18/01/2017 ban hành Quy ch tài tr , cho vay và h tr c a Qu Phát tri n KH&CN t nh Ti n Giang; Ban hành h ng đ n th c hi n Quy ch tài tr , cho vay và h tr c a Qu Phát tri n KH&CN.

- Hoàn thành h s cho vay th c hi n các đ án i m i công ngh c a 06 doanh nghi p, t ng s ti n cho vay là 27.710 tri u ng).

- L p k ho ch thu n 06 n v c cho vay t ngu n v n c a Qu Phát tri n KH&CN.

- H i ng Qu n lý Qu Phát tri n KH&CN th c hi n ki m tra tình hình ho t ng c a 02 doanh nghi p vay v n t ngu n c a Qu Phát tri n KH&CN (Công ty TNHH MTV SX-TM-DV Phan Thái Tu n và Công ty TNHH Th y s n Thiên Hà).

- Kh o sát tình hình ho t ng xem xét i u ki n cho vay v n t i 01 doanh nghi p (C s V nh Phát - Tân Phú ông, Ti n Giang).

#### **11.2. Ho t ng c p kinh phí th c hi n nhi m v KH&CN:**

- C p kinh phí th c hi n nhi m v KH&CN chuy n ti p: 610,273 tri u ng, nhi m v KH&CN m i tri n khai: 5.851 tri u ng.

- Th c hi n ki m tra tình hình s đ ng kinh phí th c hi n nhi m v KH&CN.

## 12. Hợp tác trong nước và quốc tế về KH&CN:

- Phối hợp với các vị trí, trung tâm và ngoài trung tâm khai thác hiện các nhiệm vụ KH&CN trên các lĩnh vực nông nghiệp, kỹ thuật công nghệ, tự nhiên, xã hội nhân văn như: Trung tâm Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ, Trung tâm Khoa học Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Viện Cây trồng nhiệt đới, ...

- Liên kết các trung tâm Khoa học và Công nghệ Tháp, Long An triển khai các dự án liên kết phát triển bền vững tại vùng Trung tâm Khoa học và Công nghệ Tháp Miền Nam năm 2020, tầm nhìn năm 2030.

### II. NHẬN XÉT ÁNH GIÁ:

- Các nhiệm vụ KH&CN tiếp nhận đã đạt được các chỉ tiêu, xác định nhiệm vụ, thẩm định nội dung thuyết minh chi tiết nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu sau nghiên cứu phát triển và sản xuất và sẵn sàng chấp nhận theo hướng nâng cao trách nhiệm và quy định trong xuất, thực hiện nhiệm vụ KH&CN về vị trí các tổ chức, cá nhân chủ trì; nâng cao hiệu quả ứng dụng các nhiệm vụ KH&CN phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nông nghiệp.

- Sở Khoa học và Công nghệ đã khuyến khích, hướng dẫn doanh nghiệp thành lập doanh nghiệp KH&CN với nội dung: thực hiện xuyên suốt xúc tiến doanh nghiệp tìm kiếm nguồn nhân lực, vốn, công nghệ; Thực hiện các hoạt động nghiên cứu, hợp tác doanh nghiệp thành lập doanh nghiệp KH&CN (hướng dẫn hồ sơ, thủ tục; thực hiện nghiên cứu các nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước). Hiện nay, đã có 03 doanh nghiệp chấp nhận doanh nghiệp KH&CN.

- Trong thời gian qua, Sở Khoa học và Công nghệ đã khuyến khích các doanh nghiệp tham gia giải thưởng sáng tạo, giải thưởng quốc gia thông qua việc đăng ký bản quyền sáng tạo, đăng ký nhãn hiệu, xuất bản, doanh nghiệp tham gia giải thưởng sáng tạo quốc gia; Tiếp nhận hướng dẫn doanh nghiệp viết báo cáo tham dự; Qua đó giúp doanh nghiệp áp dụng vào sản xuất, kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- Căn cứ vào nội dung quy định của Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; Sở Khoa học và Công nghệ đã trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra, hướng dẫn, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Tiền Giang năm 2017; Tổ chức các lớp tập huấn “Xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong các cơ quan hành chính nhà nước” và “Ánh giá chất lượng nội bộ theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong các cơ quan hành chính nhà nước” cho các cơ quan hành chính nhà nước. Việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đã mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước của các ngành, thực hiện tốt các quy trình công việc hành chính của tỉnh. Tuy nhiên, hiệu quả của việc áp dụng còn chưa đồng đều, rõ nét một số cơ quan hành chính nhà nước. Hiệu lực và hiệu quả của việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phải được chuyển vào sự quan tâm chú ý của lãnh đạo và thái độ trong triển khai thực hiện của cán bộ công chức tại các cơ quan hành chính nhà nước.



- Công tác th m nh công ngh và c p phép ATBX th c hi n úng th i gian và úng th t c, ã hoàn thành các nhi m v c giao, góp ph n tích c c trong công tác qu n lý nâng cao trách nhi m c a c ng ng.

- Công tác th m tra công ngh các d án ut ã có nhi u c g ng, ã ng n ch n c vi c ut các công ngh l c h u nh p t nh, góp ph n gi m thi u ô nhi m môi tr ng.

- Bên c nh hình th c ut cho KH&CN theo ph ng th c c p ngân sách th c hi n nhi m v KH&CN hàng n m, v i mô hình Qu phát tri n KH&CN do c quan nhà n c t ch c tri n khai ã m ra m t ph ng th c h tr , ut m i, t o c h i cho các nhà khoa h c th c hi n các công trình nghiên c u và các doanh nghi p ut i m i công ngh áp ng v i yêu c u s n xu t kinh doanh trong quá trình h i nh p kinh t qu c t ; Góp ph n nâng cao trình công ngh cho các doanh nghi p t i a ph ng; Giúp các doanh nghi p m r ng s n xu t, phát tri n các s n ph m m i, nâng cao n ng l c c nh tranh.

### **III. NH NG KHÓ KH N, V NG M C:**

- B máy ho t ng c a Qu Phát tri n KH&CN ch y u là công ch c (c a S Khoa h c và Công ngh ) kiêm nhi m (ch có 01 K toán là chuyên trách), vi c chi l ng cho công ch c kiêm nhi m g p r t nhi u khó kh n do ch a có h ng d n chi l ng cho công ch c kiêm nhi m (tr ch c v Giám c Qu ).

- Th i gian th m nh h s c p b ng s h u công nghi p c a C c S h u trí tu th ng ch m h n so v i quy nh (th i gian quy nh 01 n m, tuy nhiên có h s ã n p 02 n m v n ch a có k t qu ) khó kh n trong vi c h ng d n doanh nghi p ng ký b o h .

- Ph n trình bày v công ngh và thi t b c a a s các d án xin c p gi y ch ng nh n ut (d án xin ch tr ng ut ) ch a rõ ràng y , còn thi u thông tin v phân tích và l a ch n ph ng án công ngh , danh m c máy móc, trang thi t b , dây chuy n công ngh , ánh giá tác ng môi tr ng và hi u qu kinh t xã h i, nh m ng n ch n k p th i vi c chuy n giao nh ng công ngh và thi t b l c h u vào a bàn t nh. Nguyên nhân là do c quan c p phép ut ch a h ng d n nhà ut làm rõ nh ng n i dung này trong h s ngh c p phép ut nên gây khó kh n trong công tác th m nh công ngh .

- Hi n nay, tình tr ng gian l n v o l ng và ch t l ng x ng d u ngày càng tinh vi, khó phát hi n. Nhi u doanh nghi p kinh doanh x ng d u trên a bàn t nh có nhi u c a hàng bán l tr c thu c và khi tri n khai th c hi n Ch th s 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 c a Th t ng Chính ph và k ho ch s 233/KH-UBND ngày 29/8/2017 c a y ban nhân dân t nh vi c ki m tra t i m t c a hàng tr c thu c thì c xem là ã th c hi n ki m tra t i các doanh nghi p này. Vì v y, vi c phát hi n và ng n ch n tình tr ng gian l n v o l ng và ch t l ng x ng d u g p khó kh n, v ng m c.

- Hi n nay trên th tr ng có các lo i l u i n ho c n i ch ng t y n u s d ng i n và có kh n ng gây m t an toàn nh ng không c g n d u h p quy CR (do ch a c b sung vào Danh m c các thi t b i n b t bu c ph i g n d u h p quy theo quy nh t i quy chu n QCVN 4:2009/BKHCN v an toàn i n).

### **IV. XU T, KI NNGH I V I B KHOA H C VÀ CÔNG NGH :**

- ngh B Khoa h c và Công ngh b sung nhóm s n ph m, hàng hóa ph i áp d ng quy chu n QCVN 4: 2009/BKHCN v an toàn i n, c th nhóm hàng hóa là d ng c un n c và ch a n c nóng.

- Ch o C c S h u trí tu th m nh h s c p b ng s h u công nghi p theo úng th i gian quy nh.

- C th hóa các danh m c công ngh khuy n khích chuy n giao, h n ch chuy n giao, c m chuy n giao các a ph ng có c s rà soát, th m nh công ngh các d án u t t hi u qu h n trong th i gian t i.

- Ki n ngh B Tài chính ban hành v n b n quy nh v nh m c chi cho ng i th a hành (kiêm nhi m) trong ho t ng c a Qu Phát tri n KH&CN.

- Ti p t c h ng d n các a ph ng xác nh và c i thi n Ch s i m i sang t o t i a ph ng theo quy nh t i Ngh quy t s 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 c a Chính ph .

- Ki n ngh Chính ph s a i, b sung Ngh nh s 95/2014/N -CP theo h ng: “các n i dung chi cho vi c t ng c ng n ng l c v trang thi t b cho ho t ng qu n lý nhà n c v khoa h c và công ngh c s d ng kinh phí s nghi p khoa h c và công ngh ”.

- Nh m tri n khai th c hi n Ngh quy t 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 c a H i ngh Trung ng 6 (khóa XII) v ti p t c i m i h th ng t ch c và qu n lý, nâng cao ch t l ng và hi u qu ho t ng c a các n v s nghi p công l p; ngh B Khoa h c và Công ngh có h ng d n th c hi n vi c s p x p t ch c các t ch c khoa h c và công ngh công l p t i các a ph ng. Nh m m b o tính n nh và hi u qu ho t ng c a t ch c khoa h c và công ngh công l p, S Khoa h c và Công ngh Ti n Giang xu t ch th c hi n vi c sát nh p i v i các t ch c khoa h c và công ngh công l p t b o m m t ph n chi th ng xuyên và t ch c khoa h c và công ngh công l p do Nhà n c b o m chi th ng xuyên.

## **Ph n II**

### **NH H NG HO T NG KH&CN GIAI O N 2018- 2020**

#### **I. NH NG NH H NG CHÍNH:**

- Xác nh danh m c nhi m v KH&CN hàng n m d a trên tính c p thi t, tính khoa h c, kh thi và có a ch ng d ng phù h p v i Ngh quy t s 10-NQ/TU ngày 05/4/2017 c a T nh y v phát tri n kinh t - ô th 03 vùng c a t nh Ti n Giang n n m 2020 và nh h ng n n m 2030. Chuy n giao, ng d ng các thành t u KH&CN tiên ti n, hi n i, công ngh m i; làm ch và nâng cao trình công ngh , i m i công ngh , t o ra s n ph m m i có s c c nh tranh cao. B o m góp ph n th c hi n t t ch tr ng tái c c u ngành nông nghi p c a T nh, các ch ng trình, k ho ch, quy ho ch c a T nh và các ngành.

- Ti p t c tri n khai th c hi n Quy t nh s 2722/Q -UBND ngày 13/9/2017 ban hành Ch ng trình khoa h c và công ngh h tr doanh nghi p nâng cao n ng l c c nh tranh giai o n 2017-2020 nh m nâng cao n ng su t, ch t l ng s n ph m, hàng hóa c a các t ch c s n xu t, kinh doanh trên c s tri n khai áp d ng các tiêu chu n, quy chu n k thu t, h th ng qu n lý tiên ti n, công c c i ti n n ng su t và ch t l ng; ng d ng ti n b khoa h c k thu t và i m i công ngh ; Phát tri n th tr ng khoa h c và công ngh ; H tr các t ch c, cá nhân xây d ng và phát tri n th ng hi u nh m t ng c ng s c c nh tranh và ch ng h i nh p qu c t .

## II. M T S NHI M V TR NG TÂM:

- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất, ưu tiên trong lĩnh vực sản xuất nông - thủy sản, thực phẩm, dược phẩm phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ sức khỏe và môi trường; ứng dụng góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh trên thị trường; chú trọng phòng ngừa ô nhiễm, xử lý môi trường, bảo tồn và phát triển các giống cây trồng, vật nuôi mới và công nghệ sau thu hoạch phù hợp với điều kiện sinh thái tự nhiên. Triển khai các nhiệm vụ KH&CN theo hướng chuyên sâu về cây trồng, các mô hình luân canh thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng các mô hình sản xuất nông sản an toàn, công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, mô hình liên kết giữa các nhà sản xuất - nhà khoa học - nhà chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ, phát triển sản phẩm công nghệ có chất lượng cao: lấy doanh nghiệp làm trung tâm cho việc khởi nghiệp, chuyển giao công nghệ, nhóm tổ chức liên kết hợp tác ba bên (các Viện nghiên cứu, trường đại học - doanh nghiệp - cơ quan quản lý nhà nước), trong đó nhà nước đóng vai trò chủ trì trong mối liên hệ giữa doanh nghiệp và các trường, viện; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các viện nghiên cứu, trường đại học trong nước;

- Khuyến khích doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn theo quy định của pháp luật; Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp công nghệ, khởi nghiệp KH&CN.

- Ủy ban hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao công nghệ, thành lập các sản phẩm, hàng hóa chất lượng Tiêu chuẩn Quốc gia; Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn về cơ chế, chính sách ưu đãi công nghệ cho các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh chất lượng; Quảng bá và phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu công nghệ thông minh quy mô quốc gia.

- Ủy ban về cơ chế hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế; hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp chấp hành/công bố hợp chuẩn/hợp quy; tăng cường hoạt động tuyên truyền và ủy ban về cơ chế hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, công bố và tiếp thị chất lượng, hoạt động năng suất chất lượng, tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2020./.

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KH&CN GIAI ĐOẠN 2017-2018**  
**CÁI LẬU VÀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG**  
**TRONG THÁNG GIANG TỬ**

*S KH&CN tỉnh Trà Vinh*

**Phần I**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**GIAI ĐOẠN 2017-2018**

**I. NHỮNG KẾT QUẢ CHÍNH:**

**1. Về công tác tham mưu:**

Tham mưu trình UBND tỉnh 08 văn bản về nhiệm vụ chuyên môn của ngành, gồm: (1) Phê duyệt Danh mục nhiệm vụ nghiên cứu khoa học năm 2017; (2) Phê duyệt Kế hoạch thi công hiện đại hóa nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Công ty TNHH Trà Vinh năm 2017; (3) Phê duyệt Kế hoạch thi công hiện đại hóa “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Công ty TNHH Trà Vinh giai đoạn 2018 - 2020”; (4) Phê duyệt Kế hoạch xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 vào cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sản xuất công nghiệp và các xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; (5) Đề xuất Kế hoạch triển khai thi công hiện đại hóa theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; (6) Xây dựng và triển khai Kế hoạch xây dựng án thi công hiện đại hóa theo Chỉ thị số 35-KH/TU ngày 16/2/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Về việc tiếp tục thi công hiện đại hóa theo Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư khóa IX về ý nghĩa phát triển và nâng cao công nghệ sinh học phục vụ sản xuất công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh”; (7) Quyết định công bố mã số 50 TTHC và bãi bỏ 62 TTHC thuộc lĩnh vực KH&CN (gồm quyết định TTHC theo thẩm quyền: 68 hồ sơ); (8) Đề xuất nghị kiến toàn Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

**2. Về xây dựng hệ thống cơ sở máy và phát triển tiềm lực KH&CN:**

**a/. Về thực hiện công tác xây dựng máy móc và phát triển tiềm lực KH&CN:**

+ *Tình hình cơ sở máy và nhân sự của S :*

Thực hiện theo Hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKH&CN-BNV ngày 15/10/2014 của liên Bộ KH&CN và Bộ Nội vụ và Quyết định số 10/2015/Q-UBND ngày 26/5/2015 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của S KH&CN tỉnh Trà Vinh, cơ cấu tổ chức của S KH&CN (từ tháng 3/2018), gồm có: 01 Phó Giám đốc kiêm nhiệm Giám đốc, 02 Phó Giám đốc, 07 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và 03 nhân viên trực thu thập và biên chế công tác, viên chức công nhân là 68 người, trong đó: 01 Tiến sĩ, 09 Thạc sĩ, 54 Cử nhân, 02 Cao đẳng và 02 công nhân kỹ thuật bậc 3/7.

Các phòng chuyên môn nghiệp vụ và nhân viên trực thu thập gồm: Văn phòng, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng Quản lý khoa học, Phòng Quản lý công nghệ và chuyển giao công nghệ, Phòng Quản lý khoa học và công nghệ cơ sở, Phòng Quản lý chuyên ngành, Thanh tra S, Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng (trong đó có Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo

lĩnh vực công nghệ (Chi cục TC LCL), Trung tâm ứng dụng tin học KH&CN, Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN.

+ *Tích cực quản lý KH&CN cấp huyện:* Hoạt động KH&CN cấp huyện được ghép với Phòng Kinh tế thị xã, thành phố; Phòng Kinh tế và Hợp tác xã các huyện, thị trấn, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thị trấn Kinh tế và phòng Kinh tế và Hợp tác xã có bố trí 01 Lãnh đạo và 01 chuyên viên phụ trách KH&CN kiêm nhiệm.

***b/. Về kinh phí hoạt động KH&CN giai đoạn 2016–2018:***

*(sử dụng báo cáo theo biểu 8, 9, 10, 11, 12)*

**3. Về hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ :**

Trong giai đoạn 2017- 2018 đã thực hiện khai thác hiệu quả 23 tài liệu, dự án; Tổ chức Hội nghị khoa học nghiên cứu đánh giá kết quả 12 tài liệu, dự án. Kết quả cụ thể như sau:

***a/. Lĩnh vực khoa học tự nhiên:***

Triển khai 03 tài liệu, dự án; nghiên cứu 02 tài liệu, dự án nhằm chuyển đổi sang.

Triển khai nghiên cứu, đánh giá thực trạng vùng nuôi nghêu ven biển tỉnh để xây dựng kế hoạch nuôi nghêu bền vững; các chính sách khuyến khích và môi trường liên quan đến nuôi nghêu và khai thác nghêu xây dựng mô hình nuôi nghêu và khai thác nghêu bền vững; nghiên cứu các vấn đề môi trường trong nuôi cá lóc qua đó xuất hiện pháp phù hợp và giúp người nuôi cá lóc phát triển bền vững kinh tế một cách bền vững, và bảo vệ môi trường xung quanh; ứng dụng trong công tác quy hoạch và lập dự án đầu tư phát triển nghề nuôi cá lóc, ngành nuôi cá lóc thành ngành kinh tế có lợi ích xã hội.

Nghiên cứu các giải pháp KH&CN về hạ tầng cơ sở vật chất giúp cung cấp nguồn lực khoa học cho việc thực hiện các giải pháp nâng cấp và hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật, đồng thời góp phần sản xuất hàng hóa và hiện đại hóa các nguồn tài nguyên nước, hỗ trợ phát triển bền vững các hệ thống sản xuất nông nghiệp, phục vụ tái cấu trúc ngành nông nghiệp và nâng cao đời sống nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Kết quả đánh giá những thành tựu và hạn chế của các công trình, hoạt động quân sự trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đã hoàn thành kế hoạch nhiệm kỳ, những thành tựu đáng kể của Trà Vinh dựa trên kế hoạch nhiệm kỳ của Bộ Tài nguyên và Môi trường (công bố năm 2016), xây dựng bản chuyên đánh giá những thành tựu và hạn chế của những công trình và hoạt động quân sự trên địa bàn tỉnh đồng thời với các kế hoạch nhiệm kỳ những thành tựu và hạn chế của tỉnh Trà Vinh (phiên bản 2016).

***b/. Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn:***

Triển khai 04 tài liệu, nghiên cứu 03 tài liệu nhằm chuyển đổi sang.

Triển khai nghiên cứu góp phần xây dựng và tổ chức các khoa học phục vụ công tác quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo hoạch định chính sách của các cấp ủy đảng, chính quyền. Tổ chức khoa học trong việc đưa ra các chỉ đạo, chính sách phát triển kinh tế - xã hội như là quy hoạch và lập kế hoạch các chương trình, chính sách phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, định hình những nghiên cứu: Văn phòng Tỉnh ủy Trà Vinh 85 năm xây dựng và trở thành; Doanh nghiệp siêu nhỏ và giải pháp phát triển trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế; Khảo sát, đánh giá hiện trạng hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Vinh và xu t gi i pháp xây d ng h p tác xã phát tri n b n v ng giai o n t n m 2015-2020, t m nhìn n n m 2030.

**c/. Lnh v c khoa h c k thu t và công ngh :**

Tri n khai 03 tài, d án, nghi m thu 03 tài, d án (trong ó có 01 tài n m tr c chuy n sang).

Tri n khai các nhi m v KH&CN ng d ng công ngh thông tin vào ho t ng qu n lý c a các ngành, các c p nh : tài ng d ng công ngh thông tin vào quá trình qu n lý, nâng cao ch t l ng và hi u qu ho t ng th c t c a các oàn th giai o n 2015 - 2020; qua vi c ng d ng công ngh thông tin vào ho t ng c a các oàn th , ã t o i u ki n cho oàn viên, h i viên có các c h i, ch ng, k p th i n m các nh h ng kinh t - xã h i, t i p c n các t i n b k thu t ng d ng vào i s ng, s n xu t.

Tri n khai th c hi n tài: “*Hoàn thi n công ngh ch bi n s n ph m t cá lóc (ch cá, chà bông cá và khô cá) và th nghi m s n xu t quy mô doanh nghi p v a và nh*”, k t qu ã xây d ng thành công 03 quy trình s n xu t các s n ph m t cá lóc (ch cá, chà bông cá và khô cá) t tiêu chu n Vi t Nam, có kh n ng ng d ng nhân r ng cho các doanh nghi p s n xu t các s n ph m t cá lóc; hi n t i ã chuy n giao cho Công ty TNHH MTV TM SX Phú Qu i ng d ng s n xu t trung bình kho ng t 2,5 -3 t n/tháng, cung c p ra th tr ng ngoài t nh.

K t qu nghiên c u thi t b t i t ki m i n n ng i u khi n t xa cho m t s tuy n èn ng thành ph Trà Vinh giúp t i t ki m t 25 - 40% i n n ng cho m t s tuy n èn ng.

**d/. Lnh v c khoa h c y, d c:**

Tri n khai 04 tài, nghi m thu 02 tài.

Nghiên c u th c tr ng b nh r ng mi ng ng i cao tu i t nh Trà Vinh, góp ph n nâng cao hi u qu công tác phòng ng a, giáo d c s c kh e r ng mi ng c ng ng. Nghiên c u t l và các y u t liên quan n t bào c t cung b t th ng ph n trong tu i t 25 n 65 tu i t i Trà Vinh t ó ra các bi n pháp d phòng, c i thi n tình tr ng s c kh e cho c ng ng. Tri n khai Kh o sát tình tr ng loãng x ng b nh nhân trên 50 tu i o b ng ph ng pháp h p thu n ng l ng kép tia X nh m t ng b c a các t i n b k thu t vào công tác phòng, tr b nh góp ph n nâng cao s c kh e cho c ng ng dân c trong t nh, gi m gánh n ng y t cho b nh nhân và xã h i.

Kh o sát thành ph n sinh h c c a cây N ngày t (*Gomphrena celosioides*) và cây i bi (*Blumea balsamifera* (L.) DC) trong h tr i u tr b nh Gout. K t qu có th c áp d ng vào trong li u pháp i u tr b nh Gout giúp gi m chi phí và t ng c ng kh n ng ph c h i b nh nhân. Kh o sát kh n ng c ch t bào ung th gan c a cao chi t t m t s cây d c li u (cây B ch hoa xà thi t th o (*Hedyotis diffusa*), lá u (*Carica papaya*), cây Con kh (*Pseuderanthemum bracteatum*), Bán chi liên (*Scutellaria barbata*)) phân b t i t nh Trà Vinh; k t qu có th c áp d ng vào trong li u pháp i u tr b nh ung th gan giúp gi m chi phí, t ng c ng kh n ng ph c h i b nh nhân và s là lu n ch ng giúp a ph ng nh h ng ng d ng và phát tri n ngu n d c li u. Kh o sát kh n ng thích nghi, xây d ng quy trình tr ng và thu nh n cao chi t cây Ng i tr ng t i t nh Trà Vinh.

#### ***e/. Lĩnh vực khoa học nông nghiệp:***

Triển khai 09 tài, nghiên cứu 02 tài (trong đó có 01 tài nòng cốt chuyên ngành).

Triển khai các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất như: mô hình trồng rau màu Châu Thành, mô hình nuôi tôm sú siêu thâm canh, nuôi Artemia Duyên Hải, mô hình trồng mía, mô hình nuôi bò thịt Trà Cú, mô hình trồng hoa TP. Trà Vinh... Các tiến bộ kỹ thuật này được các hộ dân ứng dụng vào sản xuất một cách có hiệu quả, giúp giảm chi phí sản xuất, gia tăng lợi nhuận như mô hình trồng hoa chuông, cấy giống tiến bộ, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng giống giúp tăng lợi nhuận khoảng 30% so với canh tác truyền thống. Bên cạnh việc mang lợi ích hiệu quả kinh tế trực tiếp cho các hộ dân tham gia mô hình, tất cả các cuộc hội thảo, tập huấn kỹ thuật cho hàng trăm nông dân nhằm nâng cao trình độ kỹ thuật, kỹ thuật canh tác có thể áp dụng vào sản xuất hiệu quả hơn, giúp tăng thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống gia đình góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương.

Triển khai các nghiên cứu như mô tả kỹ thuật cây trồng như tụy n ch n gi ng quýt ; ch n l c, ph c tráng gi ng lúa mùa Nàng Qu t (Nàng Keo ), tụy n ch n gi ng mía có n ng su t cao và ch t l ng t t, phù h p v i i u ki n sinh thái c a t nh Trà Vinh. Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất lúa hữu cơ trong hệ thống canh tác lúa - tôm và phát triển mô hình liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên vùng cù lao huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, mô hình lúa hữu cơ Châu Thành đã triển khai 43,21ha, đạt tiêu chuẩn Organic EU (tiêu chuẩn của Liên minh Châu Âu), USDA (tiêu chuẩn của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ) và JAS (tiêu chuẩn của Bộ Nông nghiệp Nhật Bản), đã tăng lợi nhuận cho nông dân 8 - 16 triệu đồng/ha so với canh tác lúa vô cơ truyền thống.

Triển khai xây dựng mô hình nuôi thâm canh tôm th chân trồng siêu thâm canh tại tỉnh Trà Vinh giúp tăng năng suất nuôi cao hơn 2- 3 lần so với năng suất nuôi truyền thống địa phương, giảm quy mô diện tích thả giống, giảm chi phí và nguy cơ ô nhiễm môi trường do công nghệ nuôi cấy giống và tự động hóa.

Kết quả triển khai ứng dụng quy trình kỹ thuật sản xuất giống tôm th chân trồng (*Litopenaneus vanamei*) tại tỉnh Trà Vinh, đã hoàn thiện các quy trình gồm: giống nuôi ươm, nuôi vỗ thành thóc tôm bố mẹ và cho tôm th chân trồng bố mẹ, sản xuất giống nhân tạo tôm th chân trồng phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, đã sản xuất được 54.420.000 con giống tôm th chân trồng đạt quy chuẩn của Bộ Nông nghiệp và PTNT; đã chuyển giao cho Trại giống giống Thới Bình - xã Duyên Hải tiếp tục sản xuất giống cung cấp cho người nuôi.

#### **4. V công tác quản lý công nghệ:**

- Hướng dẫn, đóng góp ý kiến về các khoa học và kỹ thuật như công nghệ 4.4 dự án ươm tụy, quy hoạch, chuyển đổi quy trình phát triển kinh tế - xã hội và các chuyển đổi khác của địa phương theo thẩm quyền của Sở KH&CN.

- Hỗ trợ, xây dựng cơ chế, chính sách, biện pháp thúc đẩy hoạt động phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường công nghệ, ứng dụng các thành tựu KH&CN, kết quả của UBND tỉnh thông tin đưa vào kế hoạch thông qua các kênh báo cáo H. ND tỉnh vào Quý IV/2018. (s. li u báo cáo theo Bi u 2)

## **5. V ho t ng an toàn b c x :**

- C p 27 c p gi y phép t n hành công vi c b c x (s d ng thi t b X-quang ch n oán trong y t ); c p 11 ch ng ch nhân viên b c x ; phê duy t 22 ho ch ng phó s c b c x c p c s .

- Xu t b n tài li u h ng d n Quy nh v b o m an toàn b c x và H ng d n khai báo, c p gi y phép t n hành công vi c b c x , c p ch ng ch nhân viên b c x (s d ng thi t b X-quang ch n oán trong y t ), s l ng 1000 b n.

(s li u báo cáo theo Bi u 6)

## **6. V ho t ng s h u trí tu , phong trào lao ng sáng t o, phát huy sáng ki n, c i t i n k thu t:**

Th c hi n Ngh quy t s 11/2016/NQ-H ND ngày 08/12/2016 c a H i ng nhân dân t nh Trà Vinh v chính sách u ãi, h tr ut trên à bàn t nh, và án: *H tr xây d ng và ng ký b o b trong n c các i t ng s h u công nghi p t nh Trà Vinh (2016-2017)*, n m 2017 h tr t ch c cá nhân ng ký b o h nhân hi u trong n c (05 nhân hi u t p th , 15 nhân hi u thông th ng). (s li u báo cáo theo Bi u 3)

## **7. V công tác tiêu chu n o l ng ch t l ng:**

- Th c hi n Ngh quy t s 11/2016/NQ-H ND ngày 08/12/2016 c a H i ng nhân dân t nh Trà Vinh v chính sách u ãi, h tr ut trên à bàn t nh, và D án “*Nâng cao n ng su t và ch t l ng s n ph m, hàng hoá ch l c c a t nh Trà Vinh n m 2017*”: h tr 04 doanh nghi p áp d ng công c c i t i n n ng su t (5S), h th ng qu n lý ch t l ng (ISO 22000, ASC, BAP).

- H tr 02 doanh nghi p hoàn ch nh h s tham gia Gi i th ng ch t l ng Qu c gia n m 2017 (01 Gi i vàng và 01 Gi i b c).

- Tri n khai áp d ng ISO 9001: 2015 vào ho t ng 139 c quan/t ch c trong toàn t nh, trong ó: h ng d n 43 c quan, n v xây d ng m i, 96 c quan n v chuy n i HTQLCL t ISO 9001: 2008 sang ISO 9001: 2015. n nay có 100% c quan, n v c p t nh áp d ng ISO 9001: 2015, 100% n v c p huy n áp d ng ISO 9001: 2015, 71% n v c p xã áp d ng ISO 9001: 2015 (75/106 xã, ph ng, th tr n).

- H ng d n ng ký s d ng mã s mã v ch (01 c s ); ti p nh nh s công b h p quy m t hàng qu t i n (01 c s ). Trang b m i 15 b cân i ch ng t t i các ch trên à bàn t nh.

- T ch c ki m tra v tiêu chu n o l ng ch t l ng t ng s 52 c s s n xu t, kinh doanh l nh v c ngành qu n lý. Tham gia oàn ki m tra do các S , ban, ngành liên quan t ch c, ki m tra t ng s 2.984 c s .

- Công tác TBT: Xu t b n 02 s TBT Trà Vinh v i s l ng 250 b n/s ; c p nh t 36 Tin c nh báo ph bi n n 10 doanh nghi p có liên quan trên à bàn t nh.

- Trong t ng c ng qu n lý thu t : Th c hi n t ng c ng qu n lý kinh doanh x ng d u theo án 212 c a UBND t nh, S ã ph i h p v i C c Thu , S Công Th ng tri n khai, n nay, ã hoàn thành 100% vi c dán tem niêm phong 800 công t t ng trên c t o x ng d u t i 259 c s kinh doanh x ng d u trên toàn t nh. (s li u báo cáo theo Bi u 4)



## **8. V công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến KH&CN:**

- Phổ biến trên các S, ban ngành liên quan, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố, Phòng Kinh tế và Hỗ trợ các huyện và các cơ sở sản xuất kinh doanh tại 21 văn bản, gồm: Luật, Nghị định, Thông tư, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định của UBND tỉnh, Công văn hướng dẫn của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, hình thức phổ biến bằng văn bản và tờ rơi 14 cuộc hội nghị; tờ rơi 05 Hội thảo khoa học và 14 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và ISO.

- Thực hiện 13 chuyên mục/chuyên đề KH&CN, trong đó phổ biến về tài Truyền hình Việt Nam xây dựng 01 chuyên đề, phổ biến về Phát thanh – Truyền hình Trà Vinh thực hiện và phát sóng 12 chuyên mục.

- Đăng tải 316 tin, bài, văn bản KH&CN lên Website Sở KH&CN, có 10.555 lượt truy cập/năm.

- Ý mnh công tác thông tin tuyên truyền về KH&CN trên báo bản tỉnh, gồm các loại hình như: xuất bản Tạp chí Thông tin KH&CN (03 số với số lượng 1.500 bản/số), Thông tin KH&CN hàng tháng (14 số với số lượng 1.300 bản/số), 02 Kỷ yếu khoa học (gồm: “Kỷ yếu các nhiệm vụ KH&CN tỉnh Trà Vinh năm 2016” với số lượng 400 bản, “Nhìn thành tựu và đóng góp nổi bật của ngành KH&CN sau 25 năm tái lập tỉnh Trà Vinh” với số lượng 400 bản).

(sử dụng báo cáo theo Biểu số 3).

## **9. Công tác thanh tra chuyên ngành KH&CN:**

Tổ chức 07 cuộc thanh tra chuyên ngành tại 92 cơ sở sản xuất, kinh doanh, phát hiện 29 cơ sở vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền nộp ngân sách nhà nước là 269.251.880 đồng. Ngoài ra, tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra như: Ban chấp hành 389 địa phương, Ban chấp hành vệ sinh An toàn thực phẩm, phòng Kinh tế thị xã, thành phố, phòng Kinh tế và Hỗ trợ các huyện, thanh tra, kiểm tra trên 100 cơ sở kinh doanh.

(sử dụng báo cáo theo Biểu số 5).

## **10. Hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập và tình hình phê duyệt đề án tài chính:**

### **10.1. Hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập:**

03 nhiệm vụ nghiên cứu công lập trực thuộc Sở KH&CN hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi công tác quản lý nhà nước của tỉnh theo Quyết định thành lập của UBND tỉnh, cụ thể:

#### **a/. Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ KH&CN:**

- Trong giai đoạn 2017-2018, Trung tâm đã thực hiện 04 đề tài/dự án (trong đó: 02 dự án thuộc Chương trình Nông thôn mới miền núi, 01 tài cấp tỉnh, 01 tài cấp cơ sở), gồm:

+ Dự án thuộc Chương trình Nông thôn mới miền núi: 02 dự án

(1) Dự án nghiên cứu: “Nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình nuôi chim yến tại tỉnh Trà Vinh”.

(2) Dự án ứng dụng: “Xây dựng mô hình đa cấp bằng ngũ cốc nuôi cừu phiêu lưu tại tỉnh Trà Vinh”.

+ tài thu c án gen c p t nh: 01 tài

(3) “*Ph c tráng và b o t n gi ng u ph ng V (Arachis hypogaea) có n ng su t cao t i t nh Trà Vinh*”.

+ tài c p c s : 01 tài

(4) “*Xây d ng mô hình ánh giá ki m ch ng hi u qu c a phân h u c vi sinh trong s n xu t nông nghi p*”

- Th c hi n nhi m v th ng xuyên “*Xây d ng mô hình ng d ng công ngh vi ph u s n xu t gi ng tôm càng xanh toàn c ph c v ng tôm gi ng t i tr i gi ng C u Kê*”.

- Ho t ng d ch v KH&CN g m: cung c p li u k cá nhân cho các c s s d ng thi t b X-quang ch n oán trong y t (104 li u k cá nhân cho 36 c s /l t), ki m nh ph ng ti n o l nh v c công t o i n và ngh on c l nh (19.833 PT ), o i n tr tí p t (93 c s ), l p t c t thu l o i ch ng sét (05), s n xu t s n ph m b ng v t li u composite cung c p cho c s nuôi tôm (41 b ), s n xu t tôm gi ng càng xanh toàn c (vi ph u 36.600 con tôm gi ng).

#### ***b/. Trung tâm Thông tin và Th ng kê KH&CN:***

- Th c hi n chuyên m c/chuyên v KH&CN phát sóng trên ài Phát thanh - Truy n hình; xu t b n các n ph m v KH&CN nh : K y u KH&CN, T p chí Thông tin KH&CN, Thông tin KH&CN hàng tháng; ng các tin, bài, v n b n KH&CN lên Website S KH&CN.

- Tra c u thông tin v các nhi m v KH&CN ã tri n khai trên toàn qu c theo yêu c u.

- Th c hi n vi c xây d ng, qu n lý, khai thác, s d ng, duy trì và phát tri n c s d li u qu c gia v KH&CN theo Thông t s 10/2017/TT-BKH&CN ngày 28/6/2017 c a B Khoa h c và Công ngh .

- Th c hi n i u tra và th ng kê v KH&CN.

#### ***c/. Trung tâm K thu t tiêu chu n o l ng ch t l ng tr c thu c Chi c c Tiêu chu n o l ng Ch t l ng:***

- T ch c ki m nh t ng s 39.073 ph ng ti n o g m các l nh v c theo ch ng nh n c a T ng c c Tiêu chu n o l ng Ch t l ng.

- T v n d ch v cho 62 c s , doanh nghi p g m các n i dung: mã s mã v ch; công b tiêu chu n c s ; o l ng, ch t l ng trong kinh doanh x ng d u theo Thông t s 15/2015/TT-BKH&CN ngày 25/8/2015 c a B Khoa h c và Công ngh .

- Xây d ng và tri n khai th c hi n Ph ng án i u tra th ng kê ph ng ti n o trong l nh v c x ng d u và y t ph c v công tác qu n lý nhà n c và d ch v k thu t v o l ng trên a bàn t nh Trà Vinh, i u tra 488/500 c s , t 97,6% (s c s còn l i không i u tra c do c s ng ng ho t ng).

#### ***10.2. Tình hình phê duy t ph ng án t ch tài chính:***

UBND t nh Trà Vinh ã phê duy t ph ng án t ch , t ch u trách nhi m v tài chính giai o n 2018-2020 c a 03 n v s nghi p công l p tr c thu c S , trong ó: 02 n v t b o m m t ph n chi th ng xuyên (Trung tâm ng d ng ti n b KH&CN, Trung tâm K thu t tiêu chu n o l ng ch t l ng tr c thu c Chi c c TC LCL), 01 n v do nhà n c

b o m chi th ng xuyên (Trung tâm Thông tin và Th ng kê KH&CN). (s li u báo cáo theo Bi u s 7)

### **11. H p tác trong n c và qu c t v KH&CN:**

Hì n nay ngu n nhân l c trong t nh p h c v cho công tác nghiên c u KH&CN ch a cao, thi u chuyên gia u ngành nên h u h t ph i ký k t ch ng trình h p tác, ph i h p v i các Vi n, Tr ng, c quan ban ngành Trung ng và a ph ng nh : Vi n Hàn Lâm KH&CN Vi t Nam, Vi n lúa ng b ng sông C u Long, Tr ng i h c C n Th , Vi n Khoa h c K thu t Nông nghi p mi n Nam, Trung tâm Công ngh sinh h c TP.H Chí Minh,... trong vi c nghiên c u tri n khai th c hi n các nhi m v nghiên c u khoa h c, góp ph n phát tri n KH&CN a ph ng. Tuy nhiên, vi c h p tác qu c t v KH&CN t nh còn nhi u h n ch .

### **II. ÁNH GIÁ CHUNG:**

Ho t ng KH&CN giai o n 2017 - 2018 có nhi u óng góp trong phát tri n các ngành, l nh v c kinh t - xã h i c a t nh, vi c nghiên c u, ng d ng chuy n giao KH&CN thông qua ào t o t p hu n k thu t, xây d ng các mô hình trình di n nh m thay i t p quán canh tác, a các gi ng cây tr ng, v t nuôi m i vào s n xu t t thi u qu kinh t .

### **III. KHÓ KH N, H N CH :**

Các mô hình ng d ng KH&CN vào s n xu t t thi u qu , tuy nhiên do v n u t mô hình còn h n ch , vi c u t còn phân tán, quy mô nh nên ch a t o s chuy n bi n l n trong s n xu t theo h ng s n xu t hàng hóa. Công tác nhân r ng mô hình s n xu t còn ch m do giá c th tr ng i v i s n ph m nông nghi p ch a n nh. Di n tích t s n xu t còn manh mún, nh l nên khó th c hi n công tác liên k t trong s n xu t, không m b o trong khâu cung c p s n ph m.

### **III. XU T, KI N NGH :**

B Khoa h c và Công ngh quan tâm h tr , u t ngu n l c tài chính cho t nh Trà Vinh tri n khai th c hi n các n i dung ã c ký k t h p tác gi a t nh v i B Khoa h c và Công ngh liên quan n ho t ng KH&CN.

## **Ph n II**

### **NH H NG HO T NG KH&CN TRONG TH I GIANT I**

- T ng c ng ph i h p v i Trung ng trong tri n khai các ch ng trình, án qu c gia v KH&CN ã c Th t ng chính ph phê duy t.

- Trình UBND t nh phê duy t tuy n ch n, giao tr c t i p t ch c ch trì th c hi n nhi m v nghiên c u KH&CN hàng n m; nghi m thu các nhi m v KH&CN.

- Tì p t c h tr cho các doanh nghi p, t ch c theo Ngh quy t s 11/2016/NQ-H ND ngày 08/12/2016 c a H i ng nhân dân t nh Trà Vinh.

- Tri n khai các ho t ng ng d ng ti n b khoa h c k thu t vào s n xu t kinh t trên a bàn t nh, c th nh : c y mô, nhân r ng mô hình nuôi chim y n t i t nh Trà Vinh, cung c p tôm b m càng xanh toàn c, s n xu t các s n ph m b ng v t li u composite,...

- Thực hiện hoạt động thẩm định công nghệ, hỗ trợ và chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện dự án: *Hỗ trợ xây dựng và đăng ký bảo hộ trong nước các phát minh sáng chế công nghệ tại tỉnh Trà Vinh (2018-2019)*. Hỗ trợ các hoạt động đăng ký nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu thông thường, các hoạt động bảo hộ quyền sở hữu công nghệ và tài sản trí tuệ, xây dựng nhãn hiệu chung ngành nghề “Đã sáp Trà Vinh”, phối hợp với Trung tâm đăng ký nhãn hiệu “Lúa hực”.

- **Triển khai Kế hoạch thực hiện xây dựng và áp dụng HTQLCL ISO 9001: 2015 tại các cơ quan, đơn vị năm 2018. Triển khai xây dựng QCKT P: Quy trình sản xuất bánh tét Trà Cuôn. Triển khai Kế hoạch thực hiện Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa chất lượng Trà Vinh giai đoạn 2018-2020. Xuất bản Thông tin TBT Trà Vinh.**

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực ngành quản lý.

- Ủy nhiệm hoạt động thông tin KH&CN và các dịch vụ khác cho các loại hình: tập chí, thông tin, chuyên mục, bản tin phù hợp, hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn và các hoạt động công tác khác.

- Hoạt động KH&CN cấp huyện: Tiếp tục triển khai các hoạt động: tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về KH&CN; nhân rộng các mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN phù hợp với điều kiện địa phương; tổ chức kiểm tra và tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động KH&CN giai đoạn 2017-2018 và những hoạt động KH&CN trong thời gian tới, Sở KH&CN Trà Vinh kính gửi Sở KH&CN Tỉnh Giang Tây hợp pháp và Hội nghị giao ban KH&CN các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long lần thứ XXV năm 2018./.

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KH&CN GIAI ĐOẠN 2017- 2018**  
**CÁC TỈNH VÀ NH LONG VÀ NH HỒ NGHỆ TỈNH**  
**TRONG THỜI GIẢN TỚI**

*S KH&CN tỉnh Vĩnh Long*

**Phần I**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**GIAI ĐOẠN 2017-2018**

**I. NHỮNG KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

**1.V công tác tham mưu**

Thực hiện chức năng tham mưu quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh các văn bản liên quan hoạt động KH&CN các cấp, gồm: tổ chức thực hiện và chuyển hóa các văn bản của Trung ương, ban hành các quy định làm căn cứ triển khai các nhiệm vụ KH&CN, quy trình phê duyệt thành lập các hình thức, công bố kết quả các tài/dự án,...; Cụ thể:

-Tham mưu UBND tỉnh quy trình ban hành: Chương trình phát triển công nghệ sinh học tỉnh Vĩnh Long năm 2020 và tầm nhìn năm 2030; Quy chế quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 16/CT-TTg, ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường nỗ lực tiếp cận các cách mạng công nghệ 4; Kế hoạch triển khai án Hỗ trợ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia năm 2025; Kế hoạch và dự toán ngân sách hoạt động KH&CN tỉnh Vĩnh Long năm 2018 theo Hướng dẫn 209/BKHCN-KHTH, ngày 23/01/2017 của Bộ KH&CN; Phê duyệt tổ chức các tổ chức nghiên cứu KH&CN công lập theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP, ngày 14/6/2016 của Chính phủ.

-Trình UBND tỉnh phê duyệt Danh mục 13 nhiệm vụ KH&CN triển khai năm 2017-2018; Quy trình công nhận, cho phép công bố kết quả và giao trách nhiệm quản lý kết quả 16 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sau nghiên cứu.

-Tham mưu UBND tỉnh xuất 03 nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thuộc Chương trình Tây Nam bộ năm 2018; Nghiên cứu công trình sáng tạo KH&CN các cấp công bố trong sách vàng Sáng tạo Việt Nam (Dự án sản xuất thử nghiệm “Hoàn thiện thị trường, chốt và thương mại hóa kết quả nghiên cứu trên xe máy”).

-Xây dựng Kế hoạch nhiệm vụ KH&CN thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP của Chính phủ; Chương trình thực hiện thí điểm, chương trình lãnh phí giai đoạn 2016 – 2020.

-Báo cáo số 5 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI; Báo cáo 4 năm thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-CP của Chính phủ theo chức năng của UBND tỉnh tại Công văn số 778/UBND-VX, ngày 06 tháng 3 năm 2017.

-Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Long và ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 11-CTr/TU, ngày 14/12/2016 của Tỉnh ủy Vĩnh Long và thực hiện các cách hành chính, chuyển đổi công nghệ vào phục vụ nhân dân giai đoạn 2016- 2020.

-Th c hi n công khai 38 th t c hành chính (TTHC) theo Quy t nh s 1338/Q -UBND, ngày 21/6/2017 c a UBND t nh.

-Xây d ng K ho ch tri n khai thi hành Lu t Tì p c n thông tin theo ch o t i Quy t nh s 991/Q -UBND, ngày 12/5/2017 c a UBND t nh V nh Long.

-Tri n khai th c hi n Quy t nh 1728/Q -UBND, ngày 04/8/2017 c a Ch t ch UBND t nh V nh Long v công b danh m c th t c hành chính th c hi n tì p nh n h s , tr k t qu gi i quy t qua d ch v b u chính công ích; Danh m c TTHC không th c hi n tì p nh n h s , tr k t qu gi i quy t qua d ch v b u chính công ích.

## **2.V xây d ng h th ng t ch c b máy và phát tri n ti m l c KH&CN**

### **a) V t ch c h th ng b máy ho t ng KH&CN:**

- T ch c c a S KH&CN g m: Ban Giám c (Giám c và 03 Phó Giám c); 06 phòng và 03 n v tr c thu c; T ng s cán b công ch c, viên ch c và ng i lao ng c a S hi n có là 95 ng i, trong ó có 84 biên ch và 11 h p ng lao ng.

- Trình T nh y xem xét, quy t nh phê duy t Quy ho ch ch c danh Giám c, Phó Giám c S giai o n 2020-2025.

- Trình UBND t nh phê duy t Ph ng án t ch các n v s nghi p KH&CN công l p thu c S KH&CN theo h ng d n Ngh nh 54/2016/N -CP c a Chính ph .

- S KH&CN ã ban hành Quy t nh s 115/Q -SKHCN, ngày 11/7/2017 Quy nh ch c n ng, nhi m v , quy n h n và c c u t ch c c a Chi c c Tiêu chu n o l ng Ch t l ng (b sung ch c n ng thanh tra chuyên ngành theo Công v n s 962/T C-PCTT ngày 04/5/2017 c a T ng c c Tiêu chu n o l ng Ch t l ng v vì ch ng d n th c hi n Ngh nh s 27/2017/N -CP, ngày 15/3/2017 c a Chính ph ).

- Phê duy t Quy ho ch ch c danh lãnh o c p tr ng, phó phòng, n v tr c thu c S giai o n 2020-2025.

- Tì p t c c i ào t o: 01 nghiên c u sinh, 04 CC-VC hoàn thành ch ng trình cao h c, 03 chuyên viên chính, 05 chuyên viên và 116 l t CC-VC tham gia t p hu n chuyên môn nghi p v ng n h n; B i d ng lý lu n chính tr : 01 cao c p, 02 trung c p; B i d ng ki n th c QP-AN cho 13 CC-VC thu c i t ng 3 và 4.

- T ch c qu n lý KH & CN t i 8 huy n/th /thành ph : m i a ph ng phân công 01 cán b lãnh o Phòng và 01 cán b chuyên trách KH & CN thu c phòng Kinh t /phòng Kinh t -H t ng tham m u UBND c p huy n/th /thành ph th c hi n các nhi m v qu n lý nhà n c v KH&CN theo qui inh t i a ph ng.

- Tri n khai 02 d án u t phát tri n ti m l c g m: d án u t nâng cao n ng l c nghiên c u ch bi n, b o qu n nông s n t nh V nh Long và d án u t nâng cao n ng l c ho t ng nuôi c y mô th c v t và khu m cây gi ng sau giai o n phòng thí nghi m cho Trung tâm ng d ng tì n b KH&CN; hoàn thành vào cu i n m 2017.

**b) V kinh phí hoạt động KH&CN giai đoạn 2017-2018:**

( đơn vị: triệu đồng)

Năm	Nội dung	Kinh phí phát triển				Kinh phí nghiên cứu khoa học			
		KP Trung ương giao	KP UB phân bổ	T 1 (%) UB phân bổ /TW giao	KP th c hi n	KP Trung ương giao	KP UB phân bổ	T 1 (%) UB phân bổ /TW giao	KP th c hi n
2017		6.473	7.925	122,4	7.923	27.960	34.983*	125,1	*T :S KH&CN: 20.827
2018		-	-	-	-	28.171	35.484*	125,9	*T :S KH&CN: 21.427

Ghi chú: Năm 2018 không có dự án phát triển.

**3. V hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

- Trình UBND tỉnh phê duyệt “Quy chế quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sản xuất ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long”; Ban hành quy định về hình thức xây dựng dự toán kinh phí về nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sản xuất ngân sách nhà nước.

- Tham mưu UBND tỉnh ký xuất 03 nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thuộc Chương trình Tây Nam bộ năm 2018 gồm: Nghiên cứu chế tạo hợp chất khí sản xuất vật liệu nano composite cho hợp kim khí sinh học từ các trang trại chăn nuôi và sản xuất khí ethylene sản xuất từ các thành phần sông Cù Long; Nghiên cứu công nghệ và thị trường chế tạo thiết bị xử lý nước thải, công nghệ hóa học trong sản xuất, thu hoạch, chế biến cây ăn quả ở vùng Tây Nam bộ; Nghiên cứu công nghệ, thị trường, chế tạo, xây dựng và sản xuất rau quả công nghệ cao theo hướng xử lý nước thải, công nghệ hóa học, bảo vệ môi trường và phù hợp với vùng Tây Nam bộ. Xuất B KH&CN xem xét 02 dự án thuộc Chương trình Nông thôn Mới nổi bật nhất năm 2017 gồm: Xây dựng mô hình ứng dụng KH&CN vào chuỗi sản xuất nông nghiệp bền vững tại huyện Tam Bình và huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long; Xây dựng mô hình ứng dụng tin tức KH&CN nuôi tôm càng xanh thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong vùng ven biển huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt: Danh mục 13 nhiệm vụ KH&CN triển khai năm 2017-2018; Quy định công nhận, cho phép công bố kết quả và giao trách nhiệm quản lý dự án 23 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (Tổng số năm 2017 16 nhiệm vụ tăng 160% so với kế hoạch, quý 1-2018 7 nhiệm vụ); Quy định giao tài sản hình thành từ nhiệm vụ KH&CN cho các tổ chức, đơn vị có liên quan của 07 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

- Ký hợp đồng thanh toán 09 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, triển khai thực hiện các dự án kinh phí theo quy định; Tổ chức kiểm tra thanh toán 06 nhiệm vụ, nghiệm thu tổng kết 15 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, 05 nhiệm vụ cấp tỉnh; Phối hợp với các cơ quan chức năng triển khai nhiệm vụ tài chính 05 cuộc thi khoa học cấp tỉnh; Tổ chức thẩm định tài chính 32 tài liệu nghiên cứu cấp tỉnh thuộc danh mục năm 2017, phê duyệt danh mục 27 nhiệm vụ cấp tỉnh của các ngành, lĩnh vực trong tỉnh năm 2018.

#### **4. V công tác quản lý công nghệ**

- T ch c H i ng t v n th m nh công nghệ d án ut nhà máy s n xu t v i may công su t 24.000.000 m/n m.

- Có ý ki n v d án ut c s s n xu t g ch nung Hoffman; d án Khu nuôi tr ng th ys n công nghệ cao c a Công ty c ph n th ys n Ánh D ng Xanh.

- D h p H i ng th m nh Quy ho ch phát tri n c s kinh doanh khí giai o n 2016-2020, t m nhìn n 2025 trên a bàn t nh V nh Long;...

#### **5. V ho t ng an toàn b c x**

- Th m nh 15 h s và c p phép s d ng máy X-quang, g m: Trung tâm Y t D phòng t nh V nh Long, Trung tâm Y t huy n Long H , Công ty TNHH MTV y khoa Mekong, B nh vi n a khoa thành ph V nh Long, B nh vi n a khoa t nh V nh Long, Trung tâm Y t huy n Mang Thít, Công ty TNHH phòng khám a khoa Huy t-Long H , B nh vi n a khoa khu v c Hòa Phú-Long H , Trung tâm y t th xã Bình Minh và B nh vi n a khoa V nh Long,...; C p 06 ch ng ch nhân viên b c x ;...

#### **6. V ho t ng s h u trí tu**

- H ng d n 55 h s ng ký quy n s h u công nghi p. N m 2017, có thêm 60 v n b ng c c p m i; Nâng s v n b ng xác l p quy n s h u công nghi p c c p trong toàn t nh hi n nay là: 1.124.

- H tr 25 n v , cá nhân v i 30 nhân hi u i u ki n h tr ng ký xác l p quy n nhân hi u, ki u đáng, sáng ch n m 2017.

- Ph i h p v i Tr ng Qu n lý thu c B KH&CN t ch c l p t p hu n “B o v quy n s h u trí tu c a doanh nghi p trong i u ki n h i nh p”; Có 80 i bi u tham d , g m: các S KH&CN khu v c phía Nam; các s , ngành trong t nh có liên quan; phòng Kinh t - H t ng các huy n, th ; hi p h i ngành ngh , h p tác xã, doanh nghi p, c s s n xu t kinh doanh trên a bàn t nh V nh Long.

- B o v thuy t minh d án “Qu n lý và phát tri n ch d n a lý “Bình Minh” cho s n ph m b i N m roi Bình Minh” t i C c S h u trí tu .

#### **7. V công tác Tiêu chu n - o l ng - Ch t l ng (TC LCL):**

*\*Công tác tiêu chu n hóa và qu n lý ch t l ng:*

- H ng d n 05 doanh nghi p xây d ng tiêu chu n c s , công b tiêu chu n áp d ng theo quy nh, 06 doanh nghi p th c hi n ng ký mã s mã; m t cá nhân th c hi n th t c c p gi y phép v n chuy n hóa ch t nguy hi m là các ch t ôxy hóa, các h p ch t h u c và các ch t n mòn b ng ph ng ti n giao thông c gi i ng b .

- Kh o sát và ánh giá th c tr ng ho t ng c a 08 doanh nghi p thu c d án Nâng cao n ng su t và ch t l ng s n ph m, hàng hóa c a doanh nghi p giai o n 2016-2020 theo Quy t nh s 1655/Q -UBND ngày 03/8/2016 c a UBND t nh.

- Ph i h p Trung tâm SMEDEC 2 t v n ISO14001, 5S, 7 lãng phí, MFCA t i 03 n v : Công ty TNHH MTV phân bón H u Nông Sông H u, Công ty TNHH Thành Nguy n V nh Long, Công ty TNHH MTV TM và DV Nguyên Thành thu c d án “Thúc y ho t



ng sản xuất và chất lượng” - Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng SPHH của doanh nghiệp Việt Nam năm 2020”.

- Tập thể phi hành viên Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và nhà 2 thực hiện ào tạo, hướng dẫn xây dựng, áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 22000, ISO 14001, công cụ MFCA, 5S tại 16 doanh nghiệp và nhân viên nghiệp trong tỉnh; Hỗ trợ đánh giá chứng nhận cho 02 nhân viên: Công ty TNHH Phúc Thành IV (ISO 22000) và Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan (ISO 14001).

- Phát hành Công văn về cảnh báo chi phí tài chính không đảm bảo an toàn; thông báo cảnh giác về mặt sản phẩm nông nghiệp Chi cục Tiêu chuẩn Quốc gia Chất lượng thực phẩm, ghi nhận 234 doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh vàng và 11 cơ quan liên quan trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức 02 lớp tập huấn hướng dẫn xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến và đánh giá năng lực hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 cho các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh, có 211 đại biểu tham dự.

*\*Công tác quản lý ô nhiễm:*

- Số phát thải nước thải sinh hoạt: 31.721 phát thải nước thải (Tỉnh năm 2017 là 26.321 phát thải nước thải, tăng 101,23% so với kỳ trước).

- Tiếp nhận 128 văn bản thông báo sự cố ô nhiễm nước và 45 biên bản sự cố của các doanh nghiệp theo quy định Thông tư 15/2015/TT-BKHHCN.

- Tham gia thực hiện án chỉnh đốn thu thuế trong kinh doanh xăng dầu tại 108 doanh nghiệp với 256 vòi bơm các loại.

- Phát hành thông báo thi gian áp dụng Thông tư số 09/2017/TT-BKHHCN của Bộ KH&CN “Quy định về quản lý việc nhập khẩu hàng trong thương mại bán lẻ” gửi 8 huyện, thị, thành phố trong tỉnh và ngành trên địa bàn thông tin KH&CN.

- Giám công văn số 314/TC- L ngày 05/02/2018 của Tổng cục TC LCL, về việc kiểm soát lượng xăng dầu bán xăng E5 và thực hiện ghi nhận thị trường bán hàng theo Thông tư 15/TT-BKHHCN ngày 25/8/2015 của 182 doanh nghiệp, đại lý, chi nhánh kinh doanh xăng dầu trong tỉnh bị thất thu.

*\*Công tác kiểm tra:*

Tổng số đoàn kiểm tra về tiêu chuẩn Quốc gia chất lượng tại 208 cơ sở/doanh nghiệp, tăng 104,0% so với kỳ trước.

Phi hành đoàn kiểm tra liên ngành 389 tỉnh: Kiểm tra các hoạt động kinh doanh, dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân dịp Tết Nguyên Đán năm 2017 trên địa bàn Vĩnh Long, kết quả: kiểm tra tại 30 cơ sở, trong đó phát hiện vi phạm 05 vụ, đã phát hành văn bản hành chính với số tiền là 32.300.000; Kiểm tra chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh phân bón trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, kết quả đã kiểm tra tại 47 cơ sở kinh doanh và thực hiện lấy 48 mẫu kiểm tra chất lượng.

*\*Công tác thông báo và hướng dẫn áp dụng hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT):*

- Ủy ban công tác tuyên truyền và kỹ thuật về TBT trên Website TBT-VL và nội dung: Tin tức-Sự kiện; Hàng rào kỹ thuật trong thương mại; Thông tin thị trường;

Doanh nghiệp công nghệ; Tranh chấp thương mại; Nghiên cứu-Trao đổi; Nghiên cứu biên tập nội dung tin chính luận, nội dung website, tổng số bài, tin phục vụ doanh nghiệp và nhân dân.

- Công nhận và chính luận các tin, bài lên website TBT-VL, có thể: gần 192 bài, tin tức liên quan nội dung TBT; Tổng số 197 Bài tin công báo TBT Việt Nam. Số lượt truy cập website TBT-VL trong năm 2017 là 2.407; Nâng tổng số năm nay có 97.2131 lượt truy cập.

### **8. V công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến KH&CN:**

- Xuất bản và phát hành 06 số nội dung thông tin KH&CN với 3.550 quyển, 28 số tin chính luận phục vụ với 8.340 quyển.

- Công nhận lên Công thông tin nội tin: 206 tin, bài viết; 40 thủ tục hành chính; 37 thông báo và văn bản pháp luật liên quan ngành. Công nhận lên Trang tin nội tin Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN: 05 tin, bài viết; 02 thông báo và văn bản pháp luật liên quan ngành và công nhận vào CSDL: 80 tài liệu nghiên cứu các thành tựu BSCL.

- Báo cáo thống kê về KH&CN năm 2016, 2017 và Công thông tin KH&CN quốc gia và Công thống kê Văn Long theo quy định.

- Tổng hợp nội dung ký, lưu giữ kết quả thực hiện nội dung khoa học và công nghệ; Hợp đồng ký, giao nộp kết quả nghiên cứu KH &CN và công 28 giấy chứng nhận kết quả nghiên cứu KH &CN, trong đó: 13 tài liệu, ấn phẩm, 15 tài liệu công.

- Triển khai 7 điểm mô hình cung cấp thông tin tin tức KH&CN tại các xã: Phú Lộc - Tam Bình; Trà Côn - Trà Ôn; Tân Long - Mang Thít; Hiên Thành - Vĩnh Liêm; Thuận An - TX Bình Minh; Tân Bình - Bình Tân; Thanh Khê - Long H; Nâng tổng số mô hình trong toàn tỉnh hiện nay là 109; Các điểm mô hình đang hoạt động góp phần tích cực trong khai thác, phổ biến thông tin KH&CN phục vụ người dân nâng đỡ vào sản xuất và đời sống, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, nông thôn.

- Tham gia hội chợ festival quốc tế các thành tựu BSCL Công tin; Tham gia triển lãm tin tức Hội nghị xúc tiến xuất nhập Văn Long năm 2018.

### **9. Công tác thanh tra chuyên ngành KH&CN:**

Triển khai 06 cuộc thanh tra theo chương trình kế hoạch công phê duy trì; Trong đó có: 03 cuộc thanh tra về nội dung, chất lượng và ghi nhận sản phẩm hàng hóa; 02 cuộc thanh tra chuyên về an toàn thực phẩm, vệ sinh; 01 cuộc thanh tra về thực hiện nội dung kế hoạch hoạt động của Chi cục tiêu chuẩn nội dung Chất lượng.

- Kết quả thanh tra:

.Tổng số công, doanh nghiệp công thanh tra: 149 công sự thu công bản tin công huy, thành phố trong toàn tỉnh.

.Tổng số nội tin phát hiện vi phạm: có 23/149 công sự công thanh tra, chiếm 15,4%.

- Kết quả xử lý: *Phạt tiền*: 23 công sự với tổng số 319.292.507 đồng.

Ý thức chấp hành pháp luật về nội dung, ghi nhận hàng hóa, tin tức các doanh nghiệp công trong năm 2017 có chuyển biến tích cực, nhất là qua các đợt thanh tra còn phát hiện khá nhiều

hàng hóa trên thị trường vì phạm vi rộng, chất lượng và ghi nhãn hàng hoá trong kinh doanh.

## **10. Hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

- Triển khai các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong các xã xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch hàng năm.

- Phối hợp Hội Nông dân tỉnh, Liên hiệp Hội Phú Thọ và Tỉnh đoàn Vĩnh Long (thuộc Chương trình liên tỉnh năm 2017) triển khai các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực: tưới phun, trồng hoa kiểng, nuôi trồng nấm và đặc sản;... Các mô hình này mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần tăng thu nhập cho nông dân vùng triển khai Chương trình.

- Phối hợp với các phòng Kinh tế / Kinh tế thị trường các huyện, thị, thành phố thuộc 06 huyện tiếp nhận kỹ thuật nuôi trồng nấm bào ngư, nấm linh chi; có 180 nông dân tham dự.

- Sản xuất: 31,31 tấn bột xylitol; 18 tấn giá thể hữu cơ vi sinh; 33.700 cây cà chua giống ghép; 22.500 cây giống kháng bệnh; 142.835 túi phối nấm bào ngư và linh chi; 3.000 béc phun nước tưới;... cung cấp cho các địa phương ứng dụng vào sản xuất và sinh sống, góp phần tạo nguồn nhân lực cho vùng nông thôn, giúp giảm chi phí sản xuất nông nghiệp; bổ sung thêm việc làm cho vùng nông thôn; nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp và tăng thu nhập cho nông dân.

- Triển khai 02 dự án phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ: dự án nâng cao năng lực nghiên cứu chuyên sâu, bồi dưỡng nông sản tỉnh Vĩnh Long và dự án nâng cao năng lực hoạt động nuôi cấy mô thực vật và khu vực cây giống sau giai đoạn phòng thí nghiệm cho Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN; Dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2017.

## **II. ÁNH GIÁ CHUNG**

- Hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2017-2018 có nhiều tiến bộ và phát triển, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Công tác quản lý nhà nước về KH & CN như: hoạt động tiêu chuẩn- đo lường-chất lượng, quản lý an toàn thực phẩm, sức khoẻ trí tuệ, quản lý tài/dự án, hoạt động thông tin KH&CN,... tăng cường kết nối và phát triển. Các chương trình/ dự án ưu tiên phát triển vì lợi ích quốc gia và các nhu cầu bức thiết, gắn với thực tiễn, các kết quả nghiên cứu đã ứng dụng vào sản xuất và sinh sống; Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp; Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Chương trình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO) tại các doanh nghiệp và các cơ quan hành chính nhà nước; Các mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN,... đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong xu thế hội nhập kinh tế, đồng thời góp phần nâng cao đời sống người dân, phát triển nông nghiệp nông thôn và hỗ trợ xây dựng nông thôn mới.

- Tiềm lực KH&CN của tỉnh ngày càng quan tâm phát triển, triển khai 02 dự án phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ: dự án nâng cao năng lực nghiên cứu chuyên sâu, bồi dưỡng nông sản tỉnh Vĩnh Long và dự án nâng cao năng lực hoạt động nuôi cấy mô thực vật và khu vực cây giống sau giai đoạn phòng thí nghiệm cho Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN theo kế hoạch ưu tiên trung hạn giai đoạn 2016 -2020 của tỉnh, các dự án hoàn thành sẽ góp phần nâng cao năng lực hoạt động của tỉnh trong những năm tiếp theo.

- Hoạt động quản lý nhà nước về KH & CN tập trung vào các nhiệm vụ trọng yếu, nâng cao kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và ý thức chấp hành của người dân; Tham mưu tốt cho lãnh đạo địa phương triển khai các nhiệm vụ theo quy định; Triển khai các mô hình ứng dụng tiến bộ KH & CN phục vụ sản xuất và đời sống mang lại hiệu quả tích cực.

### **III. KHÓ KHĂN, HƯỚNG CHỈ :**

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động khoa học và công nghệ hiện nay còn những khó khăn, hạn chế như:

.Về ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, hiện nay công nghệ hiện đại các doanh nghiệp trong tỉnh chưa nhiều; Phần lớn các doanh nghiệp trong tỉnh có quy mô sản xuất vừa và nhỏ, trình độ công nghệ còn lạc hậu, tiềm lực khoa học công nghệ còn yếu, sản phẩm chủ yếu tiêu thụ nội địa.

.Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn có bước phát triển khá tốt, song việc nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng nông sản và khả năng cạnh tranh thị trường của nông sản, hàng hoá chưa cao do quy mô sản xuất chủ yếu dựa vào nông hộ; Việc nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong canh tác, trong bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm còn hạn chế.

.Chưa triển khai có hiệu quả phát triển khoa học và công nghệ địa phương và doanh nghiệp; Thứ tự ưu tiên KH&CN trong tỉnh chưa phát triển.

### **IV. XUẤT, KIỆN NGHỊ**

Xin kiến nghị với Ban KH&CN như sau:

- Hỗ trợ tỉnh Vĩnh Long tiếp tục thực hiện các dự án thu hút các Chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ (Quốc gia về công nghệ quốc gia; Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp; Chương trình nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp; Chương trình hỗ trợ ứng dụng tiến bộ KH & CN phục vụ nông thôn, miền núi,...) nhằm thúc đẩy nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hoá chất lượng cao địa phương, tăng cường năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập kinh tế.

- Quan tâm đào tạo nguồn nhân lực và tạo điều kiện tham quan học tập kinh nghiệm: về thực tế, hoạt động Quốc gia Phát triển KH&CN, triển khai án Hỗ trợ hình thành sinh thái khởi nghiệp hiện nay sáng tạo quốc gia năm 2025, thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

## **Phần II**

### **NHỮNG NGUYÊN TẮC VÀ NGUYÊN TẮC KH&CN NĂM 2020**

#### **1. Những nguyên tắc phát triển:**

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban chấp hành Trung ương (khoá XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp

hoá, hi n i hoá; Ngh quy t 08-NQ/TU ngày 15/06/2010 c a T nh u v ti p t c th c hi n Ngh quy t Trung ng 2 v KH & CN n n m 2020, Lu t Khoa h c và Công ngh (s a i n m 2013),... Giai o n 2016-2020, ho t ng Khoa h c và Công ngh t nh V nh Long chú tr ng ng d ng và phát tri n công ngh thông tin, công ngh sinh h c, h tr áp d ng mô hình KH-CN xây d ng xã nông thôn m i. Th c hi n các ch ng trình h tr doanh nghi p phát tri n tài s n trí tu , áp d ng h th ng qu n lý ch t l ng theo tiêu chu n qu c t , áp d ng s n xu t s ch h n, s d ng n ng l ng ti t ki m và hi u qu trong s n xu t. Ti p t c u t nâng cao ti m l c KH & CN c a t nh. y m nh vì c áp d ng các gi i pháp nâng cao n ng su t, ch t l ng s n ph m, hàng hoá c a doanh nghi p trong xu th h i nh p kinh t .

## **2. M c tiêu:**

- Nâng cao hi u qu óng góp c a khoa h c-công ngh thông qua k t qu ho t ng nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh , ho t ng h tr và khuy n khích doanh nghi p hoàn thi n công ngh , h tr nâng cao n ng su t, ch t l ng s n ph m, hàng hóa, d ch v c a doanh nghi p.

- y m nh ng d ng công ngh sinh h c trong nông nghi p, công nghi p và b o v môi tr ng, nh t là công nghi p ch bi n nông s n, th c ph m nh m t o ra l ng s n ph m hàng hóa l n, có giá tr kinh t cao, góp ph n thúc y t ng tr ng kinh t c a t nh.

- Ti p t c u t hoàn thi n công ngh m t s ngành, l nh v c then ch t c a t nh. Phát tri n có ch n l c các ngành công nghi p, d ch v công ngh cao thân thi n môi tr ng. Duy trì, phát tri n m t s s n ph m công nghi p ch l c c a t nh và các s n ph m nông nghi p, ch bi n có giá tr , ch t l ng và kh n ng c nh tranh trên th tr ng.

- T o b c chuy n bi n rõ nét v n ng l c, trình nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh c a t nh thông qua ào t o ngu n nhân l c và u t phát tri n ti m l c khoa h c và công ngh c a t nh.

## **3. N i dung và gi i pháp ch y u ho t ng KH & CN**

a. Tuyên truy n nâng cao nh n th c và trách nhi m c a các ngành, các c p i v i ho t ng khoa h c và công ngh

b. Hoàn thi n các v n b n pháp lý trong ho t ng khoa h c và công ngh ; Chú tr ng c th hóa ng b c ch , chính sách h tr hoàn thi n công ngh trong các ngành, l nh v c then ch t c a t nh

c. Phát tri n ti m l c khoa h c và công ngh

d. T p trung u t h tr hoàn thi n công ngh trong các ngành, l nh v c then ch t c a t nh

e. Nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh

f. Xây d ng và t ch c th c hi n có hi u qu K ho ch h p tác phát tri n khoa h c và công ngh v i các t nh, thành ph và h p tác qu c t v KH&CN./.

*k y u*

**H I NGH GIAO BAN KHOA H C VÀ CÔNG NGH  
VÙNG NG B NG SÔNG C U LONG  
L N TH XXV N M 2018**

*Ch u trách nhi m xu t b n:*

**ThS. D ng V n Bon**

*Giám c S KH&CN Ti n Giang*

*Ch u trách nhi m n i dung:*

**ThS. D ng V n Bon**

*Giám c S KH&CN Ti n Giang*

*Biên t p n i dung:*

Phòng K ho ch - Tài chính – S KH&CN TG

Trung tâm Thông tin và Th ng kê KH&CN TG

*Trình bày bì a:*

Trung tâm Thông tin và Th ng kê KH&CN TG

*c và s a b n in:*

Phòng K ho ch - Tài chính – S KH&CN TG

Trung tâm Thông tin và Th ng kê KH&CN TG